**Ngày soạn: 19/9/2022 TUẦN 1**

**Ngày giảng: 2022**

## Tiết 1-2\* KĨ NĂNG MỞ RỘNG TRẠNG NGỮ CỦA CÂU BẰNG CỤM TỪ

**I. MỤC TIÊU.**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức:** Củng cố và mở rộng kiến thức về trạng ngữ.

+ Nhận biết các câu có trạng ngữ được mở rộng trạng ngữ của câu bằng cụm từ

+ Biết được tác dụng của việc mở rộng trạng ngữ của câu bằng cụm từ; xác định được các từ láy trong câu và tác dụng của chúng.

+ Viết được các câu có trạng ngữ là một cụm từ, từ đó nâng cao kĩ năng viết đoạn văn, bài văn.

**2. Năng lực**

a.Năng lực chung:

- Năng lực tự chủ và tự học: Tìm kiếm thông tin, đọc sách giáo khoa, quan sát tranh ảnh để tìm hiểu về bài học.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Thảo luận nhóm để thực hiện phiếu học tập, hợp tác giải quyết vấn đề để tìm hiểu về bài học.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Năng lực trình bày và trao đổi thông tin trước lớp.

b. Năng lực đặc thù: Viết được các câu có trạng ngữ là một cụm từ, từ đó nâng cao kĩ năng viết đoạn văn, bài văn.

**3. Phẩm chất:**

- Thường xuyên thực hành tiếng việt, để phát hiện ra những cái hay, cái đẹp của tiếng Việt. Ý thức giữ gìn sự tromg sáng của tiếng Việt.

- Thích đọc sách, báo, tìm tư liệu trên mạng Internet để mở rộng hiểu biết.

**II. THIẾT BỊ VÀ HỌC LIỆU**

- Học liệu: Ngữ liệu/Sách giáo khoa, phiếu học tập.

- Thiết bị: Máy tính, máy chiếu.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

1. Hoạt động 1: Khởi động ( 5P)

a) Mục tiêu: Tạo tâm thế và định hướng chú ý cho học sinh; tạo vấn đề vào chủ đề

b) Nội dung hoạt động: HS trả lời câu hỏi.

c) Sản phẩm học tập: Câu trả lời/chia sẻ của HS bằng ngôn ngữ

d) Tổ chức hoạt động:

\* Chuyển giao nhiệm vụ: Tìm và cho biết chức năng của trạng ngữ trong những câu văn sau:

*Ở phía đông nam thành phố, làng Vĩ Dạ nép mình trong những khu vườn tre trúc xanh biếc.*

\* Học sinh trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ:

- Gv quan sát lắng nghe

- Hs quan sách giáo khoa tìm câu trả lời.

\* Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận:

- Hs trình bày sản phẩm cá nhân

- Gv gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

Dự kiến sản phẩm:

*Ở phía đông nam thành phố-> TN chỉ nơi chốn.*

\* Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ, kết nối vào bài học: Các em có thể thấy trạng ngữ có thể bổ sung nhiều kiểu thông tin khác nhau trong câu và vị trí của nó xuất hiện rất là đa dạng có thể ở giữa, ở cuối, ở đầu câu, ngăn cách với thành phần nòng cốt câu thông qua dấu phẩy hoặc có thể trong các trường hợp khác là các quan hệ từ. Trạng ngữ thì chúng ta đã quen , còn MỞ RỘNG TRẠNG NGỮ CỦA CÂU BẰNG CỤM TỪ có gì khác biệt đó chính là nội dung bài học hôm nay..

**B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC ( 10P)**

**Hoạt động 1: Củng cố kiến thức**

a)Mục tiêu: học sinh nhắc lại kiến thức về trạng ngữ, cụm từ, từ láy.

b) Nội dung hoạt động: Gv tổ chức cho học sinh tìm hiểu ví dụ bằng câu hỏi gợi mở, phiếu học tập.

c) Sản phẩm học tập: Câu trả lời của các câu hỏi, bài tập.

d) Tổ chức thực hiện**:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động GV – HS và sản phẩm dự kiến** | **Nội dung** |
| **I. LÝ THUYẾT**  a**. Mục tiêu**: học sinh nắm được tác dụng của việc mở rộng trạng ngữ của câu bằng cụm từ là gì? Trạng ngữ có thể được mở rộng bằng những cụm từ nào?  **b) Nội dung hoạt động:** Gv tổ chức cho học sinh tìm hiểu ví dụ bằng câu hỏi gợi mở, phiếu học tập.  **c) Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của các câu hỏi, bài tập.  d**) Tổ chức thực hiện:**  **\* Chuyển giao nhiệm vụ:**  ? Vậy tác dụng của việc mở rộng trạng ngữ của câu bằng cụm từ là gì?  ? Trạng ngữ có thể được mở rộng bằng những cụm từ nào?  **\* Dự kiến sản phẩm**  + Việc mở rộng trạng ngữ của câu bằng cụm từ làm cho các thông tin về thời gian, địa điểm, cách thức, phương tiện, nguyên nhân, mục đích....của sự việc được nói đến trong câu được chi tiết và rõ ràng hơn.  + Có thể mở rộng trạng ngữ bằng các cụm danh từ, cụm động từ hoặc cụm tính từ.  \* ***Báo cáo kết quả:***Cá nhân báo cáo tại chỗ  ***\* Đánh giá kết quả:***  - HS nhận xét, bổ sung đánh giá  - GV nhận xét, đánh giá  - GV chốt kiến thức và ghi bảng | **I) LÝ THUYẾT**  1, Trạng ngữ  Trạng ngữ là thành phần phụ trong câu.  Giúp bổ sung thông tin về thời gian, nơi chốn, nguyên nhân, mục đích, phương tiện, cách thức, điều kiện … cho sự việc được nói đến trong câu. Hoặc dùng để liên kết các câu trong đoạn văn.  Thường nằm ở đầu câu. Đôi khi nằm ở giữa câu hoặc cuối câu. Được ngăn cách với các thành phần chính trong câu bằng dấu phẩy hoặc quan hệ từ.  2.Việc mở rộng trạng ngữ của câu bằng cụm từ làm cho các thông tin về thời gian, địa điểm, cách thức, phương tiện, nguyên nhân, mục đích....của sự việc được nói đến trong câu được chi tiết và rõ ràng hơn.  + Có thể mở rộng trạng ngữ bằng các cụm danh từ, cụm động từ hoặc cụm tính từ. |

**3. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP( 70P)**

**a. Mục tiêu:** Hs hoàn thiện kiến thức vừa chiếm lĩnh được; rèn luyện kĩ năng áp dụng kiến thức mới để giải quyết các tình huống/vấn đề trong học tập.

**b. Nội dung:** GV giao nhiệm vụ cho HS trả lời các câu hỏi

**c. Sản phẩm:**  Câu trả lời của HS; phiếu học tập của nhóm

**d. Tổ chức thực hiện:**

***\* Chuyển giao nhiệm vụ cho HS***

1)Hãy viết một câu có trạng ngữ là một từ. Mở rộng trạng ngữ của câu thành cụm từ và nêu tác dụng của việc dùng cụm từ làm thành phần trạng ngữ của câu

2)Xác định trạng ngữ và cho biết trạng ngữ ấy bổ sung cho câu những nội dung gì?

a) Vì mải chơi, em quên chưa làm bài tập.

b) Để xứng đáng là cháu ngoan Bác Hồ, chúng ta phải học tập và

rèn luyện thật tốt.

c) Với giọng nói dịu dàng, chị ấy mời chúng tôi vào nhà.

d) Bằng chiếc xe đạp cũ, Lan vẫn đến trường đều đặn.

3.Bài tập nhanh: Mở rộng câu bằng cách thêm các trạng ngữ cho câu và nhận xét ý nghĩa của câu khi thêm trạng ngữ?

a. Lớp 7A  đã lao động.

b. Lúa chết rất nhiều.

4. Viết đoạn văn ( chủ đề tự chọn), trong đoạn văn có sử dụng trạng ngữ chỉ nơi chốn, chỉ phương tiện

***\* Dự kiến sản phẩm:***

Bài 1:

**Trả lời:**

Đặt câu: Sáng, bà ngoại đưa em đi chợ huyện.

=> Mở rộng trạng ngữ thành cụm từ: Sáng hôm nay trời trong và xanh, bà ngoại đưa em đi chợ huyện.

- Tác dụng: bổ sung, nhấn mạnh và làm rõ thời gian cho cụm chủ vị trong câu đồng thời làm rõ đặc điểm của sự việc được nhắc đến.

Bài 2:

a) Vì mải chơi, em quên chưa làm bài tập. (Nguyên nhân)

b) Để xứng đáng là cháu ngoan Bác Hồ, chúng ta phải học tập và

rèn luyện thật tốt. (Mục đích)

c) Với giọng nói dịu dàng, chị ấy mời chúng tôi vào nhà. (Cách thức)

d) Bằng chiếc xe đạp cũ, Lan vẫn đến trường đều đặn. (Phương tiện)

Bài 3:

a. Lớp 7A  đã lao động.

=> Hôm nay, lớp 7A đã lao động.

=> Thứ 7 tuần trước, để hưởng ứng chương trình bảo vệ môi trường, lớp 7A đã lao động.

b. Lúa chết rất nhiều.

=> Ngoài đồng, lúa chết rất nhiều.

=> Năm nay, do sâu bệnh, lúa chết rất nhiều.

***\* Báo cáo kết quả:***

- HS lần lượt báo cáo kết quả các bài

***\* Đánh giá kết quả:***

- HS nhận xét, bổ sung đánh giá

- GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức.

**4. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG: (4P)**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

b. Nội dung: Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi.

c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

*- GV yêu cầu HS:* Quan sát hai bức tranh dưới đây, sau đó hãy đặt hai câu văn miêu tả hai bức tranh trong mỗi câu có sử dụng trạng ngữ được mở rộng bằng một cụm từ..

*- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.*

\* Hướng dẫn học và làm bài ở nhà:

**\* Hướng dẫn học và làm bài ở nhà:**

- Học, nắm chắc nội dung bài học

**Ngày soạn: 26/9/2022 TUẦN 02**

**Ngày giảng:**

**Tiết 3- 4\***

**KĨ NĂNG MỞ RỘNG THÀNH PHẦN CHÍNH CỦA CÂU BẰNG CỤM TỪ**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức:** Ôn lại kiến thức đã học về các câu có thành phần chính được mở rộng bằng cụm từ.

+ Biết được tác dụng của việc mở rộng thành phần chính của câu bằng cụm từ.

+ Viết được các câu có thành phần chính được mở rộng một cụm từ, từ đó nâng cao kĩ năng viết đoạn văn, bài văn.

**2. Năng lực**

*a.Năng lực chung:*

***-*** Năng lực tự chủ và tự học: Tìm kiếm thông tin, đọc sách giáo khoa, quan sát tranh ảnh để tìm hiểu về bài học.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Thảo luận nhóm để thực hiện phiếu học tập, hợp tác giải quyết vấn đề để tìm hiểu về bài học.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Năng lực trình bày và trao đổi thông tin trước lớp.

***b.*** *Năng lực đặc thù:* Viết được các câu có có thành phần chính được mở rộng bằng cụm từ.

**3. Phẩm chất:**

- Thường xuyên thực hành tiếng việt, để phát hiện ra những cái hay, cái đẹp của tiếng Việt. Ý thức giữ gìn sự tromg sáng của tiếng Việt.

- Thích đọc sách, báo, tìm tư liệu trên mạng Internet để mở rộng hiểu biết.

**II. THIẾT BỊ VÀ HỌC LIỆU**

- Học liệu: Ngữ liệu/Sách giáo khoa, phiếu học tập.

- Thiết bị: Máy tính, máy chiếu.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

1. Hoạt động 1: Khởi động **( 5p)**

a) Mục tiêu: Tạo tâm thế và định hướng chú ý cho học sinh; tạo vấn đề vào chủ đề

b) Nội dung hoạt động: HS trả lời câu hỏi.

c) Sản phẩm học tập: Câu trả lời/chia sẻ của HS bằng ngôn ngữ

d) Tổ chức hoạt động:

**\* Chuyển giao nhiệm vụ:** **QUAN SÁT TRANH- ĐẶT CÂU HAY**

**\* Học sinh trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ:**

- Gv quan sát lắng nghe

- Hs quan sách giáo khoa tìm câu trả lời.

**\* Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận:**

- Hs trình bày sản phẩm cá nhân

- Gv gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

**Dự kiến sản phẩm:**

+ Hoa anh đào khoe sắc.

+ Hàng nghìn cây hoa anh đào dọc triền đồi - đang khoe sắc dưới nắng xuân.

**\* Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ, kết nối vào bài học:**

**2. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC( 10P)**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Hoạt động 1:**Học sinh nhớ lại thành phần chính của câu.  **a. Mục tiêu:** học sinh nhớ lại thành phần chính của câu.  **b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.  **c. Sản phẩm:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS  **d. Tổ chức thực hiện:**  **\* Chuyển giao nhiệm vụ**  1.Thành phần chính của câu gồm những bộ phận gì ?  2. Vậy chủ ngữ và vị ngữu khác nhau như thế nào và làm thế nào phân biệt được hai thành phần này ở trong câu?  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **\* Dự kiến sản phẩm**  - HS thực hiện nhiệm vụ;  - Dự kiến sản phẩm:  *Chủ ngữ:*  *+ Thường trả lời cho câu hỏi: ai?, cái gì? con vật gì?.*  *+ Là thành phần nêu lên chủ thể (người, vật, hiện tượng …)của hành động, đặc điểm, trạng thái được nói đến trong câu.*  *+ Thường có cấu tạo là đại từ, danh từ hoặc cụm danh từ.*  *Vị ngữ:*  *|+ Thường trả lời cho câu hỏi: là gì? làm gì? thế nào?.*  *+ Là thành phần câu nêu hành động, đặc điểm, trạng thái của chủ thể được nói đến trong câu.*  *+Thường có cấu tạo là động từ (hoặc cụm động từ), tính từ (hoặc cụm tính từ.)*  **\* Báo cáo kết quả**  - HS trả lời câu hỏi;  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **\* Đánh giá kết quả**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức  **GV có thể bổ sung thêm:**  **Hoạt động 2:**Mở rộng tpc của câu bằng cụm từ  **a. Mục tiêu:** học sinh nhớ lại thành phần chính của câu.  **b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.  **c. Sản phẩm:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS  **d. Tổ chức thực hiện:**  **\* Chuyển giao nhiệm vụ**  1. Tác dụng của việc mở rộng thành phần chính của câu bằng cũng từ là gì?.  Thành phần chính của câu có thể được mở rộng bằng những loại cụm từ nào?.  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **\* Dự kiến sản phẩm**  - HS thực hiện nhiệm vụ;  - Dự kiến sản phẩm:  **\* Báo cáo kết quả**  - HS trả lời câu hỏi;  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **\* Đánh giá kết quả**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức  **GV có thể bổ sung thêm:** | **I) LÝ THUYẾT**  **1.Chủ ngữ:**  + Thường trả lời cho câu hỏi: ai?, cái gì? con vật gì?.  + Là thành phần nêu lên chủ thể (người, vật, hiện tượng …)của hành động, đặc điểm, trạng thái được nói đến trong câu.  + Thường có cấu tạo là đại từ, danh từ hoặc cụm danh từ.  **2.Vị ngữ:**  |+ Thường trả lời cho câu hỏi: là gì? làm gì? thế nào?.  + Là thành phần câu nêu hành động, đặc điểm, trạng thái của chủ thể được nói đến trong câu.  +Thường có cấu tạo là động từ (hoặc cụm động từ), tính từ (hoặc cụm tính từ.)  **3.** **Mở rộng thành phần chính của câu bằng cụm từ**  +Việc mở rộng thành phần chính của câu bằng cụm từ giúp cung cấp thêm các thông tin về sự vật, hiện tượng, hành động, đặc điểm, trạng thái được nói đến trong câu. Từ đó làm cho câu văn trở nên sinh động, hấp dẫn hơn. |

**3. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP( 70P)**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học

**b. Nội dung:**Sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

**c. Sản phẩm:** Kết quả của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

***\* Chuyển giao nhiệm vụ cho HS***

**1.**Các thành phần chính trong câu thường được mở rộng bằng cách nào? Hiệu quả của việc mở rộng ấy là gì? Mở rộng các câu sau và cho biết cách thức mở rộng:

a. Trời mưa

b. Gió thổi

c. Nó đang đọc sách

d. Xuân về

2:Đặt câu và xác định câu trên mở rộng thành phần nào? Từ câu mở rộng trên , em hãy rút gọn thành phần được mở rộng.

“ Tứ hải giai huynh đệ”

***\* Dự kiến sản phẩm:***

1.Các thành phần chính trong câu thường được mở rộng bằng các cụm từ. Việc mở rộng thành phần chính của câu bằng cụm từ giúp cho nghĩa của câu trở nên chi tiết, rõ ràng.

Mở rộng các câu

a. Trời mưa tầm tã (mở rộng vị ngữ bằng cụm động từ)

b. Những đợt gió mùa đông bắc thổi rất mạnh. (biến chủ ngữ thành cụm danh từ)

c. Nó đang đọc sách viết về thế giới loài chim (biến vị ngữ có cụm từ thông tin đơn giản thành cụm từ có thông tin cụ thể, chi tiết hơn)

d. Mùa xuân ấm áp về. (biến chủ ngữ thành cụm danh từ)

2:HS.....

***\* Báo cáo kết quả:***

- HS lần lượt báo cáo kết quả các bài

***\* Đánh giá kết quả:***

- HS nhận xét, bổ sung đánh giá

- GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức.

**4. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG: (4P)**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức đã học.

**b. Nội dung:** Sử dụng kiến thức đã học để hỏi, trả lời và trao đổi.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

\*Chuyển giao nhiệm vụ: Hãy nối cột A với cột B để tạo thành các câu có thành phần chính được mở rộng bằng cụm từ một cách hợp lý

Cột A Cột B

|  |  |
| --- | --- |
| Những cơn mưa rào. | phát ra từ chiếc ra deo cũ của ông nội. |
| Tuổi thơ của tôi. | thong thả bơi giữa cánh đồng mùa nước nổi. |
| Tiếng rè rè đứt quãng. | đột ngột kéo tới, làm trắng cả đất trời. |
| Bầy vịt xiêm trắng muốt. | gắn với dòng sông xanh, cánh đồng vàng và những buổi trưa hè đầy nắng. |

- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

**Bước 2: Dự kiến sản phẩm**

- HS thực hiện nhiệm vụ.

**Bước 3: Báo cáo kết quả**

- HS trả lời;

- GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

**Bước 4: Đánh giá kết quả**

- GV nhận xét, đánh giá, chốt lại kiến thức

*- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.*

**\* Hướng dẫn học và làm bài ở nhà:**

- Viết đoạn văn theo yêu cầu trong phần vận dụng

- Học bài, hoàn thiện các bài tập vào vở.

**Ngày soạn: 15/09/2022**

**Ngày dạy:**

**TUẦN 3**

**TIẾT:5-6**

**LUYỆN NÓI:TÓM TẮT VĂN BẢN THEO NHỮNG YÊU CẦU**

**KHÁC NHAU VỀ ĐỘ DÀI.**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức:** Ôn lại cách tóm tắt một văn bản theo yêu cầu khác nhau về độ dài.

- Thấy được tầm quan trọng của kĩ năng tóm tắt văn bản phục vụ nhu cầu tiếp nhận tri thức, tích luỹ tài liệu.

- Nắm được yêu cầu và quy trình tóm tắt một văn bản theo yêu cầu khác nhau về độ dài.

- Thực hành tóm tắt nội dung của một văn bản đã học theo độ dài khác nhau.

**2. Năng lực**

*a.Năng lực chung:*

***-*** Năng lực tự chủ và tự học: Tìm kiếm thông tin, đọc sách giáo khoa, quan sát tranh ảnh để tìm hiểu về bài học.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Thảo luận nhóm để thực hiện phiếu học tập, hợp tác giải quyết vấn đề để tìm hiểu về bài học.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Năng lực trình bày và trao đổi thông tin trước lớp.

***b.*** *Năng lực đặc thù:*

- Tóm tắt nội dung của một văn bản đã học theo độ dài khác nhau.

**3. Phẩm chất:**

- Có ý thức tiếp cận văn bản cẩn thận, tỉ mỉ

- Tự tóm tắt văn bản theo độ dài khác nhau, giúp việc đọc văn bản nhanh chóng, hiệu quả hơn.

- Thích đọc sách, báo, tìm tư liệu trên mạng Internet để mở rộng hiểu biết.

**II. THIẾT BỊ VÀ HỌC LIỆU**

- Học liệu: Ngữ liệu/Sách giáo khoa, phiếu học tập.

- Thiết bị: Máy tính, máy chiếu.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

1. Hoạt động 1: Khởi động **( 9p)**

a) Mục tiêu: Tạo tâm thế và định hướng chú ý cho học sinh; tạo vấn đề vào chủ đề

b) Nội dung hoạt động: HS trả lời câu hỏi.

c) Sản phẩm học tập: Câu trả lời/chia sẻ của HS bằng ngôn ngữ

d) Tổ chức hoạt động:

**\* Chuyển giao nhiệm vụ:** Đâu không phải là yêu cầu khi tóm tắt một văn bản bằng sơ đồ?

A, Tóm lược đúng và đủ các sự việc, các phần, các đoạn hoặc ý chính trong văn bản.

B, Thể hiện được mối quan hệ giữa các phần, các đoạn chính của văn bản.

C, Đảm bảo yêu cầu về hình thức của đoạn văn tóm tắt.

D, Sử dụng các từ khoá, cụm từ thể hiện được nội dung chính của văn bản.

**\* Thực hiện nhiệm vụ:** Hs trả lời

**\* Báo cáo kết quả:** HS trình bày kết quả

Dự kiến: C

**\* Đánh giá nhận xét, kết nối vào bài học:**  Nhưng hôm nay chúng ta sẽ không dùng tóm tắt bằng sơ đồ mà dùng các đoạn văn để chúng tóm tắt. Vậy yêu cầu và cách thức của việc tóm tắt văn bản bằng một đoạn văn thì nó có gì giống và khác không so với kiểu dạng bài đã tóm tắt văn bản bằng sơ đồ của chương trình lớp 6 mà chúng ta đã học thì chúng ta có dạng thứ hai đó là viết văn bản tóm tắt.

**B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Hoạt động 1: 1, Mục đích và yêu cầu của việc tóm tắt văn bản theo yêu cầu khác nhau về độ dài**

**a. Mục tiêu:** học sinh nắm được Mục đích và yêu cầu của việc tóm tắt văn bản theo yêu cầu khác nhau về độ dài....

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS **.**

**d. Tổ chức thực hiện:**

**2. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC( 13P)**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động GV – HS và sản phẩm dự kiến** | **Nội dung** |
| **I. LÝ THUYẾT**  a**. Mục tiêu**: - **:** học sinh nắm được Mục đích và yêu cầu của việc tóm tắt văn bản theo yêu cầu khác nhau về độ dài....  **b. Nội dung:** HS tìm hiểu các ví dụ ở STK  **c. Sản phẩm:**  Đại diện nhóm lên trình bày sản phẩm, các nhóm khác bổ sung  **d. Tổ chức thực hiện:**  **\* Chuyển giao nhiệm vụ cho học sinh**  . Văn bản tóm tắt là gì?  2. Vai trò của văn bản tóm tắt?  ? Để tóm tắt một văn bản hoàn chỉnh ta cần thực hiện đầy đủ các bước nào?  **\* Dự kiến sản phẩm**  **2, Phân tích văn bản tóm tắt tham khảo.**  **Điểm giống nhau:**  + Phản ánh trung thành nội dung chính của truyền thuyết Sơn Tinh, Thuỷ Tinh.  + Ghi lại các nhân vật chính(Sơn Tinh, Thuỷ Tinh, Hùng Vương, Mị Nương). Gắn liền với những sự việc chính( hai thần cầu hôn, cuộc chiến giành Mị Nương) của câu chuyện.  + Các sự việc được sắp xếp theo trình tự thời gian, đúng với trình tự sự việc trong văn bản gốc: giới thiệu bối cảnh, giới thiệu các nhân vật, kể lại diễn biến câu chuyện từ khởi đầu đén kết thúc.  \* ***Báo cáo kết quả:***Cá nhân báo cáo tại chỗ  ***\* Đánh giá kết quả:***  - HS nhận xét, bổ sung đánh giá  - GV nhận xét, đánh giá  - GV chốt kiến thức và ghi bảng | **I) LÝ THUYẾT**  **1, Mục đích và yêu cầu của việc tóm tắt văn bản theo yêu cầu khác nhau về độ dài.**  **2, Phân tích văn bản tóm tắt tham khảo.**  **Điểm giống nhau:**  **3, Quy trình tóm tắt văn bản theo yêu cầu khác nhau về độ dài**  **Bước 1: Trước khi tóm tắt**  **Bước 2: Viết văn bản tóm tắt**  + Sắp xếp các ý chính của văn bản gốc rheo một trình tự hợp lí.  + Dùng lười văn của mình kết hợp với các từ ngữ quan trọng trong văn bản gốc để viết văn bản tóm tắt.  + Lưu ý yêu cầu về độ dài của văn bản tóm tắt.  **Bước 3: Kiểm tra và chỉnh sửa** |

**3. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP( 70P)**

a) Mục tiêu: Học sinh vận dụng kiến thức đã học để làm bài tập

b) Nội dung hoạt động: Vẽ sơ đồ tóm tắt nội dung bài học?

c) Sản phẩm học tập:

d) Tổ chức thực hiện:

**\* Chuyển giao nhiệm vụ:**

1.Tóm tắt văn bản “ Bầy chim chìa vôi” theo hai yêu cầu về độ dài: từ 4- 5 câu và từ 8-10 câu?

***2.Tóm tắt văn bản đi lấy mật( theo độ dài khác nhau)***

**\* Thực hiện nhiệm vụ:**

- Học sinh tiếp nhận: Nắm được yêu cầu, thực hiện nhiệm vụ thông qua nhóm.

- Giáo viên: Quan sát, theo dõi quá trình học sinh thực hiện, gợi ý nếu cần

**Bài 1:** Tóm tắt văn bản “ Bầy chim chìa vôi” theo hai yêu cầu về độ dài: từ 4- 5 câu và từ 8-10 câu?

**Bước 1:** Xác định nội dung chính văn bản cần tóm tắt: Chuyện hai anh em mên và Mon đi đò ra giữa sông để cứu tổ chim chìa vôi sắp bị ngập nước ngay trong đêm và tâm trạng xúc động của hai anh em, khi chứng kiến đàn chim cất mình bay lên khỏi mặt nước, vào bờ an toàn trong buổi sáng hôm sau.

**Bước 2:** Tìm ý chính của từng phần:

**Bối cảnh:**

+ Ở tại ngôi làng en sông

+ Vào đêm khuya khi trời đổ mưa lớn.

**Nhận vật Mon , Mên**

+ Cuộc trò chuyện của hai anh em Mên- Mon trong đêm mưa, nỗi lo lắng của hai anh em cho lũ chim chìa vôi non ở bãi cát giữa sông.

+ Hai anh em bàn bạc tìm cách mang lũ chim vào bờ và quyết định lấy đò chèo ra bãi cát giữa sông ngay trong đêm mưa.

+ Tâm trạng hồi hộp, xúc động của hai anh em khi chứng kiến lũ chim cất cánh bay khỏi dòng nước dữ vào bờ khi bình minh lên.

**Nhận xét về quan hệ của từng phần nội dung văn bản?**

Các sự việc trong truyện được sắp xếp theo trình tự thời gian và mối quan hệ nhân quả, tất cả đều xoay quanh hai nhân vật chính là Mên và Mon.

|  |  |
| --- | --- |
| **Phần 1** | “ mưa vẫn to”, “ nước sông dâng cao, xiên xiết chảy”, “ sắp ngập mất bãi cát rồi”, “ những con chim chì vôi non chết đuối mất”. |
| **Phần 2** | “ tổ chim ngập mất”, “ phải mang nó vào bờ”, “ lấy đò của ông Hào mà đi” |
| **Phần 3** | “ một cảnh tượng như huyền thoại”, “ những cánh chim bé bỏng và ướt át đột ngột bứt khỏi dòng nước khổng lồ bay lên”, “ vẫn đứng không nhúc nhích”, “ đã khóc từ lúc nào”. |

**Bước 3:** Các từ ngữ quan trọng trong mỗi phần văn bản.

**Bước 4: Xác định yêu cầu độ dài: 4-5 câu, 8-10 câu**

**Tham khảo đv tóm tắt( 4-5 câu):** Vào một đêm mưa to, trong ngôi nhà ven sông, hai anh em Mên và Mon trò chuyện về việc nước sông lên cao và tập tính làm tổ, nuôi con ở dải cát giữa sông của bầy chim chì vôi. Hai anh Mên Mon lo lắng tổ chim chì vôi sẽ bị chìm mất. Hai đứa bé quyết định trốn bố, lấy đò chèo ra bãi sông cứu lũ chim ngay trong đêm mua. Hia anh em không ra được bãi sông vì mưa lớn, nước chảy xiết nhưng khi bình minh ló rạng, hia anh chứng kiến khoảnh khắc nhwungx chú chim non cất cánh bay lên khoit mặt nước, vào bờ an toàn. Cả hai cùng sung sướng, lặng lẽ khóc.

**Tham khảo đv tóm tắt( 8-10 câu):** Mên và Mon là hai anh em trong một gia đình sống trong một ngôi làng ven sông. Giữa đêm, hai anh em thức dậy, trò chuyện về lũ chim chìa vôi con ngoài baĩ cát giữa sông. Bên ngoài trời “**mưa vẫn to”,** “ **nước sông dâng cao, xiên xiết chảy”,** hai anh em lo lắng **“ những con chim chìa vôi non bị chết đuối mất”**. Khi **thấy “mưa vẫn trút xuống mái nhà và gió vẫn thổi vào phên cửa liếp cành cạnh**”, hai đứa trẻ quyết định **“ phải mang chúng nó vào bờ”** và ngay trong đêm mưa to, gió lớn, chúng **“ cứ lấy đò của ông Hào mà đi”**. Sáng hôm sau, khi ánh bình minh lên, nước sông đã **“ nuốt chửng” phần còn lại của bãi cát, hai đứa trẻ được chứng kiến “một cảnh tượng như huyền thoại”, “ những cánh chim bé bỏng và ướt át đột ngột bứt khỏi dòng nước khổng lồ bay lên”..** Một cánh chim bị đuối sức, rơi nhào xuống mặt sông, nhưng khi vừa chạm đến mặt nước thì đã vùng sức bay lên. Cả bầy chim chì vôi đã bay vào bờ an toàn. Chứng kiến cảnh tượng đó, hai anh em “ **vẫn đứng không nhúc nhích”** và nhận ra chúng “ **đã khóc tự lúc nào”.**

***Tóm tắt văn bản đi lấy mật( theo độ dài khác nhau)***

1.Truyện kể về một lần An cùng với Cò theo tía nuôi đi lấy mật. Trên đường đi, An cảm thấy núi rừng thật đẹp. Tía nuôi đi trước dẫn đường, An và Cò theo sau. Khi An thấm mệt, tía nuôi đề nghị sẽ nghỉ ngơi, chờ An hết mệt rồi mới đi tiếp. Cò đã chỉ cho An cách xem đàn ong mật. Sau đó, họ tiếp tục đi lấy mật và thu hoạch được rất nhiều. Họ đi tới một cái trảng rộng, nhìn thấy biết bao là chim. An vô cùng thích thú, nhưng khi nghe Cò nói đến “sân chim”, cậu lại im lặng vì từ ái nghĩ nếu cái gì cũng hỏi thì Cò sẽ khinh mình dốt. Khi bắt gặp một kèo ong, An nhớ lại lời má dạy về cách xây kèo. Người dân vùng đất U Minh có một cách “thuần hóa” ong rất đặc biệt.

2. Một lần nọ, tía nuôi đưa An và Cò vào rừng lấy mật. Khung cảnh núi rừng buổi sáng thật trong lành, tươi mát. Cò đã chỉ cho An cách xem đàn ong mật. Khi An thấy mệt, ba cha con dừng lại nghỉ ngơi, ăn trưa rồi mới tiếp tục hành trình. Khi bắt gặp một kèo ong, An nhớ lại lời má dạy về cách xây kèo. Đó là một cách cách “thuần hóa” ong rất đặc biệt của người dân vùng U Minh.

**\* Báo cáo kết quả:**

- Học sinh phát biểu tuỳ theo cảm nhận của từng cá nhân, của nhóm.

- Giáo viên: Quan sát, theo dõi quá trình học sinh thực hiện, gợi ý nếu cần.

**Bước 4: Đánh giá kết quả**

- GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức

**4. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG: (4P)**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

**b. Nội dung:** Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

Theo em, khi tóm tắt các văn bản nghị luận, ta có thể tìm ý chính và sắp xếp ý chính của văn bản gốc như thế nào?

**Bước 2: Dự kiến sản phẩm**

- HS thực hiện nhiệm vụ;

- Dự kiến sản phẩm:......................

**Bước 3: Báo cáo kết quả**

- HS trả lời câu hỏi;

- GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

**Bước 4: Đánh giá kết quả**

- GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức

*- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.*

**\* Hướng dẫn học và làm bài ở nhà:**

- Thuộc nội dung và nghệ thuật.

- Hoàn thành đoạn văn

**Ngày soạn:10/10/2022 TUẦN 4**

**Ngày giảng:23/10/2022**

**Tiết 7- 8\***

**NÂNG CAO NHẬN BIẾT BIỆN PHÁP TU TỪ *NÓI GIẢM NÓI TRÁNH***

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức:** Ôn lại biện pháp tu từ nói giảm nói tránh và hiểu được tác dụng của việc sử dụng biện pháp tu từ này trong những trường hợp cụ thể.

+ Vận dụng biện pháp nói giảm nói tránh trong giao tiếp khi cần thiết hoặc khi tạo lập văn bản. Củng cố kiến thức về điệp ngữ và từ đa nghĩa.

**2. Năng lực**

*a.Năng lực chung:*

***-*** Năng lực tự chủ và tự học: Tìm kiếm thông tin, đọc sách giáo khoa, quan sát tranh ảnh để tìm hiểu về bài học.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Thảo luận nhóm để thực hiện phiếu học tập, hợp tác giải quyết vấn đề để tìm hiểu về bài học.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Năng lực trình bày và trao đổi thông tin trước lớp.

***b.*** *Năng lực đặc thù:* Biết sử dụng biện pháp nói giảm nói tránh trong giao tiếp khi cần thiết hoặc khi tạo lập văn bản.

**3. Phẩm chất:**

- Thể hiện thái độ lịch sự, nhã nhặn trong giao tiếp hằng ngày. Thường xuyên thực hành tiếng việt, để phát hiện ra những cái hay, cái đẹp của tiếng Việt. Ý thức giữ gìn sự tromg sáng của tiếng Việt.

- Thích đọc sách, báo, tìm tư liệu trên mạng Internet để mở rộng hiểu biết.

**II. THIẾT BỊ VÀ HỌC LIỆU**

- Học liệu: Ngữ liệu/Sách giáo khoa, phiếu học tập.

- Thiết bị: Máy tính, máy chiếu.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. Hoạt động 1: Khởi động ( 5p)**

a) Mục tiêu: Tạo tâm thế và định hướng chú ý cho học sinh; tạo vấn đề vào chủ đề

b) Nội dung hoạt động: HS trả lời câu hỏi.

c) Sản phẩm học tập: Câu trả lời/chia sẻ của HS bằng ngôn ngữ

d) Tổ chức hoạt động:

**\* Chuyển giao nhiệm vụ:** Tìm hiểu tình huống thực tiễn trong giao tiếp để các em cùng xem xem có cách diễn đạt nào mà ta cần lưu ý, quen thuộc mà ta học được rất nhiều điều.

Th 1:Tại sao không nói chết mà lại nói “không qua khỏi”?

**\* Học sinh trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ:**

- Gv quan sát lắng nghe

- Hs quan sách giáo khoa tìm câu trả lời.

**\* Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận:**

- Hs trình bày sản phẩm cá nhân

- Gv gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

**\* Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ, kết nối vào bài học:** Th 1:Tại sao không nói chết mà lại nói “không qua khỏi”? Một cách diễn đạt để làm vơi nhẹ đi những đau buồn, mất mát đối với người nhà bệnh nhân, tránh nói đến một thực tế đau xót, phũ phànglà bệnh nhân đã chết.

Ngày hôm nay chúng ta cùng đi tìm hiểu về một biện pháp tu từ để giúp cho các em có thể đạt được sự tinh tế, khéo léo trong quá trình giao tiếp để đạt được mục đích giao tiếp của mình…..

**2. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC( 13P)**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động GV – HS và sản phẩm dự kiến** | **Nội dung** |
| **I. LÝ THUYẾT**  a**. Mục tiêu**: học sinh nhận biết nói giảm, nói tránh  **b. Nội dung:** HS tìm hiểu các ví dụ ở STK  **c. Sản phẩm:**  Đại diện nhóm lên trình bày sản phẩm, các nhóm khác bổ sung  **d. Tổ chức thực hiện:**  **\* Chuyển giao nhiệm vụ cho học sinh**  **1,** Nói giảm nói tránh là gì. Nêu tác dụng?  2, Những cách nói giảm nói tránh thông dụng?  **\* Dự kiến sản phẩm**  \* ***Báo cáo kết quả:***Cá nhân báo cáo tại chỗ  ***\* Đánh giá kết quả:***  - HS nhận xét, bổ sung đánh giá  - GV nhận xét, đánh giá  - GV chốt kiến thức và ghi bảng | **I) LÝ THUYẾT**  **1, Nhận biết nói giảm nói tránh và tác dụng.**  Nói giảm nói tránh là biện pháp tu từ dùng cách nói làm giảm nhẹ mức độ, quy mô, tính chất …của đối tượng, tránh trình bày trực tiếp điều muốn nói để khỏi gây cảm giác đau buồn, ghê sợ hay để giữ phép lịch sự.  **2, Những cách nói giảm nói tránh thông dụng.**  + Dùng từ, cụm từ đồng nghĩa đặc biệt là từ Hán Việt để thay thế.  + Dùng cách nói vòng.  + Dùng cách phủ định. |

**3. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP( 70P)**

**a. Mục tiêu:** Hs hoàn thiện kiến thức vừa chiếm lĩnh được; rèn luyện kĩ năng áp dụng kiến thức mới để giải quyết các tình huống/vấn đề trong học tập.

**b. Nội dung:** GV giao nhiệm vụ cho HS trả lời các câu hỏi

**c. Sản phẩm:**  Câu trả lời của HS; phiếu học tập của nhóm

**d. Tổ chức thực hiện:**

***\* Chuyển giao nhiệm vụ cho HS***

Bài tập 1. Nhận biết câu có sử dụng phép nói giảm nói tránh và nêu tác dụng.

1-Người ta đã phát hiện một xác chết ngay tại hiện trường của vụ án mạng.

-Người ta phát hiện một tử thi  tại ngay hiện trường của vụ án mạng.

2- Chiến sỹ đó bị giết chết khi làm nhiệm vụ.

- Chiến sĩ đã hy sinh anh dũng khi đang làm nhiệm vụ.

3- Chị ấy thật xấu xí.

- Chị ấy không được đẹp cho lắm hay Chị ấy chưa được đẹp cho lắm.

4- Cậu thanh niên đó bị mù.

- Cậu thanh niên đó khiếm thị.

5- Ồn ào quá, cậu hãy câm miệng lại ngay.

- Ồn ào quá, cậu có thể vui lòng im lặng không?

6- Bà ấy bị bệnh nặng sắp chết rồi.

- Bà ấy (…) như thế sẽ (…) được lâu nữa đâu.

7- Anh còn yếu kém lắm.

- Anh cần phải cố gắng, nỗ lực hơn nữa.

Bài tập 2: Hãy đặt lại 5 câu sau, trong đó vận dụng cách nói giảm nói tránh để giải quyết bài tập.

* Cậu học môn Lịch Sử quá tệ.
* Chiếc xe này trông xấu quá.
* Bà già đã chết hôm qua rồi.
* Sao chữ của cậu xấu thế.
* Anh bộ đội chết khi đang trên đường làm nhiệm vụ.

**3)** Viết đoạn văn ngắn chủ đề tự chọn (Từ 5 đến 7 câu) có sử dụng phép tu từ nói giảm nói tránh

***\* Dự kiến sản phẩm:***

**bài tập 1**

Bài tập 1. Nhận biết câu có sử dụng phép nói giảm nói tránh và nêu tác dụng.

-Người ta đã phát hiện một xác chết ngay tại hiện trường của vụ án mạng.

-Người ta phát hiện một tử thi  tại ngay hiện trường của vụ án mạng.

*=> Việc sử dụng thay thế “xác chết” bằng “tử thi” là sử dụng từ đồng nghĩa, từ Hán Việt giúp giảm đi sự ghê sợ đối với người nghe, người đọc.*

- Chiến sỹ đó bị giết chết khi làm nhiệm vụ.

- Chiến sĩ đã hy sinh anh dũng khi đang làm nhiệm vụ.

*=> Thay thế bằng các từ đồng nghĩa, Hán Việt giúp tăng thêm tính trang trọng, biết ơn cho câu nói.*

- Chị ấy thật xấu xí.

- Chị ấy không được đẹp cho lắm hay Chị ấy chưa được đẹp cho lắm.

*=> Cách sử dụng những câu nói giảm nói tránh bằng phủ định các từ tích cực, thay vì dùng từ tiêu cực giúp làm giảm đi mức độ nghiêm trọng của vấn đề đang nói đến.*

- Cậu thanh niên đó bị mù.

- Cậu thanh niên đó khiếm thị.

*=> Cách sử dụng những câu nói giảm nói tránh giúp giảm nhẹ mức độ, đồng thời thể hiện được sự tôn trọng với người nghe, tránh làm tổn thương họ.*

- Ồn ào quá, cậu hãy câm miệng lại ngay.

- Ồn ào quá, cậu có thể vui lòng im lặng không?

*=> Cách sử dụng nói giảm nói tránh như trên thể hiện được thái độ hòa nhã, lịch sự và tôn trọng người khác.*

- Bà ấy bị bệnh nặng sắp chết rồi.

- Bà ấy (…) như thế sẽ (…) được lâu nữa đâu.

*=> Cách nói giảm nói tránh là dùng cách nói trống hay còn gọi là tỉnh lược thể hiện sự tôn trọng với người khác và giảm đi sự ghê rợn, mất mát từ cái chết.*

- Anh còn yếu kém lắm.

- Anh cần phải cố gắng, nỗ lực hơn nữa.

*=> Cách nói giảm nói tránh là dùng cách nói vòng thể hiện được sự tôn trọng người khác, không là họ thấy nặng nề hay thất vọng.*

**Bài tập 2:** Hãy đặt lại 5 câu sau, trong đó vận dụng cách nói giảm nói tránh để giải quyết bài tập.

* Cậu học môn Lịch Sử quá tệ.

=> Cách nói giảm nói tránh là: Cậu cần nỗ lực nhiều hơn trong môn Lịch Sử.

* Chiếc xe này trông xấu quá.

=> Cách nói giảm nói tránh là: Chiếc xe này không được đẹp cho lắm.

* Bà già đã chết hôm qua rồi.

=> Cách nói giảm nói tránh là: Bà già mới qua đời ngày hôm qua rồi.

* Sao chữ của cậu xấu thế.

=> Cách nói giảm nói tránh là: Cậu nên luyện chữ thường xuyên để cho đẹp hơn.

* Anh bộ đội chết khi đang trên đường làm nhiệm vụ.

=> Cách nói giảm nói tránh: Anh bộ đội đã hy sinh trong khi thực hiện nhiệm vụ.

**bài tập 3**

Mùa xuân là mùa trăm hoa đua nở, sự sống ngập tràn khắp thôn xóm, nào là hoa mai, hoa đào, hoa lan, hoa cúc… Nào là câu đối đỏ đầy hè, nào là váy xanh, yếm đỏ rực rỡ cả một miền quê. Nhưng với tôi, mùa xuân là một mùa buồn bởi mùa xuân năm ấy chú Ba không về nữa, chú ở lại mãi trong núi rừng Trường Sơn canh gác bảo vệ bầu trời Tổ Quốc. Cứ dịp mưa xuân đầu năm là tôi lại nhớ chú da diết. Từng hạt mưa xuân phất phơ trên chiếc áo nâu bạc màu, trên mái tóc điểm vài sợi bạc mà lòng tôi tái ngắt

Mỗi người được sinh ra trong cuộc đời này đã là một điều vô cùng may mắn. Chúng ta chỉ có một cuộc đời duy nhất để sống. Còn thời gian lại giống như một mũi tên, đã phóng đi thì không thể quay trở lại. Trong suốt khoảng thời gian được sống, con người phải đối mặt với vô vàn những khó khăn. Đặc biệt, ở thời điểm hiện tại đó chính là đại dịch Covid-19 đang diễn biến vô cùng phức tạp. Có lẽ, khi đại dịch Covid-19 xảy ra, nhiều người mới bắt đầu cảm thấy cuộc sống này thật đáng trân trọng. Căn bệnh này đã cướp đi mạng sống của biết bao nhiêu người. Nó cũng làm cho nền kinh tế của các nước phát triển trên thế giới phải điêu đứng. Nhiều đứa trẻ không được đến trường học tập nhiều tháng. Mọi hoạt động vui chơi, giải trí phải dừng lại. Con người luôn sống trong cảm giác sợ hãi rằng một ngày kia tính mạng của bản thân và gia đình sẽ bị đe dọa. Ngày hôm nay, khi bạn vẫn còn được sống và sống trong sự yên bình và hạnh phúc. Bạn cần phải biết ơn và trân trọng cuộc sống mà mình đang có được. Vì chẳng biết đến một lúc nào đó, một điều gì đó sẽ xảy ra. Chính vì vậy trân trọng cuộc sống để sống hết mình và sống thật có ý nghĩa ở hiện tại.

***\* Báo cáo kết quả:***

- HS lần lượt báo cáo kết quả các bài

***\* Đánh giá kết quả:***

- HS nhận xét, bổ sung đánh giá

- GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức.

**4. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG: (4P)**

**a. Mục tiêu:**. HS phát hiện các tình huống thực tiễn và vận dụng được các kiến thức, kĩ năng trong cuộc sống tương tự tình huống/vấn đề đã học.

**b. Nội dung:** HĐ cá nhân

**c. Sản phẩm:** câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

***\* Chuyển giao nhiệm vụ cho HS***

***\* Dự kiến sản phẩm:***câu trả lời của HS:

***\* Báo cáo kết quả:*** Hs trình bày

***\* Đánh giá kết quả:***

+ Hs khác nhận xét, bổ sung, đánh giá

+ GV đánh giá câu trả lời của HS.

-> GV chốt kiến thức.

**\* Hướng dẫn học và làm bài ở nhà:**

- Học, nắm chắc nội dung bài học

- Hoàn chỉnh các bài tập sgk, sách bài tập Ngữ văn.

**Ngày soạn: 17/10/2022 TUẦN 5**

**Ngày giảng: 2022**

**TIẾT 9 -10\***

**TÌM HIỂU KĨ VỀ THỂ THƠ 5 CHỮ**

**I. MỤC TIÊU.**

**1. Kiến thức** - Đặc điểm thơ 5 chữ

**2. Năng lực:**

**a. Các năng lực chung:**

- Năng lực tự học; năng lực giải quyết vấn đề; năng lực tư duy; năng lực giao tiếp; năng lực hợp tác; năng lực sử dụng ngôn ngữ.

**b. Các năng lực chuyên biệt:**

- Năng lực sử dụng ngôn ngữ.

- Năng lực đọc, viết, nghe, nói, năng lực cảm thụ văn học

**3. Phẩm chất:**

Sử dụng đúng thực tế sắc thái nghĩa khi nói,viết.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của giáo viên:**

- Kế hoạch bài học.

- Học liệu: bảng phụ, máy chiếu đa năng, tài liệu tham khảo, phiếu học tập.

**2. Chuẩn bị của học sinh:** soạn bài theo nội dung được phân công.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU( 2P)**

**1 Mục tiêu**: tạo tình huống/vấn đề học tập nhằm huy động kiến thức, kinh nghiệm hiện có của học sinh và nhu cầu tìm hiểu kiến thức mới liên quan đến tình huống/vấn đề học

**b. Nội dung:** HĐ cá nhân

**c. Sản phẩm:** câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

**\* Chuyển giao nhiệm vụ:**

- *HS*: tiếp nhận

***\* Dự kiến sản phẩm:***

***\* Báo cáo kết quả:***HS trả lời cá nhân

***\* Đánh giá kết quả:***

- HS nhận xét, bổ sung đánh giá

- GV nhận xét, đánh giá:

-> GV nêu mục đích bài học

**2. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC( 14P)**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động GV – HS và sản phẩm dự kiến** | **Nội dung** |
| **I. LÝ THUYẾT**  a**. Mục tiêu**: -Nhận biết thể thơ, cách gieo vần, cách ngắt nhịp.  **b. Nội dung:** HS tìm hiểu các ví dụ ở STK  **c. Sản phẩm:**  Đại diện nhóm lên trình bày sản phẩm, các nhóm khác bổ sung  **d. Tổ chức thực hiện:**  **\* Chuyển giao nhiệm vụ cho học sinh**  Đặc điểm thơ 5 chữ?  **\* Dự kiến sản phẩm**  Thơ 5 chữ hay còn gọi là thơ ngũ ngôn, đây là một trong những thể thơ quen thuộc của Việt Nam. Thể thơ này phù hợp với nhiều chủ đề khác nhau như về thầy cô, cha mẹ, bạn bè, tình yêu… Khi làm thơ 5 chữ về thầy cô thường mang đến cho người đọc cảm xúc nhẹ nhàng về giọng điệu, câu cú và khổ thơ.  Vần thơ trong thể thơ 5 chữ có thể là vần chân, vần lưng hoặc vần liền, vần cách. Mỗi khổ thơ gồm 4 câu thơ hoặc hơn, cũng có khi bài thơ không chia khổ theo mạch cảm xúc của tác giả.  Thể thơ 5 chữ khá linh hoạt trong gieo vần, nhịp và ngắt khổ. Về cách gieo vần, nếu chữ thứ 2 trong câu là bằng thì chữ thứ 4 là trắc và ngược lại. Cách gieo vần của thể thơ này cũng được chia làm hai loại thường được gọi là gieo vần ôm và gieo vần tréo.  \* ***Báo cáo kết quả:***Cá nhân báo cáo tại chỗ  ***\* Đánh giá kết quả:***  - HS nhận xét, bổ sung đánh giá  - GV nhận xét, đánh giá  - GV chốt kiến thức và ghi bảng | **I) LÝ THUYẾT**  **a)Đặc điểm nhận biết:**  + Mỗi dòng thơ gồm năm chữ.  + Không hạn chế về số dòng trong mỗi khổ, số khổ trong mỗi bài.  **b)Cách gieo vần**  + Vần được đặt ở cuối mỗi dòng thơ => **vần chân.**  + Có thể được gieo liên tiếp hai câu thơ liền nhau => **vần liền**  + Vần có thể được gieo cách một hoặc hai dòng thơ => **vần cách**  + Vần được đặt ở cuối mỗi dòng thơ => **vần chân( quốc- thuộc)**  + Vần được gieo ở giữa dòng thơ, tiếng cuối của dòng trên vần với tiếng giữa của dòng dưới => **vần lưng(bà- gà)**  **=> Vần hỗn hợp**  **c)Nhịp thơ:** Thơ năm chữ thường ngắt nhịp: 2/3; 3/2 hoặc 1/4 => Cách ngắt nhịp linh |

**3. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP( 70P)**

**a. Mục tiêu:** Hs hoàn thiện kiến thức vừa chiếm lĩnh được; rèn luyện kĩ năng áp dụng kiến thức mới để giải quyết các tình huống/vấn đề trong học tập.

**b. Nội dung:** GV giao nhiệm vụ cho HS trả lời các câu hỏi

**c. Sản phẩm:**  Câu trả lời của HS; phiếu học tập của nhóm

**d. Tổ chức thực hiện:**

***\* Chuyển giao nhiệm vụ cho HS***

**1)**Sưu tầm những bài thơ thuộc thơ 5 chữ

2. Xác định nhịp thơ

3. Nhận biết vần.

***\* Dự kiến sản phẩm:***

**Bài1)*Ai có thể quên được tình thầy***

Thầy ơi cùng là thầy

Thầy còn nhớ nữa không

Truyện ngày ấy xa rồi

Không biết thầy còn nhớ

Những mùa thu năm ấy

Thầy dịu dàng chúng em

Bước qua nhiều gian nan

Thầy vẫn cố gắng lắm!!

Thầy ơi cũng là thầy!!!

Chỉ biết nghĩ cho em

Để sau này thành tài

Giúp việc cho tổ quốc

Ngày ấy vẫn xa lắm

Mà sao thầy vẫn đợi

Thầy đã thức suốt đêm

Lo cho trang giáo án

Để cho em kiến thức

Ôi thật tuyệt thầy ơi

Bây giờ mà kể lại

Thầy có nghe được không

Em trở thành người tài

Thầy có nghe thấy không

Bây giờ mà nói lại

Làm sao có thể kể

Dù không được gặp thầy

Bài thơ này chứng minh

Em nhớ dáng chú ấy

Cũng nhớ! NGƯỜI LÁI ĐÒ.

 Bài tập 2,3 HS xác định

***\* Báo cáo kết quả:***

- HS lần lượt báo cáo kết quả các bài

***\* Đánh giá kết quả:***

- HS nhận xét, bổ sung đánh giá

- GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức.

**4. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG: (4P)**

**a. Mục tiêu:**. HS phát hiện các tình huống thực tiễn và vận dụng được các kiến thức, kĩ năng trong cuộc sống tương tự tình huống/vấn đề đã học.

**b. Nội dung:** HĐ cá nhân

**c. Sản phẩm:** câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

***\* Chuyển giao nhiệm vụ cho HS***

***\* Dự kiến sản phẩm:***câu trả lời của HS:

***\* Báo cáo kết quả:*** Hs trình bày

***\* Đánh giá kết quả:***

+ Hs khác nhận xét, bổ sung, đánh giá

+ GV đánh giá câu trả lời của HS.

-> GV chốt kiến thức.

**\* Hướng dẫn học và làm bài ở nhà:**

- Học, nắm chắc nội dung bài học

- Hoàn chỉnh các bài tập sgk, sách bài tập Ngữ văn.

***Ngày soạn: 15 /10/2022***

***Ngày dạy : /11/2022***

|  |  |
| --- | --- |
|  |  |

**TUẦN 6**

**Tiết 11-12**

**Luyện tập th LUYỆN TẬP THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT: NGHĨA CỦA TỪ, BIỆN PHÁP TU TỪ NHÂN HÓA**

**I. MỤC TIÊ**

**I. MỤC TIÊU**

1. Kiến thức: Củng cố kiến thức về :

+ Xác định nghĩa của từ và chỉ ra được ý nghĩa của từ đó trong hoàn cảnh cụ thể.

+ Củng cố kiến thức về từ đa nghĩa.

+ Củng cố kiến thức về các biện pháp tu từ so sánh, nhân hóa, điệp ngữ.

2. Năng lực

*a.Năng lực chung:*

*-* Năng lực tự chủ và tự học: Tìm kiếm thông tin, đọc sách giáo khoa, quan sát tranh ảnh để tìm hiểu về bài học.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Thảo luận nhóm để thực hiện phiếu học tập, hợp tác giải quyết vấn đề để tìm hiểu về bài học.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Năng lực trình bày và trao đổi thông tin trước lớp.

*b. Năng lực đặc thù:* Biết sử dụng nghĩa của từ trong nói và viết.

3. Phẩm chất:

- Thường xuyên thực hành tiếng việt, để phát hiện ra những cái hay, cái đẹp của tiếng Việt. Ý thức giữ gìn sự tromg sáng của tiếng Việt.

- Thích đọc sách, báo, tìm tư liệu trên mạng Internet để mở rộng hiểu biết.

**II. THIẾT BỊ VÀ HỌC LIỆU**

- Học liệu: Ngữ liệu/Sách giáo khoa, phiếu học tập.

- Thiết bị: Máy tính, máy chiếu.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

1. Hoạt động 1: Mở đầu **( 4P)**

a) Mục tiêu: Tạo tâm thế và định hướng chú ý cho học sinh; tạo vấn đề vào chủ đề

b) Nội dung hoạt động: HS trả lời câu hỏi.

c) Sản phẩm học tập: Câu trả lời/chia sẻ của HS bằng ngôn ngữ

d) Tổ chức hoạt động:

\* Chuyển giao nhiệm vụ: Nghĩa của từ là gì?

\* Học sinh trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ:

- Gv quan sát lắng nghe

- Hs quan sách giáo khoa tìm câu trả lời.

\* Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận:

- Hs trình bày sản phẩm cá nhân

- Gv gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

\* Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ, kết nối vào bài học: Ngày hôm nay chúng ta cùng đi tìm hiểu về nghĩa của từ….

1,Ôn tập kiến thức về từ đa nghĩa.

a)Từ đa nghĩa là gì?

Từ đa nghĩa là các từ có nhiều nghĩa, các nghĩa của từ đa nghĩa có muốn liên quan với nhau( có nét nghĩa chung)

b)Các bước xác định từ đa nghĩa:

Bước 1: Xác định các từ có cách phát âm hoàn toàn giống nhau.

Bước 2: Giải thích nghĩa của các từ đã xác định trong ngữ cảnh.

Bước 3: Tìm mối liên hệ về nghĩa giữa các từ. Nếu nghĩa này có mối liên hệ với nhau thì khẳng định đó là từ đa nghĩa.

Biện pháp tu từ nhân hóa là dùng những từ để chỉ người để miêu tả hoặc gọi tên sự vật, sự việc; làm cho đồ vật, động vật, cây cối, câu chuyện,… trở nên sinh động, sống động, và cuốn hút hơn. Sự vật, sự việc đó như được thổi hồn, đưa sự sống vào trong chúng.

*2, Luyện tập về nghĩa của từ.*

**2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới ( 70P)**

a) Mục tiêu: học sinh củng cố kiến thức về về nghĩa của từ thông qua bài tập.

b) Nội dung hoạt động: Gv tổ chức cho học sinh tìm ví dụ.

c) Sản phẩm học tập: Câu trả lời của các câu hỏi, bài tập.

d) Tổ chức thực hiện:

\* Chuyển giao nhiệm vụ:

* **Bài tập 1. Nhận biết các kiểu nhân hóa**

1.“*Từ đó,****lão****Miệng,****bác****Tai,****cô****Mắt,****cậu****Chân,****cậu****Tay lại thân mật sống với nhau, mỗi người một việc, không ai tị ai cả*”. (Truyện Ngụ ngôn)

2.Hai chú chim đang trò chuyện.

3.Mèo ơi, lại đây với ta!

Bài 2.Phân tích đoạn thơ sau đây:

*“Hôm nay trời nắng chang chang*

*Mèo con đi học chẳng mang thứ gì*

*Chỉ mang một chiếc bút chì*

*Và mang một mẩu bánh mì con con.”*

(Mèo con đi học – Phan Thị Vàng Anh)

1. Bài thơ trên đã nhân hóa con vật nào? Và nhân hóa như thế nào?
2. Việc sử dụng biện pháp nhân hóa như vậy có tác dụng gì?

Bài 3: Cho các từ sau: chiếc bút, tán lá xanh, chú cún con. Em hãy đặt câu với những từ nêu trên, có sử dụng biện pháp tu từ nhân hóa:

\* Học sinh trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ:

Bài 1:

* **Lấy từ ngữ gọi người để gọi vật**

***Ví dụ:*** “*Từ đó,****lão****Miệng,****bác****Tai,****cô****Mắt,****cậu****Chân,****cậu****Tay lại thân mật sống với nhau, mỗi người một việc, không ai tị ai cả*”. (Truyện Ngụ ngôn)

Các từ “*lão*”, “*bác*”, “*cô*”, “*cậu*”: là những từ chỉ người, nhưng ở câu trên được sử dụng để gọi những bộ phận trên cơ thể.

* **Lấy từ ngữ để chỉ hoạt động, tính chất của người để chỉ hoạt động, tính chất của sự vật**

***Ví dụ:***Hai chú chim đang trò chuyện.

“Trò chuyện” vốn là hành động để chỉ hai hoặc nhiều người đang giao tiếp với nhau, nhưng ở đây được sử dụng để chỉ hai chú chim đang hót líu lo.

* **Trò chuyện, xưng hô với vật như với người**
* ***Ví dụ:* Mèo ơi, lại đây với ta!**
* **“Mèo ơi” chính là phép tu từ nhân hóa, cách gọi như vậy vốn là chỉ giữa người với người, chỉ có con người mới có thể nói như vậy, và chỉ có người nghe mới có thể hiểu.**

Bài 2. 1. Hình ảnh nhân hóa được sử dụng ở đây là: “chú mèo”

Chú mèo trong đoạn thơ có những hoạt động y hệt một em học sinh. Chú mèo ta cũng phải đi học, chuẩn bị bút chì, và mang mẩu bánh mì đi ăn.

2. Nhờ vào hình ảnh nhân hóa này mà bài thơ trở nên hấp dẫn và cuốn hút hơn. Bởi vì hình ảnh so sánh này luôn khiến cho người đọc cảm thấy sự đáng yêu và tinh nghịch cả những chú mèo.

Bài 3. -Chiếc bút chăm chỉ nắn nót viết bài.

- Tán lá xanh rung rinh nhảy máy trong làn gió mới.

- Chú cún con đang thoải mái thư giãn tắm nắng góc sân nhà.

\* Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận:

- Hs trình bày sản phẩm cá nhân

- Gv gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

- Gv nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức

**4. Hoạt động 4: Vận dụng ( 10P)**

a) Mục tiêu: Giúp HS khắc sâu kiến thức đã học.

b) Nội dung: HS vận dụng kiến thức đã học để làm bài tập.

c) Sản phẩm học tập:

d) Tổ chức thực hiện:

\*Chuyển giao nhiệm vụ:

Hãy nêu nhận xét của em về cách dùng các từ được in đậm trong những câu văn dưới đây.

+ Khi ánh bình minh đã đủ sáng để soi rõ những hạt mưa trên mặt sông dòng nước khổng lồ “nuốt chửng” phần còn lại cuối cùng của xoài cát.

- Gv chuyển giao nhiệm vụ:

- Hs thực hiện nhiệm vụ:

\* Học sinh trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ:

- Gv quan sát, lắng nghe.

- Hs quan sát sách giáo khoa tìm câu trả lời.

\* Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận:

- Hs trình bày sản phẩm cá nhân

- Gv gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn..

Dự kiến sp:

Nghĩa của từ “nuốt chửng” là nuốt gọn cả miếng một lần, không nhai.

Ở câu văn này tác giả đã sử dụng biện pháp tu từ nhân hóa để miêu tả cảnh nước sông dâng lên cao đã nhấn chìm toàn bộ dải cát giữa sông. Từ “nuốt chửng” vì thế được dùng với nghĩa chuyển, nhằm nhấn mạnh sự mạnh mẽ, dữ dội của dòng nước lớn.

\* Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ.

- Gv nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức.

Hướng dẫn về nhà: Hoc kĩ bài, hoàn thiện bài tập

Chuẩn bị bài sau:**Nói và nghe:**Trình bày suy nghĩ về một vấn đề đời sống

**Ngày soạn:01/11/2022 TUẦN 7**

**Ngày dạy: 2022**

**Tiết 13-14\* NÓI VÀ NGHE:TRÌNH BÀY SUY NGHĨ VỀ MỘT VẤN ĐỀ ĐỜI SỐNG**

**1. Kiến thức:**

+ Ôn lại một vấn đề đời sống được gửi ra từ tác phẩm văn học đã đọc để trình bày. + Nắm được các yêu cầu và quy trình thực hiện các bước trình bày suy nghĩ về một vấn đề đời sống được gợi ra từ tác phẩm văn học.

+ Thực hành thuần thục việc trình bày suy nghĩ về một vấn đề đời sống được gửi ra từ tác phẩm văn học.

+ Lắng nghe và nhận xét, trao đổi về bài trình bày về vấn đề đời sống của bạn - nếu là người nghe.

**2. Năng lực**

*a.Năng lực chung:*

***-*** Năng lực tự chủ và tự học: Tìm kiếm thông tin, đọc sách giáo khoa, quan sát tranh ảnh để tìm hiểu về bài học.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Thảo luận nhóm để thực hiện phiếu học tập, hợp tác giải quyết vấn đề để tìm hiểu về bài học.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Năng lực trình bày và trao đổi thông tin trước lớp.

***b.*** *Năng lực đặc thù:*  Biết trình bày suy nghĩ về một vấn đề

**3. Phẩm chất:**

- Nghiêm túc trong việc lựa chọn tác phẩm để tìm kiếm hiện tượng đời sống (chỉ lựa chọn những tác phẩm em đã đọc). Cởi mở khi chia sẻ những ý kiến của bản thân và tôn trọng ý kiến khác biệt

- Thích đọc sách, báo, tìm tư liệu trên mạng Internet để mở rộng hiểu biết.

**II. THIẾT BỊ VÀ HỌC LIỆU**

- Học liệu: Ngữ liệu/Sách giáo khoa, phiếu học tập.

- Thiết bị: Máy tính, máy chiếu.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

1. Hoạt động 1: Mở đầu **( 4P)**

a) Mục tiêu: Tạo tâm thế và định hướng chú ý cho học sinh; tạo vấn đề vào chủ đề

b) Nội dung hoạt động: HS trả lời câu hỏi.

c) Sản phẩm học tập: Câu trả lời/chia sẻ của HS bằng ngôn ngữ

d) Tổ chức hoạt động:

**\* Chuyển giao nhiệm vụ:** Hãy chỉ ra những vấn đề đời sống có thể được gợi lên qua các văn bản đã học sau:

+ Đoạn trích “Nếu Lắccậu muốn có một người bạn”

+ Đoạn trích “ -ki thực sự may mắn”

+ Chuyện cổ tích “Vua chích chòe”**\* Thực hiện nhiệm vụ:** Hs trả lời

**\* Báo cáo kết quả:** HS trình bày kết quả

+ Đoạn trích “Nếu cậu muốn có một người bạn”:

Làm thế nào để kết bạn? Ý nghĩa lớn lao của tình bạn với mỗi người?.

Hạnh phúc không ở đâu xa, hạnh phúc nằm ngay trong những điều ta đang có.

+ Đoạn trích “ Lắc-ki thực sự may mắn”:

Học cách tôn trọng sự khác biệt.

Tình yêu thương, cách cư xử đầy nhân văn giữa người với người được gợi ra từ cách đối xử của những con mèo trên biển cả với hải âu Lắc-ki.

+ Chuyện cổ tích “Vua chích chòe”:

Hiện tượng miệt thị ngoại hình (body shaming) trong cuộc sống hiện nay.

Trân trọng giá trị của lao động, biết tự nhận ra những khuyết điểm trong tính cách của bản thân để sửa chữa và hoàn thiện.

**\* Đánh giá nhận xét, kết nối vào bài học:** Như vậy , dù một bài thơ, dù một truyện ngắn, dù một truyện cổ thì tất cả các văn bản đều gửi gắm, nhắn gửi đến chúng ta những thông điệp sâu sắc. Và cũng có thể các tác phẩm ra đời đã lâu nhưng những vấn đề được đề cập đến thì luôn mới nó có sức sống vượt thời gian nó vẫn đề cập đến những vấn đề mà chúng ta gặp phải ngày hôm nay và trở thành những bài học, những sự khơi mà chúng ta cần suy ngẫm về thực tế cuộc sống của chính mình. Bài học hôm nay chúng ta sẽ ….

**2. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC( 20P)**

a) Mục tiêu: Học sinh nắm được yêu cầu của bài nói

b) Nội dung hoạt động: Gv tổ chức cho học sinh tìm hiểu bằng câu hỏi gợi mở, phiếu học tập.

c) Sản phẩm học tập: Câu trả lời của các câu hỏi, bài tập.

d) Tổ chức thực hiện:

**I, Lí thuyết**

**1, Thế nào là một vấn đề đời sống được gợi ra từ tác phẩm văn học?**

**\* Chuyển giao nhiệm vụ:**

Thế nào là một vấn đề đời sống được gợi ra từ tác phẩm văn học?

**\* Thực hiện nhiệm vụ:**

- HS suy nghĩ, hình thành và triển khai ý tưởng, tư duy độc lập…

Là những vấn đề ( hiện tượng) đời sống được khơi gợi, bắt nguồn từ các hình ảnh, chi tiết, các sự việc, nhân vật, đề tài,.... chủ đề trong một tác phẩm văn học đã học

**\* Báo cáo kết quả:**

- GV gọi bất kì nhóm nào trình bày kết quả.

**\* Kết luận, đánh giá:**

- HS, GV đánh giá, nhận xét.

**2. Yêu cầu**

|  |  |
| --- | --- |
| Đề tài | Một vấn đề đời sống được gợi ra từ tác phẩm văn học đã đọc. |
| Mục đích | Chia sẻ suy nghĩ của bản thân về một vấn đề đời sống từ tác phẩm văn học và thuyết phục người nghe về vấn đề đó. |
| Người nghe | Trong tiết học nói và nghe tại lớp: các bạn học sinh trong lớp và thầy cô giáo.  Trong tình huống khác: người nghe là những ai quan tâm đến vấn đề mà bạn trình bày |
| Địa điểm | Trong lớp học, trong gia đình, trong buổi trò chuyện với bạn bè.... |
| Thời gian trình bày bài nói. | Trình bày bài nói trong khoảng năm đến bẩy phút. |

**3. Hoạt động 3: Luyện tập :60p**

a) Mục tiêu: Học sinh vận dụng kiến thức đã học để làm bài tập

b) Nội dung hoạt động: HS tóm tắt bài học bằng sơ đồ tư duy

c) Sản phẩm học tập:

d) Tổ chức thực hiện:

**\* Chuyển giao nhiệm vụ:** Đọc bài tập và làm việc cá nhân

Qua các bài thơ “ Đồng dao mùa xuân”, “ Gặp lá cơm nếp” em đã phần nào thấy được hình ảnh những người lính trong những năm chiến tranh. Dựa vào những hiểu biết của bản thân, hãy trình bày suy nghĩ của em về chủ đề người lính trong cuộc sống hôm nay?

**\* Thực hiện nhiệm vụ:**

- Học sinh tiếp nhận: Nắm được yêu cầu, thực hiện nhiệm vụ thông qua nhóm.

- Giáo viên: Quan sát, theo dõi quá trình học sinh thực hiện, gợi ý nếu cần

**Mở đầu:**

+ Giới thiệu về bài thơ câu chuyện đã đọc và xem sách về chủ đề người lính trong cuộc sống hôm nay.

+ Cũng có thể bắt đầu từ một hình ảnh đẹp về người lính trong cuộc sống hôm nay rồi liên hệ với một tác phẩm văn học và giới thiệu chủ đề bài nói.

**Triển khai:** Trình bày đặc điểm, phẩm chất của người lính hôm nay và những suy nghĩ, tình cảm của bản thân về người lính:

**+ Hoàn cảnh đất nước:**

Đất nước đã hoà bình nhưng chủ quyền lãnh thổ (nhất là biển đảo vẫn là một vấn đề “nóng” cả trên bàn đàm phán và trên thực địa.

Đất nước đang trên đường hội nhập và phát triển kinh tế xã hội với thế giới.

**Nhiệm vụ:** bảo vệ tổ quốc và giữ gìn bình yên cho cuộc sống nhân dân.

+ Bảo vệ vững chắc chủ quyền thiêng liêng của tổ quốc, nhất là chủ quyền biển đảo và biên giới.

+ Sự cuộc sống bình yên cho nhân dân: tham gia phòng chống dịch bệnh, cứu hộ cứu nạn lúc thiên tai, giúp nhân dân vùng khó khăn ổn định cuộc sống,…

**Những phẩm chất người lính trong cuộc sống hôm nay (thể hiện qua những việc làm cụ thể., )**

+ Trung thành với tổ quốc.

+ Quyết tâm vượt mọi gian khổ để hoàn thành nhiệm vụ.

+ Anh dũng chiến đấu, hy sinh vì nhân dân, dân tộc.

+ Gắn bó với nhân dân

**Những suy nghĩ, tình cảm của em với những người lính trong cuộc sống hôm nay:**

+ Cảm phục và biết ơn sâu sắc trước những hy sinh vất vả và các chiến sĩ đã, đang và sẽ là vì nhân dân,…

+ Noi theo gương sống và chiến đấu của các chiến sĩ.

**Kết thúc:** Rút ra bài học từ thái độ sống và tinh thần xả thân vì nhân dân của người lính.

**\* Báo cáo kết quả:** Cá nhân trình bày kết quả

**\* Đánh giá nhận xét:**

- Học sinh nhận xét câu trả lời.

**4. Hoạt động 4: Vận dụng ( 4P)**

**a) Mục tiêu:** HS vận dụng những kiến thức đã học để giải quyết một số vấn đề trong cuộc sống

**b) Nội dung:**  Tìm vấn đề được gợi ra trong các văn bản đã học?

**c) Sản phẩm:** Bài làm của học sinh

**d) Tổ chức thực hiện**

**\* Chuyển giao nhiệm vụ:**  Cho hai cột A và B dưới đây, hãy nối tên văn bản với vấn đề đời sống có thể được gợi ra từ văn bản đó sao cho phù hợp?

**\* Thực hiện nhiệm vụ:**

**\* Báo cáo kết quả:**

**\* Đánh giá nhận xét:**

- Học sinh nhận xét câu trả lời

- Giáo viên sửa chữa, đánh giá, chốt kiến thức.

**Ngày soạn:01/11/2022 TUẦN 8**

**Ngày dạy:19/11/2022**

**Tiết 15-16\* ÔN TẬP GIỮA KÌ I**

**I. MỤC TIÊU.**

**1. Kiến thức:**

Ôn tập kiến thức đã học.

**2. Năng lực:**

**a. Các năng lực chung:**

- Năng lực tự học; năng lực giải quyết vấn đề; năng lực tư duy; năng lực giao tiếp; năng lực hợp tác; năng lực sử dụng ngôn ngữ.

**b. Các năng lực chuyên biệt:**

- Năng lực sử dụng ngôn ngữ.

- Năng lực đọc, viết, nghe, nói, năng lực cảm thụ văn học

**3. Phẩm chất:**

 Giáo dục hs ý thức tìm hiểu về cách dung từ, cách nhận biết phép tu từ…

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của giáo viên:**

- Kế hoạch bài học.

- Học liệu: bảng phụ, máy chiếu đa năng, tài liệu tham khảo, phiếu học tập.

**2. Chuẩn bị của học sinh:** soạn bài theo nội dung được phân công.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU( 4P)**

**1 Mục tiêu**: tạo tình huống/vấn đề học tập nhằm huy động kiến thức, kinh nghiệm hiện có của học sinh và nhu cầu tìm hiểu kiến thức mới liên quan đến tình huống/vấn đề học

**b. Nội dung:** HĐ cá nhân

**c. Sản phẩm:** câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

**\* Chuyển giao nhiệm vụ:**

- *HS*: tiếp nhận

***\* Dự kiến sản phẩm:***

***\* Báo cáo kết quả:***HS trả lời cá nhân

***\* Đánh giá kết quả:***

- HS nhận xét, bổ sung đánh giá

- GV nhận xét, đánh giá:

-> GV nêu mục đích bài học

**2. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC( 42P)**

**Hoạt động 1: Phần văn**

a**. Mục tiêu**: Ôn lại lí thuyết về phần đọc văn

**b. Nội dung:** HS tìm hiểu các ví dụ

**c. Sản phẩm:**  Đại diện nhóm lên trình bày sản phẩm, các nhóm khác bổ sung

**d. Tổ chức thực hiện:**

**HĐ cặp đôi (10 phút)**

***\* Gv chuyển giao nhiệm vụ cho HS.***

1. Nắm lại tên văn bản đã học, tên tác giả, thể loại?

**\* Dự kiến sản phẩm**

*- Bầy chim chìa vôi*( Nguyễn Quang Thiều)- Truyện

-.Đi lấy mật ( Đoàn Gioir)- Tiểu thuyết

-. Ngàn sao làm việc ( Võ Quảng)- thơ năm chữ

- Đồng dao mùa xuân ( Nguyễn Khoa Điềm)- thơ

-Gặp lá cơm nếp ( Thanh Thảo) - thơ

-Trở gió ( Nguyễn Ngọc Tư)- tản văn

-Vừa nhắm mắt vừa mở cửa sổ ( Nguyễn Ngọc Thuần ) – truyện

- Người thầy đầu tiên ( Ai-ma-top)– truyện

2- Thơ là một hình thức sáng tác văn học phản ánh cuộc sống với những cảm xúc chất chứa, cô đọng, những tâm trạng dạt dào, những tưởng tượng mạnh mẽ, trong ngôn ngữ hàm súc, giàu hình ảnh, và nhất là có nhịp điệu

3- Truyện là loại tác phẩm văn học kể lại một câu chuyện, có cốt truyện, nhân vật, không gian, thời gian, hoàn cảnh diễn ra các sự việc.

4.Tản văn (tập văn) là thể loại văn xuôi ngắn gọn, hàm súc.

+ Tác giả thường dựa vào một chi tiết, một sự việc trong cuộc sống để thể hiện tâm trạng, suy nghĩ của mình.

+ Tản văn thường tự do trong các biểu hiện, kết hợp tự sự, trữ tình, nghị luận và miêu tả.

+ Ngôn từ của tản văn gần gũi đời thường, như lời chuyện trò, bàn luận, tâm sự.

**Đặc điểm nhận biết:thơ bón chữ**

+ Mỗi dòng thơ gồm bốn chữ.

+ Không hạn chế về số dòng trong mỗi khổ, số khổ trong mỗi bài.

**Cách gieo vần**

Chim bay, chim s**à**  
Lúa tròn bụng s**ữa**  
Đồng quê chan ch**ứa**Những lời chim c**a**.

( Com chim chiền chiện- Huy Cận)

+ Vần được đặt ở cuối mỗi dòng thơ => **vần chân.**

+ Có thể được gieo liên tiếp hai câu thơ liền nhau => **vần liền( sữa- chứa).**

+ Vần có thể được gieo cách một hoặc hai dòng thơ => **vần cách( sà- ca).**

Cháu cười híp m**í**.

Má đỏ bồ qu**ân**

- Thôi, chào đồng ch**í**. Cháu đ**i** xa d**ần**

( Lượm- Tố Hữu)

+ Vần được đặt ở cuối mỗi dòng thơ => **vần chân(mí- chí- quân- dần).**

+ Vần được gieo ở giữa dòng thơ, tiếng cuối của dòng trên vần với tiếng giữa của dòng dưới => **vần lưng( chí- đi)**

**=> Vần hỗn hợp**

\* **Báo cáo kết quả:** đại diện nhóm đôi trình bày.

**\* Đánh giá kết quả:**

- HS nhận xét, bổ sung đánh giá

- GV nhận xét, đánh giá

- GV chốt kiến thức và ghi bảng

**Hoạt động 2: Phần tiếng Việt**

a**. Mục tiêu**: Ôn lại lí thuyết về phần tiếng việt

**b. Nội dung:** HS tìm hiểu các ví dụ

**c. Sản phẩm:**  Đại diện nhóm lên trình bày sản phẩm, các nhóm khác bổ sung

**d. Tổ chức thực hiện:**

**HĐ cặp đôi (10 phút)**

***\* Gv chuyển giao nhiệm vụ cho HS.***

1.Mở rộng thành phần câu bằng trạng ngữ

2. Số từ ?

3. phó từ?

**\* Dự kiến sản phẩm**

1.1Trạng ngữ là thành phần phụ trong câu.

- Chức năng của trạng ngữ trong câu.

Giúp bổ sung thông tin về thời gian, nơi chốn, nguyên nhân, mục đích, phương tiện, cách thức, điều kiện … cho sự việc được nói đến trong câu. Hoặc dùng để liên kết các câu trong đoạn văn.

- Vị trí trạng ngữ trong câu? Thường nằm ở đầu câu. Đôi khi nằm ở giữa câu hoặc cuối câu. Được ngăn cách với các thành phần chính trong câu bằng dấu phẩy hoặc quan hệ từ.

1.2. Mở rộng thành phần câu bằng chủ ngữ, vị ngữ

Chủ ngữ:

+ Thường trả lời cho câu hỏi: ai?, cái gì? con vật gì?.

+ Là thành phần nêu lên chủ thể (người, vật, hiện tượng …)của hành động, đặc điểm, trạng thái được nói đến trong câu.

+ Thường có cấu tạo là đại từ, danh từ hoặc cụm danh từ.

VD:Cho câu văn sau: Cánh diều đang tự do bay lượn.

Hãy mở rộng thành phần chủ ngữ của câu bằng cụm từ.

->Muôn ngàn cánh diều đủ màu sắc đang tự do bay lượn

->Những cánh diều trên bầu trời đang tự do bay lượn.

->Những cánh diều ấy đang tự do bay lượn.

->Cánh diều sau khi nó gió đang tự do bay lượn.

Vị ngữ:

|+ Thường trả lời cho câu hỏi: là gì? làm gì? thế nào?.

+ Là thành phần câu nêu hành động, đặc điểm, trạng thái của chủ thể được nói đến trong câu.

+Thường có cấu tạo là động từ (hoặc cụm động từ), tính từ (hoặc cụm tính từ.)

Lửa cháy.

Lửa cháy bập bùng trong màn sương sớm.

Lửa cháy tí tách trong bếp lò

Lửa cháy ấm áp trong nhà sàn giữa mùa đông lạnh lẽo

Lửa cháy hăng hắc mùi lá khuynh diệp tươi.

2. Khái niệm cụm từ.Là các tổ hợp từ có cấu tạo phức tạp hơn một từ nhưng mang lại nhiều thông tin hơn so với từ.

Các loại cụm từ

Cụm danh từ. Cụm động từ. Cụm tính từ.

Ví dụ về cụm từ

“Bẩy chim non ấy”

“Đã đi rất xa”.

“Vẫn còn mới như lúc đầu”

**\* Báo cáo kết quả:** đại diện nhóm đôi trình bày.

**\* Đánh giá kết quả:**

- HS nhận xét, bổ sung đánh giá

- GV nhận xét, đánh giá

- GV chốt kiến thức và ghi bảng

**Hoạt động 3: Phần Tập làm văn**

a**. Mục tiêu**: Ôn lại lí thuyết về phần Tập làm văn

**b. Nội dung:** HS tìm hiểu các ví dụ

**c. Sản phẩm:**  Đại diện nhóm lên trình bày sản phẩm, các nhóm khác bổ sung

**d. Tổ chức thực hiện:**

**HĐ cặp đôi (10 phút)**

***\* Gv chuyển giao nhiệm vụ cho HS.***

-Tóm tắt văn bản theo độ dài khác nhau.

- Viết đoạn văn ghi lại cảm xúc sau khi đọc một bải thơ bốn chữ, năm chữ.

- Trình bày suy nghĩ về một vấn đề trong đời sống ( được gợi ra từ một tác phẩm văn học đã học).

**\* Dự kiến sản phẩm**

**\* Báo cáo kết quả:** đại diện nhóm đôi trình bày.

**\* Đánh giá kết quả:**

- HS nhận xét, bổ sung đánh giá

- GV nhận xét, đánh giá

- GV chốt kiến thức và ghi bảng

**3. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP( 40P)**

a**. Mục tiêu**: vận dụng kiến thức đã học để làm bài tập

**b. Nội dung:** HS tìm hiểu các ví dụ từ ngữ liệu ở màn hình

**c. Sản phẩm:** Đại diện nhóm lên trình bày sản phẩm, các nhóm khác bổ sung

**d. Tổ chức thực hiện:**

***\*******Chuyển giao nhiệm vụ***

Đoạn văn ghi lại cảm xúc về 1 bài thơ em đã học

***\* Dự kiến sản phẩm***

1. Đồng dao mùa xuân là một bài thơ đã phác họa chân dung người lính rất gần gũi và chân thực. Họ là người anh hùng gan dạ, sẵn sàng hi sinh tuổi xuân của mình để bảo vệ độc lập tổ quốc. Nhưng ở họ cũng có những nét rất đời thường. Bởi các anh cũng là những chàng trai mới lớn, chưa một lần yêu ai, vẫn còn mê thả diều, chưa dám uống cốc cà phê đắng ngắt. Cách miêu tả ấy của nhà văn giúp em thêm yêu mến và ngưỡng mộ sự hi sinh to lớn của các anh. Đồng thời cũng càng thêm đau xót, thương tiếc vô cùng trước sự ra khi còn quá trẻ ấy. Mùa xuân của các anh đã thắp nên mùa xuân của đất nước. Sự hi sinh vĩ đại ấy, chúng em sẽ mãi khắc ghi trong lòng, và cố gắng học tập, rèn luyện sao cho xứng đáng với công lao của các anh.

2. Gặp lá cơm nếp là một bài thơ năm chữ rất hay của nhà thơ Thanh Thảo. Bài thơ đã khắc họa được dòng cảm xúc của người lính bộ đội cụ Hồ rất sâu sắc và cảm động. Trên đường hành quân ở một nơi xa xôi, người lính đã bắt gặp một hình dáng quen thuộc - chiếc lá cơm nếp. Chiếc lá ấy đã khiến anh nhớ về bao kỉ niệm đẹp bên nắm xôi nếp. Đó chính là những kỉ niệm đẹp đẽ bên người mẹ tần tảo, luôn yêu thương, chịu khó và hi sinh vì con cái. Những hình ảnh ấy, anh ghi khắc trong tim, không bao giờ quên. Chúng là hành trang cũng là cội nguồn của sức mạnh cho anh chiến đấu mỗi ngày. Tình yêu mẹ, yêu quê hương to lớn ấy của người lính khiến em vô cùng xúc động và ngưỡng mộ.

Đề bài: Trình bày suy nghĩ về một vấn đề đời sống (được gợi ra từ những tác phẩm văn học đã học. VD: gặp lá cơm nếp, đồng dao mùa xuân,....)

Bài làm

Bài tham khảo 1:

Tình cảm giữa con người với con người, con người với sự vật, con người với quốc gia luôn là những tình cảm thiêng liêng, đáng quý. Nhà thơ Thanh Thảo cũng đã lấy cảm hứng từ tình cảm đó mà viết nên bài thơ “Gặp lá cơm nếp” gợi lên trong em rất nhiều suy nghĩ về tình cảm con người.

Bài thơ “Gặp lá cơm nếp” nói về dòng cảm xúc của nhân vật người con dành cho người mẹ già và đất nước. Thanh Thảo đã gửi gắm nhiều tâm tư, nỗi nhớ và tình cảm của mình thông qua nhân vật người con. Trên đường hành quân tại chiến trường Trường Sơn khốc liệt, người con vô tình ngửi thấy hương vị của lá xôi nếp lạ lùng nhưng lại rất thân quen. Mùi hương ấy dẫn anh nhớ về hình ảnh người mẹ tần tảo, chịu khó đang đứng trong bếp nấu cơm cho anh khiến anh xúc động nghẹn ngào. Mùi hướng ấy còn đưa anh nhớ đến hương vị thân thuộc của quê hương đất nước, để rồi nỗi nhớ ấy được chia đôi cho mẹ già và đất nước. Tình cảm thương nhớ, thủy chung ấy đã bừng lên ngọn lửa hồng thắp sáng tâm hồn nhạy cảm và bùng lên ý chỉ quyết tâm hoàn thành trách nghiệm bảo vệ Tổ quốc của mình.

Thông qua tình cảm gắn bó thiêng liêng ấy của người con với người mẹ, đất nước chúng ta cũng có thể soi xét vào bản thân mình. Trong cuộc sống, chúng ta bị quy định bởi rất nhiều mối quan hệ. Từ khi sinh ra, chúng ta đã gắn bó với cha mẹ, anh chị em ruột thịt. Tình cảm đó chắc chắn luôn là thiêng liêng, quan trọng nhất với cuộc đời mỗi người. Cho dù mai này có trưởng thành và đi thật xa, nhưng khi cuộc sống có quá nhiều áp lực, khó khăn, thì gia đình là nơi bình yên và hạnh phúc nhất để quay trở về. Người ta nói, giữa cha mẹ và con cái luôn có một sợi dây liên kết vô hình. Điều này quả thật rất đúng đắn. Hình ảnh cha mẹ luôn gắn liến với công lao sinh thành, dưỡng dục lớn lao, nên bổn phận làm con, chúng ta phải biết yêu thương, kính trọng và báo hiếu với cha mẹ khi còn có thể. Bởi lẽ tình cảm gắn kết ấy là duy nhất, không có gì có thể thay thế được bằng tình yêu bao la của cha mẹ dành cho con cái và sự biết ơn, dựa dẫm vào cha mẹ của người con.

Đi ra xa hơn là tình cảm của con người dành cho quê hương, đất nước. Sinh ra trong một cộng đồng nhỏ là gia đình, đến khi trưởng thành và lớn lên, con người phải chung sống, đóng góp sức mình vào cộng đồng lớn hơn. Đó chính là xã hội, quê hương và đất nước. Trong xã hội hòa bình bây giờ, chúng ta không cần phải hi sinh bản thân mình vào công cuộc kháng chiến cách mạng như thời xưa. Nhưng khi Tổ quốc cần đến mình, là một người trẻ tuổi, chúng ta phải sẵn sàng và tích cực tham gia vào các hoạt động bảo vệ cho đất nước. Không được thờ ơ, trốn tránh mà phải dũng cảm, tự tin làm chủ non sông, đất nước, đưa quê hương mình ngày một phát triển và sánh ngang với các cường quốc năm châu như lời Bác Hồ căn dặn.

Tóm lại, tình cảm của con người trong cuộc sống là rất da dạng, bởi con người là một cá thể nhỏ bé trong một cộng đồng rộng lớn. Chúng ta hãy luôn dành những tình cảm yêu thương, gắn bó với những điều giản dị nhất quanh ta.

Bài tham khảo 2:

Sau khi đọc xong những dòng thơ đầy xúc động về hình ảnh người lính trong bài thơ “Đồng dao mùa xuân” của Nguyễn Khoa Điềm, em đã có rất nhiều suy nghĩ về trách nhiệm của thế hệ trẻ đối với sự nghiệp bảo vệ quê hương đất nước.

Bài thơ thể hiện tình cảm tiếc thương, sự trân trọng và biết ơn những người đã dâng hiến tuổi thanh xuân của mình cho đất nước. Đó chính là những người lính đã hi sinh trên chiến trường Trường Sơn trong “Những năm máu lửa”. Hình ảnh người lính bình dị, thân quen với trách nhiệm lớn lao mà các anh phải gánh vác trên vai gợi cho người đọc thấy mình cần phải có trách nhiệm hơn với quê hương, đất nước. Cho dù những người lính ấy đã hi sinh nhưng anh linh của các anh vẫn còn sống mãi. Đặc biệt là “ngày xuân ngọt ngào” của người lính không bao giờ mất đi, mà sẽ từ núi xanh trở về và hồi sinh trong các thế hệ sau, trong mùa xuân đất nước

Từ hình ảnh người lính trong bài thơ, người đọc chúng ta sẽ gợi nên nhiều suy nghĩ về trách nhiệm của thế hệ trẻ trong sự nghiệp bảo vệ quê hương đất nước. Tuy nhiên, trong cuộc sống hiện đại ngày nay, có rất nhiều thanh niên còn ham chơi, không chịu khó học tập, rèn luyện bản thân. Họ lo sợ và cho rằng, tham gia học quân sự, rèn luyện tư tưởng Đảng, đi bộ đội là những việc làm không cần thiết, mất thời gian và lãng phí thanh xuân của họ. Nhưng họ đâu có biết rằng, để có được một cuộc sống hòa bình, tự do và hạnh phúc như này hôm nay, thế hệ trước bao gồm những người lính cách mạng đã phải chiến đấu, hi sinh cực khổ như thế nào. Họ cũng chỉ là những chàng thanh niên trẻ tuổi như chúng ta, nhưng họ vì sự nghiệp lớn lao của dân tộc mà hi sinh bản thân, tuổi xuân của mình cống hiến cho đất nước. Nếu không có họ thì sẽ không thể có chúng ta của ngày hôm nay.

 Vì vậy, các bạn trẻ cần phải giác ngộ, rèn luyện ý thức và tư tưởng đúng đắn, kịp thời. Không ngừng học tập, trau dồi bản thân để ngày càng phát triển. Tích cực tham gia vào các hoạt động tập thể mang nhiều ý nghĩa, sức ảnh hưởng lớn. Tự tin, dũng cảm chinh phục mọi khó khăn, dám đương đầu với thử thách và nguy hiểm. Khi Tổ quốc cần thì phải sẵn sàng tham gia, cống hiến sức trẻ vì sự nghiệp lớn lao của dân tộc. Bên cạnh đó, phê bình, tố cáo các hành vi phản động, thiếu trách nhiệm với nền độc lập, hòa bình của đất nước.

 Chúng ta của hôm nay được thừa hưởng những thành quả của sự chiến đấu, hi sinh anh dũng của thế hệ trước. Chính vì thế, là những thanh niên trẻ tuổi, hãy đóng góp sức mình để tiếp nối truyền thống yêu nước và làm nên đất nước muôn đời.

.\* ***Báo cáo kết quả:***Cá nhân báo cáo tại chỗ

***\* Đánh giá kết quả:***

- HS nhận xét, bổ sung đánh giá

- GV chốt kiến thức và ghi bảng

**4. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG: (4P)**

**a. Mục tiêu:**. HS phát hiện các tình huống thực tiễn và vận dụng được các kiến thức, kĩ năng trong cuộc sống tương tự tình huống/vấn đề đã học.

**b. Nội dung:** HĐ cá nhân

**c. Sản phẩm:** câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

***\* Chuyển giao nhiệm vụ cho HS***

- HS suy nghĩ.

*- Giáo viên:* hướng dẫn, nghe HS trình bày.

***\* Dự kiến sản phẩm:***câu trả lời của HS:

***\* Báo cáo kết quả:*** Hs trình bày

***\* Đánh giá kết quả:***

+ Hs khác nhận xét, bổ sung, đánh giá

+ GV đánh giá câu trả lời của HS.

**\* Hướng dẫn học và làm bài ở nhà:**

- Học, nắm chắc nội dung bài học

\* Đối với bài mới: Chuẩn bị bài mới:**KIỂM TRA GIỮA HỌC KỲ I**

**Ngày soạn:01/11/2022 TUẦN 9**

**Ngày dạy: 2022**

**Tiết 17-18\* THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT: LUYỆN TẬP VỀ SỐ TỪ**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức:** Giups HS ôn lại đặc điểm của số từ và hiểu được chức năng của số từ để sử dụng đúng và hiệu quả trong các hoạt động đọc, viết, nói và nghe.

**2. Năng lực**

*a.Năng lực chung:*

***-*** Năng lực tự chủ và tự học: Tìm kiếm thông tin, đọc sách giáo khoa, quan sát tranh ảnh để tìm hiểu về bài học.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Thảo luận nhóm để thực hiện phiếu học tập, hợp tác giải quyết vấn đề để tìm hiểu về bài học.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Năng lực trình bày và trao đổi thông tin trước lớp.

***b.*** *Năng lực đặc thù:* Biết cách

+ Nhận biết được đặc điểm của số từ và chức năng của số từ trong câu.

+ Sử dụng đúng và hiệu quả số từ trong các hoạt động đọc viết nói và nghe.

**3. Phẩm chất:**

- Rèn luyện thái độ cẩn trọng khi dùng từ, đặt câu trong các hoạt động giao tiếp, không sử dụng tiếng Việt cẩu thả và bừa bãi. Có Ý thức giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt

- Thích đọc sách, báo, tìm tư liệu trên mạng Internet để mở rộng hiểu biết.

**II. THIẾT BỊ VÀ HỌC LIỆU**

- Học liệu: Ngữ liệu/Sách giáo khoa, phiếu học tập.

- Thiết bị: Máy tính, máy chiếu.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

1. Hoạt động 1: Khởi động **( 4P)**

a) Mục tiêu: Tạo tâm thế và định hướng chú ý cho học sinh; tạo vấn đề vào chủ đề

b) Nội dung hoạt động: HS chơi trò chơi

c) Sản phẩm học tập: Câu trả lời/chia sẻ của HS bằng ngôn ngữ

d) Tổ chức hoạt động:

**\* Chuyển giao nhiệm vụ:** Chọn các con số phù hợp để điền vào chỗ trống trong các thành ngữ, tục ngữ sau: một, ba, hai.

….một con ngựa đau cả tàu bỏ cỏ.

…..quỷ….ma thứ….học trò

**\* Học sinh trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ:**

- Gv quan sát lắng nghe

- Hs quan sách giáo khoa tìm câu trả lời.

**\* Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận:**

- Hs trình bày sản phẩm cá nhân

- Gv gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

**\* Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ, kết nối vào bài học:**  Thông qua trò chơi các em thấy có rất nhiều câu thành ngữ, tục ngữ trong kho tàng thành ngữ, tục ngữ của tiếng việt cũng như là trong thực tế cuộc sống giao tiếp hằng ngày, chúng ta thường dùng rất nhiều các từ để chỉ số lượng để chỉ số đếm. Và ngày hôm nay thầy trò mình sẽ tìm hiểu từ loại có tác dụng và chức năng như vậy đó là “ Số từ”

**2. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC( 30P)**

**1, Ôn tập lí thuyết**

a) Mục tiêu: học sinh nhận biết số từ thông qua các ví dụ

b) Nội dung hoạt động: Gv tổ chức cho học sinh nhận biết số từ.

c) Sản phẩm học tập: Câu trả lời của các câu hỏi, bài tập.

d) Tổ chức thực hiện:

**Chuyển giao nhiệm vụ:**

- GV yêu cầu HS thực hiện các nhiệm vụ học tập sau:

1. Đặc điểm cơ bản của số từ?

2. Có mấy loại số từ? Kể tên và nêu đậc điểm của các loại số từ đó?

3. Phân biệt số từ với danh từ chỉ đơn vị

**Thực hiện nhiệm vụ:**

**=>Số từ là các từ chỉ số lượng hoặc số thứ tự của sự vật.**

Các danh từ chỉ đơn vị gắn với ý nghĩa số lượng và chúng có đặc điểm ngữ pháp của một danh từ.

Chúng có thể kết hợp với các số từ đứng trước: **năm** đôi tất, **hai** chục trứng, **một** tá bút màu. ...

Chúng cũng có thể kết hợp với các từ có ý nghĩa chỉ định đứng sau: đôi tất **này**, chục trứng **ấy**, tá bút màu **kia.**..

- HS thảo luận nhóm bàn, nghiên cứu SGK phần Tri thức tiếng Việt và thống nhất câu trả lời.

**Báo cáo, thảo luận:**

- Đại diện 1 – 2 nhóm HS trình bày câu trả lời.

- HS khác chú ý theo dõi, chuẩn bị nhận xét.

**Kết luận, nhận định:**

**3. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP( 52P)**

**a. Mục tiêu:** Hs hoàn thiện kiến thức vừa chiếm lĩnh được; rèn luyện kĩ năng áp dụng kiến thức mới để giải quyết các tình huống/vấn đề trong học tập.

**b. Nội dung:** GV giao nhiệm vụ cho HS trả lời các câu hỏi

**c. Sản phẩm:**  Câu trả lời của HS; phiếu học tập của nhóm

**d. Tổ chức thực hiện:**

***\* Chuyển giao nhiệm vụ cho HS***

***1.****Xác định các số từ trong đoạn thơ sau :*

*Chúng bay chỉ một đường ra :*

*Một là tử địa hai là tù binh […]*

*Nghe trưa nay, tháng năm mồng bảy*

*Trên đầu bay, thác lửa hờn căm!*

*Trông : bốn mặt, luỹ hầm sập đổ*

*Tướng quân bay lố nhố cờ hàng…*

*(Tố Hữu)*

***2.****Xác định ý nghĩa của số từ trong đoạn thơ sau :*

*Một yêu em cố tăng gia Hai yêu em có đàn gà đầy sân Ba yêu làm cỏ bón phân Bôn yêu sớm tối chuyên cần tưới rau…*

*(Mười yêu)*

***3.****Trong câu sau đây : Nhất nước. nhì phân, tam cần, tứ giống*

*(Tục ngữ)*

*Các từ nhất, nhì, tam, tứ là số từ chỉ số lượng hay số từ chỉ thứ tự ? Vì sao ?*

***4.****Đọc bài Không ngủ được của Hồ Chí Minh, bạn Lan giải ngay ra rằng : một canh, hai canh, ba canh thì một, hai, ba là số từ chỉ số lượng còn trong canh bốn, canh năm thì bốn, năm là số từ chỉ thứ tự. Thấy Lan làm bài nhanh quá, bố hỏi:*

*– Thế câu thơ Tám giờ chuông đánh phải nằm co thì tám ở đây là số từ chỉ số lượng hay chỉ thứ tự ?*

*Em hãy cùng Lan suy nghĩ rồi trả lời.*

***5.****Lan và bố đi dự tiệc ở một khách sạn. Lan nghe một ông khách gọi :*

*– Cho hai mâm sáu ra đây !*

*6. Viết đoạn văn ngắn( 3 đến 5 câu) có dùng ít nhất một thành ngữ. Gạch chân dưới thành ngữ vừa dùng.*

***\* Dự kiến sản phẩm:***

2. Ở câu thứ nhất một đứng trước đường.

Ở câu thứ hai đường bị lược bỏ, do đó học sinh thêm từ con đường thứ vào một và hai mà không phá vỡ ý nghĩa của câu thơ để xác định ý nghĩa của số từ một và hai.

Các số từ còn lại học sinh có thể tự xác định.

**3.**Câu này hơi khó. Học sinh chú ý xét quan hệ giữa nhất với nước. Nhất ở đây khồng bổ sung ý nghĩa trực tiếp cho nước như kiểu tứ diện (bốn mặt). Đây là tục ngữ, phải súc tích, cô đọng nên các từ ngữ đều bị rút gọn lại. Ta phải phục hồi lại để hiểu cho đúng. Câu trên có thể hiểu như sau : Thứ nhất là nước, thứ nhì là phân, thứ ba là chuyên cần, thứ tư là giống tốt. Căn cứ vào đó, học sinh tự giải bài này.

**4.**Học sinh hãy đọc kĩ bài Không ngủ được của. Bác Hồ để thấy được có canh bốn, canh năm thì phải có canh một, canh hai, canh ba. Ngày xưa người ta chia thời gian của một đêm làm năm canh. Cho nên canh bốn, canh năm là số thứ tự. Ngày nay người ta chia một ngày làm 24 giờ. Vậy đồng hồ chỉ 1 giờ hay 8 giờ thì 1 và 8 đều là số thứ tự. Đáng lẽ chúng ta phải nói là “giờ một” và “giờ tám” nhưng đây là cách nói theo thói quen đã được mọi người chấp nhận. Trong ngôn ngữ, cái sai lâu ngày khi được cộng đồng chấp nhận lại trở thành cái đúng.

Để hiểu đúng, học sinh xét hai trường hợp sau đây :

– Tôi làm việc tám giờ một ngày.

– Bây giờ là tám giờ sáng.

Trường hợp thứ nhất tám là số lượng. Vậy trường hợp thứ hai tám là số thứ tự.

***.\* Báo cáo kết quả:***

- HS lần lượt báo cáo kết quả các bài

***\* Đánh giá kết quả:***

- HS nhận xét, bổ sung đánh giá

- GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức.

**4. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG: (4P)**

**a. Mục tiêu:**. HS phát hiện các tình huống thực tiễn và vận dụng được các kiến thức, kĩ năng trong cuộc sống tương tự tình huống/vấn đề đã học.

**b. Nội dung:** HĐ cá nhân

**c. Sản phẩm:** câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

***\* Chuyển giao nhiệm vụ cho HS***

Viết đoạn văn- có sử dụng số từ

***\* Dự kiến sản phẩm:***câu trả lời của HS:

***\* Báo cáo kết quả:*** Hs trình bày

***\* Đánh giá kết quả:***

+ Hs khác nhận xét, bổ sung, đánh giá

+ GV đánh giá câu trả lời của HS.

-> GV chốt kiến thức.

**\* Hướng dẫn học và làm bài ở nhà:**

- Học, nắm chắc nội dung bài học

- Hoàn chỉnh các bài tập sgk, sách bài tập Ngữ văn.

\* Đối với bài mới: Chuẩn bị bài:

**Ngày soạn:15/11/2022 TUẦN 10**

**Ngày dạy:05/12/2022**

**Tiết 19-20\* THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT: LUYỆN TẬP VỀ PHÓ TỪ**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức:**

Ôn lại đặc điểm và chức năng của phó từ để sử dụng đúng và hiệu quả trong các hoạt động đọc, viết, nói và nghe.

**2. Năng lực**

*a.Năng lực chung:*

***-*** Năng lực tự chủ và tự học: Tìm kiếm thông tin, đọc sách giáo khoa, quan sát tranh ảnh để tìm hiểu về bài học.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Thảo luận nhóm để thực hiện phiếu học tập, hợp tác giải quyết vấn đề để tìm hiểu về bài học.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Năng lực trình bày và trao đổi thông tin trước lớp.

***b.*** *Năng lực đặc thù:*

+ Nhận biết được đặc điểm của phó từ và chức năng của phó từ trong câu.

+ Sử dụng đúng và hiệu quả phó từ trong các hoạt động đọc viết nói và nghe.

**3. Phẩm chất:**

- Có thái độ cẩn trọng khi dùng từ đặt câu trong các hoạt động giao tiếp không sử dụng tiếng Việt cẩu thả và bừa bãi. Có ý thức giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt

- Thích đọc sách, báo, tìm tư liệu trên mạng Internet để mở rộng hiểu biết.

**II. THIẾT BỊ VÀ HỌC LIỆU**

- Học liệu: Ngữ liệu/Sách giáo khoa, phiếu học tập.

- Thiết bị: Máy tính, máy chiếu.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

1. Hoạt động 1: Mở đầu **( 4P)**

a) Mục tiêu: Tạo tâm thế và định hướng chú ý cho học sinh; tạo vấn đề vào chủ đề

b) Nội dung hoạt động: HS trả lời câu hỏi.

c) Sản phẩm học tập: Câu trả lời/chia sẻ của HS bằng ngôn ngữ

d) Tổ chức hoạt động:

**\* Chuyển giao nhiệm vụ:** Quan sát hình ảnh và dùng từ đúng chính tả đặc điểm của những quả khế trong hình:

**\* Học sinh trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ:**

- Gv quan sát lắng nghe

- Hs quan sách giáo khoa tìm câu trả lời.

**\* Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận:**

- Hs trình bày sản phẩm cá nhân

- Gv gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

**\* Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ, kết nối vào bài học:**

**2. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC( 30P)**

a) Mục tiêu: Ôn lại kiến thức về phó từ

b) Nội dung hoạt động: Gv tổ chức cho học sinh nhận biết số từ.

c) Sản phẩm học tập: Câu trả lời của các câu hỏi, bài tập.

d) Tổ chức thực hiện: **Hình thức:** Làm việc nhóm

**\* Chuyển giao nhiệm vụ:**

1. Phó từ là gì?

2.Các loại phó từ

**- Hs tiếp nhận nhiệm vụ.**

**\* Học sinh trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ:**

- Gv quan sát lắng nghe

- Hs quan sách giáo khoa tìm câu trả lời.

1.Phó từ (còn gọi là phụ từ đi kèm) là các từ dùng để bổ nghĩa cho các từ chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm.

2.

|  |  |
| --- | --- |
| **Khả năng kết hợp với các thành tố trung tâm của cụm từ..** | **Các loại phó từ** |
| Đi kèm danh từ, là thành tố phụ cho danh từ. | **Phó từ bổ sung ý nghĩa về số lượng sự vật.**  **Ví dụ:** những, các, mọi, mỗi, từng, tất cả, tất thẩy... |
| Đi kèm động từ, tính từ, làm thành tố phụ trước hoặc sau cho động từ hoặc tính từ. | **+ Phó từ bổ sung ý nghĩa thời –thế**  **Ví dụ:** đã, từng, vừa, mới, đang, sẽ, sắp....  **+ Phó từ chỉ sự tiếp diễn tương tự**  **Ví dụ:** vẫn, cứ, còn, lại, đều, cũng,...  **+ Phó từ chỉ sự khẳng định, phủ định.**  **Ví dụ:** có, không, chưa, chẳng...  **+ Phó từ chỉ sự cầu khiến hay mệnh lệnh.**  **Ví dụ:** hãy, đừng, chớ,...  **+ Phó từ chỉ mức độ.**  **Ví dụ:** rất, hơi, khá, quá, lắm, vô cùng, cực kỳ...  **+ Phó từ chỉ sự hoàn thành**  **Ví dụ:** xong, rồi...  **+ Phó từ chỉ sự kết quả.**  Ví dụ: được, mất...  **+ Phó từ chỉ sự tương hỗ.**  Ví dụ: nhau... |

**\* Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận:**

- Hs trình bày sản phẩm cá nhân

- Gv gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

**\* Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ.**

- Gv nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức.

**3. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP( 52P)**

**a. Mục tiêu:** Hs hoàn thiện kiến thức vừa chiếm lĩnh được; rèn luyện kĩ năng áp dụng kiến thức mới để giải quyết các tình huống/vấn đề trong học tập.

**b. Nội dung:** GV giao nhiệm vụ cho HS trả lời các câu hỏi

**c. Sản phẩm:**  Câu trả lời của HS; phiếu học tập của nhóm

**d. Tổ chức thực hiện:**

***\* Chuyển giao nhiệm vụ cho HS***

**1.**Xác định các phó từ trong đoạn trích sau đây :

“Bởi tôi ăn uống điều độ và làm việc có chừng mực nên tôi chóng lớn lắm. Chẳng bao lâu, tôi đã trở thành một chàng dế thanh niên cường tráng. Đôi    càng tôi mẫm bóng. Những cái vuốt ở chân, ở khoeo cứ cứng dần và nhọn hoắt. Thỉnh thoảng, muốn thử sự lợi hại của những chiếc vuốt, tôi co cẳng lên, đạp phanh phách vào các ngọn cỏ. Những ngọn cỏ gãy rạp, y như có nhát dao vừa lia qua”.

(Tô Hoài)

**2.**Xác định các phó từ trong những câu sau đây :

*a) Đêm khuya cháu vẫn cứ thổn thức không sao ngủ được.*

*b) Em ăn ngay đi cho kịp giờ lên lớp.*

*c) Bạn Lan đi ra cổng từ lúc nãy.*

*d) Ô vẫn còn đây, của các em*

*Chồng thư mới mở, Bác đang xem.*

(Tố Hữu)

*đ) Em tôi cũng vừa mới đi học.*

**3.** a) Đặt hai câu có phó từ đứng trước và hai câu có phó từ đứng sau động từ hoặc tính từ.

b) Đặt ba câu có hai phó từ đi liền nhau trước động từ.

**4.**Viết đoạn văn nói về tình cảm của em đối với thầy cô, chú ý sử dụng phó từ.

***\* Dự kiến sản phẩm:***

**1.**Làm bài tập này học sinh chú ý các thao tác sau đây : tìm các động từ và tính từ sau đó kiểm tra các phó từ đứng trước và sau động từ, tính từ nếu có. Ngoài các phó từ ta đã biết còn có những phó từ vốn là động từ chỉ hướng, chỉ kết quả như được, mất, ra, vào, lên, xuống khi đứng sau động từ chỉ hành động đều giữ vai trò là phó từ. Chẳng hạn trong cụm từ “co cẳng lên” thì lên là phó từ chỉ hướng. Các trường hợp khác học sinh tự làm.

**2.**Các câu trong bài tập này đều chứa ít nhất là một phó từ. Có nhiều câu hai phó từ, có câu phó từ có nguồn gốc từ động từ. Vì vậy học sinh cần chú ý để không bỏ sót.

**3.**Câu này giúp học sinh làm quen với cách dùng chính xác các phó từ, nhất là khi có hai phó từ đi liền nhau thì phải có sự lựa chọn để ý nghĩa của câu được thể hiện chính xác.

**4.**Mỗi phó từ đểu cổ sắc thái ý nghĩa riêng. Học sinh cố gắng viết đoạn văn thể hiện cách sử dụng tốt các phó từ.

***.\* Báo cáo kết quả:***

- HS lần lượt báo cáo kết quả các bài

***\* Đánh giá kết quả:***

- HS nhận xét, bổ sung đánh giá

- GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức.

**4. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG: (4P)**

a) Mục tiêu: Giúp HS khắc sâu kiến thức đã học.

b) Nội dung: HS vận dụng kiến thức đã học để làm bài tập.

c) Sản phẩm học tập:

d) Tổ chức thực hiện:

**\*Chuyển giao nhiệm vụ:**

Hãy tìm các tục ngữ, thành ngữ có sử dụng phó từ?

**- Gv chuyển giao nhiệm vụ:**

**- Hs thực hiện nhiệm vụ:**

**\* Học sinh trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ:**

- Gv quan sát, lắng nghe.

- Hs quan sát sách giáo khoa tìm câu trả lời.

**\* Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận:**

- Hs trình bày sản phẩm cá nhân

- Gv gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn..

**Dự kiến sp:**

Bà con xa **không** bằng láng giềng gần.

Có tiếng **lại** có miếng.

Bán trời **không** văn tự.

Ếch ngồi trong hang **còn** lo chết

**Vừa** ăn cướp **vừa** la làng.

Gần sông quen với cá, gần rừng **không** lạ tiếng chim.

Giầu ba mươi tuổi **chớ** mừng, khó ba mươi tuổi **cũng đừng** vội lo.

Trúc dẫu cháy đốt ngay **vẫn** thẳng.

Uốn cây từ lúc **còn** non- Dạy con từ lúc **còn** bé thơ.

Đi đêm **lắm** có ngày gặp ma.

**Mỗi** cây **mỗi** hoa, **mỗi** nhà **mỗi** cảnh.

**\* Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ.**

- Gv nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức.

**\*Hướng dẫn về nhà:** Hoc kĩ bài, hoàn thiện bài tập

**\*Chuẩn bị bài sau:..**

**Ngày soạn:20/11/2022 TUẦN 11**

**Ngày dạy:11/12/2022**

**Tiết 21-22\* Viết:** **VIẾT BÀI VĂN PHÂN TÍCH ĐẶC ĐIỂM NHÂN VẬT TRONG MỘT TÁC PHẨM VĂN HỌC**

**I. Mục tiêu**

**1. Kiến thức:**

- HS tiếp tục rèn luyện và phát triển kỹ năng viết bài văn phân tích đặc điểm nhân vật trong một tác phẩm văn học. HS nhận biết được các yêu cầu của bài văn . Từ bài viết tham khảo, nắm được cách viết bài văn và có cho mình ý tưởng để viết bài văn phân tích đặc điểm nhân vật trong một tác phẩm văn học.

- HS tiếp tục rèn luyện và phát triển kỹ năng viết bài văn phân tích đặc điểm nhân vật trong một tác phẩm văn học.

**2. Năng lực:**

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến đề bài; năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân; năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận.

**3. Phẩm chất:**

- Ý thức tự giác, tích cực trong học tập.

**II. Thiết bị dạy học và học liệu**

1.Giáo viên :

- Giáo án; SGK, SGV, máy chiếu.

- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp.

2. Học sinh:

- SGK, SBT Ngữ văn 7, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

**III. Tiến trình dạy học**

1. Khởi động**( 4P)**

1. Hoạt động 1:

a) Mục tiêu: Tạo tâm thế và định hướng chú ý cho học sinh; tạo vấn đề vào chủ đề

b) Nội dung hoạt động: Trò chơi

c) Sản phẩm học tập: Câu trả lời/chia sẻ của HS bằng ngôn ngữ

d) Tổ chức hoạt động:

**\* Chuyển giao nhiệm vụ:** Em hãy đoán tên của các nhân vật đã học qua những gợi ý về đặc điểm của các nhân vật đó.

**Gợi ý:** Đây đều là các nhân vật chính trong các tác phẩm trong chương trình ngữ văn 6 và cả chương trình lớp 7 trong những bài học vừa qua.

**\* Thực hiện nhiệm vụ:** Hs trả lời

**\* Báo cáo kết quả:** HS trình bày kết quả

**\* Đánh giá nhận xét, kết nối vào bài học:**

**2. Hoạt động 2 : Hình thành kiến thức mới ( 30P)**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động GV – HS và sản phẩm dự kiến** | **Nội dung** |
| **I.Lí thuyết**  a) Mục tiêu: Học sinh nắm được yêu cầu của kiểu bài cần viết.  b) Nội dung hoạt động: Gv tổ chức cho học sinh tìm hiểu bằng câu hỏi gợi mở, phiếu học tập.  c) Sản phẩm học tập: Câu trả lời của các câu hỏi, bài tập.  d) Tổ chức thực hiện:  **\* Chuyển giao nhiệm vụ:**  1.Xác định kiểu bài và đặc điểm kiểu bài của bài văn?  2.Yêu cầu bài văn  **3.** Nhắc lại quy trình viết bài văn...  **\* Thực hiện nhiệm vụ:**  - HS suy nghĩ, hình thành và triển khai ý tưởng, tư duy độc lập…  **\* Báo cáo kết quả:**  - GV gọi bất kì nhóm nào trình bày kết quả.  **\* Kết luận, đánh giá:**  - HS, GV đánh giá, nhận xét.  - GV chốt kiến thức và ghi bảng | **I.Lí thuyết**  **1, Xác định kiểu bài cần viết**  + Kiểu bài: Nghị luận văn học.  + Đối tượng nghị luận: đặc điểm của nhân vật trong một tác phẩm văn học.  + Mục đích nghị luận: thuyết phục người đọc (người nghe) về ý kiến của người viết.  + Nội dung nghị luận: đưa ra ý kiến bàn về đặc điểm của nhân vật trong một tác phẩm văn học.  **2, Yêu cầu bài văn**  **Hình thức:**  + Đảm bảo cấu trúc 3 phần: mở bài – thân bài – kết bài.  **Nội dung:**  + Giới thiệu được nhân vật văn học cần phân tích.  + Đưa ra được ý kiến về các đặc điểm của nhân vật dựa trên các bằng chứng trong tác phẩm.  + Nhận xét được nghệ thuật xây dựng nhân vật.  + Nêu được ý nghĩa của hình tượng nhân vật.  **4, Quy trình viết**  **4, 1. Trước khi viết**  Lựa chọn nhân vật: Có thể lựa chọn nhân vật theo những gợi ý sau:  + Nhân vật có tính đa dạng, thú vị.  + Nhân vật có tính cách biến đổi, phát triển trong cốt truyện.  + Nhân vật có vai trò quan trọng trong cốt truyện.  + Nhân vật mang thông điệp sâu sắc.  + Nhân vật em yêu thích hoặc để lại cho em ấn tượng sâu sắc  - Tìm ý:  + Tìm hiểu và lựa chọn chi tiết có liên quan đến nhân vật trong tác phẩm.  + Đưa ra những suy nghĩ về đặc điểm của nhân vật dựa trên các chi tiết vừa tìm được.  + Kết nối thông tin về nhân vật với hiểu biết và trải nghiệm của em.  Ngoại hình, hành động, ngôn ngữ, nội tâm, mối quan hệ với các nhân vật khác, lời người kể chuyện nhận xét về nhân vật.  + Trong cuộc sống, những người có đặc điểm ngoại hình, hành động ngôn ngữ (như các chi tiết em vừa tìm về nhân vật trong tác phẩm) thường có tính cách như thế nào?  + Những người có thế giới nội tâm (cảm xúc, suy nghĩ) như nhân vật em vừa tìm, thường có đặc điểm gì?  + Trong cuộc sống, những người có mối quan hệ với người khác  (như các chi tiết em vừa tìm về quan hệ của nhân vật với các nhân vật khác trong tác phẩm) thường có tính cách như thế nào? |

**3. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP( 52P)**

**a. Mục tiêu:** Hs hoàn thiện kiến thức vừa chiếm lĩnh được; rèn luyện kĩ năng áp dụng kiến thức mới để giải quyết các tình huống/vấn đề trong học tập.

**b. Nội dung:** GV giao nhiệm vụ cho HS trả lời các câu hỏi

**c. Sản phẩm:**  Câu trả lời của HS; phiếu học tập của nhóm

**d. Tổ chức thực hiện:**

***\* Chuyển giao nhiệm vụ cho HS***

## 1. Dàn ý phân tích đặc điểm nhân vật người bố trong vừa nhắm mắt vừa mở cửa sổ

2. Viết bài văn hoàn chỉnh.

***\* Dự kiến sản phẩm:***

**1. Mở bài:**  
- Giới thiệu tác phẩm văn học và nhân vật.  
- Nêu khái quát ấn tượng về nhân vật người bố.  
**2. Thân bài:**  
\* Chỉ ra đặc điểm của nhân vật người bố:  
- Bố là người yêu thiên nhiên: thích trồng và chăm sóc hoa.  
- Bố luôn yêu thương, chăm sóc và chỉ bảo người con.  
- Bố luôn quan tâm tới những người xung quanh.  
- Bố là người sống tình cảm, luôn trân trọng những "món quà" quanh mình.  
\* Nhận xét nghệ thuật xây dựng nhân vật:  
- Tính cách nhân vật được thể hiện rõ nét thông qua lời nói, hành động.  
- Nhân vật người bố được khắc họa chân thực từ điểm nhìn người con.  
\* Nêu ý nghĩa của hình tượng nhân vật:  
Qua nhân vật người bố, tác giả gửi gắm thông điệp về:  
- Tình yêu, sự gắn bó sâu sắc với thiên nhiên.  
- Tình cảm gia đình ấm áp, thân thiết.  
**3. Kết bài:**  
- Nêu ấn tượng và đánh giá về nhân vật.

Tác giả Nguyễn Ngọc Thuần là cây bút quen thuộc với nhiều bạn thiếu nhi yêu thích đọc sách. Trong số các tác phẩm của ông, truyện "Vừa nhắm mắt vừa mở cửa sổ" đã để lại trong lòng người đọc những rung động sâu sắc về hình ảnh người bố có tâm hồn phong phú cùng trái tim nhân hậu.

Mở đầu đoạn trích, ta bắt gặp hình bóng bố với khu vườn trồng rất nhiều hoa. Người bố thường dẫn "tôi" đi tưới hoa sau những giây phút lao động ngoài ruộng đồng. Bố yêu quý và trân trọng vẻ đẹp từng loại hoa. Bởi thế, bố có thể nhắm mắt và đoán tên của chúng một cách chính xác. Tình yêu thiên nhiên của bố đã truyền cảm hứng tích cực tới người con "Tôi đã đoán được hết vườn hoa".

Người bố trong đoạn trích tiếp tục hiện lên với tình yêu thương, quan tâm, chăm sóc con cái. Mỗi lời nói của bố như dòng suối nhỏ, tưới mát tâm hồn con. Khi người con nói sai, bố không buông lời chê bai, quở trách mà luôn động viên, an ủi. Người bố khéo léo làm cho con "một bình tưới bằng cái thùng đựng sơn rất vừa tay", dạy con cách nhận biết hoa bằng cách chạm lên chúng hoặc ngửi mùi hương. Có thể nói, nhân vật người bố đã chỉ dạy và giáo dục người con từ những thứ giản dị, tươi đẹp trong cuộc sống. Tình yêu thương bao la vô bờ của bố đã giúp "tôi" ngày càng trưởng thành, thấu hiểu về vạn vật xung quanh nhiều hơn.

Đối với những người xung quanh, bố luôn quan tâm, giúp đỡ họ. Khi "tôi" nhận biết được tiếng hét xuất phát từ hướng nào, bố không ngần ngại mà nhanh chóng "quăng chén cơm rồi băng vườn chạy ra" để cứu người. Trong giây phút hiểm nguy, người bố đã lao xuống dòng nước, kịp thời cứu sống thằng Tí. Từng cử chỉ, hành động ấy như tô đậm tấm lòng nhân hậu, thương người của bố.

Tác giả thật tinh tế khi khắc họa hình ảnh người bố qua những suy nghĩ sâu sắc. Từ điểm nhìn của nhân vật "tôi", bố là một người sống thật tình cảm. Bố trân trọng và nâng niu những món quà dù lớn hay nhỏ. Đối với người bố, món quà nào cũng mang một ý nghĩa nhất định. Mỗi người phải biết nhìn nhận và cảm nhận thì mới phát hiện được vẻ đẹp của món quà ấy.

Bằng việc lựa chọn ngôi kể thứ nhất xưng "tôi", tác giả đã khắc họa thành công nhân vật người bố. Từ lời kể của "tôi", bố hiện lên là với những tính cách, phẩm chất đẹp đẽ. Đó là người cha luôn yêu thương, quan tâm con cái. Hay còn là người có tấm lòng rộng mở với thiên nhiên. Q Qua đây, ta cảm nhận được sự yêu quý, kính trọng mà nhân vật "tôi" dành cho bố.

Có thể nói, nhà văn Nguyễn Ngọc Thuần đã khắc họa chân thực nhân vật người bố có thế giới tâm hồn phong phú, trái tim nhân hậu. Đồng thời, qua đoạn trích, nhà văn muốn nhắn nhủ chúng ta hãy biết yêu thương, trân trọng tình cảm gia đình cao đẹp.

***.\* Báo cáo kết quả:***

- HS lần lượt báo cáo kết quả các bài

***\* Đánh giá kết quả:***

- HS nhận xét, bổ sung đánh giá

- GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức.

**4. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG: (4P)**

**a. Mục tiêu:**. HS phát hiện các tình huống thực tiễn và vận dụng được các kiến thức, kĩ năng trong cuộc sống tương tự tình huống/vấn đề đã học.

**b. Nội dung:** HĐ cá nhân

**c. Sản phẩm:** câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

***\* Chuyển giao nhiệm vụ cho HS***

## .Dàn ý phân tích đặc điểm nhân vật người con trong vừa nhắm mắt vừa mở cửa sổ

***\* Dự kiến sản phẩm:***câu trả lời của HS:

***\* Báo cáo kết quả:*** Hs trình bày

***\* Đánh giá kết quả:***

+ Hs khác nhận xét, bổ sung, đánh giá

+ GV đánh giá câu trả lời của HS.

-> GV chốt kiến thức.

**\* Hướng dẫn học và làm bài ở nhà:**

- Học, nắm chắc nội dung bài học

- Hoàn chỉnh các bài tập sgk, sách bài tập Ngữ văn.

\* Đối với bài mớI

**Ngày soạn:20/11/2022 TUẦN 12**

**Ngày dạy:18/12/2022**

**Tiết 23- 24\* NÓI VÀ NGHE:TRÌNH BÀY Ý KIẾN VỀ MỘT VẤN ĐỀ ĐỜI SỐNG**

**( ĐƯỢC GỢI RA TỪ MỘT NHẬN VẬT VĂN HỌC)**

**I. MỤC TIÊU**

**Kiến thức:**

- Ôn tập bài nói trình bày ý kiến về một vấn đề đời sống (được gợi ra từ một nhân vật văn học).

- Kĩ năng trình bày bài nói ý kiến về một vấn đề đời sống.

**2. Năng lực**

*a.Năng lực chung:*

***-*** Năng lực tự chủ và tự học: Tìm kiếm thông tin, đọc sách giáo khoa, quan sát tranh ảnh để tìm hiểu về bài học.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Thảo luận nhóm để thực hiện phiếu học tập, hợp tác giải quyết vấn đề để tìm hiểu về bài học.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Năng lực trình bày và trao đổi thông tin trước lớp.

***b.*** *Năng lực đặc thù:*  Biết trình bày suy nghĩ về một vấn đề

+ Biết chọn một vấn đề đời sống được gợi ra từ một nhân vật trong tác phẩm văn học để trình bày.

+ Nắm được các yêu cầu và quy trình thực hiện các bước trình bày suy nghĩ về một vấn đề đời sống được gợi ra từ những nhân vật trong tác phẩm văn học.

+ Thực hành thuần thục việc trình bày suy nghĩ về một vấn đề đời sống được gợi ra trong tác phẩm văn học.

+ Lắng nghe và nhận xét trao đổi về trình bày ý kiến về vấn đề đời sống của bạn- nếu là người nghe.

**3. Phẩm chất:**

- Cởi mở khi chia sẻ những ý kiến của bản thân và tôn trọng các ý kiến khác biệt. Rút ra được bài học, thông điệp cho bản thân từ việc tìm hiểu mỗi nhân vật.

- Thích đọc sách, báo, tìm tư liệu trên mạng Internet để mở rộng hiểu biết.

**II. THIẾT BỊ VÀ HỌC LIỆU**

- Học liệu: Ngữ liệu/Sách giáo khoa, phiếu học tập.

- Thiết bị: Máy tính, máy chiếu.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

1. Hoạt động 1: Khởi động ( 5p)

a) Mục tiêu: Tạo tâm thế và định hướng chú ý cho học sinh; tạo vấn đề vào chủ đề

b) Nội dung hoạt động: HS trả lời câu hỏi.

c) Sản phẩm học tập: Câu trả lời/chia sẻ của HS bằng ngôn ngữ

d) Tổ chức hoạt động:

**\* Chuyển giao nhiệm vụ:**

Nêu kĩ năng khi trình bày bài nói.

**\* Thực hiện nhiệm vụ:** Hs trả lời

**\* Báo cáo kết quả:** HS trình bày kết quả

**2. Hoạt động 2 : Hình thành kiến thức mới** ( 30p)

**I, Lí thuyết**

**1.Yêu cầu của bài nói**

**\* Chuyển giao nhiệm vụ:**

?Thế nào là một vấn đề đời sống được gợi ra từ một nhân vật văn học?

?Các bước của bài nói.

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1: Xác định đề tài, người nghe, mục đích, thời gian và không gian nói

|  |  |
| --- | --- |
| Đề tài | Một vấn đề đời sống được gợi ra từ một nhân văn học. |
| Mục đích | Chia sẻ suy nghĩ của bản thân về một vấn đề đời sống từ một nhân văn học và thuyết phục người nghe về vấn đề đó. |
| Người nghe | Trong tiết học nói và nghe tại lớp: các bạn học sinh trong lớp và thầy cô giáo.  Trong tình huống khác: người nghe là những ai quan tâm đến vấn đề mà bạn trình bày |
| Địa điểm | Trong lớp học, trong gia đình, trong buổi trò chuyện với bạn bè.... |
| Thời gian trình bày bài nói | Trình bày bài nói trong khoảng năm đến bẩy phút. |

**Tập luyện trước khi nói:**

+ Tập nói một mình( nói thầm, nói to thành tiếng, nói trước gương, thu âm, thu hình bài nói) để nắm chắc nội dung bài nói.

+ Xem lại bài nói nói đã thu âm hoặc ghi hình để điều chỉnh dung lượng, tốc độ, giọng nói, các cử chỉ điệu bộ khi nói.

Tập luyện trước bạn bè, người thân:

+ Nói cho bạn, cho anh chị hoặc người thân của mình nghe.

+ Tập luyện nói trước đám đông để rèn luyện tâm lý cũng như kỹ năng trình bày.

+ Nhờ mọi người kiểm soát thời gian nói, tốc độ nói và biểu cảm, cử chỉ cho mình.

+ Lắng nghe góp ý của mọi người để từ đó hoàn thiện bài nói.

**TRÌNH BÀY BÀI NÓI**

+ Chào mọi người, giới thiệu vấn đề mình sẽ trình bày trong bài nói.

+ Có thể vào đề bằng những câu hỏi khơi gợi sự quan tâm của người nghe hoặc bằng những bức ảnh, những đồ vật, đoạn video, bài hát; nêu một kết quả khảo sát hay nghiên cứu, dẫn một câu nói nổi tiếng...

**Triển khai:**

+ Trình bày lần lượt các khía cạnh của vấn đề theo nội dung đã chuẩn bị. Trong đó nhấn mạnh ý kiến cá nhân.

+ Chú ý kết hợp phần lời thuyết trình với các phương tiện hỗ trợ: tranh ảnh, video, bản biểu số liệu, ...để bài trình bày thêm sinh động, hấp dẫn và thuyết phục.

+ Sử dụng từ ngữ để liên kết các ý trong bài trình bày như **trước tiên, mặt khác, hơn nữa, không chỉ vậy**, giúp cho các ý chính được thể hiện rõ ràng, chặt chẽ.

**Kết thúc:**

**+** Nêu bài học em rút ra được từ vấn đề đời sống hoặc bài học rút ra từ cách ứng xử của nhân vật trong tác phẩm.

+ Cảm ơn mọi người đã lắng nghe và xin ý kiến trao đổi, góp ý.

**Những lưu ý khi trình bày bài nói.**

Chú ý điều chỉnh âm lượng, tốc độ nói, sắc thái biểu cảm của giọng nói, gương mặt, cử chỉ, điệu bộ cho phù hợp với nội dung bài nói.

Tương tác tích cực với người nghe thông qua ánh mắt, cử chỉ, những câu hỏi gợi dẫn…

Trình bày bài nói trong thời gian quy định

**TRAO ĐỔI SAU KHI NÓI**

**Với người nói:**

+ Lắng nghe, phản hồi những ý kiến của người nghe với tinh thần cầu thị.

+ Giải thích thêm những chỗ người nghe còn thắc mắc.

+ Bảo vệ ý kiến của mình nếu nhận thấy ý kiến đó đúng.

+ Lưu ý cần đưa ra được lý lẽ, bằng chứng xác đáng khi bảo vệ ý kiến mình đưa ra.

**Với người nghe:**

Có thể trao đổi với người nói một số nội dung như sau:

+ Đặt câu hỏi để thu thập thêm thông tin về vấn đề thảo luận

+ Nội dung bài nó có thuyết phục không? Nhận xét về những lý lẽ và bằng chứng mà người nói sử dụng.

+ Đưa ra lý do thì hiện sự đồng tình hoặc 0 đồng tình ý kiến của người nói

**3. Hoạt động 3: Luyện tập ( 50p)**

a) Mục tiêu: Học sinh vận dụng kiến thức đã học để làm bài tập

b) Nội dung hoạt động: Làm bài tập.

c) Sản phẩm học tập: Trả lời được bài tập.

d) Tổ chức thực hiện:

**\* Chuyển giao nhiệm vụ:** Đọc bài tập và làm việc cá nhân

Tình yêu thiên nhiên được gợi ra trong truyện vừa nhắm mắt vừa mở cửa sổ

**\* Thực hiện nhiệm vụ:**

Trình bày ý kiến của em về tình yêu thiên nhiên được gợi ra từ nhân vật “tôi” và người bố trong văn bản Vừa nhắm mắt vừa mở cửa sổ của Nguyễn Ngọc Thuần

Bài làm

**Bài tham khảo 1:**

Thiên nhiên luôn là người bạn đồng hành kì diệu và xinh đẹp của con người. Sau khi đọc xong văn bản “Vừa nhắm mắt vừa mở cửa sổ” của Nguyễn Ngọc Thuần, tình yêu thiên nhiên của nhân vật “tôi” và người bố đã khiến cho em cảm động.

Bài thơ đã đưa ra một cách cảm nhận về thiên nhiên vô cùng phong phú, đó là cảm nhận qua các giác quan. Người bố trong truyện đã cùng con của mình chơi những trò chơi. Đầu tiên là trò chơi về xúc giác ở trong một vườn hoa, người bố đã đưa ra những câu đố cho con giải đoán. Ban đầu, cậu bé luôn nói sai, rồi dần dần cậu bé đã đoán được hết cả vườn hoa, thậm chí có thể vừa nhắm mắt vừa đi mà không chạm vào vật gì. Trò chơi thứ hai là về thính giác, trước hết là giúp cậu bé xác định vị trí rồi đến khoảng cách. Hầu như lần đầu tiên cậu bé đều đoán sai, nhưng lần thứ hai lại đều đoán đúng. Cho tới cuối cùng cậu bé cùng làm được, bây giờ cậu chỉ cần nghe tiếng bước chân cũng biết bố cách xa bao nhiêu.

Có thể thấy, cậu bé đã giải đố rất thành công, câu đố chỉ được lặp đi lặp lại, cho tới khi cậu nhận diện được tất cả mùi hương của các loài hoa. Thậm chí cậu còn cảm nhận được hoa hồng nở kể cả khi không nhìn thấy. Cậu còn biết hoa gì từng mùa, hoa gì nở sớm, hoa gì nở muộn và còn biết phân biệt một lúc những hoa đang nở. Điều đó khiến cho mọi người hết sức kinh ngạc và cậu được công nhận sự cố gắng của mình nhờ “có cái mũi tuyệt nhất thế giới”. Với sự nỗ lực của bản thân và lời động viên của bố, người con đã có thể cảm nhận mọi thứ bằng mọi giác quan. Để làm được điều đó, người con phải có tình yêu và thấu hiểu thiên nhiên xung quanh. Thượng đế đã ban tặng cho cậu khu vườn xinh đẹp làm món quà như là một sự đền đáp xứng đáng tình yêu và sự cố gắng của chính cậu.

Hình ảnh ở cuối văn bản “Những bông hoa chính là người đua đường” đã cho ta hiểu hơn về “thế giới” chính là những điều thân thuộc và gần gũi với chính mình. Giống như nhân vật tôi đã làm, ta rút ra được rằng khi ta nhắm mắt lại và cảm nhận bằng mọi giác quan, ta sẽ thấy được con đường đi của riêng bản thân mình.

Thông qua tình yêu thiên nhiên của hai bố con trong văn bản, chúng ta cũng thấy được tác giả đã thể hiện thái độ trân trọng, ngợi ca và yêu thương thế giới thiên nhiên – thế giới của muôn loài.

**\* Báo cáo kết quả:** Cá nhân trình bày kết quả

**\* Đánh giá nhận xét:**

- Học sinh nhận xét câu trả lời.

**4. Hoạt động 4: Vận dụng**

**a) Mục tiêu:** HS vận dụng những kiến thức đã học để giải quyết một số vấn đề trong cuộc sống

**b) Nội dung:**  Tìm vấn đề được gợi ra từ các nhân vật trong các văn bản đã học?

**c) Sản phẩm:** Bài làm của học sinh

**d) Tổ chức thực hiện**

**\* Chuyển giao nhiệm vụ:**

**\* Thực hiện nhiệm vụ:**

**\* Báo cáo kết quả:**

**\* Đánh giá nhận xét:**

- Học sinh nhận xét câu trả lời

- Giáo viên sửa chữa, đánh giá, chốt kiến thức.

**\* Củng cố, hướng dẫn về nhà:**

**-** Học bài, chọn viết một trong những vần đề được gợi ra từ nhân vật trong bài tập trên

- Chuẩn bị bài sau:

**TUẦN 13**

**Tiết 25- 26\***

**TRẢ BÀI: BÀI VĂN PHÂN TÍCH ĐẶC ĐIỂM NHÂN VẬT TRONG MỘT TÁC PHẨM VĂN HỌC**

**I. Mục tiêu**

**1. Kiến thức:**

- HS khắc phục lỗi khi viết bài văn phân tích đặc điểm nhân vật trong một tác phẩm văn học. HS nhận biết được các yêu cầu của bài văn .

- HS tiếp tục rèn luyện và phát triển kỹ năng viết bài văn phân tích đặc điểm nhân vật trong một tác phẩm văn học.

**2. Năng lực:**

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến đề bài; năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân; năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận.

**3. Phẩm chất:**

- Ý thức tự giác, tích cực trong học tập.

**II. Thiết bị dạy học và học liệu**

1.Giáo viên :

- Giáo án; SGK, SGV, máy chiếu.

- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp.

2. Học sinh:

- SGK, SBT Ngữ văn 7, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

**III. Tiến trình dạy học**

1. Khởi động **( 5p)**

1. Hoạt động 1:

a) Mục tiêu: Tạo tâm thế và định hướng chú ý cho học sinh; tạo vấn đề vào chủ đề

b) Nội dung hoạt động: Trò chơi

c) Sản phẩm học tập: Câu trả lời/chia sẻ của HS bằng ngôn ngữ

d) Tổ chức hoạt động:

**\* Chuyển giao nhiệm vụ:** Em hãy đoán tên của các nhân vật đã học qua những gợi ý về đặc điểm của các nhân vật đó.

1, Hiếu thắng, huyênh hoang và nông nổi.

2, Nhạy cảm, tự ti và đố kỵ.

3, Hồn nhiên, nhạy cảm giầu lòng thương người.

4, Kêu ngạo, luôn coi thường và nhạo báng người khác.

5, Hồn nhiên, trong sáng có tấm lòng yêu thương loài vật.

**Gợi ý:** Đây đều là các nhân vật chính trong các tác phẩm trong chương trình ngữ văn 6 và cả chương trình lớp 7 trong những bài học vừa qua.

**\* Thực hiện nhiệm vụ:** Hs trả lời

**\* Báo cáo kết quả:** HS trình bày kết quả

**\* Đánh giá nhận xét, kết nối vào bài học:**

**2. Hoạt động 2 : Hình thành kiến thức mới ( 75p)**

**1, Xác định kiểu bài cần viết**

a) Mục tiêu: Học sinh nắm được yêu cầu của kiểu bài cần viết.

b) Nội dung hoạt động: Gv tổ chức cho học sinh tìm hiểu bằng câu hỏi gợi mở, phiếu học tập.

c) Sản phẩm học tập: Câu trả lời của các câu hỏi, bài tập.

d) Tổ chức thực hiện:

**\* Chuyển giao nhiệm vụ:**

GV phát bài, HS tự trao đổi bài để tham khảo bài bạn?

**\* Thực hiện nhiệm vụ:**

- HS suy nghĩ, hình thành và triển khai ý tưởng, tư duy độc lập…

**\* Báo cáo kết quả:**

- GV gọi bất kì nhóm nào trình bày kết quả.

**\* Kết luận, đánh giá:**

- HS, GV đánh giá, nhận xét.

**1, GV nhận xét**

a) Mục tiêu: Học sinh nắm được yêu cầu của kiểu bài cần viết.

b) Nội dung hoạt động: Gv tổ chức cho học sinh tìm hiểu bằng câu hỏi gợi mở, phiếu học tập.

c) Sản phẩm học tập: Câu trả lời của các câu hỏi, bài tập.

d) Tổ chức thực hiện:

**\* Chuyển giao nhiệm vụ:**

GV phát bài, HS tự trao đổi bài để tham khảo bài bạn?

**\* Thực hiện nhiệm vụ:**

- HS suy nghĩ, hình thành và triển khai ý tưởng, tư duy độc lập…

Ai-tơ-ma-tốp là nhà văn người Cư-rơ-gư-dơ-xtan. Một trong những tác phẩm xuất sắc của ông là “Người thầy đầu tiên”. Nổi bật trong truyện là nhân vật thầy giáo Đuy-sen.

Qua lời kể của nhân vật “tôi”, thầy Đuy-sen hiện lên là một con người nhiệt huyết, trách nhiệm với công việc. Chính thầy Đuy-sen là người đã biến một vùng đất hoang tàn thành trường học. Khi An-tư-nai và các bạn nhỏ đến trường với sự tò mò “xem thử thầy giáo đang làm gì” thì thấy thầy “từ trong cửa bước ra, người bê bết đất”. Thầy Đuy-sen “mỉm cười, niềm nở” quệt mồ hôi trên mặt, rồi ôn tồn hỏi: “Đi đâu về thế, các em gái”. Trước các “vị khách” nhỏ tuổi, thầy hiền hậu nói: “Các em ghé vào đây xem là hay lắm, các em chả sẽ học tập ở đây là gì? Còn trường của các em thì có thể nói là đã xong đến nơi rồi...?”

Thầy Đuy-sen còn là một người giàu lòng yêu thương, luôn thấu hiểu trái tim trẻ thơ. Ở lần gặp gỡ đầu tiên, thầy đã khơi dậy trong lòng các em nhỏ người miền núi niềm khao khát được đi học. Khi biết hoàn cảnh của An-tư-nai, thầy đã an ủi một cách thật chân thành: “An-tư-nai, cái tên hay quá, mà em thì chắc là ngoan lắm phải không?”. Câu nói ấy cùng với nụ cười hiền hậu của Đuy-sen đã khiến cho cô gái dân tộc thiểu số bé nhỏ, bất hạnh “thấy lòng ấm hẳn lại”. Cũng chính thầy Đuy-sen đã khơi dậy khao khát được đi học của An-tư-nai.

Không chỉ là người trực tiếp giảng dạy, thầy Đuy-sen còn luôn quan tâm đến cuộc sống của học sinh. Mỗi khi đi học, các em học sinh đều phải lội qua một con suối. Đến mùa đông, nước băng lạnh buốt khiến các em không thể lội qua được nữa. Để giúp học sinh có thể đến lớp, thầy Đuy-sen đã bế các em qua suối, lưng thì cõng, tay thì bế để các em nhỏ có thể an toàn tới trường học. Ngay cả khi bọn nhà giàu ngu xuẩn, bộ mặt láo xược lên mặt chế giễu, cười cợt, thầy vẫn lạc quan kể chuyện vui cho học sinh quên đi mọi sự. Những lúc rảnh rỗi, thầy còn lấy đá và những tảng đất cỏ đắp thành các ụ nhỏ trên lòng suốt để bước qua cho khỏi bị ướt chân. Khi An-tư-nai bị ngã ở suối, thầy đỡ An-tư-nai lên lên bờ, lót chiếc áo choàng cho An-tư-nai ngồi, còn mình thì vẫn tiếp tục công việc. Đối với An-tư-nai, thầy Đuy-sen giống như một người thân, thậm chí cô bé con mong muốn thầy trở thành anh trai của mình.

Như vậy, nhân vật thầy Đuy-sen hiện lên trong văn bản “Người thầy đầu tiên” là một con người một con người đáng ngưỡng mộ và yêu mến.

**Bài 2.** Người thầy đầu tiên là một tác phẩm nổi tiếng của Ai-tơ-ma-tốp. Trong đó, nhân vật thầy Đuy-sen được nhà văn khắc họa hiện lên đầy chân thực và sinh động.

Nhân vật “tôi” nhận được bức thư của dân làng mời về dự lễ khánh thành ngôi trường mới do nông trường xây dựng. Trong số những người được mờ có cả bà viện sĩ Xu-lai-ma-nô-va. Sau khi trở về Mát-xcơ-va, nhân vật tôi đã nhận được thư của bà viện sĩ. Trong thư, bà kể về tuổi thơ bất hạnh và về người thầy đầu tiên của mình. An-tư-nai mồ côi cha mẹ từ nhỏ. Cô phải sống với chú thím, thiếu thốn cả về vật chất lẫn tình cảm. Thầy Đuy-sen đã giúp đỡ để An-tư-nai có thể đi học.

Trong kí ức của An-tư-nai, thầy Đuy-sen là một người có tấm lòng nhân hậu, bao dung và giàu tình yêu thương. Thầy là người đã giúp các em học sinh có một ngôi trường để đến học. Chính thầy cũng đã khơi dậy khao khát được đi học của các em: “Các em ghé vào đây xem là hay lắm, các em chả sẽ học tập ở đây là gì? Còn trường của các em thì có thể nói là đã xong đến nơi rồi...?”; Thầy còn an ủi khi biết được hoàn cảnh của An-tư-nai: “An-tư-nai, cái tên hay quá, mà em thì chắc là ngoan lắm phải không?”. Khi thấy học sinh phải lội qua suối giữa mùa đông lạnh giá, thầy đã bế hoặc cõng các em qua suối. Học sinh trong làng đều rất yêu mến thầy Đuy-sen. Riêng An-tư-nai lại thầm ước có một người anh trai như thầy. Câu chuyện của bà viện sĩ Xu-lai-ma-nô-va đã thôi thúc nhân vật tôi vẽ một bức tranh về “Người thầy đầu tiên”.

Dưới lời kể của “tôi”, thầy Đuy-sen hiện lên là một người hết lòng vì học trò. Khi thấy học trò phải mang những bao ki-giắc, thầy đã động viên, an ủi. Lời nói quan tâm ấy như xua đi bao mệt nhọc cùng sự giá lạnh của trời đông. Trước hành động của bọn nhà giàu sống trên núi, thầy Đuy-sen không hề tỏ ra tức giận, mà thầy lại “nghĩ ra một câu chuyện vui nào đó khiến lũ chúng tôi phá lên cười, quên mất mọi sự”. Sau mỗi buổi học, thầy còn cố gắng kiếm đủ gỗ để làm một chiếc cầu bắc qua dòng suối dưới chân đồi. Nhận ra phương án này không khả thi, thầy Đuy-sen lại tiếp tục lấy đá cùng những tảng đất cỏ đắp thành các ụ nhỏ trên lòng suối, giúp học trò đi lại không bị ướt chân. Thầy làm tất thảy mọi việc với mong muốn học trò sẽ luôn an toàn trên con đường tới trường. Có thể thấy, tất cả những lời nói, hành động đã minh chứng cho tấm lòng nhân hậu, trái tim cao cả của thầy Đuy-sen.

Tóm lại, nhân vật thầy giáo Đuy-sen hiện lên với những phẩm chất tốt đẹp của một người giáo viên. Điều đó càng khiến mỗi người thêm yêu mến và cảm phục nhân vật này.

**\* Báo cáo kết quả:**

- GV gọi bất kì nhóm nào trình bày kết quả.

**\* Kết luận, đánh giá:**

- HS, GV đánh giá, nhận xét.

**3. Hoạt động 3: Luyện tập**

a) Mục tiêu: Học sinh vận dụng kiến thức đã học để làm bài tập

b) Nội dung hoạt động: Làm bài tập.

c) Sản phẩm học tập: Trả lời được bài tập.

d) Tổ chức thực hiện:

**\* Chuyển giao nhiệm vụ:** Đọc bài tập và làm việc cá nhân

Tình yêu thiên nhiên được gợi ra trong truyện vừa nhắm mắt vừa mở cửa sổ

**\* Thực hiện nhiệm vụ:**

Trình bày ý kiến của em về tình yêu thiên nhiên được gợi ra từ nhân vật “tôi” và người bố trong văn bản Vừa nhắm mắt vừa mở cửa sổ của Nguyễn Ngọc Thuần

Bài làm

**\* Báo cáo kết quả:** Cá nhân trình bày kết quả

**\* Đánh giá nhận xét:**

- Học sinh nhận xét câu trả lời.

**4. Hoạt động 4: Vận dụng ( 5p)**

**a) Mục tiêu:** HS vận dụng những kiến thức đã học để giải quyết một số vấn đề trong cuộc sống

**b) Nội dung:**  Tìm vấn đề được gợi ra từ các nhân vật trong các văn bản đã học?

**c) Sản phẩm:** Bài làm của học sinh

**d) Tổ chức thực hiện**

**\* Chuyển giao nhiệm vụ:**

**\* Thực hiện nhiệm vụ:**

**\* Báo cáo kết quả:**

**\* Đánh giá nhận xét:**

- Học sinh nhận xét câu trả lời

- Giáo viên sửa chữa, đánh giá, chốt kiến thức.

**\* Củng cố, hướng dẫn về nhà:**

**-** Học bài, chọn viết một trong những vần đề được gợi ra từ nhân vật trong bài tập trên

- Chuẩn bị bài sau:

**TUẦN 14**

**Tiết 27- 28\***

**THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT: LUYỆN TẬP VỀ DẤU CÂU, PHÉP TU TỪ**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức**

- Kiến thức về dấu gạch ngang, biện pháp so sánh, nhân hóa, điệp ngữ

**2. Năng lực**

**a. Năng lực chung**

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

**b. Năng lực đặc thù:**

- Vận dụng, củng cố một số kiến thức đã học về dấu gạch ngang và công dụng của dấu gạch ngang; các biện pháp tu từ như so sánh, nhân hóa, điệp ngữ

**3. Phẩm chất:**

Có ý thức vận dụng kiến thức vào giao tiếp và tạo lập văn bản.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- KHBD, SGK, SGV, SBT

- PHT số 1,2,

- Tranh ảnh

- Máy tính, máy chiếu, bảng phụ,

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU ( 5p)**

**a) Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

**b) Nội dung:** GV trình bày vấn đề

**c) Sản phẩm:** câu trả lời của HS.

**d) Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

- GV chuyển giao nhiệm vụ:

*Hs nối các từ ở cột A với cột B sao cho phù hợp*

- HS thực hiện nhiệm vụ.

**Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**

- GV quan sát, hỗ trợ

- HS thực hiện nhiệm vụ

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động**

- HS trình bày sản phẩm

- GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**

- GV nhận xét, Gv dẫn dắt:

**HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC ( 75p)**

**Hoạt động 1: Củng cố kiến thức**

**a. Mục tiêu:**

- Kiến thức về dấu gạch ngang, biện pháp so sánh, nhân hóa, điệp ngữ

**b. Nội dung:** Hs sử dụng sgk, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

- GV chuyển giao nhiệm vụ:

*Nhắc lại một số dấu câu, phép tu từ đã học.*

- HS thực hiện nhiệm vụ.

**Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**

- GV quan sát, hỗ trợ

- HS thực hiện nhiệm vụ

* Dấu chấm
* Dấu chấm phẩy
* Dấu gạch ngang
* Dấu ngoặc đơn
* Dấu ngoặc kép

**Dấu gạch ngang:**

+ Thường được đặt ở đầu dòng để đánh dấu lời nói của nhân vật hoặc để liệt kê.

+ Đặt ở giữa câu để đánh dấu bộ phận chú thích, giải thích trong câu.

+ Nối các từ trong một liên danh

**2. Các biện pháp tu từ đã học:**

* So sánh
* Nhân hoá
* Ẩn dụ
* Hoán dụ
* Điệp ngữ
* +so sánh: đối chiếu sự vật, sự việc này với sự vật, sự việc khác có nét tương đồng để tăng sức gợi hình, gợi cảm cho sự diễn đạt)
* +Nhân hoá: gắn cho đồ vật, cầy cối, con vật,... những đặc điểm, thuộc tính của người, nhằm làm cho đối tượng được miêu tả gần gũi, sinh động
* + Điệp ngữ : lặp lại từ ngữ để nhấn mạnh, khẳng định, liệt kê,...

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động**

- HS trình bày sản phẩm

- GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**

- GV nhận xét, Gv dẫn dắt:

**2. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:**

- Vận dụng, củng cố một số kiến thức đã học về dấu gạch ngang và công dụng của dấu gạch ngang; các biện pháp tu từ như so sánh, nhân hóa, điệp ngữ

**b. Nội dung:** Sử dụng sgk, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

**c. Sản phẩm học tập:** Kết quả của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

- GV chuyển giao nhiệm vụ: *GV chia lớp thành 4 nhóm*

Chỉ ra dấu gạch nối và dấu gạch ngang trong các câu sau. Cho biết tại sao lại xác định như vậy.

*a) Lúc còn học phổ thông, Lu-i Pa-xtơ chỉ ỉà một học sinh trung bình.*

*b) Đây là cuốn Từ điển Việt – Trung – Pháp.*

*c) Người ta bảo ở bên Pa-le-xtin có hai biển hồ…*

*d) Luyện tập dùng cụm C-V để mở rộng câu.*

*đ) Tổ quốc mình – đó là miền đất Ka-dắc-xtan đầy ánh mặt trời.*

*e) Ca đình Huế là một hình thức sinh hoạt văn hoá – âm nhạc thanh lịch và tao nhã.*

**5.**Nêu tác dụng của dấu gạch ngang trong các câu sau :

*a) Loại văn bản này (văn bản hành chính) thường được trình bày theo một số mục nhất định (gọi là mầu), trong đó nhất thiết phải ghi rõ :*

*– Quốc hiệu và tiêu ngữ;*

*– Địa điểm làm văn bản và ngày tháng ;*

*– Họ tên, chức vụ của người nhận hay tên cơ quan nhận văn bản ; […]*

*b) Thầy Thành nở một nụ cười tươi, nhìn các em âu yếm nói :*

*– Thầy chúc các trò ngoan, học giỏi.*

*Cả lớp đáp lại:*

*– Chúng con vâng lời thầy…*

(Sơn Tùng)

*c) Con bồ nông hiện ra qua cái nhìn và cảm nhận của nhân vật Huy – một bé trai của đồng đất quê hương.*

*d) – Em để nó ở lại – Giọng em ráo hoảnh – Anh phải hứa với em không bao giờ để chúng nó ngồi cách xa nhau. Anh nhớ chưa ? Anh hứa đi.*

(Khánh Hoài)

*đ) Cuộc đua xe đường dài Hà Nội – Huế – Thành phố Hồ Chí Minh thu hút sự chú ý của khá nhiều người.*

**6.**Phân tích giá trị tu từ của dấu gạch ngang in đậm trong câu dưới đây :

*Đoan nhăn nhó :*

*– Mẹ Thuý đừng giận quá hoá mất khôn.*

*– Tôi không thích dính với ai cả !*

*– Sao !*

***– Tôi – không – thích – dính – với – ai – cả. Nghe rõ chưa ?***

(Ma Văn Kháng)

**7.**Phân tích giá trị tu từ của dấu gạch nối in đậm trong câu dưới đây :

*Một lát, bố lại bảo :*

*– Lát nữa dắt nghé ra chỗ ngỡ ba rồi gọi thằng cu Các nó cùng đi với nhá.*

***– Vâ-âng !***

**Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**

- GV quan sát, hỗ trợ

- HS thực hiện nhiệm vụ

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động**

- HS trình bày sản phẩm

- GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**

- GV nhận xét, Gv dẫn dắt:

**3. Hoạt động 3: Vận dụng ( 10P)**

**a) Mục tiêu:** HS vận dụng những kiến thức đã học để giải quyết một số vấn đề trong cuộc sống

**b) Nội dung:**

**c) Sản phẩm:** Bài làm của học sinh

**d) Tổ chức thực hiện**

**\* Chuyển giao nhiệm vụ:**

Viết đoạn văn ( chủ đề tự chọn) có sử dụng phép so sánh, nhân hóa.

**\* Thực hiện nhiệm vụ:**

**\* Báo cáo kết quả:**

**\* Đánh giá nhận xét:**

- Học sinh nhận xét câu trả lời

- Giáo viên sửa chữa, đánh giá, chốt kiến thức.

**\* Củng cố, hướng dẫn về nhà:**

**-** Học bài, chọn viết một trong những vần đề được gợi ra từ nhân vật trong bài tập trên

- Chuẩn bị bài sau:

**TUẦN 15**

**Tiết 29- 30\***

**VIẾT: VIẾT BÀI VĂN BIỂU CẢM VỀ CON NGƯỜI**

**HOẶC SỰ VIỆC**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức:**

- Đặc điểm của bài văn biểu cảm về con người hoặc sự vật

**2. Năng lực**

**a. Năng lực chung**

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

**b. Năng lực đặc thù**

- Viết được bài văn biểu cảm về con người hoặc sự việc.

- Trình bày được cảm xúc, suy nghĩ về một con người hoặc sự việc để lại cho mình ấn tượng sâu sắc

**3. Về phẩm chất:**

- Chăm chỉ

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- KHBD, SGK, SGV, SBT

- PHT số 1,2

- Tranh ảnh

- Máy tính, máy chiếu, bảng phụ, Bút dạ, Giấy A0, Video

- HS làm một bài thơ lục bát về đề tài quê hương (tối thiểu 2 dòng)

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU ( 5P)**

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. Dẫn dắt vào bài mới

**b. Nội dung:** Gv trình chiếu hình ảnh cây xanh trước và sau khi được cắt tỉa để học sinh có hình dung về văn bản trước và sau khi tóm tắt

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời bằng ngôn ngữ nói của HS, PHT

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

- Gv chuyển giao nhiệm vụ

*+ Hãy chia sẻ với các bạn về những người quan trọng trong cuộc đời em (người thân, thầy cô, bạn bè, ân nhân…)*

- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

**Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**

- Gv quan sát, hỗ trợ

- HS suy nghĩ, trả lời

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

- HS đọc, trình bày câu trả lời

- GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**

- GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức, đẫn dắt vô bài mới:

**B. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC ( 75P)**

**Hoạt động 1: Củng cố kiến thức đã học**

**a. Mục tiêu:**

- Nhận biết và thực hiện được các yêu cầu đối với kiểu bài

**b. Nội dung:** Gv hướng dẫn học sinh thảo luận nhóm đôi bằng PHT

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời bằng ngôn ngữ nói của HS

**d. Tổ chức thực hiện**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

- Gv chuyển giao nhiệm vụ

*+ Em hãy cho biết khi viết một bài văn biểu cảm về con người hoặc sự việc cần phải đảm bảo những yêu cầu nào?*

- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

**Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**

- HS quan sát, trao đổi với bạn cùng bàn

- GV quan sát, gợi mở ( em thấy kênh nào dễ nhìn, dễ nhớ hơn...)

- Giới thiệu được đối tượng biểu cảm (con người hoặc sự việc) và nêu được ấn tượng ban đầu về đối tượng đó.

- Nêu được những đặc điểm nổi bật khiến người, sự việc đó để lại tình cảm, ấn tượng sâu đậm trong em.

- Thể hiện được tình cảm, suy nghĩ đối với người hoặc sự việc được nói đến.

- Sử dụng ngôn ngữ sinh động, giàu cảm xúc

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

**- Gv tổ chức hoạt động**

- HS trình bày câu trả lời, nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**

- GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức

**Hoạt động 2: Thực hành viết.**

**a. Mục tiêu:**

- Viết được bài văn biểu cảm về con người hoặc sự việc.

- Trình bày được cảm xúc, suy nghĩ về một con người hoặc sự việc để lại cho mình ấn tượng sâu sắc

**b. Nội dung:** Giáo viên hướng dẫn học sinh thảo luận nhóm đôi bằng PHT, phân tích ví dụ

**c. Sản phẩm học tập:** Sản phẩm PHT, câu trả lời của học sinh

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

- GV chuyển giao nhiệm vụ

*+ Bài viết đã chuẩn bị?*

*+ Em dự định lựa chọn nhân vật nào?*

*+ Hướng dẫn Hs tìm ý cho bài viết theo PHT hồ sơ nhân vật*

**Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**

- HS quan sát, lắng nghe và trả lời

- GV quan sát, hỗ trợ

**Bài HS số 1**

Từ xưa đến nay, dân tộc Việt Nam vẫn có truyền thống “tôn sư trọng đạo”. Thầy có là những người có công ơn dạy dỗ, dìu dắt chúng ta trong hành trình tìm đến với tri thức. Trong cuộc đời, mỗi người hẳn đều có một người thầy, cô giáo mà bản thân rất kính trọng. Và tôi cũng như vậy.

Người giáo viên mà tôi yêu quý và kính trọng nhất là cô Nguyễn Thu Hà. Cô là giáo viên chủ nhiệm của lớp tôi, cũng là giáo viên dạy môn Ngữ văn. Năm nay, cô ba mươi sáu tuổi. Khuôn mặt của cô trông rất hiền dịu. Nước da trắng hồng, cùng mái tóc dài ngang vai. Đôi mắt với ánh nhìn dịu dàng. Nụ cười của cô luôn rạng rỡ trên môi. Mỗi khi đến lớp, cô thường mặc những trang phục đơn giản, nhưng toát lên vẻ thanh lịch. Tôi cảm thấy cô rất xinh đẹp, trẻ trung.

Trong giờ học, cô là một giáo viên rất nghiêm khắc. Dù vậy, cô cũng rất tâm lí. Cô luôn dành thời gian để truyền đạt cho học sinh kiến thức của môn học một cách tốt nhất. Giọng nói của cô vừa truyền cảm, vừa ấm áp. Tôi rất yêu thích giọng nói của cô. Mỗi khi có bạn không chú ý nghe giảng, cô đều nhắc nhở nhẹ nhàng. Cô rất hay ở lại lớp trong những giờ ra chơi để trò chuyện cùng chúng tôi. Cô tâm sự với cả lớp rất nhiều điều: từ việc học tập, đến vấn đề trong cuộc sống. Nhờ có cô, tôi cảm thấy học được rất nhiều điều bổ ích.

Tôi còn nhớ mãi một kỉ niệm về cô. Hôm đó, cô gọi tôi lên bảng để kiểm tra bài cũ. Nhưng tối hôm trước, tôi đã không học bài do mải xem phim. Khi nghe cô hỏi, tôi không trả lời được câu hỏi. Lúc đó, tôi nhìn thấy ánh mắt của cô rất buồn. Từ trước tới nay, tôi luôn là một học sinh chăm chỉ. Việc xảy ra ngày hôm nay có lẽ đã khiến cô cảm thấy thất vọng. Cô không trách mắng, mà yêu cầu tôi về chỗ. Cả buổi học hôm đó, tâm trạng của tôi rất nặng nề. Tôi tự trách bản thân. Cuối buổi học, tôi đã chủ động lên xin lỗi cô. Lời nhắc nhở của cô khiến tôi còn nhớ mãi. Nhờ có cô, tôi mới ý thức học tập chăm chỉ hơn.

“Một chữ là thầy, nửa chữ cũng là thầy” - Đó là câu tục ngữ đề cao vai trò của người giáo viên. Bởi vậy, tôi luôn tự nhắc nhở bản thân phải yêu quý và kính trọng cô giáo của mình.

**Bài HS số**2

*“Cơm cha, áo mẹ, chữ thầy*  
*Gắng công mà học có ngày thành danh”*

Thầy cô giáo giống như những người lái đò thầm lặng đã dìu dắt biết bao thế hệ học trò đến với bến bờ của tri thức.

Cô Nguyễn Phương là người giáo viên mà em cảm thấy vô cùng yêu mến. Cô là giáo viên chủ nhiệm năm lớp 6 của em. Năm nay, cô khoảng ba mươi lăm tuổi. Dáng người của cô nhỏ nhắn, thanh mảnh. Mái tóc đen dài, luôn được buộc gọn gàng. Cô cao khoảng một mét sáu mươi lăm. Khuôn mặt trái xoan với nước da trắng hồng rạng rỡ. Đôi mắt sáng với ánh nhìn toát ra vẻ dịu dàng. Mỗi khi nhìn vào ánh mắt ấy, em cảm nhận được sự yêu thương mà cô dành cho học trò. Cô có giọng nói ấm áp, dịu dàng. Mỗi khi cô giảng bài, chúng em đều say sưa lắng nghe.

Em cảm thấy cô là một giáo viên vô cùng nhiệt huyết. Mỗi giờ học, cô đều yêu cầu chúng em chú ý lắng nghe bài giảng. Không chỉ vậy, cô còn tạo ra bầu không khí sôi nổi, vui vẻ để tiết học hiệu quả hơn. Mỗi khi có một bạn học sinh không hiểu bài là cô sẽ kiên nhẫn giảng lại. Ngoài giờ học, cô Nguyễn Phương vẫn dành cho học trò sự quan tâm. Chúng em đều rất yêu quý cô.

Mỗi kỉ niệm về cô đều khiến em cảm thấy trân trọng. Tuy bây giờ, em không còn được học cô nữa, nhưng em vẫn nhớ đến cô với những tình cảm tốt đẹp, và lòng kính trọng vô cùng.

Có thể thấy rằng, mỗi người thầy, người cô đều đáng kính, đáng yêu. Bởi vậy, chúng ta hãy luôn dành cho họ sự tôn trọng, yêu mến.

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

- Gv tổ chức hoạt đông

- HS báo cáo kết quả, nhận xét, bổ sung

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**

- Gv bổ sung, nhận xét

**3. Hoạt động 3: Vận dụng ( 10P)**

**a) Mục tiêu:** HS vận dụng những kiến thức đã học để giải quyết một số vấn đề trong cuộc sống

**b) Nội dung:**  \

**c) Sản phẩm:** Bài làm của học sinh

**d) Tổ chức thực hiện**

**\* Chuyển giao nhiệm vụ:**

**\* Thực hiện nhiệm vụ:**

**\* Báo cáo kết quả:**

**\* Đánh giá nhận xét:**

- Học sinh nhận xét câu trả lời

- Giáo viên sửa chữa, đánh giá, chốt kiến thức.

**\* Củng cố, hướng dẫn về nhà:**

**-** Học bài, chọn viết một trong những vần đề được gợi ra từ nhân vật trong bài tập trên

- Chuẩn bị bài sau:

**TUẦN 16**

**Tiết 31- 32\***

**THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT: KHẮC SÂU VỀ DẤU CÂU, BIỆN PHÁP TU TỪ**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức**

- Khắc sâu kiến thức về dấu gạch ngang, biện pháp so sánh, nhân hóa, điệp ngữ

**2. Năng lực**

**a. Năng lực chung**

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

**b. Năng lực đặc thù:**

- Vận dụng, củng cố một số kiến thức đã học về dấu gạch ngang và công dụng của dấu gạch ngang; các biện pháp tu từ như so sánh, nhân hóa, điệp ngữ

**3. Phẩm chất:**

Có ý thức vận dụng kiến thức vào giao tiếp và tạo lập văn bản.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- KHBD, SGK, SGV, SBT

- Máy tính, máy chiếu, bảng phụ,

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU ( 5p)**

**a) Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

**b) Nội dung:** GV trình bày vấn đề

**c) Sản phẩm:** câu trả lời của HS.

**d) Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

- GV chuyển giao nhiệm vụ:

*Dấu gạch ngang có công dụng gì?*

Để quạt điện được bền, người dùng nên thực hiện các biện pháp sau đây:

– Trước khi bật quạt, đặt quạt nơi chắc chắn để chân quạt tiếp xúc đều với nền.

– Khi điện đã vào quạt, tránh để cánh quạt bị vướng víu, quạt không quay được sẽ làm nóng chảy cuộn dây trong quạt.

– Hằng năm, tra dầu mỡ vào ổ trục, bộ phận điều khiển hướng quay của quạt, nhưng không nên tra quá nhiều, vì dầu mỡ sẽ chảy vào trong làm hỏng dây bên trong quạt.

– Khi không dùng, cất quạt vào nơi khô, mát, sạch sẽ, ít bụi bặm.

- HS thực hiện nhiệm vụ.

**Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**

- GV quan sát, hỗ trợ

- HS thực hiện nhiệm vụ

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động**

- HS trình bày sản phẩm

- GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**

- GV nhận xét, Gv dẫn dắt:

**HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC ( 10p)**

**Hoạt động 1: Củng cố kiến thức**

**a. Mục tiêu:**

- Kiến thức về dấu gạch ngang, biện pháp so sánh, nhân hóa, điệp ngữ

**b. Nội dung:** Hs sử dụng sgk, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV -–HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - Gv chuyển giao nhiệm vụ  *+ Gv yêu cầu hs lấy thêm ví dụ về dấu gạch ngang, biện pháp so sánh, nhân hóa, điệp ngữ*  *+ Từ ví dụ, nhắc ại chức năng của dấu gạch ngang và khái niệm của so sánh, nhân hóa, điệp ngữ*  - HS thực hiện nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - GV quan sát, hỗ trợ  - HS thực hiện nhiệm vụ  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức  Ví dụ: | **I. Củng cố kiến thức**  **1. Ví dụ**  **Hs tự lấy ví dụ**  **2. Kết luận**  - Dấu gạch ngang thường đặt ở đầu dòng để đánh dấu lời nói của nhân vật hoặc để liệt kê; đặt ở giữa câu để đánh dấu bộ phận chú thích; để nối các từ trong một liên danh  - So sánh: là đối chiếu 2 hay nhiều sự vật, sự việc mà giữa chúng có những nét tương đồng để làm tăng sức gợi hình, gợi cảm cho sự diễn đạt  - Nhân hóa là biện pháp tu từ sử dụng những từ ngữ chỉ hoạt động, tính cách, suy nghĩ, tên gọi ... vốn chỉ dành cho con người để miêu tả đồ vật, sự vật, con vật, cây cối khiến cho chúng trở nên sinh động, gần gũi, có hồn hơn.  - Là biện pháp tu từ nhắc đi nhắc lại nhiều lần một từ, cụm từ có dụng ý làm tăng cường hiệu quả diễn đạt: nhấm mạnh, tạo ấn tượng, gợi liên tưởng, cảm xúc… và tạo nhịp điệu cho câu/ đoạn văn bản |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP ( 65p)**

**a. Mục tiêu:**

- Vận dụng, củng cố một số kiến thức đã học về dấu gạch ngang và công dụng của dấu gạch ngang; các biện pháp tu từ như so sánh, nhân hóa, điệp ngữ

**3. Phẩm chất:**

Có ý thức vận dụng kiến thức vào giao tiếp và tạo lập văn bản.

**b. Nội dung:** Sử dụng sgk, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

**c. Sản phẩm học tập:** Kết quả của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

- GV chuyển giao nhiệm vụ: *GV chia lớp thành 4 nhóm*

**Bài 1:**Công dụng của dấu gạch ngang:

1.– Anh viết bài gì đấy?

– Tôi viết bài Dấu gạch ngang và Dấu gạch nối để gửi tạp chí Xuất bản Việt Nam.

2. Bài viết này đề cập đến các vấn đề sau:

– Khái niệm gạch ngang, gạch nối

–  Phân biệt gạch ngang, gạch nối

– Lý do không nên nhầm lẫn giữa gạch ngang và gạch nối

– Cách xử lý gạch nối thành gạch ngang và ngược lại.

3. Theo kế hoạch, năm mới 2012 sẽ có cầu truyền hình Hà Nội – Huế – TP. Hồ Chí Minh.(Đặt giữa hai, ba, bốn tên riêng để chỉ một liên danh. )

Nhiệt độ trung bình của nước ta là 22 – 250C, lượng mưa trung bình năm 1.500 – 2.000mm, độ ẩm không khí 80 – 85% …(Đặt giữa hai con số ghép lại để chỉ một liên số hoặc một khoảng số.)

Mối quan hệ láng giềng hữu nghị Việt – Lào …(Để chỉ sự ngang hàng trong quan hệ. )

Trong toán học:

– Dấu gạch ngang là một phép tính trong toán học – phép trừ. Ví dụ: 25 – 5 = 20

– Dấu gạch ngang là một dấu âm. Ví dụ: 5 – 25 = – 20

**Bài 2: Xác định phép nhân hóa**

Tả hành động: “Ông mặt trời trốn sau đám mây”.

Trong câu văn này, hành động “trốn” của con người được dùng để miêu tả mặt trời.

Tả tâm trạng: “Mèo con buồn rầu ủ rũ nằm dưới mái hiên nhà”

Trong câu văn này, “buồn rầu ủ rũ” vốn là từ dùng để diễn tả tâm trạng của con người lại được dùng cho mèo con, biến nó trở thành đối tượng có tình cảm, tâm tư riêng.

Tả ngoại hình: “Con đường uốn mình qua những cánh đồng lúa vàng rực rỡ”.

Trong câu văn này, “uốn mình” được dùng để miêu tả vẻ đẹp mềm mại của con đường.

Tả tính cách: “Chim công nom thật đỏm dáng làm sao!”

Trong câu văn này, “đỏm dáng” dùng để miêu tả vẻ đẹp phô trương, màu mè và sặc sỡ của chim công giống như những anh chàng hào nhoáng, thích chăm chút vẻ ngoài.

**Xưng hô vật như với con người**

Đây là hình thức nhân hóa thường được áp dụng khi nhân vật đang độc thoại nội tâm.

Ví dụ:

“Buồn trông con nhện giăng tơ

Nhện ơi nhện hỡi nhện chờ mối ai”

Trong câu thơ này, tác giả đang trò chuyện với “nhện” như một con người hay chính là hình thức độc thoại để diễn tả nỗi nhớ quê hương của mình. Hình thức nhân hóa này giúp nêu bật tâm trạng cô đơn, lẻ loi của tác giả nơi đất khách quê người.

- HS tiếp nhận nhiệm vụ

**Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**

- GV quan sát, gợi mở

- HS thảo luận

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

- GV gọi các nhóm báo cáo sản phẩm

- HS cử đại diện báo cáo, HS còn lại lắng nghe, bổ sung, phản biện

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**

- GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG ( 10p)**

**(Có thể giao về nhà)**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

**b. Nội dung:** Sử dụng kiến thức đã học để viết đoạn văn

**c. Sản phẩm học tập:** đoạn văn của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước1: Chuyển giao nhiệm vụ**

- GV chuyển giao nhiệm vụ:

*Viết một đoạn văn chia sẻ cảm xúc của em về mùa xuân, trong đó có sử dụng dấu gạch ngang và một trong ba biện pháp tu từ so sánh, nhân hóa, điệp ngữ*

- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

**Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**

**Tuần 17-18**

**Tiết 33-34-35-36\***

**ÔN TẬP CUỐI HỌC KÌ I**

**I. MỤC TIÊU.**

**1. Kiến thức:**

Ôn tập kiến thức đã học.

**2. Năng lực:**

**a. Các năng lực chung:**

- Năng lực tự học; năng lực giải quyết vấn đề; năng lực tư duy; năng lực giao tiếp; năng lực hợp tác; năng lực sử dụng ngôn ngữ.

**b. Các năng lực chuyên biệt:**

- Năng lực sử dụng ngôn ngữ.

- Năng lực đọc, viết, nghe, nói, năng lực cảm thụ văn học

**3. Phẩm chất:**

 Giáo dục hs ý thức tìm hiểu về cách dung từ, cách nhận biết phép tu từ…

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của giáo viên:**

- Kế hoạch bài học.

- Học liệu: bảng phụ, máy chiếu đa năng, tài liệu tham khảo, phiếu học tập.

**2. Chuẩn bị của học sinh:** soạn bài theo nội dung được phân công.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU( 4P)**

**1 Mục tiêu**: tạo tình huống/vấn đề học tập nhằm huy động kiến thức, kinh nghiệm hiện có của học sinh và nhu cầu tìm hiểu kiến thức mới liên quan đến tình huống/vấn đề học

**b. Nội dung:** HĐ cá nhân

**c. Sản phẩm:** câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

**\* Chuyển giao nhiệm vụ:**

- *HS*: tiếp nhận

***\* Dự kiến sản phẩm:***

***\* Báo cáo kết quả:***HS trả lời cá nhân

***\* Đánh giá kết quả:***

- HS nhận xét, bổ sung đánh giá

- GV nhận xét, đánh giá:

-> GV nêu mục đích bài học

**2. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC( 42P)**

**Hoạt động 1: Phần văn**

a**. Mục tiêu**: Ôn lại lí thuyết về phần đọc văn

**b. Nội dung:** HS tìm hiểu các ví dụ

**c. Sản phẩm:**  Đại diện nhóm lên trình bày sản phẩm, các nhóm khác bổ sung

**d. Tổ chức thực hiện:**

**HĐ cặp đôi (10 phút)**

***\* Gv chuyển giao nhiệm vụ cho HS.***

1. Nắm lại tên văn bản đã học, tên tác giả, thể loại?

**\* Dự kiến sản phẩm**

*- Bầy chim chìa vôi*( Nguyễn Quang Thiều)- Truyện

-.Đi lấy mật ( Đoàn Gioir)- Tiểu thuyết

-. Ngàn sao làm việc ( Võ Quảng)- thơ năm chữ

- Đồng dao mùa xuân ( Nguyễn Khoa Điềm)- thơ

-Gặp lá cơm nếp ( Thanh Thảo) - thơ

-Trở gió ( Nguyễn Ngọc Tư)- tản văn

-Vừa nhắm mắt vừa mở cửa sổ ( Nguyễn Ngọc Thuần ) – truyện

- Người thầy đầu tiên ( Ai-ma-top)– truyện

**-** Quê hương

- Mùa xuân nho nhỏ

-Gò me

-Bài thơ ***Đường núi*** của Nguyễn Đình Thi

- Tháng giêng , mơ về trăng non rét ngọt

- Chuyện cơm hến

- Hội lồng tồng

2- Thơ là một hình thức sáng tác văn học phản ánh cuộc sống với những cảm xúc chất chứa, cô đọng, những tâm trạng dạt dào, những tưởng tượng mạnh mẽ, trong ngôn ngữ hàm súc, giàu hình ảnh, và nhất là có nhịp điệu

3- Truyện là loại tác phẩm văn học kể lại một câu chuyện, có cốt truyện, nhân vật, không gian, thời gian, hoàn cảnh diễn ra các sự việc.

4.Tản văn (tập văn) là thể loại văn xuôi ngắn gọn, hàm súc.

+ Tác giả thường dựa vào một chi tiết, một sự việc trong cuộc sống để thể hiện tâm trạng, suy nghĩ của mình.

+ Tản văn thường tự do trong các biểu hiện, kết hợp tự sự, trữ tình, nghị luận và miêu tả.

+ Ngôn từ của tản văn gần gũi đời thường, như lời chuyện trò, bàn luận, tâm sự.

**Đặc điểm nhận biết:thơ bón chữ**

+ Mỗi dòng thơ gồm bốn chữ.

+ Không hạn chế về số dòng trong mỗi khổ, số khổ trong mỗi bài.

**Cách gieo vần**

Chim bay, chim s**à**  
Lúa tròn bụng s**ữa**  
Đồng quê chan ch**ứa**Những lời chim c**a**.

( Com chim chiền chiện- Huy Cận)

+ Vần được đặt ở cuối mỗi dòng thơ => **vần chân.**

+ Có thể được gieo liên tiếp hai câu thơ liền nhau => **vần liền( sữa- chứa).**

+ Vần có thể được gieo cách một hoặc hai dòng thơ => **vần cách( sà- ca).**

Cháu cười híp m**í**.

Má đỏ bồ qu**ân**

- Thôi, chào đồng ch**í**. Cháu đ**i** xa d**ần**

( Lượm- Tố Hữu)

+ Vần được đặt ở cuối mỗi dòng thơ => **vần chân(mí- chí- quân- dần).**

+ Vần được gieo ở giữa dòng thơ, tiếng cuối của dòng trên vần với tiếng giữa của dòng dưới => **vần lưng( chí- đi)**

**=> Vần hỗn hợp**

\* **Báo cáo kết quả:** đại diện nhóm đôi trình bày.

**\* Đánh giá kết quả:**

- HS nhận xét, bổ sung đánh giá

- GV nhận xét, đánh giá

- GV chốt kiến thức và ghi bảng

**Hoạt động 2: Phần tiếng Việt**

a**. Mục tiêu**: Ôn lại lí thuyết về phần tiếng việt

**b. Nội dung:** HS tìm hiểu các ví dụ

**c. Sản phẩm:**  Đại diện nhóm lên trình bày sản phẩm, các nhóm khác bổ sung

**d. Tổ chức thực hiện:**

**HĐ cặp đôi (10 phút)**

***\* Gv chuyển giao nhiệm vụ cho HS.***

1.Mở rộng thành phần câu bằng trạng ngữ

2. Số từ ?

3. phó từ?

**\* Dự kiến sản phẩm**

1.1Trạng ngữ là thành phần phụ trong câu.

- Chức năng của trạng ngữ trong câu.

Giúp bổ sung thông tin về thời gian, nơi chốn, nguyên nhân, mục đích, phương tiện, cách thức, điều kiện … cho sự việc được nói đến trong câu. Hoặc dùng để liên kết các câu trong đoạn văn.

- Vị trí trạng ngữ trong câu? Thường nằm ở đầu câu. Đôi khi nằm ở giữa câu hoặc cuối câu. Được ngăn cách với các thành phần chính trong câu bằng dấu phẩy hoặc quan hệ từ.

1.2. Mở rộng thành phần câu bằng chủ ngữ, vị ngữ

Chủ ngữ:

+ Thường trả lời cho câu hỏi: ai?, cái gì? con vật gì?.

+ Là thành phần nêu lên chủ thể (người, vật, hiện tượng …)của hành động, đặc điểm, trạng thái được nói đến trong câu.

+ Thường có cấu tạo là đại từ, danh từ hoặc cụm danh từ.

VD:Cho câu văn sau: Cánh diều đang tự do bay lượn.

Hãy mở rộng thành phần chủ ngữ của câu bằng cụm từ.

->Muôn ngàn cánh diều đủ màu sắc đang tự do bay lượn

->Những cánh diều trên bầu trời đang tự do bay lượn.

->Những cánh diều ấy đang tự do bay lượn.

->Cánh diều sau khi nó gió đang tự do bay lượn.

Vị ngữ:

|+ Thường trả lời cho câu hỏi: là gì? làm gì? thế nào?.

+ Là thành phần câu nêu hành động, đặc điểm, trạng thái của chủ thể được nói đến trong câu.

+Thường có cấu tạo là động từ (hoặc cụm động từ), tính từ (hoặc cụm tính từ.)

Lửa cháy.

Lửa cháy bập bùng trong màn sương sớm.

Lửa cháy tí tách trong bếp lò

Lửa cháy ấm áp trong nhà sàn giữa mùa đông lạnh lẽo

Lửa cháy hăng hắc mùi lá khuynh diệp tươi.

2. Khái niệm cụm từ.Là các tổ hợp từ có cấu tạo phức tạp hơn một từ nhưng mang lại nhiều thông tin hơn so với từ.

Các loại cụm từ

Cụm danh từ. Cụm động từ. Cụm tính từ.

Ví dụ về cụm từ

“Bẩy chim non ấy”

“Đã đi rất xa”.

“Vẫn còn mới như lúc đầu”

**\* Báo cáo kết quả:** đại diện nhóm đôi trình bày.

**\* Đánh giá kết quả:**

- HS nhận xét, bổ sung đánh giá

- GV nhận xét, đánh giá

- GV chốt kiến thức và ghi bảng

**Hoạt động 3: Phần Tập làm văn**

a**. Mục tiêu**: Ôn lại lí thuyết về phần Tập làm văn

**b. Nội dung:** HS tìm hiểu các ví dụ

**c. Sản phẩm:**  Đại diện nhóm lên trình bày sản phẩm, các nhóm khác bổ sung

**d. Tổ chức thực hiện:**

**HĐ cặp đôi (10 phút)**

***\* Gv chuyển giao nhiệm vụ cho HS.***

-Tóm tắt văn bản theo độ dài khác nhau.

- Viết đoạn văn ghi lại cảm xúc sau khi đọc một bải thơ bốn chữ, năm chữ.

- Trình bày suy nghĩ về một vấn đề trong đời sống ( được gợi ra từ một tác phẩm văn học đã học).

- Viết bài văn phân tích đặc điểm nhân vật trong một tác phẩm văn học

+ Kiểu bài: Nghị luận văn học.

+ Đối tượng nghị luận: đặc điểm của nhân vật trong một tác phẩm văn học.

+ Mục đích nghị luận: thuyết phục người đọc (người nghe) về ý kiến của người viết.

+ Nội dung nghị luận: đưa ra ý kiến bàn về đặc điểm của nhân vật trong một tác phẩm văn học.

**2, Yêu cầu bài văn**

**Hình thức:**

+ Đảm bảo cấu trúc 3 phần: mở bài – thân bài – kết bài.

**Nội dung:**

+ Giới thiệu được nhân vật văn học cần phân tích.

+ Đưa ra được ý kiến về các đặc điểm của nhân vật dựa trên các bằng chứng trong tác phẩm.

+ Nhận xét được nghệ thuật xây dựng nhân vật.

+ Nêu được ý nghĩa của hình tượng nhân vật.

**\* Dự kiến sản phẩm**

**\* Báo cáo kết quả:** đại diện nhóm đôi trình bày.

**\* Đánh giá kết quả:**

- HS nhận xét, bổ sung đánh giá

- GV nhận xét, đánh giá

- GV chốt kiến thức và ghi bảng

**3. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP( 40P)**

a**. Mục tiêu**: vận dụng kiến thức đã học để làm bài tập

**b. Nội dung:** HS tìm hiểu các ví dụ từ ngữ liệu ở màn hình

**c. Sản phẩm:** Đại diện nhóm lên trình bày sản phẩm, các nhóm khác bổ sung

**d. Tổ chức thực hiện:**

***\*******Chuyển giao nhiệm vụ***

*Tìm ý cho bài văn phân tích đặc điểm nhân vật thầy Đuy-sen trong văn bản “ Người thầy đầu tiên”*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Cách miêu tả nhân vật | Chi tiết trong tác phẩm | Suy luận của em về nhân vật |
| Ngoại hình |  |  |
| Hành động |  |  |
| Ngôn ngữ |  |  |
| Nội tâm |  |  |
| Mối quan hệ với các nhân vật khác. |  |  |
| Lời người kể chuyện nhận xét trực tiếp về nhân vật. |  |  |

***\* Dự kiến sản phẩm***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Cách miêu tả nhân vật** | **Chi tiết trong tác phẩm** | **Suy luận của em về nhân vật** |
| Ngoại hình  Hành động | Không có chi tiết miêu tả | |
| + Tự dưng nhà làm lớp học cho trẻ em trong làng.  + Đưa đón học sinh đi học qua suối lạnh mùa đông.  + Đắp ụ đá trên suối để học sinh đến trường không bị lạnh, bị ướt.  + Gửi học trò lên tỉnh để tiếp tục học tập. | Người thầy giáo hết lòng vì sự nghiệp trồng người, rất yêu thương học trò, mạnh mẽ kiên trì. |
| Ngôn ngữ | Mỉm cười niềm nở với học trò lần đầu gặp mặt.  Nháy mắt động viên các em cởi mở hơn.  Ân cần hỏi han học trò.  Khen ngợi học trò. | Thầy giáo ân cần, dịu dàng, quan tâm thật lòng tới mỗi học trò. |
| Nội tâm | Luôn mong muốn học trò được đến trường, ao ước học trò được lên thành phố để được học ở môi trường tốt hơn. | Toàn bộ suy nghĩ, ước vọng của thầy đều giành cho học trò. |
| Mối quan hệ với các nhân vật khác. | + Với học trò Đuy-sen là người thầy đầu tiên, là người anh, người thân đã dành cả tình yêu thương cho lũ trẻ.  + Với bọn nhà giầu trong làng, anh dũng cảm, kiên cường chống lại những thành kiến lạc hậu. | Toàn bộ suy nghĩ, ước vọng của thầy đều dành cho học trò. |
| Lời người kể chuyện nhận xét trực tiếp về nhân vật. | Chắc chắn tất cả đám học sinh chúng tôi đứa nào cũng yêu mến thầy vì tấm lòng nhân từ , vì ý nghĩ tốt lành, vì những ước mơ của thầy về tương lai chúng tôi. | Nhận được sự yêu mến, cảm phục, biết ơn. |

Đoạn trích Người thầy đầu tiên là lời kể lại của người họa sĩ và An-tư-nai về một người thầy đầu tiên của họ và của cả ngôi làng. Đuy-sen là một người thầy tuyệt vời, không chỉ vận động các học sinh tới trường, thầy còn tự tay cõng các em nhỏ qua suối, không quản thời tiết lạnh buốt hay bị những kẻ cưỡi ngựa châm chọc. Thầy Đuy-sen quan tâm đến các học sinh và đặc biệt là An-tư-nai, mong cô bé có thể lên thành phố lớn học tập. Câu chuyện kể lại từ An-tư-nai khiến người họa sĩ đồng hương cảm thấy day dứt và muốn vẽ bức tranh thật đẹp về hai thầy trò.

Người thầy đầu tiênca ngợi người thầy Đuy-sen với những tâm huyết, sự tận tụy và tình cảm mà thầy dành cho học sinh của mình, đặc biệt là An-tư-nai. Người thầy Đuy-sen đã thay đổi cuộc đời của cô bé An-tư-nai, người đã vun trồng ước mơ, hy vọng cho những học trò nhỏ.

Thầy Đuy-sen và cô học trò người dân tộc An-tư-nai bé bỏng, tội nghiệp hiện lên trên trang văn trong sáng, nhẹ nhàng của Ai-ma-tốp đã để lại bao rung động bồi hồi trong lòng ta một thời cắp sách. Hình ảnh một người thầy tuyệt đẹp và đáng kính là cảm nhận sâu sắc nhất của mỗi chúng ta khi đọc truyện ngắn này. Thầy Đuy-sen trẻ và nhiệt huyết, thầy yêu nghề, thật sự mong muốn những điều tốt đẹp đến với những đứa trẻ nghèo lạc hậu.

Ngay từ lần gặp đầu tiên, thầy Đuy-sen đã mỉm cười, niềm nở, mời các em vào xem trường. Đuy-sen là người thầy đầu tiên, người thầy khai tâm khai sáng cho An-tư- nai. Thầy hiền hậu, thầy yêu thương tuổi thơ. Thầy đã đốt cháy lên trong lòng các em ngọn lửa nhiệt tình khát vọng và khát vọng đi học. Khi An-tư-nai và các bạn nhỏ đến thăm trường với bao tò mò “xem thử thầy giáo đang làm gì, ở đấy cũng hay” thì thấy thầy “từ trong cửa bước ra, người bêbết đất”. Thầy khoe trường và khơi dậy mong muốn đến trường của các em nhỏ.

Không chỉ là người trực tiếp giảng dạy, ngày ngày, thầy Đuy-sen còn bế các em qua suối, lưng thì cõng, tay thì bế để các em nhỏ có thể an toàn tới trường học. Ngay cả khi bọn nhà giàu ngu xuẩn, bộ mặt láo xược lên mặt chế giễu, cười cợt, thầy vẫn lạc quan kể chuyện vui cho học sinh quên đi mọi sự. Chi tiết này thể hiện thầy là người có học thức, có sự nhẫn nại. Không chỉ không quan tâm, đôi co với những kẻ thiếu hiểu biết, thầy Đuy-sen còn không muốn học trò của mình bị ảnh hưởng bởi những câu nói của họ, tâm trạng không bị xấu đi.

Để việc qua suối bớt nguy hiểm, thầy và An-tư-nai còn cố gắng tìm gỗ làm cầu cho học sinh qua suối, thầy đi chân không, làm không ngơi tay. Nhưng khi thấy An-tư-nai ngã, thầy Đuy-sen lập tức quan tâm, quẳng tảng đá trên tay, nhảy ngay lại, đỡ lên, rồi bế chạy lên bờ, lót chiếc áo choàng đặt An-tư-nai vào đó, xoa bóp và ân cần giúp cô bé ấm lên. Đuy-sen gửi gắm mong muốn An-tư-nai có thể lên thành phố lớn theo học, bởi thầy nhìn thấy tiềm năng và sự thông minh của cô học trò nhỏ.

Ai-ma-tốp đã viết nên một truyện ngắn dưới dạng hồi ức chân thực, cảm động. Hình ảnh Đuy-sen – người thầy đầu tiên đầy mẫu mực và tuyệt vời với niềm tận tụy đáng nhớ, trở nên gần gũi trong niềm thương mến của tuổi thơ chúng ta.

.\* ***Báo cáo kết quả:***Cá nhân báo cáo tại chỗ

***\* Đánh giá kết quả:***

- HS nhận xét, bổ sung đánh giá

- GV chốt kiến thức và ghi bảng

**4. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG: (4P)**

**a. Mục tiêu:**. HS phát hiện các tình huống thực tiễn và vận dụng được các kiến thức, kĩ năng trong cuộc sống tương tự tình huống/vấn đề đã học.

**b. Nội dung:** HĐ cá nhân

**c. Sản phẩm:** câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

***\* Chuyển giao nhiệm vụ cho HS***

- HS suy nghĩ.

*- Giáo viên:* hướng dẫn, nghe HS trình bày.

***\* Dự kiến sản phẩm:***câu trả lời của HS:

***\* Báo cáo kết quả:*** Hs trình bày

***\* Đánh giá kết quả:***

+ Hs khác nhận xét, bổ sung, đánh giá

+ GV đánh giá câu trả lời của HS.

-> GV chốt kiến thức.

**\* Hướng dẫn học và làm bài ở nhà:**

- Học, nắm chắc nội dung bài học

\* Đối với bài mới: Chuẩn bị bài mới:**KIỂM TRA HỌC KỲ I**

**TUẦN 19**

**Tiết 37-38\***

**SƯU TẦM MỘT SỐ TRUYỆN NGỤ NGÔN**

**I. Mục tiêu**

**1. Năng lực**

**a. Năng lực chung**

***-*** Năng lực tự chủ và tự học: Tìm kiếm thông tin, đọc sách giáo khoa, quan sát tranh ảnh để tìm hiểu về bài học.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Thảo luận nhóm để thực hiện phiếu học tập, hợp tác giải quyết vấn đề để tìm hiểu về bài học.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Năng lực trình bày và trao đổi thông tin trước lớp.

**b. Năng lực riêng biệt**

- Sưu tầm truyện ngụ ngôn.

- Liên hệ các sự việc trong truyện với những tình huống, hoàn cảnh thực tế.

- Năng lực ngôn ngữ (đọc – viết – nói và nghe); năng lực văn học.

**2. Phẩm chất**

- Hình thành và phát triển ở HS: Trách nhiệm học hỏi cái tốt; phê phán cái xấu, cái không phù hợp.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của giáo viên:**

- KHBD, SGK

- Máy chiếu, máy tính.

- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi

- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà

**2. Chuẩn bị của học sinh:** SGK, SBT Ngữ văn 7, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG ( 5P)**

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

**b. Nội dung:** HS chia sẻ kinh nghiệm của bản thân.

**c. Sản phẩm:** Những suy nghĩ, chia sẻ của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

- Gv chuyển giao nhiệm vụ:

+ Chia lớp ra làm các đội chơi

+ Gv tổ chức trò chơi: “*Thử tài nhìn tranh đoán tên truyện”*: Có 5 bức tranh tương ứng với 5 câu chuyện. Em hãy đoán tên câu chuyện dựa vào các hình ảnh?

- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

**Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**

- HS quan sát hình ảnh và suy nghĩ để đoán câu trả lời

1.Con cáo và chùm nho

2. Chân-Tay-Tai-Mắt-Miệng

3. Ve sầu và kiến

4. Ếch ngồi đáy giếng

5. Thầy bói xem voi

6. Thỏ và rùa

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

- Gv chỉ định đội chơi trả lời câu hỏi

- Hs trả lời câu hỏi của trò chơi

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**

- GV chốt đáp án và công bố đội giành chiến thắng

- Gv kết nối phần khởi động để dẫn dắt vào bài:

*Đây là những câu chuyện ngụ ngôn quen thuộc gắn liền với kí ức tuổi thơ của mỗi chúng ta. Bài học hôm nay chúng ta sẽ tìm hiểu về thể loại này qua văn bản 1: Đẽo cày giữa đường*

*.***B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC ( 35P)**

**Hoạt động 1:**Lí thuyết.

**a. Mục tiêu:** HS nắm khái niệm truyện ngụ ngôn.

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

**\* Chuyển giao nhiệm vụ**

1.Thế nào là truyện ngụ ngôn ?

2. Kể tên các truyện ngụ ngôn mà em biết?

- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

**\* Dự kiến sản phẩm**

- HS thực hiện nhiệm vụ;

- Dự kiến sản phẩm:

1.+ Truyện ngụ ngôn: là hình thức tự sự cỡ nhỏ, trình bày những bài học đạo lí và kinh nghiệm sống, thường sử dụng lối diễn đạt ám chỉ, ngụ ý, bóng gió.

+ Truyện ngụ ngôn thường ngắn gọn, được viết bằng thơ hoặc văn xuôi.

+ Nhân vật trong truyện ngụ ngôn có thể là con người hoặc con vật, đồ vật được nhân hóa.

+ Truyện ngụ ngôn thường nêu lên những tư tưởng, đạo lí hay bài học cuộc sống bằng ngôn ngữ giàu hình ảnh, có thể pha yếu tố hài hước.

2. Kể tên các truyện ngụ ngôn

**\* Báo cáo kết quả**

- HS trả lời câu hỏi;

- GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

**\* Đánh giá kết quả**

- GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức

**GV có thể bổ sung thêm:**

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP( 70P)**

**a. Mục tiêu:** Hs hoàn thiện kiến thức vừa chiếm lĩnh được; rèn luyện kĩ năng áp dụng kiến thức mới để giải quyết các tình huống/vấn đề trong học tập.

**b. Nội dung:** GV giao nhiệm vụ cho HS trả lời các câu hỏi

**c. Sản phẩm:**  Câu trả lời của HS; phiếu học tập của nhóm

**d. Tổ chức thực hiện:**

***\* Chuyển giao nhiệm vụ cho HS***

Kể truyện ngụ ngôn em đã sưu tầm được.

***\* Dự kiến sản phẩm:***

1. Kiến và châu chấu

Một nhóm kiến đang làm việc chăm chỉ suốt mùa hè để chuẩn bị cho mùa đông lạnh lẽo và khắc nghiệt. Trong khi đó, một con châu chấu dành toàn bộ mùa hè để ca hát, làm những việc ngu xuẩn và ngạc nhiên không biết tại sao những con kiến lại làm việc chăm chỉ thế. Khi mùa đông đến, con châu chấu không có gì để ăn và gần như chết đói. Những con kiến cứu anh ta và anh ta đã hiểu ra tại sao kiến lại làm việc chăm chỉ như vậy.

**Bài học: Quan trọng khi suy nghĩ về phía trước**

Ngay lúc này, chỉ vì không cần một cái gì đó không có nghĩa là chúng ta nên hoãn lại. Đồng ý việc dành thời gian để tận hưởng những điều thú vị, nhưng không phải lúc nào cũng có những con kiến ẩn dụ như vậy để cứu bạn đâu. Bạn không muốn phải chờ đợi đến mùa đông để mua lò sưởi, chờ đến ngày rồi mới mua vé máy bay, đến ngày nộp bài rồi mới viết bài, hay bắt đầu tiết kiệm tiền quá muộn. Hãy suy nghĩ về phía trước, đừng chần chừ nữa và nhớ là luôn luôn phải chuẩn bị cho những gì sắp xảy ra.

2. Con chó và cái bóng

Một con chó đang trên đường về nhà sau khi tìm thấy một khúc xương lớn. Trên đường về nhà, nó đã tình cờ phát hiện một con sông và cái bóng của nó dưới dòng nước. Nó nghĩ mình thấy một con chó lớn hơn, khúc xương to hơn khúc xương của nó, vì thế nó sủa con chó kia, cố gắng lấy khúc xương to đó. Khi nó sủa, khúc xương đã bị rơi ra khỏi miệng và cuối cùng nó đã trở về nhà tay không.

**Bài học: Quan trọng khi suy nghĩ về phía trước**

Chúng ta luôn muốn nhiều hơn những thứ ta đang có, nhưng khi bạn kiểm kê tài sản của mình, bạn lại nhận ra khúc xương mình đang có là đủ rồi. Dù vậy nhưng không có nghĩa bạn không cần phải phấn đấu cho những thứ to lớn hơn và tốt đẹp hơn. Khi muốn có nhiều hơn nữa thì bạn nên cẩn thận. Cuối cùng bạn sẽ nhận ra rằng, ao ước có được cái bánh và ăn hết nó, sẽ khiến bạn thực sự không có gì cả.

A dog is heading home after finding a big, juicy bone. On his way home, he happens upon a river and sees his reflection in the water.

He think's he sees another a dog with a bigger, better bone than the one he has so he barks at the "other" dog to try and get his bone too. When he barks, his bone falls out of his mouth and he has to go home with no bone at all.

3. Con quạ và cái bình nước

Vào một ngày mùa hè nóng bức bất thường, một con quạ đang bay để tìm nước. Nó tình cờ tìm thấy một bình nước, nhưng khi cố gắng đặt mỏ vào bình để uống nước thì không thể nào với được nước ở bên trong. Nó cố và cố, từ từ với tới để lấy nước. Khi đã sẵn sàng từ bỏ và chấp nhận số phận, nó đã nảy ra một ý tưởng: thả những viên sỏi nhỏ vào trong bình cho đến khi mực nước dâng lên đến nơi mà nó có thể với tới được.

**Bài học: Đừng bỏ cuộc khi mọi thứ có vẻ tệ đi**

Có chí thì nên. Sự kiên trì là chìa khóa để giải quyết bất kỳ vấn đề nào vì cuối cùng, dù cho tình hình có nghiêm trọng đi chăng nữa, thì bạn cũng sẽ tìm thấy một giải pháp. Chỉ cần một vài lần lặp lại, ý tưởng của bạn có lẽ sẽ không tệ như bạn nghĩ. Bất cứ điều gì bạn muốn làm, chỉ cần cần cù. Như Wayne Gretzky đã từng nói:“Bạn bỏ lỡ 100% cơ hội nếu như bạn không cho mình cơ hội.”

4. Đeo lục lạc cho mèo

Một gia đình chuột đang sống trong sợ hãi khi con mèo cứ săn chúng cả ngày lẫn đêm. Mệt mỏi vì lo sợ cho cuộc sống mỗi giây, chúng đã quyết định cố gắng và nghĩ ra một kế hoạch. Sau một thời gian, một trong những con chuột trẻ đã đưa ra một ý tưởng thông minh.

Con chuột đề nghị rằng chúng sẽ buộc một cái chuông quanh cổ của con mèo, nên có thể nghe thấy khi con mèo đến gần, khi đó có thể trốn con mèo. Tất cả chuột đều đồng ý, ngoại trừ con chuột lâu đời nhất, khôn ngoan nhất. Các con chuột già cho rằng đó là một kế hoạch tốt về mặt lý thuyết, nhưng "ai sẽ là người đi đeo chuông cho mèo?"

**Bài học: Thực hiện thì lúc nào cũng quan trọng hơn ý tưởng**

Ý tưởng là rất cần thiết để giải quyết vấn đề, nhưng cần thiết hơn là biết cách thực hiện. Bạn biết đó, để vào được một căn nhà bị khóa, thì bạn cần có chìa khóa, nhưng cũng sẽ vô dụng nếu chìa khóa không phù hợp. Khi bạn tưởng tượng ra một ý tưởng cho công việc hay cái gì khác, phải luôn luôn biết cách thực hiện trước khi đưa ra ý kiến. Nếu không có cách nào tốt để thực hiện ý tưởng đó, thì phải xin lời khuyên, đừng bao giờ khoe khoang ý tưởng của bạn cho đến khi thực sự sẵn sàng cho lúc bắt đầu.

A family of mice is living in fear of a cat that hunts them all day and night. Tired of fearing for their lives every second, they decide to try and think up a plan to help their situation. After some time, one of the younger mice comes up with a brilliant idea.

The mouse suggests that they tie a bell around the cat's neck, so they can hear it approach and always be able to hide in time. All the mice agree, except one: the oldest, wisest mouse. The old mouse agrees that it's a good plan in theory, but asks "who will be the one to bell the cat?"

5. Cua mẹ và cua con

Một con cua nhỏ và mẹ của nó trải qua một ngày trên cát ấm áp của một bãi biển. Con cua nhỏ bắt đầu đi xung quanh, nhưng chỉ có thể đi ngang qua ngang lại. Cua mẹ mắng cua nhỏ và bày cậu ta đặt ngón chân ở phía trước và đi về phía trước.

Cua nhỏ giải thích rằng nó rất thích đi bộ về phía trước, nhưng nó không biết cách làm điều đó. Nó nhờ cua mẹ chỉ cách. Cua mẹ đứng dậy và cố gắng đi về phía trước, nhưng cũng chỉ có thể đi ngang. Cua mẹ ngượng ngùng xin lỗi và nằm xuống cát.

**Bài học: Thực hành là bài học tốt nhất**

Khái niệm "nói một đằng, làm một nẻo" hiếm khi có tác dụng tương tự như việc làm một tấm gương tốt. Khi bạn ở một vị trí lãnh đạo, bạn có thể luôn không có cơ hội để làm một tấm gương tốt, nhưng bạn nên làm điều đó thường xuyên nhất có thể. Sẽ không có ai thích, khi bạn yêu cầu họ làm một cái gì đó bạn không thể.

Nếu bạn không thể làm một tấm gương tốt, và bạn cần một ai đó để làm điều bạn không thể, thì hãy diễn tả những điểm mạnh và ngưỡng mộ khả năng của họ. Thay vì nói: "Tôi không thể làm điều này, bạn cần phải...", bạn hãy nói: "Ước gì tôi có thể làm được điều này, nhưng bạn sẽ làm tốt hơn đấy. Có thể giúp tôi được không?"

Kỹ năng của người lãnh đạo có thể có lợi trong tất cả các khía cạnh của cuộc sống. Nếu bạn có thể học để trở thành một nhà lãnh đạo tốt, bạn có cơ hội tốt hơn rồi đấy.

***\* Báo cáo kết quả:***

- HS lần lượt báo cáo kết quả các bài

***\* Đánh giá kết quả:***

- HS nhận xét, bổ sung đánh giá

- GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức.

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG: (4P)**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

b. Nội dung: Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi.

c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

**\* Chuyển giao nhiệm vụ**

Mục đích chủ yếu của truyện ngụ ngôn là gì?

- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

**\* Dự kiến sản phẩm**

- HS thực hiện nhiệm vụ;

- Dự kiến sản phẩm:

**\* Báo cáo kết quả**

- HS trả lời câu hỏi;

- GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

**\* Đánh giá kết quả**

- GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức

\* Hướng dẫn học và làm bài ở nhà:

**\* Hướng dẫn học và làm bài ở nhà:**

- Học, nắm chắc nội dung bài học

**TUẦN 20**

**Tiết 39-40\***

**THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT: LUYỆN TẬP VỀ THÀNH NGỮ**

**1. Năng lực**

**a. Năng lực chung**

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

**b. Năng lực riêng biệt**

- Năng lực nhận diện và sử dụng thanh ngữ trong hoàn cảnh phù hợp.

- Học sinh nắm được đặc điểm của thành ngữ (về cấu trúc và ngữ nghĩa), từ đó nhận diện được thành ngữ trong câu.

- Học sinh hiểu được chức năng của thành ngữ, tác dụng của thành ngữ trong câu, từ đó phân tích được giá trị biểu đạt của thành ngữ trong những trường hợp cụ thể.

**2. Phẩm chất**

- Biết yêu mến, trân trọng vẻ đẹp phong phú, đa dạng của ngôn ngữ.

**II. Thiết bị dạy học và học liệu**

**1. Chuẩn bị của GV**

- KHBD

- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi

- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà.

**2. Chuẩn bị của HS:** SGK, SBT Ngữ văn 7 tập hai, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi, v.v…

**III. Tiến trình dạy học**

**Hoạt động 1: Khởi động**

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

**b. Nội dung:** GV trình bày vấn đề.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

*- GV tổ chức trò chơi:* ***ĐOÁN Ý ĐỒNG ĐỘI***

***Luật chơi:***

+ GV chia lớp thành 2 nhóm

+ Mỗi nhóm cử 1 đại diện lên để bốc phiếu trong hộp, mỗi phiếu là 1 thành ngữ

+ Đại diện nhóm diễn tả hành động để các thành viên trong nhóm mình đoán và giải thích thành ngữ. Trả lời đúng được 1 điểm, sai được 0 điểm

*- HS tiếp nhận nhiệm vụ, nghe và trả lời;*

***- GV dẫn dắt vào bài học mới:***Thành ngữ của chúng ta vô cùng phong phú và đa dạng. Vậy làm thế nào để nhận diện thành ngữ, biết những đặc điểm và nắm được chức năng cụ thể của nó. Chúng ta sẽ tìm hiểu trong bài học ngày hôm nay.

**Hoạt động 2: Hình thành kiến thức**

**a. Mục tiêu:** nắm được đặc điểm của thành ngữ, từ đó nhận diện được thành ngữ trong câu. Hiểu được chức năng của thành ngữ, tác dụng của thành ngữ trong câu, từ đó phân tích được giá trị biểu đạt của thành ngữ trong những trường hợp cụ thể.

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Thao tác 1: Khái niệm thành ngữ**  **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  **1.** Dựa vào phần tri thức ngữ văn chúng ta đã học, hãy trình bày lại khái niệm thành ngữ.  2. Đặc điểm và chức năng của thành ngữ  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trả lời câu hỏi  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức | **I. Lí thuyết**  1- Thành ngữ là một cụm từ cố định, có nghĩa bóng bẩy. Nghĩa của thành ngữ là nghĩa toát ra từ cả cụm, chứ không phải được suy ra từ nghĩa của từng thành tố.  **2. Nhận biết đặc điểm và chức năng của thành ngữ**  **a. Đặc điểm của thành ngữ**  **🡪 Là những tổ hợp chặt chẽ**  **🡪 Nghĩa của mỗi cụm từ đều hàm súc, có tính hình tượng**  **b. Chức năng của thành ngữ**  **🡺 Giúp cho câu trở nên súc tích, bóng bẩy, gợi nhiều liên tưởng** |

**Hoạt động 3: Luyện tập**

**a. Mục tiêu:** biết sử dụng kiến thức vừa học để giải quyết các bài tập

**b. Nội dung:** Sử dụng sgk, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

**c. Sản phẩm học tập:** Kết quả của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**

- GV tổ chức Hoạt động nhóm

Nhóm 1: bài 1

Sưu tầm một số câu thành ngữ

Nhóm 2: bài 2: Giair thích câu thành ngữ đã sưu tầm

Nhóm 3: bài 3: Viết đoạn văn có sử dụng thành ngữ

**Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**

- HS thảo luận nhóm.

**Bài tập 1**

**Bài tập 2**

1.Ăn quả nhớ kẻ trồng cây.

Chỉ lòng biết ơn, khi ăn được quả ngọt phải nhớ người trồng trọt, chăm sóc.

2.Cha mẹ sinh con, trời sinh tính.

Thể xác do cha mẹ ban cho nhưng tánh nết cha mẹ không quyết định được.

3.Chín người mười ý.

Mỗi người mỗi ý, khó mà chiều theo cho đặng, cho đều.

4.Con hư tại mẹ, cháu hư tại bà.

Ý nói vấn đề dạy dỗ con cái đừng quá nuông chiều dễ sinh hư.

5.Có thực mới vực được đạo.

Làm gì thì cũng phải no bụng, phải có sự chuẩn bị kỹ lưỡng mới có thể đạt được thành tích tốt.

6.Dạy khỉ trèo cây.

Chỉ việc làm thừa thãi.

7.Mèo mù vớ cá rán.

Chỉ sự may mắn, dù không thấy đường nhưng chú mèo vẫn vồ được đồ ăn ngon.

8.Đói cho sạch, rách cho thơm.

Dù làm gì thì cũng phải đặt nhân cách lên đầu, dù cho có đói rách cũng không được trộm cắp, làm việc xấu.

9.Con nhà tông không giống lông cũng giống cánh.

Dù ít hay nhiều thì con cháu cũng sẽ có nét giống với ông bà, cha mẹ không chỉ ở vẻ bề ngoài mà còn ở tính cách.

10.Đi đêm lắm có ngày gặp ma.

Làm việc xấu quá nhiều ắt sẽ có ngày gặp báo ứng.

11.Một con ngựa đau, cả tàu bỏ cỏ.

Thể hiện tình nhân ái, sự yêu thương, đoàn kết, biết sẻ chia của một tập thể.

12.Một điều nhịn là chín điều lành.

Ý nói nhường nhịn tuy thua thiệt một chút nhưng đổi lại mọi chuyện êm ấm, tốt đẹp hơn gấp nhiều lần.

13.Ngựa non háu đá.

Ý chỉ người trẻ tuổi hung hăng, hiếu thắng, không biết lượng sức mình.

14.Lắm thầy nhiều ma.

Nhiều người chỉ bảo tạo nên nhiều ý kiến, khó sàng lọc thông tin dẫn đến nhiễu loạn.

15.Muốn ăn thì lăn vào bếp.

Ý nói phải làm thì mới có ăn.

16.Khẩu phật tâm xà.

Miệng lưỡi nói toàn điều lương thiện nhưng trong tâm và hành động toàn toan tính hạingười

.**Bài tập 3**

**Nhận xét:** Muốn sử dụng thành ngữ có hiệu quả, biểu đạt được điều muốn nói một cách bóng bẩy, ngắn gọn, … thì người dùng cần hiểu đúng nghĩa của thành ngữ đó.

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

- HS trình bày sản phẩm thảo luận;

- GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**

- GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức

**Hoạt động 4: Vận dụng**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

**b. Nội dung:** Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi.

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

***Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ***

*- GV tổ chức trò chơi* ***THỬ TÀI ĐẶT CÂU***

**Hình thức:** gv gọi ngẫu nhiên 1 học sinh trong lớp, học sinh đó có quyền chọn 1 ví dụ để đặt câu, nếu đúng được chỉ 1 bạn trong lớp để thực hiện tiếp trò chơi.

*-Con nhà tông không giống lông cũng giống cánh.*

***-Gái có chồng như gông đeo cổ.***

***.Góp gió thành bão.***

***Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ***

*- HS thực hiện nhiệm vụ*

***Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận***

*- HS trả lời câu hỏi*

*- GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.*

***Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ***

*- GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức*

**\* Hướng dẫn tự học ở nhà:**

- Đọc lại toàn bộ nội dung bài đã học.

- Chuẩn bị bài mới:

**TUẦN 21**

## Tiết 41-42\*

**THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT: LUYỆN TẬP VỀ BIỆN PHÁP TU TỪ NÓI QUÁ**

**I. Mục tiêu**

**1. Năng lực**

**a. Năng lực chung**

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

**b. Năng lực riêng biệt**

- Học sinh hiểu, nắm được đặc điểm của biện pháp tu từ nói quá, những tên gọi khác nhau của biện pháp tu từ này (phóng đại, cường điệu, thậm xưng, ngoa dụ…), các cách thức thể hiện biện pháp tu từ nói quá, mục đích của việc sử dụng nói quá trong ngôn ngữ sinh hoạt và ngôn ngữ văn học.

- Học sinh nhận diện và phân tích được tác dụng của biện pháp tu từ nói quá trong những trường hợp cụ thể, biết vận dụng biện pháp nói quá một cách phù hợp.

- Năng lực nhận diện và phân tích được tác dụng của biện pháp tu từ nói quá trong những trường hợp cụ thể, biết vận dụng biện pháp nói quá một cách phù hợp.

**2. Phẩm chất**

- Biết yêu mến, trân trọng vẻ đẹp phong phú, đa dạng của ngôn ngữ.

**II. Thiết bị dạy học và học liệu**

**1. Chuẩn bị của GV**

- KHBD

- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi

- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà.

**2. Chuẩn bị của HS:** SGK, SBT Ngữ văn 7 tập hai, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi, v.v…

**III. Tiến trình dạy học**

**Hoạt động 1: Khởi động**

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

**b. Nội dung:** GV trình bày vấn đề.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

*- GV tổ chức trò chơi:* ***ĐUỔI HÌNH BẮT CHỮ***

*- HS tiếp nhận nhiệm vụ, nghe và trả lời*

***- GV dẫn dắt vào bài học mới:*** *Chắc hẳn trong cuộc sống, các em đã từng nghe đến những câu nói như vậy!* *Có thể thấy, không chỉ trong quá trình giao tiếp, mà cả trong văn thơ, ca nhạc, điện ảnh,… chúng ta có sử dụng cách nói phóng đại sự thật. Vậy cách nói này là gì và có tác dụng ra sao? Bài học thực hành tiếng việt****Biện pháp tu từ nói quá****ngày hôm nay, chúng ta sẽ cùng tìm hiểu về vấn đề này nhé!*

**Hoạt động 2: Hình thành kiến thức**

**a. Mục tiêu:** nắm lại được kiến thức về định nghĩa, đặc điểm và tác dụng của biện pháp tu từ nói quá.

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  -Khái niệm nói quá.  -Nêu đặc điểm  -Chức năng của nói quá  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trả lời câu hỏi  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức | **I. Lí thuyết**  **1. Khái niệm nói quá:**  **🡪 Khái niệm:** Là biện pháp tu từ phóng đại tính chất, mức độ, quy mô của đối tượng để nhấn mạnh, tăng sức biểu cảm hoặc gây cười.  **2. Đặc điểm của BPTT nói quá**  - *Phóng đại quy mô*  - *Phóng đại tính chất*  - *Phóng đại mức độ*  **3. Chức năng của BPTT nói quá**  - Nhấn mạnh ý  - Gây ấn tượng  - Tăng sức biểu cảm cho lời văn |

**Hoạt động 3: Luyện tập**

**a. Mục tiêu:** biết sử dụng kiến thức vừa học để giải quyết các bài tập

**b. Nội dung:** Sử dụng sgk, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

**c. Sản phẩm học tập:** Kết quả của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**

- GV tổ chức Hoạt động nhóm

Nhóm 1: bài 1

Sưu tầm một số câu thành ngữ

Nhóm 2: bài 2: Giair thích câu thành ngữ đã sưu tầm

Nhóm 3: bài 3: Viết đoạn văn có sử dụng thành ngữ

**Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**

- HS thảo luận nhóm.

**Bài tập 1.Tìm biện pháp nói quá và giải thích ý nghĩa của chúng trong các ví dụ sau:**

a)   *Bàn tay ta làm nên tất cả*

*Có sức người sỏi đá cũng thành cơm.*

                                    (Hoàng Trung Thông, *Bài ca vỡ đất*)

b) Anh cứ yên tâm, vết thương chỉ sượt da thôi. Từ giờ đến sáng em có thể đi lên đến tận trời được.

(Nguyễn Minh Châu, *Mảnh trăng cuối rừng*)

c) […] Cái cụ bá thét ra lửa ấy lại xử nhũn mời hắn vào nhà xơi nước.

(Nam Cao, *Chí Phèo*)

a) *Có sức người sỏi đá cũng thành cơm.*

=> Nói quá nhấn mạnh vai trò của sức lao động con người có thể cải tạo tự nhiên mang lại nguồn sống.

b) *Em có thể đi lên đến tận trời.*

=> Nói quá nhằm khẳng định không ngại khó, không ngại khổ

c) *Thét ra lửa.*

=> Nói quá thể hiện nhân vật cụ bá có thế lực, có quyền lực.

**Bài tập 2**

Đặt câu với các thành ngữ dùng biện pháp nói quá sau đây: *nghiêng nước nghiêng thành, dời non lấp biển, lấp biển vá trời, mình đồng da sắt, nghĩ nát óc.*

**Lời giải chi tiết:**

Đặt câu với thành ngữ:

- Nàng Kiều trong truyện Kiều của Nguyễn Du có vẻ đẹp **nghiêng nước nghiêng thành**.

- Kẻ trượng phu xưa thường mơ chuyện **dời non lấp biển**.

- Nhưng việc **lấp biển vá trời** dành cho kẻ anh hùng hào kiệt.

- Chúng tôi là người chứ đâu phải **mình đồng da sắt**. Chúng tôi thử hành hạ các ông thế này một buổi xem các ông có chịu nổi không.

- Tôi **nghĩ nát óc** vẫn không tìm được đáp số bài toán.

.**Bài tập 3**

Tìm năm thành ngữ so sánh dùng biện pháp nói quá.

Mẫu: *ngáy như sấm*

Lời giải chi tiết:

- Ngáy như sấm.

- Nhanh như chớp.

- Lớn như thổi.

- Đen như cột nhà cháy.

- Khỏe như voi.

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

- HS trình bày sản phẩm thảo luận;

- GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**

- GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức

**Hoạt động 4: Vận dụng**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

**b. Nội dung:** Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi.

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**

*- GV tổ chức trò chơi* ***AI NHANH HƠN NÀO?***

**Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**

- HS suy nghĩ, làm bài

**Bước 3: hoạt động và thảo luận**

- HS trả lời

- GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**

- GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức

* **Hướng dẫn về nhà:**

- Hoàn chỉnh đoạn văn theo gợi ý

- Lập hồ sơ nhân vật

- Chuẩn bị bài soạn tiếp theo

**TUẦN 22**

## Tiết 43-44\*

## VIẾT:VIẾT BÀI VĂN NGHỊ LUẬN VỀ MỘT VẤN ĐỀ TRONG ĐỜI SỐNG ( TRÌNH BÀY Ý KIẾN TÁN THÀNH)

**I. Mục tiêu**

**1. Năng lực**

**a. Năng lực chung**

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

**b. Năng lực riêng biệt:**

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến bài học.

- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận, hoàn thành bài văn nghị luận về một vấn đề trong đời sống

- Năng lực tiếp thu tri thức, kĩ năng viết bài văn.

**2. Phẩm chất:**

- Ý thức tự giác, tích cực trong học tập.

**II. Thiết bị dạy học và học liệu**

**1. Chuẩn bị của GV**

- KHBD

- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi

- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà.

**2. Chuẩn bị của HS:** SGK, SBT Ngữ văn 7 tập hai, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi, v.v…

**III. Tiến trình dạy học**

**Hoạt động 1: Khởi động**

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

**b. Nội dung:** HS huy động tri thức đã có để trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm:** Nhận thức và thái độ học tập của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

***- GV tổ chức trò chơi: “XÂY DỰNG NÔNG TRẠI”***

***- GV dẫn dắt vào bài học mới:*** *Trong chương trình Ngữ văn lớp 6, em đã được tìm hiểu và thực hành cách viết bái văn trình bày ý kiến về một hiện tượng (vấn đề). Trong phần Viết của bài học này, em sẽ tiếp tục được học cách viết một bài văn như thế, nhưng sẽ là trình bày ý kiến tán thành.*

**Hoạt động 2: Hình thành kiến thức**

**a. Mục tiêu:** Nắm lại được yêu cầu đối với bài văn nghị luận về một vấn đề trong đời sống (trình bày ý kiến tán thành).

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  -Yêu cầu đối với bài văn nghị luận về một vấn đề trong đời sống (trình bày ý kiến tán thành).  -Nêu các bước làm bài  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trả lời câu hỏi  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức | **I. Lí thuyết**  **1. Yêu cầu đối với bài văn nghị luận về một vấn đề trong đời sống (trình bày ý kiến tán thành)**  - Nêu được vấn đề và ý nghĩa bàn luận  - Trình bày được sự tán thành đối với những ý kiến được bàn luận  - Đưa ra được những lí lẽ rõ ràng và bằng chứng đa dạng để chứng tỏ sự tán thành đó là có căn cứ  **2.Thực hành viết theo các bước**  **1. Trước khi viết**  **a. Lựa chọn đề tài**  **b. Tìm ý**  **c. Lập dàn ý**  **- Mở bài:** nếu vấn đề đời sống cần bàn và ý kiến đáng quan tâm về vấn đề đó.  **- Thân bài:**  + Trình bày thực chất của ý kiến, quan niệm đã nêu để bàn luận:  + Thể hiện thái độ tán thành ý kiến vừa nêu bằng các ý:  - Ý 1: Khía cạnh thứ nhất cần tán thành (lí lẽ, bằng chứng)  - Ý 2: Khía cạnh thứ hai cần tán thành (lí lẽ, bằng chứng)  - Ý 3: Khía cạnh thứ ba cần tán thành (lí lẽ, bằng chứng).  **- Kết bài:** khẳng định tính chính xác của ý kiến được người viết tán thành và sự cần thiết của việc tán thành ý kiến đó.  **2. Viết bài**  - Nhất quán về ngôi kể/ đại từ xưng hô.  - Triển khai đầy đủ các ý đã có trong dàn ý.  - Nắm vững cách viết của từng phần.  **3. Chỉnh sửa bản tường trình**  Đọc, rà soát các phần, các đoạn của bài viết để chỉnh sửa theo yêu cầu của bài nghị luận về một vấn đề trong đời sống (trình bày ý kiến tán thành) theo bảng hướng dẫn sau: |

**Hoạt động 3: Luyện tập**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học.

**b. Nội dung:** Sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

**c. Sản phẩm học tập:** Kết quả của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**

- Theo em, để viết được một bài văn **nghị luận về một vấn đề trong đời sống (trình bày ý kiến tán thành)**, cần đảm bảo những yêu cầu gì?

**- Trình bày bài viết em đã chuẩn bị**

**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**

- HS nghe câu hỏi, dựa vào SHS để trình bày các yêu cầu.

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động**

- GV mời đại diện HS trình bày kết quả trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe và nhận xét, góp ý, bổ sung.

**Bước 4: Đánh giá kết quả HS thực hiện nhiệm vụ học tập**

- GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức

*- GV yêu cầu HS làm đề bài sau:* **:** Nêu vấn đề đời sống cần bàn luận: “Không thầy đố mày làm nên” và “Học thầy không tày học bạn”, câu nào là chân lí?

*- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.*

**2. Dàn ý nghị luận Ham mê trò chơi điện tử, nên hay không nên**

1. Mở bài

Dẫn dắt vấn đề, nêu khái quát về trò chơi điện tử ở giới trẻ trong xã hội hiện nay và tác hại của nó.

2. Thân bài

Nêu thực trạng về ảnh hưởng của trò chơi điện tử, game online đối với giới trẻ trong xã hội hiện nay (hai mặt tốt, xấu của trò chơi điện tử)

a. Lợi ích trò chơi điện tử mang lại:

- Là phương tiện giải trí thú vị giúp thư giãn, giảm căn thẳng, mệt mỏi sau học tập và công việc.

- Phương tiện thuận lợi, dễ dàng để giao lưu, trò chuyện, kết bạn với nhiều người xung quanh.

b. Tác hại tiêu cực của trò chơi điện tử:

- Tiếp xúc với môi trường mới lạ của thế giới ảo khiến giới trẻ (học sinh, sinh viên,..) dễ “nghiện” trò chơi điện tử.

- Có thể khiến kết quả học tập của học sinh ngày càng giảm sút (học sinh quá say mê với trò chơi dẫn đến trốn học, bỏ tiết, lơ đễnh trong giờ học,...)

- Thường xuyên thức khuya, ngồi hàng giờ trước máy tính chơi game khiến sức khỏe bị ảnh hưởng nghiêm trọng (cận thị, đau đầu, bệnh huyết áp, suy nhược cơ thể,...)

- Học sinh dễ bị lôi kéo, học thói xấu, sa vào tệ nạn xã hội (môi trường trò chơi đôi khi tạo ra nhiều mối quan hệ phức tạp, học sinh dễ tiếp xúc với các yếu tố kém lành mạnh, ý thức tự chủ ở giới trẻ còn kém,...)

- Các bạn trẻ dễ mất kiểm soát về tiền bạc, thời gian ( nhu cầu cạnh tranh, khẳng định bản thân trong trò chơi yêu cầu các em bỏ nhiều tiền vào game để nâng cấp trang bị, mua sắm, dành nhiều thời gian cày game để dạt thứ hạng cao,...)

c. Nguyên nhân:

- Các trò chơi điện tử ngày phát triển đa dạng, phong phú, tính năng ngày càng hoàn thiện và hấp dẫn: đồ họa đẹp, âm thanh sống động, môi trường giao lưu, kết bạn, trò chuyện năng động,... thu hút nhiều người chơi.

- Các sản phẩm điện tử (laptop, ipad, điện thoại thông minh) ngày càng phổ biến, các trò chơi điện tử ngày càng thuận lợi tiếp cận với người dùng mọi lứa tuổi.

- Nhiều cửa hàng trò chơi điện tử mọc lên quanh các trường học.

- Tâm lý lứa tuổi học sinh, sinh viên thích thể hiện bản thân trong thế giới ảo.

- Bản thân học sinh, sinh viên chưa có khả năng tự ý thức tốt trong việc phân chia quỹ thời gian vui chơi và học tập.

- Phụ huynh bận rộn công việc, ít dành thời gian quan tâm, quản lý con cái.

- Các cơ quan chưa có sự kiểm soát chặt chẽ trong việc phân quyền sử dụng, giới hạn lứa tuổi người chơi trò chơi điện tử.

d. Lời khuyên:

- Cha mẹ nên dành nhiều thời gian hơn cho việc quan tâm, chăm sóc, quản lý con cái.

- Nhà trường tổ chức nhiều hoạt động vui chơi lành mạnh giúp học sinh bớt căng thẳng sau giờ học.

- Các cơ quan, tổ chức kiểm soát nghiêm ngặt hơn trước khi đưa trò chơi điện tử ra thị trường.

- Bản thân học sinh, sinh viên nên tự xây dựng ý thức cá nhân trong việc phân chia hợp lý quỹ thời gian học tập và vui chơi game điện tử online.

3. Kết bài

- Khẳng định lại vấn đề game online, thực trạng nghiện game online (khái quát lại quan điểm, thái độ, nhận xét hoặc nhận xét của riêng em về ảnh hưởng của trò chơi điện tử trong các phần trên). Đưa ra ý kiến mở rộng, lời bình luận hoặc phương hướng giải quyết vấn đề theo ý của em

2. Dàn ý nghị luận Ham mê trò chơi điện tử, nên hay không nên

1. Mở bài

Dẫn dắt vấn đề, nêu khái quát về trò chơi điện tử ở giới trẻ trong xã hội hiện nay và tác hại của nó.

2. Thân bài

Nêu thực trạng về ảnh hưởng của trò chơi điện tử, game online đối với giới trẻ trong xã hội hiện nay (hai mặt tốt, xấu của trò chơi điện tử)

a. Lợi ích trò chơi điện tử mang lại:

- Là phương tiện giải trí thú vị giúp thư giãn, giảm căn thẳng, mệt mỏi sau học tập và công việc.

- Phương tiện thuận lợi, dễ dàng để giao lưu, trò chuyện, kết bạn với nhiều người xung quanh.

b. Tác hại tiêu cực của trò chơi điện tử:

- Tiếp xúc với môi trường mới lạ của thế giới ảo khiến giới trẻ (học sinh, sinh viên,..) dễ “nghiện” trò chơi điện tử.

- Có thể khiến kết quả học tập của học sinh ngày càng giảm sút (học sinh quá say mê với trò chơi dẫn đến trốn học, bỏ tiết, lơ đễnh trong giờ học,...)

- Thường xuyên thức khuya, ngồi hàng giờ trước máy tính chơi game khiến sức khỏe bị ảnh hưởng nghiêm trọng (cận thị, đau đầu, bệnh huyết áp, suy nhược cơ thể,...)

- Học sinh dễ bị lôi kéo, học thói xấu, sa vào tệ nạn xã hội (môi trường trò chơi đôi khi tạo ra nhiều mối quan hệ phức tạp, học sinh dễ tiếp xúc với các yếu tố kém lành mạnh, ý thức tự chủ ở giới trẻ còn kém,...)

- Các bạn trẻ dễ mất kiểm soát về tiền bạc, thời gian ( nhu cầu cạnh tranh, khẳng định bản thân trong trò chơi yêu cầu các em bỏ nhiều tiền vào game để nâng cấp trang bị, mua sắm, dành nhiều thời gian cày game để dạt thứ hạng cao,...)

c. Nguyên nhân:

- Các trò chơi điện tử ngày phát triển đa dạng, phong phú, tính năng ngày càng hoàn thiện và hấp dẫn: đồ họa đẹp, âm thanh sống động, môi trường giao lưu, kết bạn, trò chuyện năng động,... thu hút nhiều người chơi.

- Các sản phẩm điện tử (laptop, ipad, điện thoại thông minh) ngày càng phổ biến, các trò chơi điện tử ngày càng thuận lợi tiếp cận với người dùng mọi lứa tuổi.

- Nhiều cửa hàng trò chơi điện tử mọc lên quanh các trường học.

- Tâm lý lứa tuổi học sinh, sinh viên thích thể hiện bản thân trong thế giới ảo.

- Bản thân học sinh, sinh viên chưa có khả năng tự ý thức tốt trong việc phân chia quỹ thời gian vui chơi và học tập.

- Phụ huynh bận rộn công việc, ít dành thời gian quan tâm, quản lý con cái.

- Các cơ quan chưa có sự kiểm soát chặt chẽ trong việc phân quyền sử dụng, giới hạn lứa tuổi người chơi trò chơi điện tử.

d. Lời khuyên:

- Cha mẹ nên dành nhiều thời gian hơn cho việc quan tâm, chăm sóc, quản lý con cái.

- Nhà trường tổ chức nhiều hoạt động vui chơi lành mạnh giúp học sinh bớt căng thẳng sau giờ học.

- Các cơ quan, tổ chức kiểm soát nghiêm ngặt hơn trước khi đưa trò chơi điện tử ra thị trường.

- Bản thân học sinh, sinh viên nên tự xây dựng ý thức cá nhân trong việc phân chia hợp lý quỹ thời gian học tập và vui chơi game điện tử online.

3. Kết bài

- Khẳng định lại vấn đề game online, thực trạng nghiện game online (khái quát lại quan điểm, thái độ, nhận xét hoặc nhận xét của riêng em về ảnh hưởng của trò chơi điện tử trong các phần trên). Đưa ra ý kiến mở rộng, lời bình luận hoặc phương hướng giải quyết vấn đề theo ý của em

**Hoạt động 4: Vận dụng**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

**b. Nội dung:** Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**

*- GV yêu cầu HS:*

+ HS rà soát, chỉnh sửa bài viết theo gợi ý chỉnh sửa

+ Làm việc nhóm, đọc bài và góp ý cho nhau nghe, chỉnh sửa bài nhau theo mẫu

**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**

- HS nghe câu hỏi, dựa vào SHS để trình bày các yêu cầu.

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động**

- GV mời đại diện HS trình bày kết quả trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe và nhận xét, góp ý, bổ sung.

**Bước 4: Đánh giá kết quả HS thực hiện nhiệm vụ học tập**

- GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức

*- GV yêu cầu HS làm đề bài sau:* **:** Nêu vấn đề đời sống cần bàn luận: “Không thầy đố mày làm nên” và “Học thầy không tày học bạn”, câu nào là chân lí?

*- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.*

* **Hướng dẫn về nhà:**

- Hoàn chỉnh đoạn văn theo gợi ý

- Lập hồ sơ nhân vật

- Chuẩn bị bài soạn tiếp theo

**TUẦN 23**

## Tiết 45-46\*

**THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT: LUYỆN TẬP VIẾT ĐOẠN VĂN VÀ PHÂN TÍCH TÍNH MẠCH LẠC VÀ LIÊN KẾT CỦA ĐOẠN VĂN**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Năng lực**

**a, Năng lực chung**

***-*** Năng lực tự chủ và tự học: Tìm kiếm thông tin, đọc sách giáo khoa, quan sát tranh ảnh để tìm hiểu được nội dung của chủ đề.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Thảo luận nhóm để thực hiện phiếu học tập, hợp tác giải quyết vấn đề để tìm hiểu được nội dung của chủ đề.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Năng lực trình bày và trao đổi thông tin trước lớp.

**b, Năng lực riêng biệt: Ôn lại:**

* Nhận biết được đặc điểm của mạch lạc và liên kết.
* Hiểu được chức năng của mạch lạc và liên kết trong văn bản.
* Chỉ ra được các phương tiện ngôn ngữ dùng để tạo nên tính liên kết cho văn bản.

**2, Phẩm chất**

- Chăm chỉ, ham học

- Trách nhiệm: Có ý thức nói và viết một cách logic, rõ ràng và mạch lạc.

**II. THIẾT BỊ VÀ HỌC LIỆU**

- Học liệu: Ngữ liệu/Sách giáo khoa, phiếu học tập.

- Thiết bị: Máy tính, máy chiếu.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. Hoạt động 1: Mở đầu**

a) Mục tiêu: Tạo tâm thế và định hướng chú ý cho học sinh; tạo vấn đề vào chủ đề

b) Nội dung hoạt động: hs so sánh

c) Sản phẩm học tập: Câu trả lời/chia sẻ của HS bằng ngôn ngữ

d) Tổ chứchoạt động:

**\* Chuyển giao nhiệm vụ: Xếp từ- ghép câu**

Hãy sắp xếp các câu văn dưới đây thành một văn bản hoàn chỉnh:

**\* Thực hiện nhiệm vụ học tập:** Hs so sánh

**\* Báo cáo kết quả:** Hs báo cáo

**\* Đánh giá nhận xét, kết nối bài học :**

**2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  *-1.Nhận biết mạch lạc và chức năng của nó trong văn bản*  *2. Nhận biết liên kết và chức năng của nó trong văn bản*  *3.phân loại các hình thức liên kết*  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trả lời câu hỏi  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức | **I. Lí thuyết**  **1.Nhận biết mạch lạc và chức năng của nó trong văn bản**  + Mạch lạc là sự liền mạch về nội dung của văn bản.  + Mạch lạc được tạo ra dựa trên sự thống nhất về chủ đề và sự tiếp nối theo một trình tự hợp lí giữa các câu trong đoạn văn hoặc giữa các đoạn văn trong văn bản.  **2. Nhận biết liên kết và chức năng của nó trong văn bản**  Liên kết là quan hệ về mặt hình thức giữa các câu trong đoạn văn hoặc giữa các đoạn trong văn bản, thể hiện qua các phương tiện ngôn ngữ  **PHÂN LOẠI CÁC HÌNH THỨC LIÊN KẾT**  **Phép nối :** thể hiện qua các từ ngữu có tác dụng nối giữa các câu, các đoạn văn.  **Phép lặp:** Thể hiện qua việc lặp lại các từ ngữ đã xuất hiện ở những câu văn trước.  **Phép thế:** Thể hiện qua việc thay thế các từ ngữ đã xuất hiện ở câu trước bằng những từ ngữu đồng nghĩa hoặc có nghĩa tương đương. |

**3. Hoạt động 3: Luyện tập**

a) Mục tiêu: Học sinh vận dụng kiến thức đã học vào làm bài tập.

b) Nội dung hoạt động: Trả lời câu hỏi

c) Sản phẩm học tập: Câu trả lời

d) Tổ chức thực hiện:

**\*Chuyển giao nhiệm vụ:**

**- Gv chuyển giao nhiệm vụ:**

**Bài 1:** Nối các từ ngữ cột A với các từ ngữ cột B sao cho phù hợp

**Bài 1:** Nối các từ ngữ cột A với các từ ngữ cột B sao cho phù hợp

|  |  |
| --- | --- |
| **A** | **B** |
| 1. Phép lặp từ ngữ | a, Sử dụng ở các câu đứng sau các từ ngữ có tác dụng thay thế từ ngữ đã có ở câu trước |
| 2. Phép đồng nghĩa, trái nghĩa, liên tưởng | b, Sử dụng ở câu đứng sau các từ ngữ biểu thị quan hệ với câu đứng trước |
| 3. Phép thế | c, Lặp lại ở câu đứng sau từ ngữ đã có ở câu đứng trước |
| 4. Phép nối | d, Sử dụng ở câu đứng sau các từ ngữ đồng nghĩa, trái nghĩa hoặc cùng trường liên tưởng với từ ngữ đã có ở câu trước |

**Bài 2**. Phân tích cách trình bày nội dung của các đoạn văn sau

a) Trong cuộc đời đầy truân chuyên của mình, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã tiếp xúc với văn hoá nhiều nước, nhiều vùng trên thế giới, cả ở phương Đông và phương Tây. Trên những con tàu vượt trùng dương, Người đã ghé lại nhiều hải cảng, đã thăm các nước châu Phi, chầu Á, châu Mĩ. Người đã từng sống dài ngày ở Pháp, ở Anh. Người nói và viết thạo nhiều thứ tiếng ngoại quốc: Pháp, Anh, Hoa, Nga… và Người đã làm nhiều nghề. Có thể nói ít có vị lãnh tụ nào lại am hiểu nhiều về các dân tộc và nhân dân thế giới, văn hoá thế giới sâu sắc như Chủ tịch Hồ Chí Minh. Đến đâu Người cũng học hỏi, tìm hiểu văn hoá, nghệ thuật đến một mức khá uyên thâm […] Nhưng điều kì lạ là tất cả những ảnh hưởng quốc tế đó đã nhào nặn với cái gốc văn hoá dân tộc không gì lay chuyển được ở Người, để trở thành một nhân cách rất Việt Nam, một lối sống rất bình dị, rất Việt Nam, rất phương Đông, nhưng cũng đồng thời rất mới, rất hiện đại […].

(Lê Anh Trà, Phong cách Hồ Chí Minh)

b) Đọc sách không cốt lấy nhiều, quan trọng nhất là phải chọn cho tinh, đọc cho kĩ. Nếu đọc được 10 quyển sách không quan trọng, không bằng đem thời gian, sức lực đọc 10 quyển ấy mà đọc một quyển thật sự có giá trị. Nếu đọc được 10 quyển sách mà chỉ lướt qua, không bằng chỉ lấy một quyển mà đọc mười lần. “Sách củ trăm lần xem chẳng chán – Thuộc lòng, ngẫm kĩ một mình hay”, hai câu thơ đó đáng làm lời răn cho mỗi người đọc sách.

(Chu Quang Tiềm, Băn về đọc sách)

c) […] Tác phẩm vừa là kết tinh của tâm hồn người sáng tác, vừa là sợi dây truyền cho mọi người sự sống mà nghệ sĩ mang trong lòng. Nghệ sĩ giới thiệu với chúng ta một cảm giác, tình tự, một tư tưởng bằng cách làm sống hiển hiện ngay lên trong tâm hồn chúng ta cảm giác, tình tự, tư tưởng ấy. Nghệ thuật không đứng ngoài trỏ vẽ cho ta đường đi, nghệ thuật vào đốt lửa trong lòng chúng ta, khiến chúng ta tự phải bước lên đường ấy.

(Nguyễn Đình Thi, Tiếng nói của văn nghệ)

**- Hs thực hiện nhiệm vụ:**

Gợi ý:2.a) Đoạn văn của Lê Anh Trà có sự liên kết chặt chẽ về nội dung và hình thức:

- Về nội dung:

+ Các câu trong đoạn văn cùng hướng đến chủ đề ca ngợi lối sống giản dị của Bác Hồ.

+ Các câu trong đoạn văn được sắp xếp theo trình tụ họp lí (lô-gíc): câu 1, 2, 3: Bác giản dị trong nơi ở; câu 4, 5: Bác giản dị trong trang phục; câu 6: Bác giản dị trong bữa ăn hằng ngày.

- Về hình thức: Các câu trong văn bản được liên kết chặt chẽ bằng các phép liên kết: phép lặp: nhà sàn, Người; phép thế: Người (thế cho vị Chủ tịch); phép nối: Và; phép đồng nghĩa: giản dị, mộc mạc đon sơ, đạm bạc.

**\* Học sinh trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ:**

- Gv quan sát, lắng nghe.

- Hs quan sát sách giáo khoa tìm câu trả lời.

**\* Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận:**

- Hs trình bày sản phẩm cá nhân

**\* Đánh giá nhận xét:**

- HS khác theo dõi, đánh giá, nhận xét, bổ sung.

- GV quan sát, hỗ trợ, tư vấn; nhận xét, đánh giá kết quả làm việc của HS, chốt kiến thức, chuyển giao nhiệm vụ mới.

**4. Hoạt động 4: Vận dụng**

a) Mục tiêu: Hs thực hiện bài tập

b) Nội dung: HS viết

c) Sản phẩm học tập:

d) Tổ chức thực hiện:

**\* Giao nhiệm vụ học tập:**  Viết đoạn văn 5-7 câu kể lại một tình huống trong “ Cuộc chạm trán trên đại dương” Thuyết minh ngắn gọn về mạch lạc và liên kết của đoạn văn.

**\* Thực hiện nhiệm vụ:** HS suy nghĩ, hình thành và triển khai ý tưởng, tư duy độc lập…

**\* Báo cáo kết quả:** GV gọi bất kì cá nhân nào trình bày kết quả.

**\* Kết luận, đánh giá.**

**Hướng dẫn về nhà:** Hoc kĩ bài, hoàn thiện đoạn văn.

**Chuẩn bị bài sau:..**

**TUẦN 24**

## Tiết 47-48\*

**ÔN TẬP GIỮA KÌ II**

**I. MỤC TIÊU.**

**1. Năng lực:**

**a. Các năng lực chung:**

- Năng lực tự học; năng lực giải quyết vấn đề; năng lực tư duy; năng lực giao tiếp; năng lực hợp tác; năng lực sử dụng ngôn ngữ.

**b. Các năng lực chuyên biệt:**

Ôn tập kiến thức đã học.

- Năng lực sử dụng ngôn ngữ.

- Năng lực đọc, viết, nghe, nói, năng lực cảm thụ văn học

**2. Phẩm chất:**

 Giáo dục hs ý thức tìm hiểu về cách dung từ, cách nhận biết phép tu từ…

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của giáo viên:**

- Kế hoạch bài học.

- Học liệu: bảng phụ, máy chiếu đa năng, tài liệu tham khảo, phiếu học tập.

**2. Chuẩn bị của học sinh:** soạn bài theo nội dung được phân công.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU( 4P)**

**1 Mục tiêu**: tạo tình huống/vấn đề học tập nhằm huy động kiến thức, kinh nghiệm hiện có của học sinh và nhu cầu tìm hiểu kiến thức mới liên quan đến tình huống/vấn đề học

**b. Nội dung:** HĐ cá nhân

**c. Sản phẩm:** câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

**\* Chuyển giao nhiệm vụ:**

Nhìn hình ảnh để đoán tên tác phẩm đã học

- *HS*: tiếp nhận

***\* Dự kiến sản phẩm:***

***\* Báo cáo kết quả:***HS trả lời cá nhân

***\* Đánh giá kết quả:***

- HS nhận xét, bổ sung đánh giá

- GV nhận xét, đánh giá:

-> GV nêu mục đích bài học

**2. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC( 42P)**

**Hoạt động 1: Phần văn**

a**. Mục tiêu**: Ôn lại lí thuyết về phần đọc văn

**b. Nội dung:** HS tìm hiểu các ví dụ

**c. Sản phẩm:**  Đại diện nhóm lên trình bày sản phẩm, các nhóm khác bổ sung

**d. Tổ chức thực hiện:**

**HĐ cặp đôi (10 phút)**

***\* Gv chuyển giao nhiệm vụ cho HS.***

1. Nắm lại tên văn bản đã học, tên tác giả, thể loại?

2. Khái niệm về một số thể loại

**\* Dự kiến sản phẩm**

1.- Đẽo cày giữa đường

- Êchs ngồi đáy giếng

- Con mối và con kiến

- Cuộc chạm trán trên đại dương

-Đường vào trung tâm vũ trụ

-Dấu ấn Hồ Khanh

2. Thể loại chính: Truyện ngụ ngôn

+ Truyện ngụ ngôn: là hình thức tự sự cỡ nhỏ, trình bày những bài học đạo lí và kinh nghiệm sống, thường sử dụng lối diễn đạt ám chỉ, ngụ ý, bóng gió.

+ Truyện ngụ ngôn thường ngắn gọn, được viết bằng thơ hoặc văn xuôi.

+ Nhân vật trong truyện ngụ ngôn có thể là con người hoặc con vật, đồ vật được nhân hóa.

+ Truyện ngụ ngôn thường nêu lên những tư tưởng, đạo lí hay bài học cuộc sống bằng ngôn ngữ giàu hình ảnh, có thể pha yếu tố hài hước.

2. Tục ngữ thuộc loại sáng tác ngôn từ dân gian, là những câu ngắn gọn, nhịp nhàng, cân đối, thường có vần, có điệu, đúc kết nhận thức về tự nhiên và xã hội, kinh nghiệm về đạo đức và ứng xử trong đời sống.

3.Truyện khoa học viễn tưởng là những tác phẩm: “... miêu tả một thực tại tưởng tượng.

\****Phân biệt truyện khoa học viễn tưởng và truyện kì ảo:*** Truyện kì ảo là “một thể loại hư cấu bậc cao. Các sự kiện trong truyện kì ảo không thể thực sự xảy ra, mà dường như là do phép thuật

**\* Các yếu tố của Truyện khoa học viễn tưởng**.

+ Đề Tài

+ Không gian.

+ Cốt truyện.

+ Nhân vật chính.

**\*Nguồn gốc**: Truyện khoa học viễn tưởng bắt nguồn từ phương Tầy ở thế kỉ XIX và phát triển mạnh mẽ trong thế kỉ XX. Ở Việt Nam, phải đến thế kỉ XXI, khi khoa học công nghệ phát triển, thể loại này mới thực sự khởi sắc.

\* **Báo cáo kết quả:** đại diện nhóm đôi trình bày.

**\* Đánh giá kết quả:**

- HS nhận xét, bổ sung đánh giá

- GV nhận xét, đánh giá

- GV chốt kiến thức và ghi bảng

**Hoạt động 2: Phần tiếng Việt**

a**. Mục tiêu**: Ôn lại lí thuyết về phần tiếng việt

**b. Nội dung:** HS tìm hiểu các ví dụ

**c. Sản phẩm:**  Đại diện nhóm lên trình bày sản phẩm, các nhóm khác bổ sung

**d. Tổ chức thực hiện:**

**HĐ cặp đôi (10 phút)**

***\* Gv chuyển giao nhiệm vụ cho HS.***

1.Thành ngữ

2. Nói quá ?

3. dấu chấm lửng ?

4.Nhận biết mạch lạc và chức năng của nó trong văn bản

**\* Dự kiến sản phẩm**

1. Thành ngữ là một cụm từ cố định, có nghĩa bóng bẩy. Nghĩa của thành ngữ là nghĩa toát ra từ cả cụm, chứ không phải được suy ra từ nghĩa của từng thành tố.

2. Nói quá: là biện pháp tu từ phóng đại đặc điểm, mức độ, quy mô của đối tượng để tăng sức biểu cảm hoặc gây cười.

3.Dấu chấm lửng phối hợp với dấu phẩy ngầm cho biết nhiều sự vật, hiện tượng tương tự chưa liệt kê hết.

Dấu chấm lửng thể hiện lời nói bỏ dở, ngập ngừng, ngắt quãng.

Dấu chấm lửng làm giãn nhịp điệu câu vãn, chuẩn bị cho sự xuất hiện cùa một từ ngữ biểu thị nội dung bất ngờ thường có sắc thái hài hước, châm biếm.

**4.Nhận biết mạch lạc và chức năng của nó trong văn bản**

+ Mạch lạc là sự liền mạch về nội dung của văn bản.

+ Mạch lạc được tạo ra dựa trên sự thống nhất về chủ đề và sự tiếp nối theo một trình tự hợp lí giữa các câu trong đoạn văn hoặc giữa các đoạn văn trong văn bản.

**5. Nhận biết liên kết và chức năng của nó trong văn bản**

Liên kết là quan hệ về mặt hình thức giữa các câu trong đoạn văn hoặc giữa các đoạn trong văn bản, thể hiện qua các phương tiện ngôn ngữ

**phân loại các hình thức liên kết**

**Phép nối :** thể hiện qua các từ ngữu có tác dụng nối giữa các câu, các đoạn văn.

**Phép lặp:** Thể hiện qua việc lặp lại các từ ngữ đã xuất hiện ở những câu văn trước.

**Phép thế:** Thể hiện qua việc thay thế các từ ngữ đã xuất hiện ở câu trước bằng những từ ngữu đồng nghĩa hoặc có nghĩa tương đương.

**\* Báo cáo kết quả:** đại diện nhóm đôi trình bày.

**\* Đánh giá kết quả:**

- HS nhận xét, bổ sung đánh giá

- GV nhận xét, đánh giá

- GV chốt kiến thức và ghi bảng

**Hoạt động 3: Phần Tập làm văn**

a**. Mục tiêu**: Ôn lại lí thuyết về phần Tập làm văn

**b. Nội dung:** HS tìm hiểu các ví dụ

**c. Sản phẩm:**  Đại diện nhóm lên trình bày sản phẩm, các nhóm khác bổ sung

**d. Tổ chức thực hiện:**

**HĐ cặp đôi (10 phút)**

***\* Gv chuyển giao nhiệm vụ cho HS.***

**1. Viết bài văn nghị luận về một vấn đề trong đời sống (trình bày ý kiến tán thành)**

1.1. Yêu cầu đối với bài văn nghị luận về một vấn đề trong đời sống (trình bày ý kiến tán thành)

**2.Viết bài văn kể lại sự việc có thật liên quan đến một nhân vật lịch sử**

**\* Dự kiến sản phẩm**

- Nêu được vấn đề và ý nghĩa bàn luận

- Trình bày được sự tán thành đối với những ý kiến được bàn luận

- Đưa ra được những lí lẽ rõ ràng và bằng chứng đa dạng để chứng tỏ sự tán thành đó là có căn cứ

**1.2. Thực hành viết theo các bước**

**1. Trước khi viết**

**a. Lựa chọn đề tài**

**b. Tìm ý**

c. Lập dàn ý

- Mở bài: nếu vấn đề đời sống cần bàn và ý kiến đáng quan tâm về vấn đề đó.

- Thân bài:

+ Trình bày thực chất của ý kiến, quan niệm đã nêu để bàn luận:

+ Thể hiện thái độ tán thành ý kiến vừa nêu bằng các ý:

- Ý 1: Khía cạnh thứ nhất cần tán thành (lí lẽ, bằng chứng)

- Ý 2: Khía cạnh thứ hai cần tán thành (lí lẽ, bằng chứng)

- Ý 3: Khía cạnh thứ ba cần tán thành (lí lẽ, bằng chứng).

- Kết bài: khẳng định tính chính xác của ý kiến được người viết tán thành và sự cần thiết của việc tán thành ý kiến đó.

2. Viết bài

- Nhất quán về ngôi kể/ đại từ xưng hô.

- Triển khai đầy đủ các ý đã có trong dàn ý.

- Nắm vững cách viết của từng phần.

- Mở bài: nếu vấn đề đời sống cần bàn theo cách trực tiếp hay kể lại một câu chuyện để dẫn đến một vấn đề. Mở bài cần ngắn gọn, hấp dẫn, thu hút sự chú ý của người đọc…

- Thân bài:

+ Làm rõ khía cạnh cơ bản của vấn đề

+ Khẳng định rõ ràng, dứt khoát thái độ tán thành ý kiến

+ Tuần tự kiểm tra từng ý, sử dụng lí lẽ và huy động bằng chứng để sự tán thành ý kiến có sức thuyết phục. Mỗi ý cần viết thành đoạn văn hoàn chỉnh, giữa các đoạn có liên kết chặt chẽ với nhau.

- Kết bài: khẳng định lại sự tán thành ý kiến đó, nêu tác dụng của ý kiến đó đối với cuộc sống. Phần kết bài nên viết trọn vẹn trong 1 đoạn văn.

3. Chỉnh sửa

Đọc, rà soát các phần, các đoạn của bài viết để chỉnh sửa theo yêu cầu của bài nghị luận về một vấn đề trong đời sống (trình bày ý kiến tán thành) theo bảng hướng dẫn sau:

2.Viết bài văn kể lại sự việc có thật liên quan đến một nhân vật lịch sử

+ Kiểu bài: Viết bài văn kể lại sự việc có thật liên quan đến một nhân vật lịch sử thuộc kiểu bài: Thuyết minh( giới thiệu)

+ Đối tượng thuyết minh: sự việc có thật liên quan đến nhân vật lịch sử.

+ Mục đích: Kể lại sự việc có thật liên quan đến một nhân vật lịch sử để nhiều người cùng biết và truyền cảm hứng cho người đọc.

**2. Yêu cầu bài văn kể lại sự việc có thật liên quan đến một nhân vật lịch sử**

-Hình thức:

+ Đảm bảo cấu trúc ba phần: mở bài- thân bài- kết bài.

+ Bài văn được tạo thành từ các đoạn văn, giữa các đoạn có sự liên kết chặt chẽ với nhau.

+ Diễn đạt mạch lạc, trôi chảy, không mắc các lỗi dùng từ, đặt câu.

- Về nội dung:

+ Giới thiệu được nhân vật lịch sử và sự việc có thật liên quan đến nhân vật đó.

+ Kể lại câu chuyện với các sự việc được trình bày theo trình tự hợp lý.

+ Kết hợp sử dụng yếu tố miêu tả trong khi kể chuyện.

+ Nêu được ý nghĩa của sự việc.

+ Nêu được suy nghĩ, ấn tượng của người viết về sự việc được kể.

**\* Báo cáo kết quả:** đại diện nhóm đôi trình bày.

**\* Đánh giá kết quả:**

- HS nhận xét, bổ sung đánh giá

- GV nhận xét, đánh giá

- GV chốt kiến thức và ghi bảng

**3. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP( 40P)**

a**. Mục tiêu**: vận dụng kiến thức đã học để làm bài tập

**b. Nội dung:** HS tìm hiểu các ví dụ từ ngữ liệu ở màn hình

**c. Sản phẩm:** Đại diện nhóm lên trình bày sản phẩm, các nhóm khác bổ sung

**d. Tổ chức thực hiện:**

***\*******Chuyển giao nhiệm vụ***

**Kể lại một sự việc có thật liên quan đến nhân vật hoặc sự kiện lịch sử**

***\* Dự kiến sản phẩm***

*Trần Quốc Toản là một anh hùng tiêu biểu trong lịch sử dân tộc. Đó là một thiếu niên anh hùng, dũng cảm, không bao giờ chịu khuất phục trước mũi giáo quân thù. Câu chuyện về người anh hùng Trần Quốc Toản tham gia vào cuộc kháng chiến chống quân Nguyên khiến em vô cùng ấn tượng.*

*Thuở ấy, giặc Nguyên cho sứ thần sang giả vờ dò la nhằm mượn đường để đưa quân qua đất Việt hòng thực hiện mưu đồ xâm chiếm nước ta. Nhận ra hành động và âm mưu phi nghĩa của chúng, Trần Quốc Toản vô cùng căm phẫn.*

*Sáng hôm ấy, khi biết nhà vua đang cùng các đại thần họp bàn việc nước. Trần Quốc Toản đã quyết đến thuyền rồng, đợi gặp vua để bày tỏ nguyện vọng đánh giặc, hai tiếng “xin đánh” cùng quyết tâm cao độ luôn thường trực trong tâm trí người thiếu niên trẻ ấy.*

*Chờ đợi từ sáng đến trưa vẫn chưa có cơ hội gặp được vua, cậu bèn liều với mấy tên lính gác, xô họ ngã chúi rồi xăm xăm một mạch xuống bến. Khi quân lính ập đến vây kín chung quanh, Quốc Toản bừng bừng, rút gươm ra rồi nhìn thẳng vào mặt binh lính, quát lớn:*

*– Ta xuống thuyền xin bệ kiến vua, các người không được giữ ta lại.*

*Mọi người ai nấy đều e dè nhưng vẫn quyết tâm không để Toản xuống thuyền .*

*Lúc ấy, cuộc họp tạm nghỉ, vua cùng các đại thần ra phía mui thuyền. Quốc Toản thấy thế, bèn lập tức chạy đến, quỳ xuống thành khẩn tâu:*

*– Cho giặc mượn đường là mất nước. Xin bệ hạ cho đánh!*

*Vừa dứt lời, Quốc Toản tự đặt gươm lên gáy rồi xin nhận mọi hình phạt.*

*Lúc này, vua ra lệnh cho Quốc Toản đứng lên rồi ôn tồn bảo:*

*– Ngươi làm trái phép nước, lẽ ra phải trị tội. Nhưng ta xét thấy ngươi còn trẻ mà đã biết lo cho dân cho nước. Đó là điều đáng khen.*

*Nói rồi, vua ra lệnh ban cho Toản một quả cam. Quốc Toản tạ ơn vua, song lòng vẫn vô cùng ấm ức: “Vua ban cho cam quý nhưng xem ta như trẻ con, vẫn không cho dự bàn việc nước”. Nghĩ đến cảnh quân giặc âm mưu giày xéo, xâm phạm nước ta, Toản tức giận, nghiến răng, hai bàn tay bóp chặt.*

*Lúc này trên bờ, ai nấy đều lo lắng cho Toản. Thấy cậu trở ra, mọi người bước tới xem tình hình thế nào. Quốc Toản xòe bàn tay phải cùng cam quý vua ban. Nhưng quả cam kia đã nát từ lúc nào không hay.*

*Câu chuyện về Trần Quốc Toản bóp nát quả cam được lưu truyền rộng rãi trong nhân dân. Hình ảnh người anh hùng trẻ tuổi yêu nước đã để lại trong lòng em nhiều ấn tượng khó quên. Ông chính là tấm gương sáng cho mỗi chúng ta về lòng dũng cảm cùng tinh thần yêu nước sâu sắc.*

.\* ***Báo cáo kết quả:***Cá nhân báo cáo tại chỗ

***\* Đánh giá kết quả:***

- HS nhận xét, bổ sung đánh giá

- GV chốt kiến thức và ghi bảng

**4. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG: (4P)**

**a. Mục tiêu:**. HS phát hiện các tình huống thực tiễn và vận dụng được các kiến thức, kĩ năng trong cuộc sống tương tự tình huống/vấn đề đã học.

**b. Nội dung:** HĐ cá nhân

**c. Sản phẩm:** câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

***\* Chuyển giao nhiệm vụ cho HS***

**Dàn ý Kể lại một sự việc có thật liên quan đến nhân vật lịch sử**

- HS suy nghĩ.

*- Giáo viên:* hướng dẫn, nghe HS trình bày.

***\* Dự kiến sản phẩm:***câu trả lời của HS:

***\* Báo cáo kết quả:*** Hs trình bày

***\* Đánh giá kết quả:***

+ Hs khác nhận xét, bổ sung, đánh giá

+ GV đánh giá câu trả lời của HS.

-> GV chốt kiến thức.

**\* Hướng dẫn học và làm bài ở nhà:**

- Học, nắm chắc nội dung bài học

\* Đối với bài mới: Chuẩn bị bài :**KIỂM TRA GIỮA HỌC KỲ II**

**TUẦN 25**

**Tiết 49-50\***

**THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT: BÀI TẬP NÂNG CAO VỀ DẤU CHẤM LỬNG**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Năng lực**

**a, Năng lực chung**

***-*** Năng lực tự chủ và tự học: Tìm kiếm thông tin, đọc sách giáo khoa, quan sát tranh ảnh để tìm hiểu được nội dung của chủ đề.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Thảo luận nhóm để thực hiện phiếu học tập, hợp tác giải quyết vấn đề để tìm hiểu được nội dung của chủ đề.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Năng lực trình bày và trao đổi thông tin trước lớp.

**b, Năng lực đặc thù:**

+ Nắm chắc về công dụng của dấu chấm lửng trong văn bản.

+ Biết vận dụng hiểu biết về dấu chấm lửng để thực hành viết đoạn văn có sử dụng dấu câu này.

**2, Phẩm chất**

- Chăm chỉ, ham học

- Trách nhiệm: Có ý thức giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt trong giao tiếp hằng ngày.

**II. THIẾT BỊ VÀ HỌC LIỆU**

- Học liệu: Ngữ liệu/Sách giáo khoa, phiếu học tập.

- Thiết bị: Máy tính, máy chiếu.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. Hoạt động 1: Mở đầu ( 5P)**

a) Mục tiêu: Tạo tâm thế và định hướng chú ý cho học sinh; tạo vấn đề vào chủ đề

b) Nội dung hoạt động: hs liệt kê

c) Sản phẩm học tập: Câu trả lời/chia sẻ của HS bằng ngôn ngữ

d) Tổ chứchoạt động:

**\* Chuyển giao nhiệm vụ:** Hãy liệt kê các loại dấu câu được sử dụng trong đoạn văn dưới đây?

*-Lính đâu? Sao bay dám để cho nó chạy xồng xộc vào đây như vậy? Không còn phép tắc gì nữa à?*

*- Dạ, bẩm...*

*- Đuổi cổ nó ra!*

**\* Thực hiện nhiệm vụ học tập:** Hs liệt kê

**\* Báo cáo kết quả:** Hs báo cáo

**\* Đánh giá nhận xét, kết nối bài học :** Bên cạnh những dấu câu chúng ta đã học thì trong đoạn văn còn xuất hiện số cầu mới nữa đó là… Và người ta gọi nó là dấu chấm lửng và dấu chấm lửng cũng chính là nội dung bài học ngày hôm nay của chúng ta.

**2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới ( 10P)**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **1. Nhận biết dấu chấm lửng**  **a) Mục tiêu:** Hs ôn lại dấu chấm lửng  **b) Nội dung hoạt động:** HS trả lời câu hỏi  **c) Sản phẩm học tập:** Câu trả lời/chia sẻ của HS bằng ngôn ngữ  **d) Tổ chứchoạt động:**  **\* Chuyển giao nhiệm vụ học tập:**  **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  1. Nhận biết dấu chấm lửng  2.Công dụng dấu chấm lửng  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trả lời câu hỏi  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức | **I. Lí thuyết**  **1. Nhận biết dấu chấm lửng**  Kí hiệu: Dấu ba chấm(...)  **2.Công dụng dấu chấm lửng**  Dấu chấm lửng phối hợp với dấu phẩy ngầm cho biết nhiều sự vật, hiện tượng tương tự chưa liệt kê hết.  Dấu chấm lửng thể hiện lời nói bỏ dở, ngập ngừng, ngắt quãng.  Dấu chấm lửng làm giãn nhịp điệu câu vãn, chuẩn bị cho sự xuất hiện cùa một từ ngữ biểu thị nội dung bất ngờ thường có sắc thái hài hước, châm biếm. |

**3. Hoạt động 3: Luyện tập ( 60P)**

a) Mục tiêu: Học sinh vận dụng kiến thức đã học vào làm bài tập.

b) Nội dung hoạt động: Trả lời câu hỏi

c) Sản phẩm học tập: Câu trả lời

d) Tổ chức thực hiện:

**\*Chuyển giao nhiệm vụ:**

- Gv chuyển giao nhiệm vụ:

1. Trong mỗi câu có dấu chấm lửng dưới đây, dấu chấm lửng được dùng để làm gì?

a)

*- Lính đâu? Sao bay dám để cho nó chạy xồng xộc vào đây như vậy? Không còn phép tắc gì nữa à?*

*- Dạ, bẩm...*

*- Đuổi cổ nó ra!*

(Phạm Duy Tốn)

b) *Ô hay, có điều gì bố con trong nhà bào nhau chứ sao lại...*

(Đào Vũ)

c) *Cơm, áo, vợ, con, gia đình... bó buộc y.*

(Nam Cao)  
 - Hs thực hiện nhiệm vụ:

2. Viết một đoạn văn (đề tài tự chọn) trong đó:Có câu dùng dấu chấm lửng.

**\* Học sinh trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ:**

- Gv quan sát, lắng nghe.

- Hs quan sát sách giáo khoa tìm câu trả lời.

**Bài 1**

Công dụng của dấu chấm lửng:

a. Thể hiện chỗ lời nói bỏ dở hay ngập ngừng, ngắt quãng.

b. Thể hiện chỗ lời nói bỏ dở hay ngập ngừng, ngắt quãng.

c. Tỏ ý còn nhiều sự vật, hiện tượng tương tự chưa liệt kê hết.

**Bài 2:** - Chẳng qua chỉ là cái... ổ voi thôi mà! Ai bảo có người “mắt toét”! - Tôi khích.

Đất nước chúng ta đã được mẹ Thiên nhiên ưu ái ban phát biết bao những cảnh đẹp làm say lòng người. Đâu đâu ta cũng bắt gặp những cảnh thiên nhiên với vẻ đẹp rất riêng: từ Bắc chí Nam, từ Đông sang Tây, từ đồng bằng cho đến miền ngược, từ rừng đến biển,... Đến đây ta chẳng thể nảo quên được vẻ đẹp của vịnh Hạ Long - 1 trong 7 kì quan thiên nhiên của thế giới. Phong cảnh thiên nhiên Hạ Long đẹp hùng vĩ được tạo nên bởi những khối núi đá vôi mọc lên khỏi mặt nước tĩnh lặng, lẩn khuất trong sương sớm bảng lảng như có bàn tay sắp đặt cố tình của tạo hoá. Vẻ đẹp với rừng núi và biển xanh rộng mênh mông như một bức tranh phong cảnh thiên nhiên sơn thủy hữu tình của Nha Trang sẽ khiến chẳng ai có thể khước từ hay buông lời chê bai. Màu vàng của những đồi cát rộng mênh mang và màu xanh biếc của những hàng dừa cao vút uốn mình quanh bờ biển nơi Mũi Né chính là một trong những cảnh đẹp không thể không nhắc đến. Ngược lên miền núi cao, ta có thể chiêm ngưỡng vẻ đẹp của các cung đèo Hà Giang; vẻ đẹp của thiên nhiên Sa Pa; vẻ đẹp hùng vĩ của thác Bản Giốc. Bất cứ nơi đâu, con người đều có thể có cơ hội chiêm ngưỡng vẻ đẹp sơn thủy hữu tình trên dải đất hình chữ S này.

\* Chú thích:

Dấu chấm lửng và chấm phẩy được in đậm:

- dấu chấm lửng: Tỏ ý còn nhiều sự vật chưa được liệt kê hết

**\* Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận:**

- Hs trình bày sản phẩm cá nhân

**\* Đánh giá nhận xét:**

- HS khác theo dõi, đánh giá, nhận xét, bổ sung.

- GV quan sát, hỗ trợ, tư vấn; nhận xét, đánh giá kết quả làm việc của HS, chốt kiến thức

**4. Hoạt động 4: Vận dụng ( 15P)**

**a) Mục tiêu:** Hs thực hiện bài tập

**b) Nội dung:** HS viết

**c) Sản phẩm học tập:**

**d) Tổ chức thực hiện:**

**\* Giao nhiệm vụ học tập:**  Viết đoạn văn (khoảng 5-7 câu) về một nội dung được gợi ra từ văn bản ***Đường vào trung tâm vũ trụ,*** trong dó có sử dụng dấu chấm lửng.

**\* Thực hiện nhiệm vụ:** HS suy nghĩ, hình thành và triển khai ý tưởng, tư duy độc lập…

**\* Báo cáo kết quả:** GV gọi bất kì cá nhân nào trình bày kết quả.

Văn bản “Đường vào trung tâm vũ trụ” gợi cho em những ý tưởng thú vị về những vùng đất bị thời gian bỏ quên. Trên trái đất này, hoặc có thể là vũ trụ bao la, có những nơi, do những yếu tố đặc biệt nào đó về địa lý, khí hậu, mà cuộc sống thời nguyên thủy vẫn được bảo tồn. Nơi ấy chưa có dấu chân người, chưa bị bàn tay con người tác động làm cho đổi thay, hoặc hủy hoại. Đó là thế giới của những loài cây khổng lồ, những động vật lạ lùng chưa từng được biết đến, các loài vượn cùng tồn tại vừa đấu tranh sinh tồn khốc liệt. Và tưởng tượng mình được đến đó để tìm hiểu và khám phá, em thấy rất háo hức và hồi hộp với những chuyến phiêu lưu bất tận và cuộc sống thú vị trong từng phút giây.

**\* Đánh giá nhận xét:**

- HS khác theo dõi, đánh giá, nhận xét, bổ sung.

- GV quan sát, hỗ trợ, tư vấn; nhận xét, đánh giá kết quả làm việc của HS, chốt kiến thức

**- Hướng dẫn về nhà:** Hoc kĩ bài, hoàn thiện đoạn văn.

**- Chuẩn bị bài sau:..**

**TUẦN 26**

**Tiết 51-52\***

**VIẾT: VIẾT BÀI VĂN KỂ LẠI SỰ VIỆC CÓ THẬT LIÊN QUAN ĐẾN MỘT NHÂN VẬT LỊCH SỬ**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Năng lực**

**a.Năng lực chung:**

- Năng lực tự chủ và tự học: Tìm kiếm thông tin, đọc sách giáo khoa, quan sát tranh ảnh để tìm hiểu về bài học.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Thảo luận nhóm để thực hiện phiếu học tập, hợp tác giải quyết vấn đề để tìm hiểu về bài học.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Năng lực trình bày và trao đổi thông tin trước lớp.

**b. Năng lực đặc thù:** Biết cách viết bài văn

+ Chọn được sự việc có thật liên quan đến nhân vật lịch sử để viết bài văn.

+ Bài văn có sử dụng yếu tố miêu tả; sắp xếp các sự việc theo trình tự trước sau, quan hệ nhân quả.

**2. Phẩm chất:**

- Hiểu được ý nghĩa của các sự kiện và nhân vật lịch sử đối với lịch sử nhân loại nói chung và lịch sử của mỗi dân tộc nói riêng. Có ý thức tìm hiểu các sự kiện và nhân vật lịch sử để bồi đắp hiểu biết cho bản thân.

- Thích đọc sách, báo, tìm tư liệu trên mạng Internet để mở rộng hiểu biết.

**II. THIẾT BỊ VÀ HỌC LIỆU**

- Học liệu: Ngữ liệu/Sách giáo khoa, phiếu học tập.

- Thiết bị: Máy tính, máy chiếu.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. Hoạt động 1:** Mở đầu **( 10P)**

**a) Mục tiêu:** Tạo tâm thế và định hướng chú ý cho học sinh; tạo vấn đề vào chủ đề

**b) Nội dung hoạt động:** HS trả lời câu hỏi.

**c) Sản phẩm học tập:** Câu trả lời/chia sẻ của HS bằng ngôn ngữ

**d) Tổ chức hoạt động:**

**\* Chuyển giao nhiệm vụ:** Quan sát những bức hình sau và cho biết tên của các doanh nhân suất hiện trong mỗi khung hình

**\* Học sinh trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ:**

- Gv quan sát lắng nghe

- Hs quan sách giáo khoa tìm câu trả lời.

**\* Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận:**

- Hs trình bày sản phẩm cá nhân

- Gv gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

**\* Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ, kết nối vào bài học:**

**2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới ( 15P)**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **1. Nhận biết dấu chấm lửng**  **a) Mục tiêu:** Hs ôn lại kiểu bài nói trên  **b) Nội dung hoạt động:** HS trả lời câu hỏi  **c) Sản phẩm học tập:** Câu trả lời/chia sẻ của HS bằng ngôn ngữ  **d) Tổ chứchoạt động:**  **\* Chuyển giao nhiệm vụ học tập:**  **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  *1. Xác định kiểu bài cần viết*  *2. Yêu cầu bài văn kể lại sự việc có thật liên quan đến một nhân vật lịch sử*  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trả lời câu hỏi  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức | **I. Lí thuyết**  **1. Xác định kiểu bài cần viết**  + **Kiểu bài:** Viết bài văn kể lại sự việc có thật liên quan đến một nhân vật lịch sử thuộc kiểu bài: Thuyết minh( giới thiệu)  **+ Đối tượng thuyết minh:** sự việc có thật liên quan đến nhân vật lịch sử.  **+ Mục đích:** Kể lại sự việc có thật liên quan đến một nhân vật lịch sử để nhiều người cùng biết và truyền cảm hứng cho người đọc.  **2. Yêu cầu bài văn kể lại sự việc có thật liên quan đến một nhân vật lịch sử**  **- Hình thức:**  + Đảm bảo cấu trúc ba phần: mở bài- thân bài- kết bài.  + Bài văn được tạo thành từ các đoạn văn, giữa các đoạn có sự liên kết chặt chẽ với nhau.  + Diễn đạt mạch lạc, trôi chảy, không mắc các lỗi dùng từ, đặt câu.  **-Về nội dung:**  + Giới thiệu được nhân vật lịch sử và sự việc có thật liên quan đến nhân vật đó.  + Kể lại câu chuyện với các sự việc được trình bày theo trình tự hợp lý.  + Kết hợp sử dụng yếu tố miêu tả trong khi kể chuyện.  + Nêu được ý nghĩa của sự việc.  + Nêu được suy nghĩ, ấn tượng của người viết về sự việc được kể.  **3. Quy trình viết bài văn nghị luận**  **Bước 1: Trước khi viết**  + Lựa chọn đề tài  + Tìm ý  + Lập dàn ý  Mở bài: Giới thiệu đôi nét về nhân vật và sự việc có liên quan đến nhân vật.  Thân bài: Kể lại diễn biến của sự việc có liên quan đến nhân vật lịch sử.  Lưu ý sử dụng yếu tố miêu tả một cách hợp lý.  Nêu ý nghĩa, tác động của sự việc đối với cộng đồng.  Kết bài: Nêu suy nghĩ và ấn tượng của người viết về sự việc.  thành (lí lẽ, bằng chứng)  **Bước 2: Viết bài**  **Bước 3: Kiểm tra và chỉnh sửa.** |

**3. Hoạt động 3: Luyện tập ( 60P)**

**a) Mục tiêu:** Học sinh vận dụng kiến thức đã học vào làm bài tập.

**b) Nội dung hoạt động:** Trả lời câu hỏi

**c) Sản phẩm học tập:** Câu trả lời

**d) Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1:** **Chuyển giao nhiệm vụ:** .

Viết bài văn kể lại sự việc có thật liên quan đến một nhân vật lịch sử

**Bước 2:**  **Học sinh trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ:**

- Gv quan sát lắng nghe

- Hs quan sách giáo khoa tìm câu trả lời.

**Bước 3:**  **Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận:**

- Hs trình bày sản phẩm cá nhân

- Gv gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

**Bước 4:**  **Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ.**

- Gv nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức.

**4. Hoạt động 4: Vận dụng ( 5P)**

**a) Mục tiêu:** Giúp HS khắc sâu kiến thức đã học.

**b) Nội dung:** HS vận dụng kiến thức đã học để làm bài tập.

**c) Sản phẩm học tập:**

**d) Tổ chức thực hiện:**

**\*Chuyển giao nhiệm vụ:**

**- Hs thực hiện nhiệm vụ:**

**\* Học sinh trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ:**

- Gv quan sát, lắng nghe.

- Hs quan sát sách giáo khoa tìm câu trả lời.

**\* Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận:**

- Hs trình bày sản phẩm cá nhân

- Gv gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn..

**\* Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ.**

- Gv nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức.

**Cách chọn bằng chứng cho bài văn nghị luận.**

- Bằng chứng được lựa chọn cần phù hợp với nội dung của đề bài, phù hợp với phạm vi của đề, mang tính thời sự và gần gũi.

- Có thể lấy bằng chứng là:

+ Lấy bằng chứng là những số liệu cụ thể, rõ ràng.

+ Lấy bằng chứng là những sự việc tiêu biểu, có ý nghĩa sâu sắc và mang tính thời sự.

+ Lấy bằng chứng là những người nổi tiếng, những câu nói nổi tiếng truyền cảm hứng....

\***Hướng dẫn về nhà:**

+ Hoàn thành bài tập

**TUẦN 27**

**Tiết 53-54\***

**THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT**

**KĨ NĂNG NHẬN BIẾT VỀ BIỆN PHÁP LIÊN KẾT VÀ TỪ NGỮ LIÊN KẾT**

**I. MỤC TIÊU**

***1. Về năng lực***

***\* Năng lực chung***

- Năng lực hợp tác, thảo luận nhóm

- Năng lực phát hiện và giải quyết vấn đề

- Năng lực sáng tạo

***\* Năng lực đặc thù***

- Củng cố lại kiến thức về mạch lạc và liên kết

- Nắm được các biện pháp liên kết và phương tiện liên kết trong văn bản

***2. Về phẩm chất***

- Có ý thức sử dụng các phương tiện liên kết trong bài viết

- Yêu thích môn học

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- Sách giáo khoa, kế hoạch bài dạy.

- Máy tính, máy chiếu.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. Hoạt động 1. Khởi động *(5P)***

**a.Mục tiêu**:

- Kết nối - tạo hứng thú cho học sinh, chuẩn bị tâm thế tiếp cận kiến thức mới.

- Cùng cố hai khái niệm liên kết và mạch lạc, các biện pháp và phuong tiện liên kết thông dụng, liên kết các câu trong đoạn và liên kết các đoạn trong văn bản.

**b. Nội dung**: HS làm việc cá nhân, đưa ra suy nghĩ, cảm nhận của bản thân về một vấn đề GV đặt ra.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của học sinh.

**d. Tổ chức thực hiện:**

***Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:***

- Nhắc lại thế nào là mạch lạc? Phân tích tính mạch lạc trong đoạn văn sau:

Hãy tìm hiểu tính mạch lạc của: Văn bản Mẹ tôi. (Ét-môn-đô đơ A-mi-xi)

***Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:***

HS làm việc cá nhân, trả lời câu hỏi.

*- Là sự liền mạch về nội dung của một đoạn văn hoặc văn bản, thể hiện qua:*

*+ Thống nhất về đề tài*

*+ Tiếp nối trình tự hợp lí giữa các câu trong đoạn văn, giữa các đoạn trong văn bản*

*Tất cả các phần, các câu, các đoạn, các chi tiết trong văn bản này đều hướng về một chủ đề duy nhất là hình ảnh người mẹ. Một người mẹ đã hy sinh tất cả vì con mình và nó có ý nghĩa thiêng liêng vô cùng to lớn, cao cả trong cuộc đời mỗi chúng ta.*

***Bước 3: Báo cáo, thảo luận:***

HS báo cáo kết quả, nhận xét.

***Bước 4: Kết luận, nhận định:***

GV chốt và dẫn vào bài: Để văn bản có tính mạch lạc cần sử dụng các biện pháp liên kết và từ ngữ liên kết như thế nào? Chúng ta cùng vào bài học ngày hôm nay.

**2.Hoạt động 2: Hình thành kiến thức *(15P)***

**a. Mục tiêu:**

- HS nhận biết được rằng: + Phép nối sử dụng từu ngữ nối.

+ Phép thế sử dụng từ ngữ ở câu sau thay thế cho từ ngữ ở câu trước.

+ Phép lặp được tạo nên bằng cách để câu sau lặp lại một số từ ngữ ở câu trước.

**b. Nội dung:** HS đọc VB, vận dụng “tri thức ngữ văn”, làm việc cá nhân và làm việc nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS, sản phẩm của nhóm, kết quả trong phiếu học tập.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| ***Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:***  - Nhắc lại thế nào liên kết? Mối liên hệ giữa liên kết và mạch lạc?  - Khi liên kết thường sử dụng phương tiện gì?  - Có mấy biện pháp (phép) liên kết, đó là những biện pháp nào?  ***Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:***  HS làm việc cá nhân, chia sẻ.  - Phương tiện liên kết: Từ ngữ  ***Bước 3: Báo cáo, thảo luận:***  HS báo cáo kết quả, nhận xét.  ***Bước 4: Kết luận, nhận định.***  GV chốt và mở rộng kiến thức. | **1. Lý thuyết**  - Liên kết là quan hệ về mặt hình thức giữa các câu trong đoạn hoặc giữa các đoạn trong văn bản. |

**3. Hoạt động 3: Luyện tập.*(20P)***

**a. Mục tiêu:**

- HS biết vận dụng kiến thức giải quyết các bài tập Tiếng Việt giải quyết các bài tập Tiếng Việt về các phép liên kết và từ liên kết

**b. Nội dung:** HS đọc VB, vận dụng “tri thức ngữ văn”, làm việc cá nhân và làm việc nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS, sản phẩm của nhóm, kết quả trong phiếu học tập.

**d. Tổ chức thực hiện:**

***Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:***

1.Hãy tìm tính mạch lạc trong đoạn thơ ” Lão nông và các con”  – (La Phông-ten, Ngụ ngôn chọn lọc, Tú Mỡ dịch)

*Hãy lao động cần cù gắng sức,*

*Ấy chân lưng sung túc nhất đời.*

*………..*

*Trước khi từ giã trần gian*

*Lấy câu “lao động là vàng” dạy con.*

*Bài tập 2: “Mùa đông, giữa ngày mùa, làng quê toàn màu vàng – những màu vàng rất khác nhau. …. Tất cả đượm một màu trù phú, đầm ấm lạ lùng. Không có cảm giác héo tàn, hanh hao lúc sắp bước vào mùa đông.*

***Bài 3. Chỉ ra phép liên kết trong ngữ liệu sau:***

*a. Chín giờ có chuyên tàu ở Hà Nội đi qua huyện. Đó là sự hoạt động cuối cùng của đêm khuya.*

*b.Tiếng hát của các em lan trên các cánh đồng bay theo gió. Tiếng hát trong như những giọt sương trên bờ cỏ.*

*(Nguyễn Thị Ngọc Tú, Buổi sáng)*

*c.Hai mụ Bọ Muỗm cứ vừa đánh, vừa kêu, làm cho họ nhà Bọ Muỗm ở gần đấy nghe tiếng. Thế là, cả một bọn Muỗm lốc nhốc chạy ra*

***Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:***

HS làm việc cá nhân, chia sẻ.

**Bài 1 (59)**

**Câu 1:**

Tất cả các câu, các đoạn đều hướng đến chủ đề “lao động là vàng”,  lao động sẽ tạo ra của cải, vật chất.

**Câu 2:**

ẽ lên một bức tranh quan cảnh ngày mùa rất là trù phú, đầm ấm, tươi sáng và tất cả các chi tiết trong đoạn trích đều hướng về quang cảnh ngày mùa tươi sáng.

**Câu 3:**

- Phương tiện liên kết đoạn:

a. Phép thế: là việc sử dụng ở câu đứng sau các từ ngữ có tác dụng thay thế từ ngữ đã có ở câu trước.

b. Phép lặp từ ngữ: là việc lặp lại ở câu đứng sau từ ngữ đã có ở câu trước.

c.Phép nối: là việc sử dụng ở câu đứng sau các từ ngữ biểu thị quan hệ với câu trước.

***Bước 3: Báo cáo, thảo luận:***

HS báo cáo kết quả, nhận xét.

***Bước 4: Kết luận, nhận định.***

GV chốt và mở rộng kiến thức.

**4. Hoạt động 4. Vận dụng.*(5P)***

**a. Mục tiêu**: HS hiểu được kiến thức trong bài học để vận dụng vào thực tế, kết nối nhân vật với cảm xúc của HS.

**b. Nội dung**: HS làm việc cá nhân, đưa ra suy nghĩ, cảm nhận của bản thân về một vấn đề GV đặt ra.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của học sinh.

**d. Tổ chức thực hiện:**

***Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:***

- Viết một đoạn văn ngắn (10 – 12 câu) nêu suy nghĩ của em về tác hại của bạo lực học đường. Trong đoạn văn có sử dụng các phép liên kết

***Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:***

HS làm việc cá nhân, viết bài.

- Hình thức: Viết nối tiếp 10 – 12 câu

- Nội dung: bày tỏ suy nghĩ về tác hại của bạo lực học đường

- Sử dụng ít nhất một phép liên kết

***Bước 3: Báo cáo, thảo luận:***

HS báo cáo kết quả, nhận xét.

***Bước 4: Kết luận, nhận định.***

GV nhận xét, đánh giá.

**\* Hướng dẫn học và làm bài ở nhà:**

- Học, nắm chắc nội dung bài học

**TUẦN 28**

**Tiết 55-56\***

**VIẾT:VIẾT BÀI VĂN NGHỊ LUẬN VỀ MỘT VẤN ĐỀ TRONG ĐỜI SỐNG**

**( TRÌNH BÀY Ý KIẾN PHẢN ĐỐI)**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Về năng lực**

**\* Năng lực chung**

- Năng lực hợp tác, thảo luận nhóm

- Năng lực phát hiện và giải quyết vấn đề

- Năng lực sáng tạo

- Năng lực trình bày vấn đề trước đám đông

**\* Năng lực đặc thù**

- Ôn lại cấu trúc 3 phần của bài viết trình bày một vấn đề đời sống.

- Nắm được cách sử dụng lí lẽ, dẫn chứng để chứng minh vấn đề.

- Ôn lại các bước làm bài viết về một vấn đề trong đời sống.

**2. Về phẩm chất**

- Có quan điểm riêng, lập trường vững vàng đối với mỗi vấn đề đặt ra trong đời sống

- Yêu thích môn học

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- Sách giáo khoa, kế hoạch bài dạy.

- Máy tính, máy chiếu.

- Phiếu học tập.

- Video những hiện tượng xảy ra trong đời sống.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1.Hoạt động 1:Khởi động- 5p**

**a. Mục tiêu** HS biết vận dụng kiến thức đã học để nêu được vấn đề bàn luận, lam rõ bản chất của vấn đề.

Thể hiện được rõ ràng ý kiến phản đối hoặc cách hiểu khác của người viết.

Dùng lí lẽ và bằng chứng để thuyết phục người đọc rằng sự phản đối hoặc cách hiểu của người viết là có cơ sở.

**b. Nội dung:** HS suy nghĩ, trình bày.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của học sinh.

**d. Tổ chức thực hiện:**

***Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:***

- HS quan sát video trên máy chiếu về tình trạng đi xe chạy nhanh vượt ẩu

? Em có đồng ý với việc làm đó không? Vì sao?

***Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:***

HS làm việc cá nhân, chia sẻ.

***Bước 3: Báo cáo, thảo luận:***

HS báo cáo kết quả, nhận xét.

***Bước 4: Kết luận, nhận định.***

GV nhấn mạnh kĩ năng nói và nghe.

**2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức**

**a. Mục tiêu** HS biết vận dụng kiến thức đã học để nêu được vấn đề bàn luận, làm rõ bản chất của vấn đề.

-Vấn đề được bàn luận cần thiết yếu đối với mọi người, thu hút được sự quan tâm, hứng thú của cộng đồng.

-Dùng lí lẽ và bằng chứng để thuyết phục người đọc rằng sự phản đối hoặc cách hiểu của người viết là có cơ sở.

**b. Nội dung:** HS suy nghĩ, trình bày.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của học sinh.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**I. Lý thuyết**

**1. Tìm hiểu yêu cầu đối với bài văn nghị luận về một vấn đề trong đời sống ( trình bày ý kiến tán thành)(15p).**

***Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:***

Nhắc lại các bước khi thực hiện bài viết?

***Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:***

**1. Trước khi viết**

**a. Lựa chọn đề tài**

- Phải là vấn đề mình thực sự quan tâm và hiểu biết

- Có những ý kiến khác nhau khi nhìn nhận, đánh giá.

- Có thể xác định thái độ dứt khoát với vấn đề đó.

**b. Tìm ý**

- HS bộc quan điểm cá nhân trong việc tìm ý.

- Hs ghi các ý tìm được ra vở ghi

**c. Lập dàn ý**

**Mở bài:** Nêu được vấn đề nghị luận và bày tỏ ý kiến phản đối cách nhìn nhận vấn đề.

**Thân bài:**

+ Ý 1. Trình bày thực chất của ý kiến, quan niệm đã nêu để bàn luận

+ Ý 2. Phản đối các khía cạnh của ý kiến, quan niệm ( lí lẽ, bằng chứng)

+ Ý 3. Nhận xét những tác động tiêu cực của ý kiến, quan niệm đối với đời sống ( lí lẽ, bằng chứng)

**Kết bài:** Nêu ý nghĩa của việc thể hiện ý kiến phản đối.

**2. Viết bài**

Tham khảo mở bài- thân bài- kết bài SGK

**3. Chỉnh sửa bài viết**HS làm việc cá nhân, nhóm, thực hiện nhiệm vụ.

***Bước 3: Báo cáo, thảo luận:***

HS báo cáo kết quả, nhận xét.

***Bước 4: Kết luận, nhận định.***

GV nhấn mạnh những yêu cầu cần đạt trong một bài viết.

**Hoạt động 3: Luyện tập**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học.

**b. Nội dung:** Sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

**c. Sản phẩm học tập:** Kết quả của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**

- Nêu vấn đề đời sống cần bàn luận: “hiện tượng bạo lực học đường ”.

**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**

- HS nghe câu hỏi, dựa vào SHS để trình bày các yêu cầu.

**1. Dàn ý**

a) Mở bài: Giới thiệu vấn đề nghị luận:

- Học sinh sinh viên là thời đẹp nhất trong cuộc đời mỗi chúng ta.

- Thế nhưng hiện nay, sự trong sáng, tươi đẹp hồn nhiên của thế hệ học sinh không còn nữa. Thay vào đó là những lời nói và hành động thô bạo, bậy bạ, thậm chí những đứa trẻ này còn đánh nhau, chúng xé áo, đánh bạn giữa đường.

- Tình trạng bạo lực học đường diễn ra phổ biến, tràn lan được lan rộng trên Internet, chúng ta cùng đi tìm hiểu tình trạng này.

b) Thân bài

\* Thế nào là bạo lực học đường?

- Bạo lực học đường là những hành vi thô bạo, thiếu đạo đức với bạn mình.

- Cách cư xử thiếu văn minh, không có giáo dục của thế hệ học sinh.

- Xúc phạm đến tinh thần và thể xác người khác, gây ảnh hưởng nghiêm trọng.

\* Hiện trạng của bạo lực học đường hiện nay

- Hình thức:

Xúc phạm, lăng mạ, sỉ nhục, đay nghiến, chà đạp nhân phẩm, làm tổn thương về mặt tinh thần con người thông qua lời nói.

Đánh đập, tra tấn, hành hạ, làm tổn hại về sức khỏe, xâm phạm cơ thể con người thông qua những hành vi bạo lực.

- Thực tế chứng minh:

Chỉ cần một thao tác rất nhanh trên Google ta có thể tìm thấy hàng loạt các clip bạo lực của nữ sinh: nữ sinh Hưng Yên bị bạo hành, thêm một vụ bạo lực học đường vừa xảy ra ở Quảng Ninh...

Học sinh có thái độ không đúng mực với thầy cô giáo, dùng dao đâm bạn bè, thầy cô…

Lập nên các nhóm hội hoạt động đánh nhau có tổ chức.

Giáo viên đánh đập, xúc phạm tới nhân phẩm của học sinh…  
\* Nguyên nhân dẫn đến hiện tượng bạo lực học đường

- Do ảnh hưởng của môi trường bạo lực, thiếu văn hóa.

- Chưa có sự quan tâm từ gia đình.

- Không có sự giáo dục đúng đắn của nhà trường.

- Xã hội dửng dưng trước những hành động bạo lực.

- Sự phát triển chưa toàn diện của học sinh.

\* Hậu quả của bạo lực học đường

- Với người bị bạo lực:

Bị ảnh hưởng về tinh thần và thể chất.

Làm cho gia đình họ bị đau thương.

Làm cho xã hội nghị luận, tranh cãi.

- Với người gây ra bạo lực:

Phát triển không toàn diện.

Mọi người, xã hội chê trách.

Ảnh hưởng trực tiếp tới cuộc sống hiện tại và tương lai, sự nghiệp bị mất.

\* Giải pháp khắc phục nạn bạo lực học đường

- Nhà trường cần nâng cao tầm quan trọng trong việc dạy bảo học sinh hiệu quả nhất, luôn quan sát, quan tâm về cả bên ngoài lẫn nhận thức của các em trong các vấn đề.

- Cha mẹ nên chăm lo và quan tâm đến con cái nhiều hơn.

- Tự bản thân có trách nhiệm xa lánh tình trạng này.

c) Kết bài

Nêu cảm nghĩ của em về nạn bạo lực học đường.

- Đây là một hành vi không tốt.

-  Em sẽ làm gì để ngăn chặn tình trạng này?

Giáo dục luôn là vấn đề được con người và toàn dư luận quan tâm hàng đầu. Những năm gần đây, vấn đề bạo lực học đường vẫn diễn ra vô cùng phức tạp và phổ biến gây nhức nhối và là mối quan tâm của mỗi gia đình có con em trong giai đoạn cắp sách đến trường. Bạo lực học đường là việc mỗi bạn học sinh dùng những lời nói miệt thị, thô bỉ để xúc phạm người khác; bên cạnh đó còn là việc các em dùng vũ lực để thể hiện thái độ ghét bỏ, không vừa ý của mình đối với bạn bè.

Gần đây, trên các phương tiện thông tin truyền thông đã đưa tin có rất nhiều vụ các em học sinh có hành vi dùng vũ lực đánh nhau, có nhiều trường hợp dùng vũ khí cũng như đánh nhau tập thể ở trong và ngoài nhà trường đến mức công an phải vào cuộc. Bạo lực học đường không chỉ xảy ra ở các học sinh nam mà hiện nay xu hướng các bạn học sinh nữ đánh nhau đang ngày càng gia tăng ở mức độ khó lường. Nguyên nhân của hiện trạng này đầu tiên phải nhắc đến đó là do ý thức chủ quan của các bạn học sinh còn kém, chưa có đủ nhận thức về hậu quả của bạo lực học đường.

Bên cạnh đó việc kiểm soát hành vi của các bạn học sinh cũng chưa thực sự tốt, chỉ vài lời nói kích động cũng có thể nổ ra cuộc bạo lực. Ngoài ra, tình trạng bạo lực học đường còn là do sự quản lí còn lỏng lẻo của gia đình và nhà trường, chưa định hướng cho các em tư duy đúng đắn dẫn đến những hành động lệch lạc. Bạo lực học đường hình thành thói hung hăng, tính cách không tốt cho người thực hiện hành vi bạo lực; gây tổn hại, ảnh hưởng về sức khỏe, về tâm lí cho người bị hành hung. Ngoài ra, nó còn gây ra những hình ảnh xấu ảnh hưởng đến tương lai của học sinh, nhà trường và gia đình. Vấn đề bạo lực học đường sau này sẽ ảnh hưởng đến quá trình phát triển nhân cách của các em học sinh, khiến cho các em dễ trở thành người xấu.

Từ những hậu quả khôn lường này, mỗi người học sinh chúng ta cần ý thức được tác hại của vấn nạn này, đồng thời chung tay tuyên truyền, kêu gọi mọi người tẩy chay bạo lực ra khỏi phạm vi học đường; tích cực học tập, rèn luyện bản thân trở thành một công dân tốt, có ích cho xã hội. Tuổi trẻ là mầm non, là tương lai của đất nước, chúng ta hãy biết phấn đấu, trau dồi bản thân ngay từ hôm nay để có thể cống hiến những điều tốt đẹp cho xã hội.

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động**

- GV mời đại diện HS trình bày kết quả trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe và nhận xét, góp ý, bổ sung.

**Bước 4: Đánh giá kết quả HS thực hiện nhiệm vụ học tập**

- GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức

*- GV yêu cầu HS làm đề bài sau:* **:** Nêu vấn đề đời sống cần bàn luận: “vệ sinh trường học là trách nhiệm của những người lao công đã được nhà trường trả lương ”.

*- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.*

**Hoạt động 4: Vận dụng**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

**b. Nội dung:** Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**

*- GV yêu cầu HS:Vấn đề được đặt ra: Có thể bỏ qua một số môn, chỉ nên học những môn mình yêu thích.*

**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**

- HS nghe câu hỏi, dựa vào SHS để trình bày các yêu cầu.

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động**

- GV mời đại diện HS trình bày kết quả trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe và nhận xét, góp ý, bổ sung.( nếu có thời gian)

**Bước 4: Đánh giá kết quả HS thực hiện nhiệm vụ học tập**

- GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức

*- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.*

* **Hướng dẫn về nhà:**

- Hoàn chỉnh đoạn văn theo gợi ý

- Lập hồ sơ nhân vật

- Chuẩn bị bài soạn tiếp theo

**TUẦN 29**

**Tiết 57-58\***

**NÓI VÀ NGHE:TRÌNH BÀY Ý KIẾN VỀ MỘT VẤN ĐỀ ĐỜI SỐNG**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Năng lực**

**a. Năng lực chung**

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

**b. Năng lực đặc thù**

-  Trong tư cách người nói, HS nêu được vấn đề đời sống và trình bày ý kiến về vấn đề một cách có cơ sở (có lí lẽ và bằng chứng cụ thể), giải thích, bảo vệ ý kiến của mình trước sự phản bác của người nghe.

- Trong tư cách người nghe, HS thể hiện quan điểm của mình về vấn đề đời sống được bàn luận, biết đối thoại với ý kiến người trình bày, tán thành với ý kiến đó nếu thấy đủ sức thuyết phục.

**2. Phẩm chất:**

- Ý thức tự giác, tích cực trong học tập.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- KHBD, SGK, SGV, SBT

- Máy tính, máy chiếu, bảng phụ, Bút dạ, Giấy A0

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU**

**a) Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

**b) Nội dung:** HS huy động tri thức đã có để trả lời câu hỏi.

**c) Sản phẩm:** Nhận thức và thái độ học tập của HS.

**d) Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

- Gv chuyển giao nhiệm vụ: *Trong giao tiếp, em thường bày tỏ thái độ đồng tình hay phản đối ý kiến của người khác. Đã bao giờ ý kiến của em đưa ra bị phủ nhận chưa? Khi đó em có cảm xúc, suy nghĩ gì?*

- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

**Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**

- Gv quan sát, lắng nghe gợi mở

- HS thực hiện nhiệm vụ;

**Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**

**-** Gv tổ chức hoạt động

- Hs khác nhận xét, bổ sung, phản biện câu trả lời của bạn.

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**

- GV nhận xét, đánh giá, bổ sung: *Trong giao tiếp, chúng ta có thể tán thành hoặc phản đối một vấn đề nào đó. Vậy làm thế nào để trình bày được những ý kiến đồng tình hoặc phản đối một cách thuyết phục? Chúng ta sẽ đi vào tiết Nói và nghe*

**HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Hoạt động 1: Lý thuyết**

**a. Mục tiêu:**

- Nhận biết được kiểu bài trao đổi một vấn đề mà em quan tâm (yêu cầu kiểu bài, mục đích...)

**b. Nội dung:** Hs sử dụng sgk, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

- Gv chuyển giao nhiệm vụ

*+ GV lưu ý HS về sự cần thiết của việc xác định mục đích nói và đối tượng nghe.*

*+ GV đặt câu hỏi thảo luận: Khi tham gia thuyết trình về một vấn đề xã hội, điều chúng ta cần hướng đến là gì? Ai là người sẽ nghe ta trình bày ý kiến?*

Trong khi trình bày, người nói cần lưu ý điều gì?

*+ Hs chuẩn bị nội dung nói*

- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

**Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**

**1. Trước khi nói**

**a. Xác định mục đích nói và người nghe**

- Mục đích nói: trình bày để người nghe hiểu đúng bản chất, thấy được ý nghĩa của vấn để đối với đời sống, từ đó lựa chọn thái độ, cách ứng xử phù hợp.

- Người nghe: Khi bài nói được trình bày trong giờ học, người nghe là HS trong lớp và GV. Với tình huống khác, người nghe có thể là các bạn trong lớp, trong trường và những ai quan tâm đến vấn đề

**b. Chuẩn nội dung nói**

- Từ đề tài đã chọn, người nói xây dựng dàn ý chi tiết, gồm đầy đủ các phần, ghi chú cách trình bày từng phần, các ý cụ thể, những lí lẽ và bằng chứng cần sử dụng,

- Nếu phần Nói thực hiện trên một bài viết đã có, GV hướng dẫn HS rút gọn bài viết thành dàn ý bài nói. Chú ý: Cách mở đầu bài nói có những điểm khác với bài viết. Phần triển khai, các ý cần rõ ràng, có ghi chú các số liệu, bằng chứng cụ thể để tiện sử dụng khi trình bày.

- Lựa chọn từ ngữ: Căn cứ vào để tài và nội dung nói, ghi lại một số từ ngữ cần sử dụng, nhất là những từ ngữ thể hiện thái độ tán thành hay phản đối ý kiến, chẳng hạn: theo quan điểm của tôi, cần phải thấy được rằng, có thể khẳng định, chắc chắn là, không thể quan niệm rằng, điều khó chấp nhận ở đây là,...

**c. Tập luyện**

- Khi ở vị trí người nói, chú ý tập luyện cách trình bày, cách bảo vệ ý kiến của mình; ở vị trí người nghe, cần biết cách theo dõi, có thể phản bác hay nêu thắc mắc nếu thấy lí lẽ của người nói chưa chắc chắn, bằng chứng chưa phù hợp.

- Sau tập luyện, phải trao đổi nhóm để rút kinh nghiệm về nội dung và cách trình bày, kinh nghiệm về sự tương tác nói – nghe.

……..

- Gv quan sát, lắng nghe gợi mở

- HS thực hiện nhiệm vụ;

**Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**

**-** Gv tổ chức hoạt động

- Hs khác nhận xét, bổ sung, phản biện câu trả lời của bạn.

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**

- GV nhận xét, đánh giá, bổ sung

**C. HOẠT ĐỘNG 3: HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học.

**b. Nội dung:** Sử dụng sgk, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

**c. Sản phẩm học tập:** Kết quả của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

- Gv chuyển giao nhiệm vụ

*Thực hành luyện nói và quay lại video gửi cho GV*

- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

**Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**

- Gv quan sát, lắng nghe gợi mở

- HS thực hiện nhiệm vụ;

**Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**

**-** Gv tổ chức hoạt động

- Hs báo cáo

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**

- GV nhận xét, đánh giá, bổ sung

**Hoạt động 4: Vận dụng**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

**b. Nội dung:** Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**

*- GV yêu cầu HS:Vấn đề được đặt ra: Có thể bỏ qua một số môn, chỉ nên học những môn mình yêu thích.*

**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**

- HS nghe câu hỏi, dựa vào SHS để trình bày các yêu cầu.

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động**

- GV mời đại diện HS trình bày kết quả trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe và nhận xét, góp ý, bổ sung.( nếu có thời gian)

**Bước 4: Đánh giá kết quả HS thực hiện nhiệm vụ học tập**

- GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức

*- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.*

* **Hướng dẫn về nhà:**

- Hoàn chỉnh đoạn văn theo gợi ý

- Lập hồ sơ nhân vật

- Chuẩn bị bài soạn tiếp theo

**TUẦN 30**

**Tiết 59-60\***

**THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT**

**THUẬT NGỮ**

**I. MỤC TIÊU**

***1. Năng lực***

***a. Năng lực chung***

- Năng lực tự chủ, tự học: Học sinh có ý thức tìm hiểu, sử dụng thuật ngữ trong nói, viết một cách có hiệu quả. Chủ động tiếp nhận, hoàn thành nhiệm vụ học tập một cách tích cực.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo

**b. Năng lực đặc thù**

- HS ôn lại thuật ngữ; cách xác định nghĩa của thuật ngữ; biết được có những đơn vị khi được dùng với tư cách là thuật ngữ, khi lại được dùng như một từ ngữ thông thường; biết dựa vào câu để xác định một đơn vị nào đó có phải là thuật ngữ hay không.

- Sử dụng thuật ngữ một cách chính xác và đúng mục đích.

***2. Phẩm chất:***

Chăm chỉ: Học sinh chăm chỉ học tập, rèn luyện để sử dụng thuật ngữ phù hợp với hoàn cảnh giao tiếp. Tìm hiểu, khám phá nghĩa của các từ (thuật ngữ) để mở rộng vốn hiểu biết.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- Kế hoạch bài dạy, máy chiếu, phiếu bài tập.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1.Hoạt động 1: Khởi động *(5P)***

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, tạo cơ sở để HS tìm hiểu ở hoạt động tiếp theo.

**b. Nội dung:** GV tổ chức trò chơi “Hiểu ý đồng đội”. HS thực hiện hoạt động dưới sự hướng dẫn của GV.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

**\*Chuyển giao nhiệm vụ:**

- Gv nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức.

- GV phổ biến luật chơi: Một bạn lên bảng, một bạn dưới lớp. Bạn trên bảng sẽ được GV đưa cho các từ khóa. Bạn trên bảng sẽ gợi ý để bạn kia đoán ra các từ khóa. Lưu ý: không được gợi ý có bất kỳ từ nào có trong từ khóa.

**\* Học sinh trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ:**

- Gv quan sát, lắng nghe.

- HS tiếp nhận và tham gia trò chơi.

**\* Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận:**

- Hs trình bày sản phẩm cá nhân

- Gv gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn..

**\* Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ.**

***- GV dẫn dắt:***

***Chúng ta vừa tham gia trò chơi Hiểu ý đồng đội, để đồng đội của mình hiểu được nghĩa của các từ này bạn còn lại đã dùng cách giải thích theo nghĩa thông thường. Tuy nhiên chúng ta còn có thể giải thích các từ khóa này bằng cách khác dựa vào tri thức khoa học. Lúc này các từ khóa đó sẽ được gọi là Thuật ngữ. Vậy thế nào là Thuật ngữ và đặc điểm của Thuật ngữ là gì? Chúng ta tìm hiểu trong bài học ngày hôm nay.***

**2.Hoạt động 2: Hình thành kiến thức - *(15P)***

**a. Mục tiêu:**

- Ôn lại kiến thức về khái niệm, đặc điểm và cách xác định thuật ngữ.

**b. Nội dung:**

- GV tổ chức các hoạt động nhóm và hướng dẫn học sinh ôn tập lại những kiến thức về thuật ngữ.

**c. Sản phẩm:**

- Câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

Thuật ngữ là gì?

Chức năng?

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

- Khái niệm: Thuật ngữ là từ hoặc cụm từ cố định, được sử dụng theo quy ước của một lĩnh vực chuyên môn hoặc ngành khoa học nhất định.

**- Chức năng:**

+ Có những từ ngữ khi thì được dùng với tư cách là một thuật ngữ, khi lại được dùng như một từ ngữ thông thường.

+ Có những thuật ngữ đôi khi được dùng như từ ngữ thông thường.

- Cách xác định thuật ngữ: dựa vào ngữ cảnh

- Cách xác định nghĩa của thuật ngữ:

+ Tìm trong Bảng tra cứu thuật ngữ.

+ Đọc các từ điển chuyên ngành.

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

- HS trả lời câu hỏi

- GV gọi HS nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

**Bước 4: Kết luận, nhận định**

**3.Hoạt động 3. Luyện tập - 20 phút**

**a. Mục tiêu:**

- HS củng cố kiến thức về thuật ngữ: nhận diện được thuật ngữ, căn cứ để xác định thuật ngữ, tìm hiểu nghĩa của thuật ngữ.

**b. Nội dung:**

- GV tổ chức các hoạt động nhóm, làm việc cá nhân.

**c. Sản phẩm:**

- Kết quả bài làm nhóm, câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện**

**\* GV chuyển giao nhiệm vụ:**

- GV yêu cầu HS đọc bài tập 1,2,3 (SGK- 64)

- HS tiếp nhận nhiệm vụ, trình bày kết quả.

- GV gọi các HS khác nhận xét, bổ sung.

- GV kết hợp máy chiếu nhận xét, bổ sung, chốt kiến thức.

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

**Bài 1 (SGK-64)**

a. ngụ ngôn

b. triết học

c. văn hóa

d. in-tơ-nét

**- Căn cứ:** các từ trên đều thuộc về một lĩnh vực, một ngành cụ thể:

+ Ngụ ngôn – thể loại văn học

+ Triết học – ngành khoa học

+ Văn hóa – giá trị vật chất và tinh thần do con người tạo ra

+ In-tơ-nét – một lĩnh vực của công nghệ thông tin.

**Bài 2 (SGK-64)**

- Ngụ ngôn: thể loại văn học, dùng văn xuôi hoặc văn vần, thường mượn chuyện loài vật để nói về việc đời nhằm dẫn đến những kết luận về đạo lý, kinh nghiệm sống.

- Triết học: khoa học nghiên cứu về những quy luật chung nhất của thế giới và sự nhận thức thế giới.

- Văn hóa: tổng thể nói chung những giá trị vật chất và tinh thần do con người tạo ra trong quá trình lịch sử.

- In-tơ-nét: hệ thống các mạng máy tính được nối với nhau trên phạm vi toàn thế giới, tạo điều kiện cho các dịch vụ truyền thông dữ liệu, như tìm đọc thông tin từ xa, truyền các tệp tin, thư tín điện tử và các nhóm thông tin.

**Bài 3 (SGK-64,65)t**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  | **Thuật ngữ** | **Từ ngữ thông thường** |
| **a. Cặp câu thứ nhất** | - Trong một bài hát hay bản nhạc, phần được lặp lại nhiều lần khi trình diễn gọi là điệp khúc. | - Câu nói ấy lặp đi lặp lại như một điệp khúc. |
| **b. Cặp câu thứ hai** | - Trong thời đại ngày nay, con người đã biết tận dụng các nguồn năng lượng | - Đọc sách là một cách nạp năng lượng cho sự sống tinh thần. |
| **c. Cặp câu thứ ba** | - Bản đồ là hình vẽ thu nhỏ một phần hay toàn bộ bề mặt Trái Đất lên mặt phẳng trên cơ sở toán học, trên đó các đối tượng địa lý được thể hiện bằng các kí hiệu bản đồ. | - Cháu biết không, tấm bản đồ của ông lúc ấy thật sự bế tắc. |
| **Căn cứ xác định:** | - Dựa vào các câu có sử dụng các từ đó. Đó là những câu có tính chất định nghĩa, thuộc về một lĩnh vực nhất định. Các từ điệp khúc, năng lượng, bản đồ chỉ có một nghĩa, thuộc về chuyên môn. | - Các từ điệp khúc, năng lượng, bản đồ đề được dùng theo nghĩa chuyển.  + Điệp khúc: sự lặp đi lặp lại trong lời nói.  + Năng lượng: nguồn sống cho cơ thể  + Bản đồ: sự tìm kiếm hướng đi của cuộc đời. |

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

- HS trả lời câu hỏi

- GV gọi HS nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

**Bước 4: Kết luận, nhận định**

**4.Hoạt động 4: Vận dụng (*(5P)*)**

**a. Mục tiêu**

- Vận dụng kiến thức đã học để viết đoạn văn (khoảng 5-7 câu).

**b. Nội dung**

- GV tổ chức cho học sinh hoạt động cá nhân: Sử dụng kiến thức đã học về trạng để viết đoạn văn.

**c. Sản phẩm**

- Đoạn văn của học sinh.

**d. Tổ chức thực hiện**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

*-* GV yêu cầu HS: Viết đoạn văn (6-8 câu) chủ đề tự chọn. Trong đoạn văn có sử dụng thuật ngữ.

- GV gợi ý:

**\* Về hình thức:**

- Đảm bảo dung lượng đoạn văn.

- Đặt câu đúng câu trúc ngữ pháp.

- Trình bày sạch đẹp.

**\* Về nội dung:**

- Chủ đề tự chọn

- Sử dụng ít nhất một thuật ngữ.

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

- HS tiếp nhận nhiệm vụ, viết đoạn văn.

- GV chiếu đoạn văn mẫu:

***Nước*** *là hợp chất của các nguyên tố hiđrô và ôxi, có công thức là H2O.* ***Nước*** *rất quan trọng với mọi sự sống trên trái đất. Khi cơ thể người với 70% là nước. Khi thiếu nước chỉ ba ngày là người đó có thể chết, trong khi đó, nếu thiếu thức ăn mà vẫn có nước ta có thể sống đến một tuần hoặc hai tuần. Quá trình hút chất dinh dưỡng của thực vật cũng là hút nước và muối khoáng. Nước có mặt trong toàn bộ các hoạt đông sống. Nhưng hiện nay, nguồn nước đang bị ô nhiễm nặng mà* ***tác nhân*** *chính đó chính là con người. Vậy nên mỗi người chúng ta hãy cố gắng giữ gìn môi trường sạch sẽ để bảo vệ chính chúng ta và tất cả sinh vật xung quanh.*

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

- HS đọc đoạn văn

- GV gọi HS nhận xét.

- HS nhận xét, đánh giá đoạn văn của bạn bằng Rubrics.

- GV nhận xét, đánh giá bằng Rubrics.

**Bước 4: Kết luận, nhận định**

* **Hướng dẫn về nhà:**

- Hoàn chỉnh đoạn văn theo gợi ý

**TUẦN 31**

**Tiết 61-62\***

**VIẾT:VIẾT BÀI VĂN THUYẾT MINH VỀ QUI TẮC HOẶC LUẬT LỆ TRONG TRÒ CHƠI HẠY HOẠT ĐỘNG**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Năng lực**

**a. Năng lực chung**

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

**b. Năng lực đặc thù**

- HS nắm được cấu trúc tương đối ổn định của kiểu bài thuyết minh về quy tắc hoặc luật lệ trong một trò chơi hay hoạt động.

- HS viết được kiểu bài thuyết minh về quy tắc hoặc luật lệ trong một trò chơi hay hoạt động quen thuộc với mình hoặc được bản thân tìm hiểu kĩ qua sách báo và phương tiện truyền thông.

**2. Về phẩm chất:**

- Chăm chỉ

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- KHBD, SGK, SGV, SBT

- PHT số 1,2

- Tranh ảnh

- Máy tính, máy chiếu, bảng phụ, Bút dạ

- HS làm một bài thơ lục bát về đề tài quê hương (tối thiểu 2 dòng)

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU**

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. Dẫn dắt vào bài mới

**b. Nội dung:** Gv nêu câu hỏi, học sinh trả lời

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời bằng ngôn ngữ nói của HS, PHT

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

- Gv chuyển giao nhiệm vụ

*Cách 1: Gv tổ chức trò chơi “Kí ức vui vẻ”. Cho học sinh tham gia một số trò chơi như: kéo co…*

*Cách 2: Em có thích bộ môn thể thao nào không? Khi tham gia trò chơi đó, có những nguyên tắc nào? Em hãy chia sẻ các quy tắc cùng các bạn.*

- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

**Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**

- Gv quan sát, hỗ trợ

- HS tham gia trò chơi

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

- HS đọc, trình bày câu trả lời

- GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**

- GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức, đẫn dắt vào bài mới:

**B. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Hoạt động 1: Lý thuyết**

**a. Mục tiêu:**

- Ôn lại kiểu bài thuyết minh về một quy tắc hoặc luật lệ trong trò chơi hay hoạt động.

**b. Nội dung:** Gv hướng dẫn học sinh thảo luận nhóm đôi bằng PHT

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời bằng ngôn ngữ nói của HS

**d. Tổ chức thực hiện**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

- Gv chuyển giao nhiệm vụ

*+ Em hãy trình bày một vài thông tin về văn bản thuyết minh về quy tắc hoặc luật lệ trong trò chơi hay hoạt động (khái niệm, đặc điểm, mục đích, yêu cầu...)*

- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

**Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**

- HS quan sát, trao đổi với bạn cùng bàn

- GV quan sát, gợi mở

- Khái niệm: Đây là loại văn bản thuyết minh nói về đặc điểm của một trò chơi hay hoạt động, giúp người đọc có thể tham gia, thưởng thức hay đánh giá về trò chơi, hoạt động ấy một cách thuận lợi.

- Đặc điểm: Văn bản thường trình bày chi tiết về cách chơi, cách tổ chức hoạt động (thời gian, địa điểm, số lượng người tham gia, các điều kiện phải đảm bảo,..) bằng những câu ngắn gọn, dễ hiểu, có thể kèm theo các hình vẽ hay bức ảnh mang tính minh hoạ.

- Mục đích: Bài văn thuyết minh về quy tắc hoặc luật lệ trong trò chơi hay hoạt động có mục đích thông tin về quy tắc hoặc luật lệ của trò chơi hay hoạt động đó

- Yêu cầu đối với bài văn thuyết minh về quy tắc hoặc luật lệ trong trò chơi hay hoạt động:

+ Giới thiệu được những thông tin cần thiết về trò chơi hay hoạt động (hoàn cảnh diễn ra, đối tượng tham gia).

+ Miêu tả được quy tắc hoặc luật lệ của trò chơi hay hoạt động, nêu rõ trình tự các bước cần thực hiện trong trò chơi hay hoạt động đó.

+ Nêu được vai trò, tác dụng của trò chơi hay hoạt động đối với con người.

+ Nêu được ý nghĩa của trò chơi hay hoạt động.

**Hướng dẫn quy trình viết**

**1. Chuẩn bị trước khi viết**

**a. Lựa chọn đề tài**

- Đề tài: Hs có thể thuyết minh về một trò chơi dân gian (Bịt mắt bắt dê, nhảy bao bố, ô ăn quan, pháo đất...)

**2. Tìm ý, lập dàn ý**

a. Tìm ý

b. Lập dàn ý

**3. Viết bài**

- Hs viết thành bài hoàn chỉnh theo dàn ý

**4. Xem lại và chỉnh sửa, rút kinh nghiệm**

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

- Gv tổ chức hoạt động

- HS trình bày câu trả lời, nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**

**- GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức**

**Hướng dẫn quy trình viết**

**Hoạt động 3: Luyện tập**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học.

**b. Nội dung:** Sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

**c. Sản phẩm học tập:** Kết quả của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**

thuyết minh về một trò chơi dân gian: Bịt mắt bắt dê

**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**

- HS nghe câu hỏi, dựa vào SHS để trình bày các yêu cầu.

**1. Mở bài**

Giới thiệu hoạt động hay trò chơi sẽ thuyết minh.

**2. Thân bài**

- Giới thiệu khái quát về trò chơi hay hoạt động: không gian, thời gian…

- Giới thiệu chi tiết các quy tắc, luật lệ của hoạt động hay trò chơi theo một trật tự nhất định:

* Đối tượng tham gia hoạt động/trò chơi gồm bao nhiêu người?
* Hoạt động/trò chơi cần phải tuân thủ những quy tắc, luật lệ gì?
* Giá trị, ý nghĩa của hoạt động/trò chơi?

**3. Kết bài**

Nêu giá trị và ý nghĩa của hoạt động hay trò chơi được thuyết minh.

Bài văn

Trò chơi dân gian là một trong những nét văn hóa đặc sắc của đất nước Việt Nam. Rất nhiều trò chơi vẫn còn được phổ biến cho đến ngày nay. Một trong số đó có thể kể đến nhảy bao bố.

Nhảy bao bố thường được tổ chức chơi trong các dịp lễ hội. Như các trò chơi khác thì trò chơi này cũng có những luật lệ riêng. Về dụng cụ, để chơi trò này, mỗi người chơi đều cần có một cái bao bố (hay chính là bao tải thường được dùng để đựng thóc, gạo). Bao bố được lựa chọn để chơi cần phải có kích thước đủ rộng, chiều cao tối thiểu đến ngang bụng người chơi. Ngoài ra, nó cũng cần có một độ dày để khi nhảy không bị rách hoặc bục ra gây cản trở và nguy hiểm cho người chơi.

Luật chơi bao bố rất đơn giản và dễ hiểu. Những người tham gia chơi sẽ thi đấu với nhau. Người chơi cần đứng sẵn ở vạch xuất phát. Hai chân để trong bao bố, hai tay cầm sẵn vành bao. Sau tiếng còi của trọng tài, người chơi cần dùng sức bật hai chân lên để nhảy về phía trước, sao cho không rơi ra ngoài bao. Nếu trên đường đua, người chơi bị rơi ra ngoài bao thì cần trở về vạch đích để nhảy lại từ đầu. Người đến đích trước sẽ giành chiến thắng chung cuộc. Phần thưởng dành cho người thắng tùy theo ban tổ chức cuộc chơi.

Lưu ý khi chơi trò bao bố là cần đảm bảo an toàn khi chơi. Người chơi cần phải cẩn thận khi nhảy trong bao, giữ được thăng bằng. Vì trò chơi này khiến hai chân bị giới hạn trong cái bao bố, dễ gây vướng víu, mất cân bằng khi nhảy. Chúng ta không nên quá vội vàng, mà cần ưu tiên sự chắc chắn. Trò chơi này giúp chúng ta giải trí sau những giờ học tập và làm việc căng thẳng. Bên cạnh đó, con người sẽ rèn luyện được sự khéo léo, kiên nhẫn và kiên trì.

Hiện nay, với sự phát triển của khoa học công nghệ, nhiều trò chơi điện tử hấp dẫn đã ra đời. Các trò chơi dân gian ít được chơi hơn. Điều này đã đặt ra một vấn đề về việc giữ gìn các trò chơi dân gian trong đời sống sinh hoạt của con người. Chúng ta cần phải giữ gìn và tích cực quảng bá để trò chơi dân gian luôn gần gũi với cuộc sống của con người.

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động**

- GV mời đại diện HS trình bày kết quả trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe và nhận xét, góp ý, bổ sung.

**Bước 4: Đánh giá kết quả HS thực hiện nhiệm vụ học tập**

- GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức

*- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.*

**Hoạt động 4: Vận dụng**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

**b. Nội dung:** Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**

*Thuyết minh về một trò chơi dân gian mà mình yêu thích.*

**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**

- HS nghe câu hỏi, dựa vào SHS để trình bày các yêu cầu.

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động**

- GV mời đại diện HS trình bày kết quả trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe và nhận xét, góp ý, bổ sung.( nếu có thời gian)

**Bước 4: Đánh giá kết quả HS thực hiện nhiệm vụ học tập**

- GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức

*- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.*

* **Hướng dẫn về nhà:**

- Hoàn chỉnh đoạn văn theo gợi ý

- Chuẩn bị bài soạn tiếp theo

**TUẦN 32**

**Tiết 63-64\***

**NÓI VÀ NGHE:GIẢI THÍCH QUI TẮC LUẬT LỆ TRONG MỘT TRÒ CHƠI HAY HOẠT ĐỘNG**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Năng lực**

**a. Năng lực chung**

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

**b. Năng lực đặc thù:**

-  HS ý thức được ý nghĩa của việc giải thích về quy tắc hoặc luật lệ trong trò chơi hay họat động.

- HS biết giải thích rành mạch về quy tắc hoặc luật lệ trong trò chơi hay hoạt động nhằm giải đáp những thắc mắc của người tham gia hoặc muốn tìm hiểu về trò chơi hay hoạt động ấy.

**2. Phẩm chất:**

- Thể hiện tinh thần trách nhiệm trong học tập

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- KHBD, SGK, SGV, SBT

- Máy tính, máy chiếu, bảng phụ

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**

**a. Mục tiêu:** Kích hoạt kiến thức nền

**b. Nội dung:** HS lắng nghe, trả lời câu hỏi của GV

**c. Sản phẩm:** Suy nghĩ của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

- GV chuyển giao nhiệm vụ

GV chiếu video trò chơi cướp cờ. Hs xem video xong GV hỏi: Theo em, việc đầu tiên cần làm trước khi người chơi tham gia trò chơi là gì? Tại sao lại như vậy?

- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

**Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**

- HS suy nghĩ, trả lời

- GV quan sát, lắng nghe

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

- HS trình bày trải nghiệm cá nhân

- GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**

- Gv nhận xét, dẫn dắt vào bài:

Khi tổ chức bất cứ trò chơi hay hoạt động nào, việc cần làm đầu tiên là giải thích về quy tắc hoặc luật lệ của trò chơi hay hoạt động ấy. Tiết học hôm nay sẽ hỗ trợ các em kĩ năng này.

**B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**a. Mục tiêu:**

-  HS ý thức được ý nghĩa của việc giải thích về quy tắc hoặc luật lệ trong trò chơi hay họat động.

- HS biết giải thích rành mạch về quy tắc hoặc luật lệ trong trò chơi hay hoạt động nhằm giải đáp những thắc mắc của người tham gia hoặc muốn tìm hiểu về trò chơi hay hoạt động ấy.

**b. Nội dung:** Hs sử dụng sgk, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

- Gv chuyển giao nhiệm vụ

*+ Em hãy xác định đề tài, mục đích, người nghe*

*+ Dựa trên bài viết, em hãy chọn nội dung cho hoạt động nói theo những gợi ý sau:*

*. Đánh dấu đoạn giải thích quy tắc hoặc luật lệ của trò chơi hay hoạt động trong bài viết*

*. Tóm lược những ý chính của đoạn văn đó*

*. Chuẩn bị tranh ảnh, hình vẽ dạng sơ đồ, dụng cụ (nếu có) liên quan đến trò chơi hay hoạt động*

- HS thực hiện nhiệm vụ

**Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**

- Gv quan sát, gợi mở, hỗ trợ

- Hs suy nghĩ, thảo luận, bổ sung, phản biện

**1. Trước khi nói**

**a. Chuẩn bị nội dung nói**

- Đề tài: giải thích về một quy tắc hoặc luật lệ trong trò chơi hay hoạt động (đã thực hiện ở bài viết)

- Mục đích: làm rõ quy tắc hoặc luật lệ của trò chơi hay hoạt động

- Người nghe: Thầy cô, bạn bè, người thân...

**b. Tập luyện**

- Tập nói thành tiếng một mình; vừa nói vừa giới thiệu tranh ảnh, hình vẽ, dụng cụ

- Nói theo bản trình chiếu đã chuẩn bị

**2. Trình bày bài nói**

**a. Mở đầu**

- Thu hút người nghe bằng thái độ hào hứng đối với trò chơi hay hoạt động.

**b. Triển khai**

- Trình bày theo dàn ý đã chuẩn bị (hoặc nói kết hợp với việc sử dụng bản trình chiếu)

- Trong khi nói, có thể dùng cử chỉ, điệu bộ để mô phỏng động tác của trò chơi hay hoạt động

**c. Kết luận**

Khẳng định sự thú vị của trò chơi hay hoạt động; hẹn các bạn cùng tham gia trò chơi hay hoạt động vào một dịp phù hợp

**3. Sau khi nói**

- Trao đổi về bài nói theo một số gợi ý:

|  |  |
| --- | --- |
| **Người nghe** | **Người nói** |
| - Chú ý theo dõi quy tắc hoặc luật lệ của trò chơi hay hoạt động trong bài nói để cảm nhận được sự thú vị của trò chơi hay hoạt động; bày tỏ cảm nhận của mình  - Nếu em có ý định chơi trò chơi đó với các bạn thì ghi nhớ những quy tắc hoặc luật lệ của trò chơi hay hoạt động; nêu thắc mắc của mình để hiểu thấu đáo quy tắc hoặc luật lệ của trò chơi hay hoạt động  - Nhận xét về cách trình bày bài nói của bạn | - Lắng nghe chia sẻ của người nghe về bài nói  - Giải đáp thắc mắc của người nghe  - Cảm ơn nhận xét của người nghe |

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

- HS trình bày sản phẩm

- GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**

- GV nhận xét quá trình tương tác của học sinh

**HĐ 3: Luyện tập**

**a) Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức của bài học vào việc làm bài tập cụ thể

**b) Nội dung:** HS suy nghĩ cá nhân làm bài tập của GV giao

**c) Sản phẩm:** Bài nói của HS sau khi đã được rút kinh nghiệm từ nhận xét sau khi nói.

**d) Tổ chức thực hiện**

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ**: Giáo viên giao bài tập cho HS

Đóng vai người chủ trì một trò chơi trong lễ hội để giới thiệu về trò chơi đó cho những ai tham gia

**B2: Thực hiện nhiệm vụ**

**B3: Báo cáo, thảo luận**

**GV** yêu cầu HS trình bày sản phẩm của mình.

**HS** trình bày, theo dõi, nhận xét, đánh giá và bổ sung cho bài của bạn (nếu cần).

**B4: Kết luận, nhận định:** GV nhận xét bài làm của HS.

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học, vận dụng để luyện nói

**b. Nội dung:** HS dựa vào góp ý của các bạn và GV, học sinh quay video bài nói

**c. Sản phẩm học tập:** Video của học sinh

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

- Gv chuyển giao nhiệm vụ

*Hs giải thích về một quy tắc hoặc luật lệ trong trò chơi hay hoạt động khác và quay lại video*

- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

**Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**

- Hs thực hiện ở nhà

**B3: Báo cáo, thảo luận**

**GV** yêu cầu HS trình bày sản phẩm của mình.

**HS** trình bày, theo dõi, nhận xét, đánh giá và bổ sung cho bài của bạn (nếu cần).

**B4: Kết luận, nhận định:** GV nhận xét bài làm của HS.

* **Hướng dẫn về nhà:**

- Chuẩn bị bài soạn tiếp theo

**TUẦN 32**

**Tiết 63-64\***

**NÓI VÀ NGHE:GIẢI THÍCH QUI TẮC LUẬT LỆ TRONG MỘT TRÒ CHƠI HAY HOẠT ĐỘNG**

**Ngày soạn:20/11/2021 TUẦN 16**

**Ngày dạy:23/12/2021**

**Tiết 31-32\* ÔN TẬP TIẾNG VIỆT**

**I. MỤC TIÊU.**

**1. Kiến thức:**

-Biết được cách hệ thống hóa kiến thức về: cấu tạo từ(từ ghép ,từ láy).Từ loại(đại từ ,quan hệ từ). Từ đồng nghĩa ,từ trái nghĩa, từ đồng âm, thành ngữ.Từ Hán Việt. Các phép tu từ.

-Hiểu và vận dụng cấu tạo từ(từ ghép ,từ láy).Từ loại(đại từ ,quan hệ từ). Từ đồng nghĩa ,từ trái nghĩa, từ đồng âm, thành ngữ.Từ Hán Việt. Các phép tu từ vào tạo lập văn bản.

**2. Năng lực:**

**a. Các năng lực chung:**

- Năng lực tự học; năng lực giải quyết vấn đề; năng lực tư duy; năng lực giao tiếp; năng lực hợp tác; năng lực sử dụng ngôn ngữ.

**b. Các năng lực chuyên biệt:**

- Năng lực sử dụng ngôn ngữ.

- Năng lực đọc, viết, nghe, nói, năng lực cảm thụ văn học

**3. Phẩm chất:**

 Biết trân trọng tình yêu quê hương sâu nặng của Lý Bạch lúc xa quê vào đêm trăng. Trân trọng tình cảm của tác giả Hạ Tri Chương với quê hương khi vừa đặt chân lên đất quê.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của giáo viên:**

- Kế hoạch bài học.

- Học liệu: bảng phụ, máy chiếu đa năng, tài liệu tham khảo, phiếu học tập.

**2. Chuẩn bị của học sinh:** soạn bài theo nội dung được phân công.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU( 4P)**

**1 Mục tiêu**: tạo tình huống/vấn đề học tập nhằm huy động kiến thức, kinh nghiệm hiện có của học sinh và nhu cầu tìm hiểu kiến thức mới liên quan đến tình huống/vấn đề học

**b. Nội dung:** HĐ cá nhân

**c. Sản phẩm:** câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

**\* Chuyển giao nhiệm vụ:**

- *HS*: tiếp nhận

***\* Dự kiến sản phẩm:***

***\* Báo cáo kết quả:***HS trả lời cá nhân

***\* Đánh giá kết quả:***

- HS nhận xét, bổ sung đánh giá

- GV nhận xét, đánh giá:

-> GV nêu mục đích bài học

**2. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC( 30P)**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động GV – HS và sản phẩm dự kiến** | **Nội dung** |
| **I.Lí thuyết**  a**. Mục tiêu**: -Ôn lại kiến thức đã học trong bài  **b. Nội dung:** HS tìm hiểu các ví dụ ở SGK  **c. Sản phẩm:**  Đại diện nhóm lên trình bày sản phẩm, các nhóm khác bổ sung  **d. Tổ chức thực hiện:**  **HĐ cặp đôi (10 phút)**  ***\* Gv chuyển giao nhiệm vụ cho HS.***  -Thế nào là từ phức? Cho ví dụ ?  -Thế nào là từ ghép ? Có mấy loại từ ghép đã học ? Cho mỗi loại cho một ví dụ ?  -Từ láy là gì? Có mấy loại từ láy nêu rõ mỗi loại? Cho ví dụ?  -Thế nào là đại từ? Nêu ví dụ ?Nêu các loại đại từ đã học ?  -Nêu các từ loại đã được học ? Mỗi từ loại cho một ví dụ minh hoạ ?  -Thế nào là từ đồng nghĩa ? Cho ví dụ ? Nêu các loại từ đồng nghĩa đã học ?  -Thế nào là từ trái nghĩa ? Cho ví dụ ? Nêu các loại từ trái nghĩa nghĩa đã học ?  -Thế nào là từ đồng âm ? Cho ví dụ về từ đồng âm ?  -Từ đồng âm và từ trái nghĩa khác nhau như thế nào ?  - Yếu tố Hán Việt là gì ? Nêu các loại từ ghép Hán Việt đã học ? Mỗi loại từ cho một ví dụ ?  -Thành ngữ là gì ? Nêu chức vụ ngữ pháp của thành ngữ ?  -Về nghĩa thành ngữ có nghĩa như thế nào ?  -Điệp ngữ là gì ? Cho ví dụ ? Nêu các dạng điệp ngữ đã học ?  -Chơi chữ là gì ? Nêu các dạng chơi chữ đã học ? Cho ví dụ về chơi chữ và cho biết chơi chữ thuộc kiểu chơi chữ nào ?  ***\* Dự kiến sản phẩm***  \* ***Báo cáo kết quả:***Cá nhân báo cáo tại chỗ  ***\* Đánh giá kết quả:***  - HS nhận xét, bổ sung đánh giá  - GV nhận xét, đánh giá  - GV chốt kiến thức và ghi bảng | **I.Lí thuyết**  1.Từ phức.  2.Từ ghép  3.Từ láy  4. Đại từ.  5. Các từ loại.  a) Danh từ.  b) Động từ.  c) Tính từ.  6)Từ đồng nghĩa  7)Từ trái nghĩa  8)Từ đồng âm  9)Từ Hán việt  10)Thành ngữ:  11)Điệp ngữ  12) Chơi chữ |

**3. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP( 52P)**

**a. Mục tiêu:** Hs hoàn thiện kiến thức vừa chiếm lĩnh được; rèn luyện kĩ năng áp dụng kiến thức mới để giải quyết các tình huống/vấn đề trong học tập.

**b. Nội dung:** GV giao nhiệm vụ cho HS trả lời các câu hỏi

**c. Sản phẩm:**  Câu trả lời của HS; phiếu học tập của nhóm

**d. Tổ chức thực hiện:**

***\* Chuyển giao nhiệm vụ cho HS***

1)Điền thêm tiếng vào sau những tiếng dưới đây để tạo thành :

a) Từ ghép chính phụ :áo,học,bàn,bút.

b)Từ ghép đẳng lập :xinh,buồn,cười,tươi.

2) Gạch chân dưới các từ láy trong các từ sau : lấp lánh,mặt mũi,se sẽ,trắng trong,mới mẻ, đẹp đẽ, đồng đội, nhanh nhẹn.

3) Chỉ ra các đại từ trong các câu sau và phân loại chúng :

a) Chúng tôi mới ra đến trường học.

b)...có một lòng nồng nàn yêu nước. Đó là truyền thống quý báu của ta.

c) Sao anh lại làm thế ?

4)Hãy điền từ đồng nghĩa thích hợp vào chỗ trống trong các câu sau :

a) nhanh nhảu / nhanh nhẹn.

- Con bé ấy...lắm, trông thấy tôi đã chào rồi.

- Được cái con bé..., làm việc gì cũng nhoay nhoáy ấy.

b) gầy guộc / gầy gò.

- Trên cành cây... đã nhú những mầm xanh.

- Nó trông ..., ốm yếu lắm.

5)Tìm từ đồng nghĩa với các từ in sau

a) Bây giờ Liên đã trở thành một người đàn bà ở thị thành.

b) Bọn địch đang lẩn trong ruột của quả bom.

c) Trước khi hi sinh anh còn trao cây lược cho tôi.

6) Tìm từ trái nghĩa với các từ sau :

a) – áo rộng.

- chiều rộng.

b) – trên đầu.

- đầu làng.

c) – củi tươi.

- màu tươi

***\* Dự kiến sản phẩm:***

1) Làm miệng.

a)- áo dài, học may, bàn chuyện, bút chì.

b) – xinh tươi, buồn bưc, tươi cười, tươi xinh.

2) Làm cá nhân ở bảng .

-Các từ láy: lấp lánh, se sẽ, mới mẻ, đẹp đẽ, nhanh nhẹn.

3) Thảo luận nhóm.

a) chúng tôi: trỏ người.

b) đó: trỏ sự việc.

c) sao: hỏi hoạt động, thế: trỏ sự việc.

4) Cho làm cá nhân ở bảng đen:

a)- Con bé ấy nhanh nhảu lắm, trông thấy tôi đã chào rồi.

- Được cái con bé nhanh nhẹn, làm việc gì cũng nhoay nhoáy ấy.

b) gầy guộc / gầy gò.

- Trên cành cây gầy guộc đã nhú những mầm xanh.

- Nó trông gầy gò, ốm yếu lắm.

5) Cho hs làm theo nhóm.

a) đàn bà: phụ nữ…

b) lẩn: trốn, nấp, ẩn núp…

c) trao: đưa..

6) Làm nhóm. Xác định từ trái nghĩa là:

a) – áo rộng TN áo chật

- chiều rộng TN chiều hẹp

b) – trên đầu. TN dưới đầu

- đầu làng. TN cuối làng

c) – củi tươi. TN củi khô

- màu tươi TN màu úa***.***

***\* Báo cáo kết quả:***

- HS lần lượt báo cáo kết quả các bài

***\* Đánh giá kết quả:***

- HS nhận xét, bổ sung đánh giá

- GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức.

**4. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG: (4P)**

**a. Mục tiêu:**. HS phát hiện các tình huống thực tiễn và vận dụng được các kiến thức, kĩ năng trong cuộc sống tương tự tình huống/vấn đề đã học.

**b. Nội dung:** HĐ cá nhân

**c. Sản phẩm:** câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

***\* Chuyển giao nhiệm vụ cho HS***

Phân tích nghệ thuật chơi chữ trong các ngữ cảnh sau:

a) Xôi ăn chả ngon.

b) Nem ăn chả ngon.

c) Xôi chả chả ngon, xôi ngon chả chả.

***\* Dự kiến sản phẩm:***câu trả lời của HS:

\*a) Từ nhiều nghĩa:

- chả= không, chẳng ý Xôi không ngon.

- chả= sự vật( nem, chả, giò) ý là xôi ăn với chả, giò thì ngon.

b) Nghĩa gần giống nhau: nem, chả, giò.

-Chả= không, chẳng ý nói nem ăn không ngon.

c) Từ động âm:

- Xôi chả (1) chả (2) ngon ý nói xôi ăn với chả không ngon.

-Xôi ngon chả(1) chả (2) ý nói Xôi ngon không cần ( đâu cần, chẳng cần) có chả ăn kèm cũng đã ngon rồi.

***\* Báo cáo kết quả:*** Hs trình bày

***\* Đánh giá kết quả:***

+ Hs khác nhận xét, bổ sung, đánh giá

+ GV đánh giá câu trả lời của HS.

-> GV chốt kiến thức.

**\* Hướng dẫn học và làm bài ở nhà:**

- Học, nắm chắc nội dung bài học

- Hoàn chỉnh các bài tập sgk, sách bài tập Ngữ văn.

\* Đối với bài mớI

**Ngày soạn:01/12/2021 TUẦN 17**

**Ngày dạy: /01/2021**

**Tiết 33-34\* ÔN TẬP CUỐI HỌC KÌ**

**Thời gian thực hiện: 2 tiết**

**I. MỤC TIÊU.**

**1. Kiến thức:** Củng cố kiến thức về các phân môn đã học ( Tập làm văn)

**2. Năng lực:**

**a. Các năng lực chung:**

- Năng lực tự học; năng lực giải quyết vấn đề; năng lực tư duy; năng lực giao tiếp; năng lực hợp tác; năng lực sử dụng ngôn ngữ.

**b. Các năng lực chuyên biệt:**

- Năng lực sử dụng ngôn ngữ.

- Năng lực đọc, viết, nghe, nói, năng lực cảm thụ văn học

**3. Phẩm chất:**

 - HS biết yêu cuộc sống tốt đẹp hiện nay và có ý thức phấn đấu học tập tốt để trở thành người chủ tương lai của đất nước.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của giáo viên:**

- Kế hoạch bài học.

- Học liệu: bảng phụ, máy chiếu đa năng, tài liệu tham khảo, phiếu học tập.

**2. Chuẩn bị của học sinh:** soạn bài theo nội dung được phân công.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU( 4P)**

**1 Mục tiêu**: tạo tình huống/vấn đề học tập nhằm huy động kiến thức, kinh nghiệm hiện có của học sinh và nhu cầu tìm hiểu kiến thức mới liên quan đến tình huống/vấn đề học

**b. Nội dung:** HĐ cá nhân

**c. Sản phẩm:** câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

**\* Chuyển giao nhiệm vụ:**

GV đặt câu hỏi:.....

***\* Dự kiến sản phẩm:***

HS trả lời

***\* Báo cáo kết quả:***HS trả lời cá nhân

***\* Đánh giá kết quả***

- *HS*: tiếp nhận

-> GV nêu mục đích bài học

**2. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC( 30P)**

**1: Lí thuyết**

**a. Mục tiêu:** -Biết hệ thống hoá kiến thức đã học

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS **.**

**d. Tổ chức thực hiện:**

***\* Gv chuyển giao nhiệm vụ cho HS.***

1) Tác phẩm trữ tình là gì?

2) Thơ là gì?

3)Văn xuôi trữ tình và tuỳ bút là gì?

4) Ca dao trữ tình là gì?

5) Ca dao và thơ khác nhau như thế nào?

6) Tình cảm trong thơ chân chính, có giá trị là những tình cảm gì?

7) Tình cảm trong thơ thường được biểu hiện bằng những cách nào?

8) Muốn hiểu đúng hiểu sâu một văn bản tác phẩm trữ tình , người đọc và học sinh cần phải làm gì?

***\* Dự kiến sản phẩm:***

1) Tác phẩm trữ tình là văn bản biểu hiện tình cảm, cảm xúc của tác giả trước cuộc sống.

2) Thơ là thể loại văn học phù hợp để biểu hiện tình cảm, cảm xúc, tuy nhiên cũng có thơ tự sự, truyện thơ.

3) Văn xuôi là phù hợp với kể chuyện, tuy nhiên cũng có những loại văn xuôi trữ tình, hoặc mang nặng tính chất trữ tình như tuỳ bút.

4) Ca dao trữ tình là loại thơ biểu hiện những tình cảm, nguyện vọng tha thiết và chính đáng, vốn được lưu hành trong dân gian

5) Ca dao và thơ khác nhau nhưng có điểm chung( Thơ: tác giả là cá nhân; ca dao tác giả là của tập thể.

- Tình cảm trong thơ là của cá nhân tiêu biểu nâng lên thành cảm xúc của cộng đồng. Ví dụ thơ của Nguyễn Du, Tố Hữu, Hồ Chí Minh...

6) Tình cảm trong thơ bao giờ cũng có tính chất đại diện cho những tình cảm tiến bộ, mang màu sắc nhân bản đậm nét: tình yêu quê hương, đất nước, tình cảm gia đình, tình bạn, tình yêu...

7) Tình cảm, cảm xúc có khi được biểu hiện một cách trực tiếp trực tiếp song thường được biểu hiện một cách gián tiếp.

8) Để hiểu đúng hiểu sâu cần phải phân tích, bình giá và thưởng thức thơ trữ tình không được thoát li văn bản song không thể dừng lại ở bề mặt ngôn từ của văn bản. Phải thông qua ngôn từ giàu tính chất khơi gợi, những cảnh vật, sự việc được miêu tả, tương thuật, đôi khi qua những lập luận mà đồng cảm mới suy ngẫm được, lĩnh hội đúng và ý vị của bài thơ.

\* ***Báo cáo kết quả:***Cá nhân báo cáo tại chỗ

***\* Đánh giá kết quả:***

- HS nhận xét, bổ sung đánh giá

- GV nhận xét, đánh giá

- GV chốt kiến thức và ghi bảng

**3. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP( 52P)**

**a. Mục tiêu:** Hs hoàn thiện kiến thức vừa chiếm lĩnh được; rèn luyện kĩ năng áp dụng kiến thức mới để giải quyết các tình huống/vấn đề trong học tập.

**b. Nội dung:** GV giao nhiệm vụ cho HS trả lời các câu hỏi

**c. Sản phẩm:**  Câu trả lời của HS; phiếu học tập của nhóm

**d. Tổ chức thực hiện:**

***\* Chuyển giao nhiệm vụ cho HS***

1) a) Trình bày về số câu, số tiếng, vần nhịp của thể thơ thất ngôn tứ tuyệt?

b) Trình bày về số câu, số tiếng, vần nhịp của thể thơ thất ngôn bát cú Đường luật?

c) Trình bày về số câu, số tiếng, vần nhịp của thể thơ ngũ ngôn tứ tuyệt Đường luật?

d) Trình bày về số câu, số tiếng, vần nhịp của thể thơ song thất lục bát?

2) Hãy xác định các câu thơ và ca dao sau đã sử dụng thủ pháp nghệ thuật nào?( Làm cá nhân)

a) Thuyền về có nhớ bến chăng

Bến thì một dạ khăng khăng đợi thuyền.

b) Thân em như chẽn lúa đòng đòng

Phất phơ dưới ngọn nắng hồng ban mai.

c) Cháu chiến đấu hôm nay

Vì lòng yêu Tổ quốc

Vì xóm làng thân thuộc

Bà ơi, cũng vì bà

Vì tiếng gà cục tác

Ổ trứng hồng tuổi thơ.

d)Aó nâu liền với áo xanh,

Nông thôn cùng với thị thành đứng lên.

***\* Dự kiến sản phẩm:***

1) a) Một bài có 4 câu.

-Mỗi câu có 7 chữ.

-Hiệp vần chữ cuối các câu 1- 2- 4.

- Nhịp: 3/4 hoặc 4/3, 2/2/3

b) Một bài có 8 câu .

- Mỗi câu có 7 chữ.

- Hiệp vần chữ cuối các câu: 1- 2- 4- 6- 8.

- Phép đối: câu 3 với 4; câu 5 với câu 6.

- Nhịp 4/3 , 3/4, 3/2/2.

- Kết cấu có thể: 4 phần Đề- Thực –Luận –Kết.

c)Mỗi bài có 4 câu.

- Mỗi câu có 5 tiếng.

- Hiệp vần chữ cuối câu 2 và 4 .

-Nhịp 3/2, 2/3.

d) Mỗi bài có cấu trúc: 2 câu 7chữ đến câu 6 tiếng- câu 8 tiếng.

- Hiệp vần giữa câu lục bát.

- Số câu không hạn định.

2

a) Thuyền về có nhớ bến chăng

Bến thì một dạ khăng khăng đợi thuyền.

\*Phép tu từ ẩn dụ- giải thích.

b) Thân em như chẽn lúa đòng đòng

Phất phơ dưới ngọn nắng hồng ban mai.

\* Phép tu từ so sánh- giải thích.

c) Cháu chiến đấu hôm nay

Vì lòng yêu Tổ quốc

Vì xóm làng thân thuộc

Bà ơi, cũng vì bà

Vì tiếng gà cục tác

Ổ trứng hồng tuổi thơ.

- Phép tu từ điệp ngữ- giải thích.

d)Aó nâu liền với áo xanh,

Nông thôn cùng với thị thành đứng lên.

\* Phép tu từ hoán dụ - giải thích.

***\* Báo cáo kết quả:***

- HS lần lượt báo cáo kết quả các bài

***\* Đánh giá kết quả:***

- HS nhận xét, bổ sung đánh giá

- GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức.

**4. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG: (4P)**

**a. Mục tiêu:**. HS phát hiện các tình huống thực tiễn và vận dụng được các kiến thức, kĩ năng trong cuộc sống tương tự tình huống/vấn đề đã học.

**b. Nội dung:** HĐ cá nhân

**c. Sản phẩm:** câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

***\* Chuyển giao nhiệm vụ cho HS***

Viết một văn bản biểu cảm ngắn( Khoảng trên dưới 10 câu) về một tác phẩm trữ tình nào đó?

***\* Dự kiến sản phẩm:***

***\* Báo cáo kết quả:*** Hs trình bày

***\* Đánh giá kết quả:***

+ Hs khác nhận xét, bổ sung, đánh giá

+ GV đánh giá câu trả lời của HS.

-> GV chốt kiến thức.

**\* Hướng dẫn học và làm bài ở nhà:**

- Học, nắm chắc nội dung bài học

\* Đối với bài mới Ôn tập thi học kì I

**KẾ HOẠCH BÀI DẠY TĂNG TIẾT HỌC KỲ II**

**Ngày soạn:28/12/2021**

**Ngày dạy:08/01/2022**

**TUẦN 19**

**Tiết 37- 38\* CỦNG CỐ** **TÌM HIỂU CHUNG VỀ VĂN NGHỊ LUẬN**

**I. MỤC TIÊU.**

**1. Kiến thức:** Khắc sâu Khái niệm văn bản nghị luận.Nhu cầu nghị luận trong đời sống. Những đặc điểm chung của văn bản nghị luận.

**2. Năng lực:**

**a. Các năng lực chung:**

- Năng lực tự học; năng lực giải quyết vấn đề; năng lực tư duy; năng lực giao tiếp; năng lực hợp tác; năng lực sử dụng ngôn ngữ.

**b. Các năng lực chuyên biệt:**

- Năng lực sử dụng ngôn ngữ.

- Năng lực đọc, viết, nghe, nói, năng lực cảm thụ văn nghị luận

**3. Phẩm chất:**

 Biết trân trọng những tác phẩm nghị luận trong các văn bản đã học và đọc thêm

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của giáo viên:**

- Kế hoạch bài học.

- Học liệu: bảng phụ, máy chiếu đa năng, tài liệu tham khảo, phiếu học tập.

**2. Chuẩn bị của học sinh:** soạn bài theo nội dung được phân công.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU( 5P)**

**1 Mục tiêu**: tạo tình huống/vấn đề học tập nhằm huy động kiến thức, kinh nghiệm hiện có của học sinh và nhu cầu tìm hiểu kiến thức mới liên quan đến tình huống/vấn đề học

**b. Nội dung:** HĐ cá nhân

**c. Sản phẩm:** câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

**\* Chuyển giao nhiệm vụ:**

- *HS*: tiếp nhận

***\* Dự kiến sản phẩm:***

***\* Báo cáo kết quả:***HS trả lời cá nhân

***\* Đánh giá kết quả:***

- HS nhận xét, bổ sung đánh giá

- GV nhận xét, đánh giá:

-> GV nêu mục đích bài học

**2. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC( 20P)**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động GV – HS và sản phẩm dự kiến** | **Nội dung** |
| **I.Lí thuyết**  a**. Mục tiêu**: -Ôn lại kiến thức đã học trong bài  **b. Nội dung:** HS tìm hiểu các ví dụ ở SGK  **c. Sản phẩm:**  Đại diện nhóm lên trình bày sản phẩm, các nhóm khác bổ sung  **d. Tổ chức thực hiện:**  **HĐ cặp đôi (10 phút)**  ***\* Gv chuyển giao nhiệm vụ cho HS.***  ?Nghị luận trong đời sống em thường gặp là những bài nào?  ?Thế nào là văn nghị luận?  ? Nêu đặc điểm chung của văn nghị luận?  ***\* Dự kiến sản phẩm***  Nghị luận trong đời sống thường gặp dưới dạng các ý kiến nêu ra trong cuộc họp, các bài xã luận, bình luận, bài phát biểu ý kiến trên báo chí.  Văn nghị luận viết ra nhằm xác lập cho người đọc người nghe một tư tưởng quan điểm nào đó.Văn nghị luận phải có luận điểm rõ ràng ,lí lẽ dẫn chứng phải thuyết phục.  -Những tư tưởng quan điểm trong bài văn nghị luận phải hướng tới giải quyết ngững vấn đề đặt ra trong cuộc sống mới có ý nghĩa.  \* ***Báo cáo kết quả:***Cá nhân báo cáo tại chỗ  ***\* Đánh giá kết quả:***  - HS nhận xét, bổ sung đánh giá  - GV nhận xét, đánh giá  - GV chốt kiến thức và ghi bảng | **I.Lí thuyết**  **I. Nhu cầu nghị luận và văn bản nghị luận:**  **1. Nhu cầu nghị luận trong đời sống**  Nghị luận trong đời sống thường gặp dưới dạng các ý kiến nêu ra trong cuộc họp, các bài xã luận, bình luận, bài phát biểu ý kiến trên báo chí.  **2. Văn nghị luận**  -Văn nghị luận viết ra nhằm xác lập cho người đọc người nghe một tư tưởng quan điểm nào đó.Văn nghị luận phải có luận điểm rõ ràng ,lí lẽ dẫn chứng phải thuyết phục.  **2. Đặc điểm chung văn bản nghị luận.**  Những tư tưởng quan điểm trong bài văn nghị luận phải hướng tới giải quyết ngững vấn đề đặt ra trong cuộc sống mới có ý nghĩa. |

**3. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP( 61P)**

**a. Mục tiêu:** Hs hoàn thiện kiến thức vừa chiếm lĩnh được; rèn luyện kĩ năng áp dụng kiến thức mới để giải quyết các tình huống/vấn đề trong học tập.

**b. Nội dung:** GV giao nhiệm vụ cho HS trả lời các câu hỏi

**c. Sản phẩm:**  Câu trả lời của HS; phiếu học tập của nhóm

**d. Tổ chức thực hiện:**

***\* Chuyển giao nhiệm vụ cho HS***

-Gọi HS đọc bài tham khảo “ Ích lợi của việc đọc sách”(Trang 23 tập 2)

\*GV nêu câu hỏi

a)Đây có phải là bài văn nghị luận không vì sao?

- Tác giả đưa ra vấn đề gì?

Câu văn nào thể hiện điều đó?

(GV chốt lại nội dung ghi bảng)

b)Tác giả đã dùng lí lẽ và những dẫn chứng nào? ---Những dòng nào thể hiện ý kiến đó?

c)Bài nghị luận này có giải quyết vấn đề đặt ra trong thực tế không? Vì sao ?

d) Mục đích của bài nghị luận này viết để làm gì?

***\* Dự kiến sản phẩm:***

-Trả lời: Đây là văn bản nghị luận vì:

a) Vấn đề cần giải quyết là vấn đề xã hội

- Nêu ích lợi của việc đọc sách.

Câu: Để thoả mãn nhu cầu hưởng thụ và phát triển cho tâm hồn,trí tuệ không gì thay thế được việc đọc sách.

b) Tác giả đã dùng lí lẽ và dẫn chứng để trình bày quan điểm của mình.

-Phân tích dẫn chứng về ích lợi của việc đọc sách cụ thể:

“ Sách là bạn giúp ta học tập,rèn luyện hàng ngày.

-Sách mở mang trí tuệ.....các hạt vật chất”

- Sách đưa ta ... nhân loại

-Sách đem lại cho con người ... chung quanh.

c) Bài nghị luận nhằm giải quyết vấn đề trong thực tế trong cuộc sống hiện nay

d) Mục đích của bài viết nhằm khuyên nhủ mọi người hãy đọc sách. Vì chỉ có đọc sách mới giúp cho con người nâng cao tầm hiểu biết của mình

- Về cơ bản tán thành ý kiến trên - vì những ý kiến tác giả nêu ra đều đúng đắn, cụ thể.

***.\* Báo cáo kết quả:***

- HS lần lượt báo cáo kết quả các bài

***\* Đánh giá kết quả:***

- HS nhận xét, bổ sung đánh giá

- GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức.

**4. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG: (5P)**

**a. Mục tiêu:**. HS phát hiện các tình huống thực tiễn và vận dụng được các kiến thức, kĩ năng trong cuộc sống tương tự tình huống/vấn đề đã học.

**b. Nội dung:** HĐ cá nhân

**c. Sản phẩm:** câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

***\* Chuyển giao nhiệm vụ cho HS***

Dựa vào bài “ Ích lợi của việc đọc sách” em hãy tìm bố cục của văn bản trên?

***\* Dự kiến sản phẩm:***câu trả lời của HS:

-MB) Đoạn1: Nêu mục đích ích lợi của việc đọc sách.

-TB) Đoạn 2,3,4: Những ích lợi của việc đọc sách.

-KB) Đoạn cuối: Lời khuyên về việc đọc sách.

***\* Báo cáo kết quả:*** Hs trình bày chỉ ra cụ thể của mỗi phần, đoạn trong văn bản.

***\* Đánh giá kết quả:***

+ Hs khác nhận xét, bổ sung, đánh giá

+ GV đánh giá câu trả lời của HS.

-> GV chốt kiến thức.

**\* Hướng dẫn học và làm bài ở nhà:**

- Học, nắm chắc nội dung bài học

- Hoàn chỉnh các bài tập sgk, sách bài tập Ngữ văn.

**Ngày soạn:04/01/2022**

**Ngày dạy:15/01/2022**

**TUẦN 20**

**Tiết 39-40\* CỦNG CỐ , KHẮC SÂU VỀ RÚT GỌN CÂU**

**I. MỤC TIÊU.**

**1. Kiến thức:**

-Khắc sâu thế nào là rút gọn câu, tác dụng của việc rút gọn câu.

-Hiểu được câu rút gọn trong văn bản.

-Biết cách sử dụng câu rút gọn trong nói và viết.

**2. Năng lực:**

**a. Các năng lực chung:**

- Năng lực tự học; năng lực giải quyết vấn đề; năng lực tư duy; năng lực giao tiếp; năng lực hợp tác; năng lực sử dụng ngôn ngữ.

**b. Các năng lực chuyên biệt:**

- Năng lực sử dụng ngôn ngữ.

- Năng lực đọc, viết, nghe, nói, năng lực cảm thụ văn học

**3. Phẩm chất:**

 -Có thái độ đúng đắn, cân nhắc khi dùng câu rút gọn phù hợp ngữ cảnh giao tiếp.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của giáo viên:**

- Kế hoạch bài học.

- Học liệu: bảng phụ, máy chiếu đa năng, tài liệu tham khảo, phiếu học tập.

**2. Chuẩn bị của học sinh:** soạn bài theo nội dung được phân công.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU( 4P)**

**1 Mục tiêu**: tạo tình huống/vấn đề học tập nhằm huy động kiến thức, kinh nghiệm hiện có của học sinh và nhu cầu tìm hiểu kiến thức mới liên quan đến tình huống/vấn đề học

**b. Nội dung:** HĐ cá nhân

**c. Sản phẩm:** câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

**\* Chuyển giao nhiệm vụ:**

- *HS*: tiếp nhận

***\* Dự kiến sản phẩm:***

***\* Báo cáo kết quả:***HS trả lời cá nhân

***\* Đánh giá kết quả:***

- HS nhận xét, bổ sung đánh giá

- GV nhận xét, đánh giá:

-> GV nêu mục đích bài học

**2. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC( 20P)**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động GV – HS và sản phẩm dự kiến** | **Nội dung** |
| **I.Lí thuyết**  a**. Mục tiêu**: -Ôn lại kiến thức đã học trong bài  **b. Nội dung:** HS tìm hiểu các ví dụ ở SGK  **c. Sản phẩm:**  Đại diện nhóm lên trình bày sản phẩm, các nhóm khác bổ sung  **d. Tổ chức thực hiện:**  **HĐ cặp đôi (10 phút)**  ***\* Gv chuyển giao nhiệm vụ cho HS.***  - Thế nào là Rút gọn câu?  - Khi rút gọn câu cần chú ý điều gì?  ***\* Dự kiến sản phẩm***  1.-Khi nói hoặc viết có thể lược bỏ một số thành của câu, tạo thành câu rút gọn  - Việc lược bớt 1 số thành phần của câu - làm câu gọn hơn, vừa thông tin nhanh - tránh lặp lại những từ đã xuất hiện ở câu trước.  - Ngụ ý hành động trong câu là chung của mọi người( lược bỏ chủ ngữ)  2 - Không làm cho người nghe, người đọc hiểu sai hoặc hiểu không đầy đủ nội dung câu nói;  -Không biến câu nói thành một câu cộc lốc, khiếm nhã.  \* ***Báo cáo kết quả:***Cá nhân báo cáo tại chỗ  ***\* Đánh giá kết quả:***  - HS nhận xét, bổ sung đánh giá  - GV nhận xét, đánh giá  - GV chốt kiến thức và ghi bảng | **I.Lí thuyết**  **1. Thế nào là rút gọn câu?**  -Khi nói hoặc viết có thể lược bỏ một số thành của câu, tạo thành câu rút gọn  - Việc lược bớt 1 số thành phần của câu - làm câu gọn hơn, vừa thông tin nhanh - tránh lặp lại những từ đã xuất hiện ở câu trước.  - Ngụ ý hành động trong câu là chung của mọi người( lược bỏ chủ ngữ)  **2.Khi rút gọn câu cần chú ý**  - Không làm cho người nghe, người đọc hiểu sai hoặc hiểu không đầy đủ nội dung câu nói;  -Không biến câu nói thành một câu cộc lốc, khiếm nhã. |

**3. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP( 62P)**

**a. Mục tiêu:** Hs hoàn thiện kiến thức vừa chiếm lĩnh được; rèn luyện kĩ năng áp dụng kiến thức mới để giải quyết các tình huống/vấn đề trong học tập.

**b. Nội dung:** GV giao nhiệm vụ cho HS trả lời các câu hỏi

**c. Sản phẩm:**  Câu trả lời của HS; phiếu học tập của nhóm

**d. Tổ chức thực hiện:**

***\* Chuyển giao nhiệm vụ cho HS***

- BT1.

-Tại sao người ta lại hay sử dụng câu rút gọn trong các câu tục ngữ, thơ ca, khẩu hiệu?

- BT 2

Tìm các câu rút gọn trong đoạn văn sau, cho biết thành phần đã được rút gọn. Nêu tác dụng của việc rút gọn trong đoạn văn.

(1) Thế rồi Dế Choắt tắt thở. (2) Tôi thương lắm. (3) Vừa thương vừa ăn năn tội mình.(4) Gía tôi không trêu chị Cốcthì đâu đến nỗi Choắt việc gì.(5) Cả tôi nữa, nếu không nhanh chân chạy vào hang thì tôi cũng chết toi rồi.

-BT 3

-Xác định thành phần được rút gọn trong các câu sau và khôi phục lại thành câu hoàn chỉnh.

a) Thương người như thể thương thân.

b) Tốt gỗ hơn tốt nước sơn.

-BT 4.

Xác định thành phần đươc rút gọn trong các câu sau

a) Trũi vẫn nhuôi như chết. Tôi nghe và đập vào ngực Trũi xem còn thở không. Vẫn còn.

b) Đêm qua ra đứng bờ ao,

Trông cá cá lặn, trông sao sao mờ.

***\* Dự kiến sản phẩm:***

**Bài 1:** (Làm cá nhân)

- Các câu tục ngữ, thơ ca, khẩu hiệu ... thường sử dụng câu rút gọn( thường rút gọn chủ ngữ) bởi trong các trường hợp đó, người viết ngụ ý là hành động chung của mọi người.

**Bài 2:** HS đọc- Nêu yêu cầu ( Làm nhóm)

-HS trình bày - nhận xét

-Các câu: 1,3,5 là câu rút gọn. Câu (2) Rút gọn phụ ngữ của động từ thương( thương Dế Choắt, thương nó...) Câu 3 rút gọn chủ ngữ (tôi) . Câu 5 rút gọn chủ ngữ của vế câu thứ nhất ( tôi).

- Tác dụng: giúp cho câu ngắn gọn, thông tin nhanh, tránh lặp từ ngữ các câu trước, người nghe vẫn hiieủ đúng thông tin.

**Bài 3** -HS đọc yêu cầu bài 3 -Làm miệng

a) Rút gọn chủ ngữ. Khôi phục:

- Chúng ta cần phải thương người như thể thương thân.

b) Rút gọn nòng cốt câu.Khôi phục.

Chúng ta cần biết rằng tốt gỗ hơn tốt nước sơn.

**Bài4:** -HS đọc yêu cầu bài 4 -HS làm cá nhân

-Câu rút gọn là:

a) Vẫn còn. Rút gọn cả CN và VN

-Khôi phục: Trũi vẫn còn thở.

b) Đêm qua ra đứng bờ ao- Rút gọn CN. Khôi phuc: Tôi đêm qua ra đứng bờ ao.

- Trông cá cá lặn, trông sao sao mờ- Rút gọn CN- Khôi phục.

Tôi trông cá cá lặn trông sao sao mờ.

***.\* Báo cáo kết quả:***

- HS lần lượt báo cáo kết quả các bài

***\* Đánh giá kết quả:***

- HS nhận xét, bổ sung đánh giá

- GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức.

**4. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG: (5P)**

**a. Mục tiêu:**. HS phát hiện các tình huống thực tiễn và vận dụng được các kiến thức, kĩ năng trong cuộc sống tương tự tình huống/vấn đề đã học.

**b. Nội dung:** HĐ cá nhân

**c. Sản phẩm:** câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

***\* Chuyển giao nhiệm vụ cho HS***

Viết một đoạn văn hội thoại ngắn có dùng câu rút gọn.

***\* Dự kiến sản phẩm:***câu trả lời của HS:

Hôm nay mình đến lớp học, vừa xong tiết 1.

Lan ở bên cạnh hỏi mình :

- Thầy dặn sáng mai đi lao động mấy giờ?

Mình: - 8 giờ. (Câu rút gọn)

***\* Báo cáo kết quả:*** Hs trình bày

***\* Đánh giá kết quả:***

+ Hs khác nhận xét, bổ sung, đánh giá

+ GV đánh giá câu trả lời của HS.

-> GV chốt kiến thức.

**\* Hướng dẫn học và làm bài ở nhà:**

- Học, nắm chắc nội dung bài học, tập viết đoạn văn có dung câu rút gọn.

- Hoàn chỉnh các bài tập sgk, sách bài tập Ngữ văn.

**Ngày soạn:16/01/2022**

**Ngày dạy:22/01/2022**

**TUẦN 21**

**Tiết 41-42\* CỦNG CỐ KHẮC SÂU**

**VĂN BẢN: TINH THẦN YÊU NƯỚC CỦA NHÂN DÂN TA**

**I. MỤC TIÊU.**

**1. Kiến thức:**

- Nắm vững về nét đẹp truyền thống yêu nước của nhân dân ta.

- Nắm bố cục của văn bản.

-Đặc điểm nghệ thuật văn nghị luận Hồ Chí Minh qua văn bản.

**2. Năng lực:**

**a. Các năng lực chung:**

- Năng lực tự học; năng lực giải quyết vấn đề; năng lực tư duy; năng lực giao tiếp; năng lực hợp tác; năng lực sử dụng ngôn ngữ.

**b. Các năng lực chuyên biệt:**

- Năng lực sử dụng ngôn ngữ.

- Năng lực đọc, viết, nghe, nói, năng lực cảm thụ văn học

**3. Phẩm chất:**

 - Biết trân trọng,yêu thích văn thơ, nghị luận của Hồ Chí Minh và càng kính yêu Bác.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của giáo viên:**

- Kế hoạch bài học.

- Học liệu: bảng phụ, máy chiếu đa năng, tài liệu tham khảo, phiếu học tập.

**2. Chuẩn bị của học sinh:** soạn bài theo nội dung được phân công.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU( 4P)**

**1 Mục tiêu**: tạo tình huống/vấn đề học tập nhằm huy động kiến thức, kinh nghiệm hiện có của học sinh và nhu cầu tìm hiểu kiến thức mới liên quan đến tình huống/vấn đề học

**b. Nội dung:** HĐ cá nhân

**c. Sản phẩm:** câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

**\* Chuyển giao nhiệm vụ:**

- *HS*: tiếp nhận

***\* Dự kiến sản phẩm:***

***\* Báo cáo kết quả:***HS trả lời cá nhân

***\* Đánh giá kết quả:***

- HS nhận xét, bổ sung đánh giá

- GV nhận xét, đánh giá:

-> GV nêu mục đích bài học

**2. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC( 25P)**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động GV – HS và sản phẩm dự kiến** | **Nội dung** |
| **I.Lí thuyết**  a**. Mục tiêu**: -Ôn lại kiến thức đã học trong bài  **b. Nội dung:** HS tìm hiểu các ví dụ ở SGK  **c. Sản phẩm:**  Đại diện nhóm lên trình bày sản phẩm, các nhóm khác bổ sung  **d. Tổ chức thực hiện:**  **HĐ cặp đôi (10 phút)**  ***\* Gv chuyển giao nhiệm vụ cho HS.***  -Gọi HS đọc văn bản.  -Bài này nghị luận về vấn đề gì?  - Câu nào mang luận điểm chính của bài văn?  -Dựa vào nội dung em hãy nêu bố cục của bài văn?  ***\* Dự kiến sản phẩm***  -Học sinh đọc ở SGK  - Lòng yêu nước của nhân dân ta.  -Dân ta có một lòng nồng nàn yêu nước.Đó là truyền thống quý báu của dân tộc ta.  + Mở bài: Đoạn1 Ý chính:  -Nêu vấn đề “ Tinh thần yêu nước là một truyền thống quý báu của nhân dân ta”  +Thân bài:Đoạn 2,3ýchính  -Chứng minh tinh thần yêu nước của nhân dân ta.  \* Lòng yêu nước:  + Quá khứ lịch sử  + Thời kỳ có Pháp  + Hiện nay  +Kết bài: Đoạn 4 ý chính  - Nhiệm vụ của chúng ta phát huy tinh thần yêu nước đó.  \* ***Báo cáo kết quả:***Cá nhân báo cáo tại chỗ  ***\* Đánh giá kết quả:***  - HS nhận xét, bổ sung đánh giá  - GV nhận xét, đánh giá  - GV chốt kiến thức và ghi bảng | **I.Củng cố kiến thức của bài**  **\* Bố cục:(**3 phần)  + Mở bài: Đoạn1 Ý chính:  -Nhận định chung về lòng yêu nước.  +Thân bài:Đoạn 2,3ýchính -Những biểu hiện của lòng yêu nước.  \* Lòng yêu nước:  + Quá khứ lịch sử  + Thời kỳ có Pháp  + Hiện nay  +Kết bài: Đoạn 4 ý chính  - Nhiệm vụ của chúng ta. |

**3. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP(55 P)**

**a. Mục tiêu:** Hs hoàn thiện kiến thức vừa chiếm lĩnh được; rèn luyện kĩ năng áp dụng kiến thức mới để giải quyết các tình huống/vấn đề trong học tập.

**b. Nội dung:** GV giao nhiệm vụ cho HS trả lời các câu hỏi

**c. Sản phẩm:**  Câu trả lời của HS; phiếu học tập của nhóm

**d. Tổ chức thực hiện:**

***\* Chuyển giao nhiệm vụ cho HS***

**1)** Đoạn 2 chứng minh bằng cách lập luận và dẫn chứng như thế nào? Giọng điệu văn ra sao?

**2)**Để CM lòng yêu nước của đồng bào ta ngày nay tác giả đã viết 3 câu văn làm sáng tỏ 3 biểu hiện của lòng yêu nước: chỉ ra 3 câu ấy?

-Em có nhận xét gì về kiểu câu có mô hình như thế nào?

-Có nhận xét gì về cách nêu dẫn chứng?

**3)**Em hiểu như thế nào về lòng yêu nước trưng bày và lòng yêu nước giấu kín trong đoạn văn này?

-Trong khi bàn về nhiệm vụ của chúng ta, tác giả đã bộc lộ quan điểm như thế nào?

-Em có nhận xét gì về các lập luận của tác giả cuối văn bản?

***\* Dự kiến sản phẩm:***

-HS đọc phần 2 văn bản

-Chứng minh tinh thần yêu nướcđã thành truyền thống quý báu của dân tộc đi theo đúng mạch thời gian lịch sử xưa đến nay: Câu1 khái quát và mở đoạn- mang tính giới thiệu. Câu 2 nêu dẫn chứng.

-Nét đặc sắc phép liệt kê:

Thời đại Bà Trưng, Bà Triệu... Quang Trung... theo thời gian tạo cảm xúc tự hào cho người nghe.

**2)**.Quan sát – nhận xét.

-HS đọc câu 2, 3, 4.

- từ các cụ già ... ghét giặc

- từ những chiến sĩ...con đẻ mình

- từ những nam nữ ... chính phủ

Kiểu câu có cấu trúc “Từ...đến...”

Cụ thể - toàn diện:

+Lứa tuổi: cụ già- nhi đồng

+Không gian: trong nước, ngoài nước, kiều bào, đồng bào bị tạm chiến.

+Không gian: vùng miền, miền xuôi, miền ngược, tiền tuyến, hậu phương.

+Nhiệm vụ-công việc: chiến đấu, sản xuất.

+Con người: bộ đội, công nhân, nông dân, phụ nữ thanh niên, điền chủ..

+Việc làm: thể hiện lòng yêu nước ,nhịn đói, nhịn ăn, diệt giặc, vận tải, sản xuất, yêu thương bộ đội.

**3)**-Học sinh đọc đoạn còn lại

-Lòng yêu nước ở dưới 2 dạng tồn tại: có thể nhìn thấy được, không thể nhìn thấy đựơc.

\* Cả 2 đều đáng quí

-Động viên tổ chức khích lệ tiềm năng yêu nước của mọi người.

-Lập luận bằng hình ảnh để diễn đạt lý lẽ - dễ hiểu - dễ đi vào lòng người.

***\* Báo cáo kết quả:***

- HS lần lượt báo cáo kết quả các bài

***\* Đánh giá kết quả:***

- HS nhận xét, bổ sung đánh giá

- GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức.

**4. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG: (4P)**

**a. Mục tiêu:**. HS phát hiện các tình huống thực tiễn và vận dụng được các kiến thức, kĩ năng trong cuộc sống tương tự tình huống/vấn đề đã học.

**b. Nội dung:** HĐ cá nhân

**c. Sản phẩm:** câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

***\* Chuyển giao nhiệm vụ cho HS***

**4)** Em hãy viết một đoạn văn chứng minh lòng yêu nước nồng nàn của nhân dân ta qua một số tác phẩm thơ ca đã được học hoặc đọc thêm?

***\* Dự kiến sản phẩm:***câu trả lời của HS:

Dân tộc Việt Nam có truyền thống yêu nước. Điều đó đã được thể hiện trong lịch sử dân tộc. Trong quá khứ, nhân dân ta đã cùng đoàn kết đánh bại rất nhiều kẻ thù xâm lược. Dù phải hy sinh tính mạng, nhưng những người con đất Việt vẫn một nguyện dâng hiến cho tổ quốc. Còn lòng yêu nước của thế hệ trẻ hôm nay có thể được thể hiện qua những điều tưởng chừng như vô cùng đơn giản. Chúng ta yêu lời kể chuyện của bà, yêu tiếng hát ru của mẹ và yêu xóm làng thân thuộc. Hoặc cũng có thể là những hành động thật lớn lao như cố gắng học tập tốt để mai này trở về xây dựng quê hương ngày một giàu đẹp. Mỗi người dân Việt Nam hãy luôn có ý thức giữ gìn và phát huy tinh thần của yêu nước - một truyền thống quý giá và tốt đẹp.Như Bác Hồ đã từng dặn con cháu: “ Vua Hùng có công dựng nước nay Bác cháu ta phải ra sức giữ lấy nước”.

***\* Báo cáo kết quả:*** Hs trình bày

***\* Đánh giá kết quả:***

+ Hs khác nhận xét, bổ sung, đánh giá

+ GV đánh giá câu trả lời của HS.

-> GV chốt kiến thức.

**\* Hướng dẫn học và làm bài ở nhà:**

- Xem lại bài cũ và thực hiện bài tập viết đoạn văn.

- Hoàn chỉnh các bài tập sgk, sách bài tập Ngữ văn.

**Ngày soạn: 20/01/2022**

**Ngày dạy: 29/01/2022**

**TUẦN 22**

**Tiết 43-44\* LUYỆN TẬP LẬP LUẬN CHỨNG MINH**

**I. MỤC TIÊU.**

**1. Kiến thức:** - Khắc sâu cách làm bài văn lập luận chứng minh cho một nhận định, một ý kiến cho một vấn đề xã hội gần gũi, quen thuộc.

-Hiểu được những hiẻu biết đó vào việc lập luận 1 bài văn chứng minh cho một nhận định, một ý kiến về một vấn đề xã hội gần gũi, quen thuộc.

**2. Năng lực:**

**a. Các năng lực chung:**

- Năng lực tự học; năng lực giải quyết vấn đề; năng lực tư duy; năng lực giao tiếp; năng lực hợp tác; năng lực sử dụng ngôn ngữ.

**b. Các năng lực chuyên biệt:**

- Năng lực sử dụng ngôn ngữ.

- Năng lực đọc, viết, nghe, nói, năng lực cảm thụ văn nghị luận

**3. Phẩm chất:**

 -Bồi dưỡng phẩm chất, thái độ tinh thần tự lực thực hành lập dàn bài văn chứng minh cụ thể, càng yêu mến vẻ sâu sắc trong diễn đạt của ngôn ngữ tiếng Việt.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của giáo viên:**

- Kế hoạch bài học.

- Học liệu: bảng phụ, máy chiếu đa năng, tài liệu tham khảo, phiếu học tập.

**2. Chuẩn bị của học sinh:** soạn bài theo nội dung được phân công.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU( 4P)**

**1 Mục tiêu**: tạo tình huống/vấn đề học tập nhằm huy động kiến thức, kinh nghiệm hiện có của học sinh và nhu cầu tìm hiểu kiến thức mới liên quan đến tình huống/vấn đề học

**b. Nội dung:** HĐ cá nhân

**c. Sản phẩm:** câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

**\* Chuyển giao nhiệm vụ:**

- *HS*: tiếp nhận

***\* Dự kiến sản phẩm:***

***\* Báo cáo kết quả:***HS trả lời cá nhân

***\* Đánh giá kết quả:***

- HS nhận xét, bổ sung đánh giá

- GV nhận xét, đánh giá:

-> GV nêu mục đích bài học

**2. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC( 25P)**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động GV – HS và sản phẩm dự kiến** | **Nội dung** |
| **I.Lí thuyết**  a**. Mục tiêu**: -Ôn lại kiến thức đã học trong bài  **b. Nội dung:** HS tìm hiểu các ví dụ ở SGK  **c. Sản phẩm:**  Đại diện nhóm lên trình bày sản phẩm, các nhóm khác bổ sung  **d. Tổ chức thực hiện:**  **HĐ cặp đôi (10 phút)**  ***\* Gv chuyển giao nhiệm vụ cho HS.***  ?Nêu các bước làm một bài văn nghị luận chứng minh?  \* GV ghi đề: Nhân dân ta có câu tục ngữ: “ Có công mài sắt có ngày nên kim”. Em hãy chứng minh tính đúng đắn của câu tục ngữ đó.  a) **Tìm hiểu đề**  -GV tổ chức cho HS thảo luận nhóm nội dung sau:  -Yêu cầu đưa ra: Đều phải chứng minh là gì?  -Yêu cầu lập luận chứng minh em phải thực hiện những bước nào?  b)**Tìm ý**  \*GV tổ chức cho HS trả lời các câu hỏi sau:  - Nếu là người cần được chứng minh thì em có đòi hỏi phải diễn giải rõ hơn ý nghĩa của câu tục ngữ ấy không? Vì sao?  - Nếu sẽ diễn giải em sẽ diễn giải như thế nào?  - Ngoài nội dung đề cập đến những biểu hiện trong đời sống, em cần bổ sung thêm những biểu hiện nào nữa?  c) **Lập dàn ý:** Cho HS lập dàn ý với đề trên?  ***\* Dự kiến sản phẩm***  - Tìm hiểu đề, tìm ý; Lập dàn bài; Viết bài; Đọc và chữa bài.  -Em cần phải diễn giải rõ hơn ý nghĩa của câu tục ngữ ấy. Vì túc ngữ thường diễn đạt hai nghĩa là nghĩa đen và nghĩa bóng.  - Nghĩa đen: Một thanh sắt dù to đến mấy nhứng ta bỏ công mài mãi tất yếu sẽ mòn dần thành một cây kim nhỏ bé.  Nghĩa bóng: Con người có ý chí nghị lực, lòng kiên trì chịu khó thì sẽ vượt qua mọi trỏ ngại khó khăn để đạt đích thành công.  - Biểu hiện trong học tập, lao động, thể dục thể thao...  \*MB:Giới thiệu câu tục ngữ “ Có công mài sắt có ngày nên kim”.  - Nêu luận điểm cần chứng minh.  \* TB:  1) Những tấm gương kiên trì nhẫn nại trong cuộc sống.  -Trong lĩnh vực chiến đấu bảo vệ Tổ quốc: Những cuộc kháng chiến trường kì của dân tộc.  - Trong học tập: Nêu dẫn chứng xưa và nay.  - Trong nghiên cứu khoa học: Nêu dẫn chứng trong nước và trên thế giới.  2) Tinh thần kiên trì nhẫn nại được phản ánh trong văn chương:  - Trong tục ngữ , ca dao, thơ ca.  - Truyện ngụ ngôn hoặc truyện ngắn...  \*KB: - Gía trị lâu bền và sâu rộng của câu tục ngữ.  -Rút ra bài học cho bản thân.  ***Báo cáo kết quả:***Cá nhân báo cáo tại chỗ  ***\* Đánh giá kết quả:***  - HS nhận xét, bổ sung đánh giá  - GV nhận xét, đánh giá  - GV chốt kiến thức và ghi bảng | **I.Lí thuyết**  \* **Các bước làm một bài văn lập luận chứng minh**  - Tìm hiểu đề, tìm ý; Lập dàn bài; Viết bài; Đọc và chữa bài.  **1.Tìm hiểu đề**  - Luận điểm chính cần chứng minh : Lòng kiên trì, chịu khó là chìa khóa để đưa con người đến thành công theo hoài bảo ước mơ.  **2. Tìm ý**  -Em cần phải diễn giải rõ hơn ý nghĩa của câu tục ngữ ấy. Vì túc ngữ thường diễn đạt hai nghĩa là nghĩa đen và nghĩa bóng.  - Nghĩa đen: Một thanh sắt dù to đến mấy nhứng ta bỏ công mài mãi tất yếu sẽ mòn dần thành một cây kim nhỏ bé.  Nghĩa bóng: Con người có ý chí nghị lực, lòng kiên trì chịu khó thì sẽ vượt qua mọi trỏ ngại khó khăn để đạt đích thành công.  - Biểu hiện trong học tập, lao động, thể dục thể thao... |

**3. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP( 60P)**

**a. Mục tiêu:** Hs hoàn thiện kiến thức vừa chiếm lĩnh được; rèn luyện kĩ năng áp dụng kiến thức mới để giải quyết các tình huống/vấn đề trong học tập.

**b. Nội dung:** GV giao nhiệm vụ cho HS trả lời các câu hỏi

**c. Sản phẩm:**  Viết các đoạn văn theo yêu cầu.

**d. Tổ chức thực hiện:**

***\* Chuyển giao nhiệm vụ cho HS***

\*GV nêu câu hỏi: Viết đoạn văn mở bài - kết bài- Viết một đoạn của phần luận cứ.

***\* Dự kiến sản phẩm:***

**MB**: Tục ngữ là trí khôn của muôn đời của nhân ta. Mỗi câu tục ngữ là một bài học lớn.Một trong những bài học nói về lòng kiên trì chịu khó, quyết tâm sẽ luôn luôn đẫn ta đến con đường thành công sự nghiệp, tục ngữ có câu: “ Có công mài sắt có ngày nên kim”.

**KB**: Qua các tấm gương trên, em thấy mình cần phải cố gắng nhiều, trước hết là lòng kiên trì nhẫn nại, không quản khó khăn vất vả để trở thành công dân tốt.Đó bước mở đầu của nhân cách con người, nên em phải học thật tốt xứng đáng với lòng tin yêu của cha mẹ, xứng đáng là công dân của Việt Nam trong thời kỳ mới. Lời khuyên răn của ông cha ta là đúng đắn, thiết thưc, có ý nghĩa lớn hơn khi ta thực hiện tốt lời dạy đó.

**Đoạn văn phần luận cứ**: Bác Hồ đã từng dạy:

“ Không có việc gì khó

Chỉ sợ lòng không bền

Đào núi và lấp biển

Quyết chí ắt làm nên ”.

Trên đời không có việc gì khó mà chỉ lòng, ý chí con người không bền bỉ chịu khó. Qua lời dạy của Bác ta càng hiểu thêm về sức mạnh của lòng kiên trì, bên bỉ. Có quyết tâm lớn thì việc gì làm cũng được, cho dù đó là việc đào núi và lấp biển.

***\* Báo cáo kết quả:***

- HS lần lượt báo cáo kết quả các bài

***\* Đánh giá kết quả:***

- HS nhận xét, bổ sung đánh giá

- GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức.

**4. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG: (5P)**

**a. Mục tiêu:**. HS phát hiện các tình huống thực tiễn và vận dụng được các kiến thức, kĩ năng trong cuộc sống tương tự tình huống/vấn đề đã học.

**b. Nội dung:** HĐ cá nhân

**c. Sản phẩm:** câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

***\* Chuyển giao nhiệm vụ cho HS***

Em hãy viết phần mở bài cách khác.

***\* Dự kiến sản phẩm:***câu trả lời của HS:

Trong cuộc sống chúng ta không ít người đạt được hoài bảo ước mơ của mình, bên cạnh đó cũng có nhiều người luôn luôn gặp thất bại chẳng đạt được mục đích, ước mơ.Chính bởi chìa khóa đi đến thành công của mỗi con người cần có sự kiên trì, chịu khó nên ông cha ta thường nhắc nhở con cháu qua câu tục ngữ:“ Có công mài sắt có ngày nên kim “

***\* Báo cáo kết quả:*** Hs trình bày chỉ ra cụ thể của mỗi phần, đoạn trong văn bản.

***\* Đánh giá kết quả:***

+ Hs khác nhận xét, bổ sung, đánh giá

+ GV đánh giá câu trả lời của HS.

-> GV chốt kiến thức.

**\* Hướng dẫn học và làm bài ở nhà:**

- Học, nắm chắc nội dung bài học

- Hoàn chỉnh các bài tập sgk, sách bài tập Ngữ văn.Viết các phần. đoạn của bài văn.

**Ngày soạn: 03/02/2022**

**Ngày dạy: 12/02/2022**

**TUẦN 23**

**Tiết 45-46\* LUYỆN TẬP LẬP LUẬN CHỨNG MINH**

**I. MỤC TIÊU.**

**1. Kiến thức:** - Khắc sâu cách về viết đoạn văn, các phần của bài văn chứng minh với một dàn ý cụ thể đã lập ở tiết trước.

-Hiểu được những cách diễn đạt, trình bày lí lẽ, dẫn chứng về viết các phần, đoạn trong bài văn chứng minh.

**2. Năng lực:**

**a. Các năng lực chung:**

- Năng lực tự học; năng lực giải quyết vấn đề; năng lực tư duy; năng lực giao tiếp; năng lực hợp tác; năng lực sử dụng ngôn ngữ.

**b. Các năng lực chuyên biệt:**

- Năng lực sử dụng ngôn ngữ.

- Năng lực đọc, viết, nghe, nói, năng lực cảm thụ văn nghị luận

**3. Phẩm chất:**

 -Bồi dưỡng phẩm chất, thái độ tinh thần tự lực, thực hành lập dàn bài, viết đoạn văn chứng minh cụ thể, càng yêu mến vẻ sâu sắc trong diễn đạt của ngôn ngữ tiếng Việt.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của giáo viên:**

- Kế hoạch bài học.

- Học liệu: bảng phụ, máy chiếu đa năng, tài liệu tham khảo, phiếu học tập.

**2. Chuẩn bị của học sinh:** soạn bài theo nội dung được phân công.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU( 5P)**

**1 Mục tiêu**: tạo tình huống/vấn đề học tập nhằm huy động kiến thức, kinh nghiệm hiện có của học sinh và nhu cầu tìm hiểu kiến thức mới liên quan đến tình huống/vấn đề học

**b. Nội dung:** HĐ cá nhân

**c. Sản phẩm:** câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

**\* Chuyển giao nhiệm vụ:**

- *HS*: tiếp nhận

***\* Dự kiến sản phẩm:***

***\* Báo cáo kết quả:***HS trả lời cá nhân

***\* Đánh giá kết quả:***

- HS nhận xét, bổ sung đánh giá

- GV nhận xét, đánh giá:

-> GV nêu mục đích bài học

**2. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC( 25P)**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động GV – HS và sản phẩm dự kiến** | **Nội dung** |
| **I.Lí thuyết**  a**. Mục tiêu**: -Ôn lại kiến thức đã học trong bài  **b. Nội dung:** HS tìm hiểu các ví dụ ở SGK  **c. Sản phẩm:**  Đại diện nhóm, cá nhân lên trình bày sản phẩm, các nhóm khác bổ sung  **d. Tổ chức thực hiện:**  **HĐ cá nhân (10 phút)**  ***\* Gv chuyển giao nhiệm vụ cho HS.***  ?Nêu các bước làm một bài văn nghị luận chứng minh?  \* GV ghi đề: Nhân dân ta có câu tục ngữ: “ Có công mài sắt có ngày nên kim”. Em hãy chứng minh tính đúng đắn của câu tục ngữ đó.  - Nêu yêu cầu tiết học: Hôm nay, Luyện viết các phần và các đoạn văn chứng minh dựa vào dàn bài đã lập ở tiết 40\* về Luyện tập lập luận chứng minh.  - Em hãy nhắc lại dàn bài đã lập ở tiết 40\* hôm trước?  - Từ dàn bài đã lập ở đề trên em hãy viết:  + Đoạn văn phần mở bài;  + Đoạn văn phần kết bài;  + Đoạn văn đầu phần thân bài( Phần đầu và một luận cứ)?  ***\* Dự kiến sản phẩm***  **\* Dàn bài**  \*MB:Giới thiệu câu tục ngữ “ Có công mài sắt có ngày nên kim”.  - Nêu luận điểm cần chứng minh.  \* TB:  1) Những tấm gương kiên trì nhẫn nại trong cuộc sống.  -Trong lĩnh vực chiến đấu bảo vệ Tổ quốc: Những cuộc kháng chiến trường kì của dân tộc.  - Trong học tập: Nêu dẫn chứng xưa và nay.  - Trong nghiên cứu khoa học: Nêu dẫn chứng trong nước và trên thế giới.  2) Tinh thần kiên trì nhẫn nại được phản ánh trong văn chương:  - Trong tục ngữ , ca dao, thơ ca.  - Truyện ngụ ngôn hoặc truyện ngắn...  \*KB: - Gía trị lâu bền và sâu rộng của câu tục ngữ.  -Rút ra bài học cho bản thân.  ***Báo cáo kết quả:***Cá nhân báo cáo tại chỗ  ***\* Đánh giá kết quả:***  - HS nhận xét, bổ sung đánh giá  - GV nhận xét, đánh giá  - GV chốt kiến thức và ghi bảng | **I.Lí thuyết**  \* **Các bước làm một bài văn lập luận chứng minh**  - Tìm hiểu đề, tìm ý; Lập dàn bài; Viết bài; Đọc và chữa bài. |

**3. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP( 55P)**

**a. Mục tiêu:** Hs hoàn thiện kiến thức vừa chiếm lĩnh được; rèn luyện kĩ năng áp dụng kiến thức mới để giải quyết các tình huống/vấn đề trong học tập.

**b. Nội dung:** GV giao nhiệm vụ cho HS trả lời các câu hỏi

**c. Sản phẩm:**  Viết các đoạn văn theo yêu cầu.

**d. Tổ chức thực hiện:**

***\* Chuyển giao nhiệm vụ cho HS***

\*GV nêu câu hỏi: - Từ dàn bài đã lập ở đề trên em hãy viết:

+ Đoạn văn phần mở bài;

+ Đoạn văn phần kết bài;

+ Đoạn văn đầu phần thân bài( Phần đầu và một luận cứ)?

***\* Dự kiến sản phẩm:***

**MB**: Trong cuộc sống này chẳng có một kết quả lớn nhỏ nào tự nhiên mà có, tất cả được tạo ra từ những sự cố gắng, kiên trì, chịu khó, không ngừng. Sức mạnh của sự kiên trì được nhân dân ta đúc kết qua câu tục ngữ thật hay: Có công mài sắt có ngày nên kim.

**-KB**: Thế mới biết ở trên đời từ việc lớn đến việc nhỏ, muốn thành công không thể thiếu tinh thần cần cù, chịu khó, kiên trì, nhẫn nại.Một nhà bác học đã nói: “ Thiên tài chỉ một phần trăm là bẩm sinh còn chín mươi chín phần trăm là sự cần cù”. Càng ngẫm về câu tục ngữ, nhớ lại những tấm gương trên, em càng thấy lòng kiên trì nhẫn nại của mình thật quá mỏng, nên cần phải cố gắng nhiều hơn nữa trong việc học tập cũng như công việc khác để phấn đấu thành con người có ích cho xã hội.

- **Viết đoạn đầu TB:** ( Phần đầu và một luận cứ)

Bằng việc nêu ra sự đối lập ghê gớm giữa thanh sắt to lớn xù xì và cây kim nhỏ bé mà tinh xảo, tác giả dân gian đã nêu bật tác dụng to lớn của sự kiên trì cố gắng không mệt mỏi của con người để đạt tới thành công. Điều đó đã được chứng minh rất nhiều qua cuộc sống.

Nước Việt Nam là một nước bé nhỏ, những ngày đầu cuộc kháng chiến chống Pháp và Mĩ tiềm lực kinh tế, quân sự chưa mạnh, nhưng nhờ tinh thần trường kì kháng chiến, không sợ gian khổ hi sinh, sau mấy mươi năm ta đã giành được chiến thắng vẻ vang.

-GV gọi HS trình bày – lớp nhận xét sửa trước lớp - cho điểm.

***\* Báo cáo kết quả:***

- HS lần lượt báo cáo kết quả các bài

***\* Đánh giá kết quả:***

- HS nhận xét, bổ sung đánh giá

- GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức.

**4. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG: (5P)**

**a. Mục tiêu:**. HS phát hiện các tình huống thực tiễn và vận dụng được các kiến thức, kĩ năng trong cuộc sống tương tự tình huống/vấn đề đã học.

**b. Nội dung:** HĐ cá nhân

**c. Sản phẩm:** câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

***\* Chuyển giao nhiệm vụ cho HS***

Em hãy viết phần mở bài bằng cách suy từ tâm lý con người.

***\* Dự kiến sản phẩm:***câu trả lời của HS:

Trong cuộc sống ,bất cứa khi làm một việc gì nếu ta vội vàng hấp tấp thường bị hỏng việc.Trái lại, nếu biết cố gắng bền bỉ kiên trì, bền chí thì dù việc đó có khó khăn đến đâu ta cũng có thể hoàn thành được. Chính vì thế ông cha ta thường nhắc nhở con cháu qua câu tục ngữ: “ Có công mài sắt có ngày nên kim” để răn dạy đời sau.

***\* Báo cáo kết quả:*** Hs trình bày chỉ ra cụ thể của mỗi phần, đoạn trong văn bản.

***\* Đánh giá kết quả:***

+ Hs khác nhận xét, bổ sung, đánh giá

+ GV đánh giá câu trả lời của HS.

-> GV chốt kiến thức.

**\* Hướng dẫn học và làm bài ở nhà:**

- Học, nắm chắc nội dung bài học

- Hoàn chỉnh các bài tập sgk, sách bài tập Ngữ văn.Viết các phần. đoạn của bài văn.

**Ngày soạn: 03/02/2022**

**Ngày dạy: 12/02/2022**

**TUẦN 24**

**Tiết 45-46\***

**LUYỆN TẬP CỦNG CỐ THÊM TRẠNG NGỮ CHO CÂU**

**I. MỤC TIÊU.**

**1. Kiến thức:**

- Khắc sâu về một số trạng ngữ thường gặp.

- Nắm được ý nghĩa và hình thức(vị trí) của trạng ngữ trong câu.

-Hiểu được công dụng của trạng ngữ trong đoạn và trong văn bản văn bản.

-Biết cách sử dụng trạng ngữ trong nói và viết.

**2. Năng lực:**

**a. Các năng lực chung:**

- Năng lực tự học; năng lực giải quyết vấn đề; năng lực tư duy; năng lực giao tiếp; năng lực hợp tác; năng lực sử dụng ngôn ngữ.

**b. Các năng lực chuyên biệt:**

- Năng lực sử dụng ngôn ngữ.

- Năng lực đọc, viết, nghe, nói, năng lực cảm thụ văn học

**3. Phẩm chất:**

 -Có thái độ đúng đắn, khi vận dụng vào trong văn nói, viết.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của giáo viên:**

- Kế hoạch bài học.

- Học liệu: bảng phụ, máy chiếu đa năng, tài liệu tham khảo, phiếu học tập.

**2. Chuẩn bị của học sinh:** soạn bài theo nội dung được phân công.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU( 4P)**

**1 Mục tiêu**: Tạo tình huống/vấn đề học tập nhằm huy động kiến thức, kinh nghiệm hiện có của học sinh và nhu cầu tìm hiểu kiến thức mới liên quan đến tình huống/vấn đề học

**b. Nội dung:** HĐ cá nhân

**c. Sản phẩm:** câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

**\* Chuyển giao nhiệm vụ:**

- *HS*: tiếp nhận

***\* Dự kiến sản phẩm:***

***\* Báo cáo kết quả:***HS trả lời cá nhân

***\* Đánh giá kết quả:***

- HS nhận xét, bổ sung đánh giá

- GV nhận xét, đánh giá:

-> GV nêu mục đích bài học

**2. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC( 15P)**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động GV – HS và sản phẩm dự kiến** | **Nội dung** |
| **I.Lí thuyết**  a**. Mục tiêu**: -Ôn lại kiến thức đã học trong bài  **b. Nội dung:** HS tìm hiểu các ví dụ ở SGK  **c. Sản phẩm:**  Đại diện nhóm lên trình bày sản phẩm, các nhóm khác bổ sung  **d. Tổ chức thực hiện:**  **HĐ cặp đôi (10 phút)**  ***\* Gv chuyển giao nhiệm vụ cho HS.***  1.Trạng ngữ của câu có những đặc điểm gì?  2. Nêu công dụng của trạng ngữ? Vì sao người ta tách trạng ngữ thành câu riêng?  ***\* Dự kiến sản phẩm***  1. Đặc điểm của trạng ngữ  +Về ý nghĩa:  Trạng ngữ dùng để xác định thời gian, địa điểm, nguyên nhân, mục đích của vật, việc trong câu.  +Về hình thức:  - Có thể đứng ở đầu, cuối, giữa câu;  -Giữa trạng ngữ với chủ ngữ và vị ngữ thường có một quãng nghỉ khi nói hoặc một dấu phẩy khi viết.  2 – Công dụng của trạng ngữ  - Xác định thời gian, nơi chốn, nguyên nhân, mục đích, cách thức, phương tiện diễn ra sự việc trong câu. Nối kết các câu trong đoạn và các đoạn trong một bài văn.  - Tách trạng ngữ thành câu riêng mục đích là nhấn mạnh ý hoặc bộc lộ cảm xúc.  \* ***Báo cáo kết quả:***Cá nhân báo cáo tại chỗ  ***\* Đánh giá kết quả:***  - HS nhận xét, bổ sung đánh giá  - GV nhận xét, đánh giá  - GV chốt kiến thức và ghi bảng | **I.Lí thuyết**  **A. Lí thuyết**  1.**Đặc điểm của trạng ngữ**  +Về ý nghĩa:  Trạng ngữ dùng để xác định thời gian, địa điểm, nguyên nhân, mục đích của vật, việc trong câu.  +Về hình thức:  - Có thể đứng ở đầu, cuối, giữa câu;  -Giữa trạng ngữ với chủ ngữ và vị ngữ thường có một quãng nghỉ khi nói hoặc một dấu phẩy khi viết.    **2.Công dụng của trạng ngữ.**  - Xác định thời gian, nơi chốn, nguyên nhân, mục đích, cách thức, phương tiện diễn ra sự việc trong câu.Nối kết các câu trong đoạn và các đoạn trong một bài văn.  - Tách trạng ngữ thành câu riêng mục đích là nhấn mạnh ý hoặc bộc lộ cảm xúc. |

**3. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP( 66P)**

**a. Mục tiêu:** Hs hoàn thiện kiến thức vừa chiếm lĩnh được; rèn luyện kĩ năng áp dụng kiến thức mới để giải quyết các tình huống/vấn đề trong học tập.

**b. Nội dung:** GV giao nhiệm vụ cho HS trả lời các câu hỏi

**c. Sản phẩm:**  Câu trả lời của HS; phiếu học tập của nhóm

**d. Tổ chức thực hiện:**

***\* Chuyển giao nhiệm vụ cho HS***

**1)**Đặt câu có các trạng ngữ -Làm cá nhân

a. TN chỉ thời gian;

b.TN chỉ nơi chốn;

c.TN chỉ nguyên nhân;

d.TN chỉ mục đích;

e.TN chỉ cách thức phương tiện.

-Làm cá nhân

**2)**Trong 2 cặp câu câu sau câu nào có trạng ngữ, câu nào không có trạng ngữ? Vì sao?

-Làm cá nhân

+Cặp1:

a) Tôi đọc báo hôm nay.

b) Hôm nay, tôi đọc báo.

+Cặp2:

a)Thầy giáo giảng bài hai giờ.

b)Hai giờ, thầy giáo giảng bài.

**3)**Xác định và gọi tên các trạng ngữ trong câu văn sau (Làm nhóm)

-Buổi sáng, trên cây gạo ở đầu làng, những con chim hoạ mi, bằng chất giọng thiên phú, đã cất lên những tiếng hót thật du dương.

**4)** (Làm nhóm)

**4.1** Em hãy thêm TN cho các câu sau:

a) Năng vàng đang nhảy nhót.

b) Chim chóc ríu rít kéo nhau về mở hội.

c) Trước Cách mạng, sáng tác của Nam Cao tập trung ở hai đề tài chính:người nông dân nghèo và người trí thức tiểu tư sản nghèo. Nam Cao là cây bút tiêu biểu của văn học giai đoạn kháng chiến chống Pháp.

**4.2** Nêu công dụng của trạng ngữ trong các câu sau khi em đã thêm vào?

***\* Dự kiến sản phẩm:***

**Bài 1:** (Làm cá nhân)

a.Hôm nay, em đi học.( TN Chỉ thời gian)

b.Trên cành, chim đang hót. .( TN Chỉ nơi chốn)

c.Do lười học, Nam bị điểm kém. .( TN Chỉ nguyên nhân)

d.Em chăm chỉ học, để đạt học sinh giỏi. .( TN Chỉ mục đích)

e. Bằng xe đạp, Lan đến lớp đúng giờ. .( TN Chỉ cách thức phương tiện)

**Bài 2:** HS đọc- Nêu yêu cầu ( Làm nhóm)

-HS trình bày - nhận xét

-Câu b của hai cặp đều có trạng ngữ( hôm nay,hai giờ) thêm vào để cụ thể hoá ý nghĩa cho câu.

-Câu a của hai cặp đều không có trạng ngữ vì: +hôm nay là định ngữ cho danh từ (báo).

+hai giờ là bổ ngữ cho động từ giảng.

**Bài 3** -HS đọc yêu cầu bài 3 -Làm nhóm

\*Các TN: -Buổi sáng: chỉ thời gian. -Trên cây gạo ở đầu làng: chỉ nơi chốn.

-Bằng chất giọng thiên phú: chỉ phương tiện.

\*Trình bày nhóm-nhận xét

**Bài4:** -HS đọc yêu cầu bài 4 -HS làm cá nhân

**4.1**

a)Trên những tán cây, nắng vàng đang nhảy nhót.

b) Mùa xuân, chim chóc ríu rít kéo nhau về mở hội.

c) Trước Cách mạng, sáng tác của Nam Cao tập trung ở hai đề tài chính:người nông dân nghèo và người trí thức tiểu tư sản nghèo.Sau Cách mạng, Nam Cao là cây bút tiêu biểucủa văn học giai đoạn kháng chiến chống Pháp.

**4.2** - Xác định thời gian, nơi chốn, nguyên nhân, mục đích, cách thức, phương tiện diễn ra sự việc trong câu ( câu a,b,c ). Nối kết các câu trong đoạn và các đoạn trong một bài văn. (câu c).

***.\* Báo cáo kết quả:***

- HS lần lượt báo cáo kết quả các bài

***\* Đánh giá kết quả:***

- HS nhận xét, bổ sung đánh giá

- GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức.

**4. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG: (5P)**

**a. Mục tiêu:**. HS phát hiện các tình huống thực tiễn và vận dụng được các kiến thức, kĩ năng trong cuộc sống tương tự tình huống/vấn đề đã học.

**b. Nội dung:** HĐ cá nhân

**c. Sản phẩm:** câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

***\* Chuyển giao nhiệm vụ cho HS***

Viết đoạn văn tả cảnh quê hương em từ 4 đến 7 câu có sử dụng ít nhất một trạng ngữ. (phiếu học tập)

***\* Dự kiến sản phẩm:***câu trả lời của HS:

Quê hương em nằm bên phá Tam Giang.Phía sau, dãy cát trắng chạy dài theo bờ biển Đông.Xóm làng được bao bọc với dãy tre xanh nhũn nhặn chạy theo con đường quốc lộ 49B.Nơi đây, buổi sáng thật nhộn nhịp, mọi người tấp nập đi làm, trẻ em nô nức đến trường. Cảnh trông thật là bình yên hạnh phúc.Em rất yêu quê hương em!

***\* Báo cáo kết quả:*** Hs trình bày

***\* Đánh giá kết quả:***

+ Hs khác nhận xét, bổ sung, đánh giá

+ GV đánh giá câu trả lời của HS.

-> GV chốt kiến thức.

**\* Hướng dẫn học và làm bài ở nhà:**

- Học, nắm chắc nội dung bài học, tập viết đoạn văn có sử dụng thành phần trạng ngữ..

- Hoàn chỉnh các bài tập sgk, sách bài tập Ngữ văn.

**Ngày soạn:04/01/2022**

**Ngày dạy:15/01/2022**

**TUẦN 25**

**Tiết 47-48\* LUYỆN TẬP CỦNG CỐ**

**CHUYỂN ĐỔI CÂU CHỦ ĐỘNG THÀNH CÂU BỊ ĐỘNG**

**I. MỤC TIÊU.**

**1. Kiến thức:**

-Khắc sâu khái niệm thế nào là câu chủ động và câu bị động.

-Hiểu đượccâu chủ động và câu bị động trong văn bản và mục đích dùng câu chủ động và câu bị động.

-Biết cách sử dụng và chuyển đổi câu chủ động thành câu bị động trong nói và viết.

**2. Năng lực:**

**a. Các năng lực chung:**

- Năng lực tự học; năng lực giải quyết vấn đề; năng lực tư duy; năng lực giao tiếp; năng lực hợp tác; năng lực sử dụng ngôn ngữ.

**b. Các năng lực chuyên biệt:**

- Năng lực sử dụng ngôn ngữ.

- Năng lực đọc, viết, nghe, nói, năng lực cảm thụ văn học

**3. Phẩm chất:**- Tự hào về sự giàu đẹp của tiếng Việt trong chuyển đổi câu chủ động thành câu bị động.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của giáo viên:**

- Kế hoạch bài học.

- Học liệu: bảng phụ, máy chiếu đa năng, tài liệu tham khảo, phiếu học tập.

**2. Chuẩn bị của học sinh:** soạn bài theo nội dung được phân công.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU( 4P)**

**1 Mục tiêu**: tạo tình huống/vấn đề học tập nhằm huy động kiến thức, kinh nghiệm hiện có của học sinh và nhu cầu tìm hiểu kiến thức mới liên quan đến tình huống/vấn đề học

**b. Nội dung:** HĐ cá nhân

**c. Sản phẩm:** câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

**\* Chuyển giao nhiệm vụ:**

- *HS*: tiếp nhận

***\* Dự kiến sản phẩm:***

***\* Báo cáo kết quả:***HS trả lời cá nhân

***\* Đánh giá kết quả:***

- HS nhận xét, bổ sung đánh giá

- GV nhận xét, đánh giá:

-> GV nêu mục đích bài học

**2. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC( 10P)**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động GV – HS và sản phẩm dự kiến** | **Nội dung** |
| **I.Lí thuyết**  a**. Mục tiêu**: -Ôn lại kiến thức đã học trong bài  **b. Nội dung:** HS tìm hiểu các ví dụ ở SGK  **c. Sản phẩm:**  Đại diện nhóm lên trình bày sản phẩm, các nhóm khác bổ sung  **d. Tổ chức thực hiện:**  **HĐ cặp đôi (10 phút)**  ***\* Gv chuyển giao nhiệm vụ cho HS.***  1.Thế nào là câu chủ động? Thế nào là câu bị động?  2.Nêu mục đích chuyển đổi câu chủ động thành câu bị động?  3.Nêu cách chuyển đổi câu chủ động thành câu bị động?  ***\* Dự kiến sản phẩm***  1.Câu chủ động và câu bị động  - Câu chủ động là câu có CN chỉ người hoặc vật thực hiện một hoạt động hướng vào người hoặc vật khác( chỉ chủ thể của hoạt động).  -Câu bị động là câu có CN chỉ người hoặc vật được một hoạt động của người hoặc vật khác hướng vào (Chỉ đối tượng của hoạt động).  2. Mục đích chuyển đổi câu chủ động thành câu bị động.  Tạo sự liên kết các câu và làm cho ý đoạn văn liền mạch.  3. Cách chuyển đổi câu chủ động thành câu bị động  **Cách 1**: Chuyển từ hoặc cụm từ chỉ đối tượng hoạt động lên đầu câu, rồi thêm từ bị hoặc được sau cụm từ ấy.  **Cách 2**: Chuyển từ hoặc cụm từ chỉ đối tượng của hoạt động lên đầu câu, đồng thời lược bỏ hoặc biến từ (cụm từ) chỉ chủ thể của hoạt động thành một bộ phận không bắt buộc có trong câu.  \* ***Báo cáo kết quả:***Cá nhân báo cáo tại chỗ  ***\* Đánh giá kết quả:***  - HS nhận xét, bổ sung đánh giá  - GV nhận xét, đánh giá  - GV chốt kiến thức và ghi bảng | **I.Lí thuyết**  **1.Câu chủ động và câu bị động**  - Câu chủ động là câu có CN chỉ người hoặc vật thực hiện một hoạt động hướng vào người hoặc vật khác( chỉ chủ thể của hoạt động).  -Câu bị động là câu có CN chỉ người hoặc vật được một hoạt động của người hoặc vật khác hướng vào (Chỉ đối tượng của hoạt động).  **2. Mục đích chuyển đổi câu chủ động thành câu bị động.**  Tạo sự liên kết các câu và làm cho ý đoạn văn liền mạch.  **3. Cách chuyển đổi câu chủ động thành câu bị động**  **Cách 1**: Chuyển từ hoặc cụm từ chỉ đối tượng hoạt động lên đầu câu, rồi thêm từ bị hoặc được sau cụm từ ấy.  **Cách 2**: Chuyển từ hoặc cụm từ chỉ đối tượng của hoạt động lên đầu câu, đồng thời lược bỏ hoặc biến từ (cụm từ) chỉ chủ thể của hoạt động thành một bộ phận không bắt buộc có trong câu. |

**3. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP( 70P)**

**a. Mục tiêu:** Hs hoàn thiện kiến thức vừa chiếm lĩnh được; rèn luyện kĩ năng áp dụng kiến thức mới để giải quyết các tình huống/vấn đề trong học tập.

**b. Nội dung:** GV giao nhiệm vụ cho HS trả lời các câu hỏi

**c. Sản phẩm:**  Câu trả lời của HS; phiếu học tập của nhóm

**d. Tổ chức thực hiện:**

***\* Chuyển giao nhiệm vụ cho HS***

**Bài 1**)Xác định câu nào sau đây là câu chủ động, câu nào là câu bị động? (Làm cá nhân)

a) Học sinh trồng cây ở sân trường.

b) Đường bị giặc đánh lở loét.

c) Hôm qua, tôi đã gửi thư cho Mai.

d)Con chỉ được ăn ở nhà bữa này thôi.

e) Bạn Nam được thầy giáo khen.

**Bài tập 2**. cho HS đặt câu . (Lên bảng đặt câu)

- Hai câu chủ động. Hai câu bị động.

**Bài tập 3**.Em hãy chuyển các câu chủ động sau thành các câu bị động ( Làm nhóm)

a)Người lái đò đẩy thuyền ra xa.

b)Nhiều người tin yêu Bác.

c)Người ta chuyển đá lên xe.

d) Mẹ rửa chân cho bé.

e)Bọn xấu ném đá lên tàu hoả.

**\* Chú ý:** Đối với những câu chứa từ (bị- được). Chúng chỉ là câu bị động khi đồng thời thoả mãn các điều kiện sau:

a) Trong câu phải có từ (bị hoặc được).

b) Đứng sau từ (bị -được), phải là một kết cấu C-V,trong kết cấu C-V này có thể rút gọn Chủ ngữ.

c)Động từ trong kết cấu C-V đứng sau(bị-được) phải là động từ ngoại động. (Bên ngoài tác động vào).

Ví dụ: Em được/ thầy giáo/ phê bình.

C V

Ngôi nhà ấy bị /người ta/ phá đi.

C V

Hồng được/ rút gọn / tặng thưởng.

C V (cn được rút gọn)

**Bài 4**. Chọn câu văn để hòan chỉnh đoạn sau. Giải thích sự lựa chọn đó.

**Các đô ngồi quanh sới đều lặng đi trước thần lực ghê gớm của ông Cản Ngũ. Thôi thế là Quắm Đen bại rồi. /.../** (Kim Lân)

a)Ông Cản Ngũ đã đánh bại keo vật một cách nhục nhã, cay đắng.

b) Keo vật bị đánh bại một cách nhục nhã, cay đắng.

***\* Dự kiến sản phẩm:***

**1**.(Gợi ý HS trả lời)

Xác định:-Câu chủ động- Câu bị động

a) Học sinh trồng cây ở sân trường.( CĐ)

b) Đường bị giặc đánh lở loét.( BĐ)

c) Hôm qua, tôi đã gửi thư cho Mai.(CĐ)

d)Con chỉ được ăn ở nhà bữa nàythôi.(CĐ)

e) Bạn Nam được thầy giáo khen.(BĐ)

**2)**

-HS tự đặt câu –nhận xét.

**3)** Các câu chủ động chuyển sang câu bị động .

\* **Câu chủ động \*Câu bị động**

a)Người lái đò đẩy thuyền ra xa. a) Thuyền được (người lái đò) đẩy ra xa.

b)Nhiều người tin yêu Bác. b)Bác được (nhiều người) tin yêu.

c)Người ta chuyển đá lên xe. c) Đá được (người ta) chuyển lên xe.

d) Mẹ rửa chân cho bé. d) Em bé được (mẹ) rửa chân cho.

e)Bọn xấu ném đá lên tàu hoả. e) Tàu hoả bị (bọn xấu) ném đá lên.

**\* Chú ý:HS lắng nghe giảng giải về điều kiện của một câu bị động**

Đối với những câu chứa từ (bị- được). Chúng chỉ là câu bị động khi đồng thời thoả mãn các điều kiện sau:

a) Trong câu phải có từ (bị hoặc được).

b) Đứng sau từ (bị -được), phải là một kết cấu C-V,trong kết cấu C-V này có thể rút gọn Chủ ngữ.

c)Động từ trong kết cấu C-V đứng sau(bị-được) phải là động từ ngoại động. (Bên ngoài tác động vào).

Ví dụ: Em được/ thầy giáo/ phê bình.

C V

Ngôi nhà ấy bị /người ta/ phá đi.

C V

Hồng được/ rút gọn / tặng thưởng.

C V (cn được rút gọn)

**4) HS Giải thích:** Chon câu: b. b) Keo vật bị đánh bại một cách nhục nhã, cay đắng.

Vì: Hai câu trước đoạn văn đang nói về keo vật này, với thái độ khác nhau của người xem hai đô vật. Câu thứ hai trong đoạn nói về Quắm Đen-người ngay từ đầu giữ thế chủ động. Do đó câu văn tiếp theo phải là một lời kết thúc về keo vật trên.

***\* Báo cáo kết quả:***

- HS lần lượt báo cáo kết quả các bài

***\* Đánh giá kết quả:***

- HS nhận xét, bổ sung đánh giá

- GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức.

**4. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG: (5P)**

**a. Mục tiêu:**. HS phát hiện các tình huống thực tiễn và vận dụng được các kiến thức, kĩ năng trong cuộc sống tương tự tình huống/vấn đề đã học.

**b. Nội dung:** HĐ cá nhân

**c. Sản phẩm:** câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

***\* Chuyển giao nhiệm vụ cho HS***

Viết một đoạn văn chủ đề tự chon có sử dụng câu chủ động hoặc câu bị động.( ghi câu chủ động hoặc câu bị động bên dưới đoạn văn).

***\* Dự kiến sản phẩm:***câu trả lời của HS:

Hôm nay buổi sinh hoạt lớp cuối tuần, thầy chủ nhiệm đã đánh giá nhận xét thi đua của các tổ. Sau một hồi, Thầy đã tuyên dương Tổ 1, 3. Còn tổ 4 bị thầy phê bình, nhắc nhở. Cả lớp đều lắng nghe.Sau cùng thầy dặn dò kế hoạch trong tuần tới.

+ Câu chủ động: Thầy chủ nhiệm đã đánh giá nhận xét thi đua của các tổ.

Thầy đã tuyên dương Tổ 1, 3.

+ Câu bị động: Còn tổ 4 bị thầy phê bình, nhắc nhở.

***\* Báo cáo kết quả:*** Hs trình bày

***\* Đánh giá kết quả:***

+ Hs khác nhận xét, bổ sung, đánh giá

+ GV đánh giá câu trả lời của HS.

-> GV chốt kiến thức.

**\* Hướng dẫn học và làm bài ở nhà:**

- Học, nắm chắc nội dung bài học, tập viết đoạn văn có dung câu chủ động và câu bị động.

- Hoàn chỉnh các bài tập sgk, sách bài tập Ngữ văn.

**Ngày soạn:24/02/2022**

**Ngày dạy:05/03/2022**

**TUẦN 26**

**Tiết 49-50\* LUYỆN TẬP CỦNG CỐ**

**DÙNG CỤM CHỦ - VỊ ĐỂ MỞ RỘNG CÂU**

**I. MỤC TIÊU.**

**1. Kiến thức:**

- Củng cố HS nắm được mục đích dùng cụm chủ - vị để mở rộng câu.

- Các trường hợp dùng cụm chủ - vị để mở rộng câu

- Biết vận dụng vào đặt câu và viết đoạn văn có dùng cụm c-v để mở rộng câu.

-Biết cách sử dùng cụm chủ vị để mở rộng câu .

**2. Năng lực:**

**a. Các năng lực chung:**

- Năng lực tự học; năng lực giải quyết vấn đề; năng lực tư duy; năng lực giao tiếp; năng lực hợp tác; năng lực sử dụng ngôn ngữ.

**b. Các năng lực chuyên biệt:**

- Năng lực sử dụng ngôn ngữ.

- Năng lực đọc, viết, nghe, nói, năng lực cảm thụ văn học

**3. Phẩm chất:**- Tự hào về sự giàu đẹp của tiếng Việt trong việc dung cụm chủ vị để mở rộng câu.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của giáo viên:**

- Kế hoạch bài học.

- Học liệu: bảng phụ, máy chiếu đa năng, tài liệu tham khảo, phiếu học tập.

**2. Chuẩn bị của học sinh:** soạn bài theo nội dung được phân công.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU( 4P)**

**1 Mục tiêu**: tạo tình huống/vấn đề học tập nhằm huy động kiến thức, kinh nghiệm hiện có của học sinh và nhu cầu tìm hiểu kiến thức mới liên quan đến tình huống/vấn đề học

**b. Nội dung:** HĐ cá nhân

**c. Sản phẩm:** câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

**\* Chuyển giao nhiệm vụ:**

- *HS*: tiếp nhận

***\* Dự kiến sản phẩm:***

***\* Báo cáo kết quả:***HS trả lời cá nhân

***\* Đánh giá kết quả:***

- HS nhận xét, bổ sung đánh giá

- GV nhận xét, đánh giá:

-> GV nêu mục đích bài học

**2. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC( 15P)**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động GV – HS và sản phẩm dự kiến** | **Nội dung** |
| **I.Lí thuyết**  a**. Mục tiêu**: -Ôn lại kiến thức đã học trong bài  **b. Nội dung:** HS tìm hiểu các ví dụ.  **c. Sản phẩm:**  Đại diện nhóm lên trình bày sản phẩm, các nhóm khác bổ sung  **d. Tổ chức thực hiện:**  **HĐ cặp đôi (10 phút)**  ***\* Gv chuyển giao nhiệm vụ cho HS.***  1.Thế nào là dùng cụm chủ vị để mở rộng câu?  2.Nêu các trường hợp dùng cụm chủ vị để mở rộng câu?  ***\* Dự kiến sản phẩm***  1.Thế nào là dùng cụm chủ vị để mở rộng câu?  \* Người ta có thể dùng những cụm từ có hình thức giống câu đơn bình thường, gọi là cụm chủ - vị để mở rộng câu (làm thành phần câu hoặc thành phần cụm từ để mở rộng câu)  2.Nêu các trường hợp dùng cụm chủ vị để mở rộng câu?  -Các thành phần câu như chủ ngữ, vị ngữ hoặc các phụ ngữ trong cụm danh từ, cụm động từ, cụm tính từ đều có thể cấu tạo bằng cụm C-V để mở rộng câu.  \* ***Báo cáo kết quả:***Cá nhân báo cáo tại chỗ  ***\* Đánh giá kết quả:***  - HS nhận xét, bổ sung đánh giá  - GV nhận xét, đánh giá  - GV chốt kiến thức và ghi bảng | **I.Lí thuyết**  **1. Thế nào là dùng cụm chủ vị để mở rộng câu?**  \* Người ta có thể dùng những cụm từ có hình thức giống câu đơn bình thường, gọi là cụm chủ - vị để mở rộng câu (làm thành phần câu hoặc thành phần cụm từ để mở rộng câu)  **2. Các trường hợp dùng cụm chủ vị để mở rộng câu**  -Các thành phần câu như chủ ngữ, vị ngữ hoặc các phụ ngữ trong cụm danh từ, cụm động từ, cụm tính từ đều có thể cấu tạo bằng cụm C-V để mở rộng câu. |

**3. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP( 65P)**

**a. Mục tiêu:** Hs hoàn thiện kiến thức vừa chiếm lĩnh được; rèn luyện kĩ năng áp dụng kiến thức mới để giải quyết các tình huống/vấn đề trong học tập.

**b. Nội dung:** GV giao nhiệm vụ cho HS trả lời các câu hỏi

**c. Sản phẩm:**  Câu trả lời của HS; phiếu học tập của nhóm

**d. Tổ chức thực hiện:**

***\* Chuyển giao nhiệm vụ cho HS***

**Bài 1**)

-Gọi học sinh đọc đề.

Tìm cụm C-V làm thành phần câu hoặc thành phần cụm từ trong các câu sau. Cho biết trong mỗi câu cụm C-V làm thành phần gì?

a) Ngôi nhà này, mái đã hỏng.

b) Chị Cốc trông thấy Dế Choắt đang loay hoay trong hang.

c) Cây bút màu xanh đã hết mực.

d) Mẹ về khiến cả nhà đều vui.

e) Nam đọc quyển sách tôi cho mượn.

-Cho các nhóm nhận xét chữa bài các nhóm.

**Bài tập 2**.

**2)** Gộp những câu sau thành câu có cụm c-v làm thành câu mà không thay đổi nghĩa chính của chúng ( có thể thêm bớt từ hoặc thay đổi trật tự).

a) Cô bé quay lại. Một người thanh niên đang mĩm cười với nó.

b) Bố bảo hè này sẽ cho hai chị em về quê. Em vui lắm.

c) Đây là phòng tôi ở. Nó mới được sơn lại.

d) Mẹ mới mua cho Lan chiếc áo mới. Lan rất thích.

**Bài tập 3**.

Dùng cụm chủ vị để hoàn chỉnh và mở rộng các câu sau:

a) Căn nhà này/ .../.

b) Khung cửa nhỏ /.../ .

c) Hằng ngày, em được/.../ .

d)Chiếc bút hình con gấu/.../

e) Những tia nắng tía/.../ .

***\* Dự kiến sản phẩm:***

**1**.-Thảo luận nhóm

N1 - 2: a,b,c

N 3 - 4: d,e.

a) Ngôi nhà này**//** mái /đã hỏng.

c v

CN VN

( Cụm c-v làm VN)

b) Chị Cốc**//** trông thấy Dế Choắt /

c

CN VN

đang loay hoay trong hang.

C

(Cụm c-v bổ ngữ ĐT trông thấy)

c)Cây bút/ màu xanh**//** đã hết mực.

c v

CN VN

( Cụm CV làm CN)

d) Mẹ về**//** khiến cả nhà /đều vui.

c v

CN VN

( Cụm CV làm bổ ngữ ĐT thấy)

e)Nam**//**đọc quyển sách tôi/cho mượn

c v

CN VN

(CụmCVlàm định ngữ DTquyển sách

**2)** Đọc BT2 Nêu yêu cầu.

-Làm miệng cá nhân .

a)Cô bé quay lại thấy một người thanh niên đang mĩm cười.

b) Bố bảo hè này sẽ cho hai chị em về quê làm em vui quá .

c) Phòng tôi ở mới được sơn lại.

d) Lan rất thích chiếc áo mới mẹ mua.

**3)**Học sinh đọc yêu cầu bài tập, thảo luận nhóm đôi theo bàn.

\***Gợi ý hướng dẫn**

a) Căn nhà này chủ cũ đã tự tay thiết kế.

b) Khung cửa nhỏ tôi đứng ngắm hoàng hôn biết bao kỉ niệm.

***\* Báo cáo kết quả:***

- HS lần lượt báo cáo kết quả các bài

***\* Đánh giá kết quả:***

- HS nhận xét, bổ sung đánh giá

- GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức.

**4. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG: (6P)**

**a. Mục tiêu:**. HS phát hiện các tình huống thực tiễn và vận dụng được các kiến thức, kĩ năng trong cuộc sống tương tự tình huống/vấn đề đã học.

**b. Nội dung:** HĐ cá nhân

**c. Sản phẩm:** câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

***\* Chuyển giao nhiệm vụ cho HS***

Viết đoạn văn ngắn ( 5 đến 10 câu) chủ đề tự chọn có sử dụng câu dùng cụm C-V để mở rộng câu. Chú ý Viết câu có cụm C-V dưới đoạn văn.

***\* Dự kiến sản phẩm:***câu trả lời của HS:

Quê hương tôi nằm bên bờ phá Tam Giang chạy dài theo bờ cát trắng.Quê tôi có biết bao cảnh đẹp. Nào là con phá Tam Giang thơ mộng, dòng nước trong xanh trong những ngày hè.Mùa mưa con nước đục ngầu mang phù sa về bồi đắp cho cánh đồng. Cánh đồng quê tôi rộng mênh mông... Tôi nhớ những lần về quê cùng ông nội đi hái sen. Hương sen thơm ngào ngạt làm tôi vô cùng thỏa mái. Tôi yêu quê tôi biết bao!

Cụm chủ vị để mở rộng câu: **làm tôi vô cùng thỏa mái**.( Làm phụ ngữ động từ “làm”)

***\* Báo cáo kết quả:*** Hs trình bày

***\* Đánh giá kết quả:***

+ Hs khác nhận xét, bổ sung, đánh giá

+ GV đánh giá câu trả lời của HS.

-> GV chốt kiến thức.

**\* Hướng dẫn học và làm bài ở nhà:**

- Học, nắm chắc nội dung bài học, tập viết đoạn văn có dùng cụm chủ vị để mở rộng câu.

- Hoàn chỉnh các bài tập sgk, sách bài tập Ngữ văn.